**MỤC LỤC TRA CỨU BỘ GIÁO ÁN DẠY THÊM VĂN 7**

**KẾT NỐI TRI THỨC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **TRANG** |
| **1** | **BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**  **- Lời ngỏ**  **- Ôn tập văn bản Bầy chim chìa vôi**  **- Ôn tập văn bản Đi lấy mật**  **- Ôn tập văn bản Ngàn sao làm việc**  **- Thực hành tiếng Việt: Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.**  **- Tóm tắt văn bản có độ dài ngắn khác nhau**  **- Nói và nghe trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm**  **( Các văn bản có bài tập trắc nghiệm, nhiều bài tập đọc hiểu ngữ liệu trong và ngoài chương trình SGK)** | **1**  **15**  **24**  **35**  **47**  **53** |
| **2** | **BÀI 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN**  **- Ôn tập văn bản Đồng dao mùa xuân**  **- Ôn tập văn bản Gặp lá cơm nếp**  **- Thực hành tiếng Việt Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh**  **- Tập làm bài thơ 4, 5 chữ, rèn kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ 4 chữ, 5 chữ.**  **- Nói và nghe trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.** | **64**  **76**  **88**  **92** |
| **3** | **BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**  **- Ôn tập văn bản Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ**  **- Ôn tập văn bản Người thầy đầu tiên**  **- Ôn tập văn bản Quê hương**  **- Thực hành tiếng Việt Sử dụng số từ và phó từ**  **- Rèn kĩ năng viết: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học** | **102**  **118**  **135**  **139**  **152** |
| **4** | **BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC**  **- Ôn tập văn bản: Mùa xuân nho nhỏ**  **- Ôn tập văn bản: Gò me**  **- Ôn tập văn bản Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi.**  **- Thực hành tiếng Việt: Ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh.**  **- Rèn kĩ năng viết bài văn biểu cảm về sự việc, con người.**  **- Nói và nghe: Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng** | **162**  **174**  **180**  **184**  **186**  **188** |
| **5** | **BÀI 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN**  **- Ôn tập văn bản Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt.**  **- Ôn tập văn bản Chuyện cơm hến**  **- Ôn tập văn bản: Hội lồng tồng**  **- Thực hành tiếng Việt Từ ngữ địa phương**  **- Nói và nghe trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại** | **197**  **204**  **213**  **218**  **223** |
| **6** | **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**  **- Hướng dẫn ôn tập, luyện đề theo ma trận đặc tả mới nhất ( 10 bộ đề ôn luyện)** | **250** |

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: BẦY CHIM CHÌA VÔI**

*(Nguyễn Quang Thiều)*

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**I. Về năng lực**

**1. Năng lực đặc thù**(năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản. Biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.

- Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.

- Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

**2. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắtnhững thông tin liên quan từ nhiềunguồn khác nhau.

**B. NỘI DUNG**

**I. Kiến thức chung về truyện ngắn**

**1. Khái niệm**

**-** Truyện: Là một loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.

- Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh, thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học.

**- Tiểu thuyết:** Là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp, phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ, miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng.

**2. Đặc điểm truyện**

**- Bối cảnh:**

+ Bối cảnh lịch sử: Hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử.

+ Bối cảnh riêng: Thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện.

**-** Tính cách nhân vật:Thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, suy nghĩ của nhân vật, qua nhận xét của người kể chuyện và mối quan hệ với các nhân vật khác.

**- Ngôi kể và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể:**

**- Ngôi kể:**

+ Ngôi thứ nhất: Xưng tôi.

Tác dụng ngôi kể 1: khiến cho câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn.

+ Ngôi thứ ba: Người kể giấu mặt. Tài liệu của Nhung tây

- Tác dụng ngôi kể thứ 3: Cách kể này giúp người kể có thể kể một cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.

**4. Yêu cầu đọc hiểu truyện ngắn, tiểu thuyết**

**a. Đọc hiểu nội dung:**

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.

- Nhận biết được đề tài, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Nhận biết được tính cách của các nhân vật qua hành động, lời thoại,…của nhân vật và lời của người kể chuyện. Tài liệu của Nhung tây

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

**b. Đọc hiểu hình thức:**

- Nhận biết được các yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền…)

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.

**\* Cách đọc hiểu văn bản truyện ngắn**

- Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính; ngôi kể.

**-** Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm lí, hành động và lời nói. Tài liệu của Nhung tây

- Nhận biết được lời của người kể chuyện và lời của nhân vật; tình cảm của nhà văn.

- Rút ra đề tài, chủ đề của truyện.

**-**  Rút ra được bài học cho bản thân.

**II. Giới thiệu tác giả tác phẩm**

**1. Tiểu sử**

- Nguyễn Quang Thiều (1957)

- Quê quán: thôn Hoàng Dương (Làng Chùa), xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội)

**2. Sự nghiệp**

- Là một nhà thơ, nhà văn

- Làm việc tại báo Văn nghệ từ năm 1992 và rời khỏi năm 2007

- Ông sáng tác thơ, viết truyện, vẽ tranh,... và từng được trao tặng hơn 20 giải thưởng văn học trong nước và quốc tế

- Các tác phẩm chính: Ngôi nhà tuổi 17 (1990), Thơ Nguyễn Quang Thiều (1996), Mùa hoa cải bên sông (1989),  Người, chân dung văn học (2008)...

**3. Phong cách sáng tác**

- Những tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều rất chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường, thể hiện được vẻ đẹp của tâm hồng trẻ thơ nhạy cảm, trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật.

- Không chỉ là nhà thơ tiên phong với trào lưu hiện đại mà còn là cây viết văn xuôi giàu cảm xúc. Trong ông không chỉ có con người bay bổng, ưu tư với những phiền muộn thi ca, mà còn có một nhà báo linh hoạt và nhạy bén.

**4. Tìm hiểu chung về tác phẩm:**

**- Thể loại:** Truyện ngắn. Tài liệu của Nhung tây

**- Đề tài:** Tuổi thơ và thiên nhiên (Hai đứa trẻ và bầy chim chìa vôi)

**- Nhân vật:** Hai anh em Mên và Mon.

**\*Các sự việc chính:**

- Nửa đêm, hai anh em Mên và Mon không ngủ được, lo lắng cho bầy chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông khi trời mưa to, nước dâng cao.

- Hai anh em bàn kế hoạch giải cứu bầy chim chìa vôi non.

- Trong đêm tối, hai anh em bơi thuyền ra chỗ dải cát nơi có bầy chìa vôi và chứng kiến cảnh tượng bầy chim chìa vôi bay lên khỏi mặt nước.

- Phương thức biểu đạt: Tự sự

- **Ngôi kể:** ngôi thứ 3, phân biệt:

- Lời người kể chuyện: *Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi: ; - Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi”;*

- Lời nhân vật:*- Anh Mên ơi, anh Mên!; - Gì đấy? Mày không ngủ à?*

**\*Bố cục: 3 phần**  
+ Phần 1 (từ Khoảng hai giờ sáng … mùa sinh nở của chúng): *Cuộc trò chuyện lúc hai giờ sáng của hai anh em Mên – Mon và nỗi băn khoăn về bầy chim chìa vôi.*

+ Phần 2 (từ Mùa mưa năm nay … ông Hảo mà đi): *Hai anh em trốn đi cứu bầy chim chìa vôi trong đêm mưa bão.*

+ Phần 3 (từ Trôi đến đoạn sông … Không em ứ chơi với anh nữa): *Những con chim chìa vôi non cất cánh và ấn tượng xúc động của hai anh em.*

**Tóm tắt:** Vào một đêm mưa bão, hai anh em Mon và Mên trằn trọc không ngủ được vì lo lắng cho bầy chim chìa vôi, làm tổ ở bãi cát giữa sông. Suy nghĩ lo lắng khiến cả hai anh em không ngủ được, quyết tâm đi đến bờ sông ngay trong đêm để mang những chú chim vào bờ. Khi bình minh lên, dải cát vẫn còn lộ ra trên mặt nước, trong khoảnh khắc cuối cùng, những chú chim non bay lên không trung khiến hai đứa trẻ vui mừng, hạnh phúc. Tài liệu của Nhung tây

**III. Định hướng phân tích văn bản**

**1. Vẻ đẹp tính cách nhân vật Mên và Mon**

- Là những cậu bé có tâm hồn ngây thơ, nhạy cảm, trong sáng, nhân hậu, dũng cảm, biết yêu thương.

- Thể hiện qua các chi tiết miêu tả:

**\*Nhân vật Mon:**

- Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất; Thế anh bảo nó có bơi được không?;

- Tổ chim sẽ bị chìm mất; Hay mình mang chúng nó vào bờ; Tổ chim ngập mất anh ạ; Mình phải mang nó vào bờ, anh ạ;

- Không nhúc nhích, mặt tái nhợt, hửng lên ánh ngày; nhận ra mình đã khóc từ lúc nào; nhìn nhau bật cười ngượng nghịu chạy về nhà.

- Không nhúc nhích, mặt tái nhợt, hửng lên ánh ngày; nhận ra mình đã khóc từ lúc nào; nhìn nhau bật cười ngượng nghịu chạy về nhà. Tài liệu của Nhung tây

**\*Nhân vật Mên:**

- Có lẽ sắp ngập bãi cát rồi; chim thì bơi làm sao được.

- Làm thế nào bây giờ;

- Chứ còn sao Lúc này giọng thằng Mên tỏ vẻ rất người lớn; Nào xuống đò được rồi đấy; Phải kéo về bến chứ, không thì chết; Bây giờ tao kéo mày đẩy; Thằng Mên quấn cái dây buộc vào người nó và gò lưng kéo;… không nhúc nhích, mặt tái nhợt, hửng lên ánh ngày; nhận ra mình đã khóc từ lúc nào; nhìn nhau bật cười ngượng nghịu chạy về nhà.

**\*Cảm xúc của Mên và Mon**

*- Vẫn đứng không nhúc nhích; mặt tái nhợ vì nước mưa hửng lên ánh ngày, lặng lẽ nhìn nhau khóc;*

*- Bật cười ngượng nghịu chạy về phía ngôi nhà.*

=> Hai anh em khóc vì vui sướng hạnh phúc khi chứng kiến bầy chim chìa vôi không bị chết đuối; khóc vì được chứng kiến cảnh kì diệu của thiên nhiên,…

\***Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật:** Miêu tả tâm lí tinh tế, ngôn ngữ đối thoại sinh động; đặt nhân vật vào tình huống mang tính thử thách để bộc lộ tính cách,… Tài liệu của Nhung tây

**2. Vẻ đẹp khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh:** *kì diệu, thể hiện sức sống mãnh liệt của tự nhiên và bản lĩnh của sự sinh tồn*

- Thể hiện:

*+* Chi tiết miêu tả cảnh tượng như huyền thoại: *những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên* (sự tương phản giữa hai hình ảnh cánh chim bé bỏng với dòng nước khổng lồ và cảm xúc ngỡ ngàng, vui sướng của hai anh em Mên và Mon khi thấy bầy chim chìa vôi non không bị chết đuối mặc dù dải cát nơi chúng làm tổ đã chìm trong dòng nước lũ.

+ Chi tiết miêu tả khoảnh khắc bầy chim chìa vôi non cất cánh: *nếu bầy chim non cất cánh sớm hơn, chúng sẽ bị rơi xuống dòng nước trên đường từ bãi cát vào bờ. Và nếu chúng cất cánh chậm một giây thôi, chúng sẽ bị dòng nước cuốn chìm*. Chi tiết này cho ta cảm nhận về sự kì diệu của thế giới tự nhiên và bản lĩnh của sự sinh tồn.

+ Chi tiết gợi hình ảnh và cảm xúc: Tài liệu của Nhung tây *Một con chim chìa vôi non đột nhiên rơi xuống như một chiếc lá; con chim mẹ xoè rộng đôi cánh kêu lên- che chở khích lệ chim non và khi đôi chân mảnh dẻ, run rẩy của chú chim vừa chạm đến mặt sông thì đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định, tấm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước lũ, và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.*

*+* Chi tiết miêu tả bầy chim non: *Chúng đậu xuống bên lùm dứa dại bờ sông sau chuyến bay đầu tiên và cũng là chuyến bay quan trọng (…) kì vĩ nhất trong đời chúng.* Đây là chi tiết thể hiện sức sống mãnh liệt của thiên nhiên; gợi liên tưởng đến lòng dũng cảm, những khoảnh khắc con người vượt qua gian nan thử thách để trưởng thành...

**3. Đánh giá**

**a. Nghệ thuật**

* Xây dựng tình huống truyện sinh động, gần gũi.
* Xây dựng nhân vật qua lời nói, hành động;
* Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc.
* Ngôn ngữ đối thoại sinh động.
* Cách kể chuyệntự nhiên, hấpdẫn.

**b. Nội dung – Ý nghĩa**

* Truyện kể về tình cảm trong sáng, hồn nhiên,tấm lòng nhân hậu, yêu thương của hai đứa trẻ đối với bầy chim chìa vôi.
* Truyện bồi dưỡng lòng trắc ẩn, tình yêu loài vật, yêu thiên nhiên quanh mình.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Nhà văn Nguyễn Quang Thiều có nhiều tác phẩm đặc sắc viết cho thiếu nhi. “Bầy chim chìa vôi” là một trong những tác phẩm đó. Truyện gửi gắm nhiều bài học ý nghĩa, sâu sắc.

Chuyện kể về Mon và Mên nhân vật chính trong truyện. Tình huống truyện được tác giả xây dựng khá độc đáo. Khoảng hai giờ sáng, Mon tỉnh giấc rồi quay sang gọi anh trai là Mên. Liên tiếp những câu hỏi như: “Anh bảo mưa có to không?”, “Nhưng anh bảo ước sông có lên to không?” đã bộc lộ được vẻ lo lắng, bồn chồn của Mon. Những câu hỏi dồn dập khiến Mên gắt lên: “Bảo cái gì mà bảo lắm thế”. Nhưng khi nghe Mon nói rằng: “Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất”, Mên cũng hiểu ra. Đáp lại câu nói của em trai, Mên cũng bộc lộ sự lo lắng: “Tao cũng sợ”. Thế rồi, cả hai đều không ngủ được, tiếp tục trò chuyện. Tài liệu của Nhung tây Mon kể cho Mên nghe chuyện mình lén thả con cá bống mà bố đã bắt được. Mên không trách mắng em mà chỉ bật cười khoái chí. Qua chi tiết này, có thể thấy được sự hồn nhiên, thơ ngây của hai nhân vật này.

Sau một hồi bàn bạc, Mon đề nghị ra bờ sông cứu bầy chim chìa vôi. Không ngại mưa gió, nguy hiểm, hai anh em lấy đò của ông Hảo để đi. Có thể thấy, Mon và Mên là những cậu bé dũng cảm, giàu tình yêu thương loài vật. Cả hai tiếp tục trò chuyện. Khi đến gần bờ sông Mon và Mên lập cập tụt xuống khỏi đò. Mên quấn cái dây buộc đò vào người rồi gò lưng kéo, Mon lội bì bõm phía sau. Cho đến khi hai anh em đưa được con đò trở về chỗ cũ thì trời đã tang tảng sáng. Cả hai chạy ngược lên đoạn bờ sông đối diện với bãi cát. Mon lại hỏi Mên xem bờ sông đã ngập hết chưa, cánh chim có bay được không. Câu nói của Mon: “Anh ơi, có khi bố dậy rồi đấy” khiến cho cả hai lòng đầy lo sợ. Thì ra, chúng cũng vẫn là những đứa trẻ biết lo sợ bị bố mẹ mắng, vậy mà suy nghĩ và hành động lại thật đáng trân trọng. Tài liệu của Nhung tây

Đặc biệt, tác giả đã khắc họa một khung cảnh tuyệt đẹp. Khi bình minh đã đủ để soi rọi những hạt mưa trên mặt sông, cũng là lúc dòng nước khổng lồ đã nuốt chửng phần còn lại của bãi cát. Những cánh chim chìa vôi bé bỏng đã ướt át bứt ra khỏi mặt nước, dương cao đôi cánh bay lên trời cao. Từ chiều qua, nước đã dâng lên nhanh hơn. Nước dâng lên đến đâu, chim bố và chim mẹ lại dẫn bầy con tránh nước đến đó. Những chú chim nhảy đến phần cao nhất của dải cát, nhảy lò cò trên những đôi chân mảnh dẻ chưa thật sự cứng cáp. Bỗng một con chim đuối sức. Tài liệu của Nhung tây Đôi cánh của nó dừng lại, rơi như một chiếc lá, thế nhưng nó vẫn kiên cường dùng sức lực của chính bản thân mình để bay lên hòa mình với bầy đàn. Hình ảnh cuối truyện Mon và Mên đứng yên không nhúc nhích. Khuôn mặt tái nhợt vì nước mưa hừng lên ánh ngày. Cả hai nhận ra đã khóc từ lúc nào. Đó là giọt nước mặt của sự xúc động, tình yêu thương.

Truyện ngắn Bầy chim chìa vôi, tác giả đã gửi gắm thông điệp sâu sắc. Chúng ta hãy sống hòa hợp, gắn bó và yêu thương loài vật, có như vậy cuộc sống mới trở lên ý nghĩa và ấm áp biết bao.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?**

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ 2

**C. Ngôi thứ 3** D. Kết hợp ngôi 1 và 3

**Câu 2: Bầy chim chìa vôi có bao nhiêu nhân vật?**

**A. 2** B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 3: Đề tài của bầy chim chìa vôi là**

A. Gia đình B. Phụ nữ  **C. Trẻ em** D. Học đường

**Câu 4**: Điều gì khiến hai an hem Mên, Mon lo lắng?

**A. Những con chim chìa vôi non có thể bị chết đuối**

B. Những con cá bống của bố bị người ta bắt mất  
C. Những con chim chìa vôi không thẻ bay về tổ

D. Những con cá bống của bố bị cuốn đi nơi khác

**Câu 5:** Đâu là tính cách của nhân vật Mon?

A. Có trách nhiệm biết suy nghĩ

B. Biết quan tâm mọi thứ xung quanh

C. Yêu động vật thiên nhiên

**D. Tất cả đáp án trên đều đúng**

**Câu 6: Bầy chim chìa vôi cất cánh có thành công hay không?**

**A. Có** B. Không

**2. Dạng đọc hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và tra lời các câu hỏi:**  *Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó thì thào: - Anh Mên ơi, anh Mên! - Gì đấy? Mày không ngủ à? - Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi. - Anh bảo mưa có to không? - Lị chẳng to. Thế mày không nghe thấy gì à? - Nhưng anh bảo nước sông lên có to không? - Bây giờ phải ngập đến cánh bãi dưới rồi. - Thế anh bảo... - Bảo cái gì mà bảo lắm thế - Mên gắt em nó. - Em bảo - Mon ngập ngừng - Thế cái bãi cát giữa sông đã ngập chưa? - Ừ nhỉ - Giọng thằng Mên chợt thảng thốt - Có lẽ sắp ngập mất bãi cát rồi. - Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất. - Tao cũng sợ. - Thế anh bảo chúng nó có bơi được không? - Chim thì bơi làm sao được. Mày làm chim chìa vôi cứ như vịt ấy. Hai đứa bé nằm trong chiếc chăn dạ đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện. Bên ngoài mưa vẫn to. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao xiên xiết chảy. - Chiều hôm qua em theo bố đi kéo chũm ở bờ sông. - Thế thì sao? - Bố bảo chỉ ở sông làng mình chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Sao nó lại không làm tổ ở trên bờ hả anh? - Tao không biết. Mưa càng to và gió càng mạnh. Cánh cửa liếp bị gió thổi đập cành cạch. Có tiếng người đi qua đầu ngõ nhà hai đứa bé gọi nhau. Một ai đó nói: "Mẹ kiếp. Năm nay nước sông to phải biết." - Ai đi đâu đấy hả anh? Mon hỏi. - Người trong làng đi kéo chũm sông về.* - *Nhỡ nước ngập bãi cát thì sao, hả anh? - Mày đừng hỏi nữa, ngủ đi. Mên gắt và xoay lưng về phía em nó. Hai đứa bé nằm im, nhưng không ngủ.*  *( Trích Bày chim chìa vôi – SGK Ngữ văn 7 tập 1 - Nguyễn Quang Thiều)*  **Câu 1**: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  **Câu 2**: Xác định phương thức biểu đạt và ngôi kể của đoạn trích trên? Tác dụng của ngôi kể đó?  **Câu 3:** Trong đoạn trích trên nhân vật Mon và Mên lo lắng điều gì?  **Câu 4**: Xác định nội dung của đoạn trích trên?  **Câu 5:** Tính cách của hai nhân vật Mon và Mên hiện ra qua đoạn trích trên như thế nào? Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Đoạn văn trên được trích trong văn bản Bầy chim chìa vôi của tác giả Nguyễn Quang Thiều

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt: Tự sự

- Ngôi kể Thứ ba

Tác dụng: Cách kể này giúp người kể có thể kể một cách linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật.

**Câu 3:** Mên và Mon lo lắng cho bày chim chìa vôi sợ ko bơi được vào bờ, sợ nước sông dâng ngập bãi cát, bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối.

**Câu 4**: Nội dung của đoạn trích trên cuộc đối thoại của Mên và Mon. Trong một đêm mưa lớn, Mon tỉnh giấc lúc gần hai giờ sáng. Cậu đã gọi Mên dậy để nói chuyện, bộc lộ nỗi lo lắng của mình. Cậu lo lắng cho bầy chim chìa vôi làm tổ ở gần bờ sông. Cơn mưa lớn kéo dài sẽ khiến cho nước sông dâng cao, những con chim non sẽ bị chết đuốithể hiện sự lo lắng cho bày chim chìa vôi sau một đêm mưa lớn sự bày chim chìa vôi sẽ bị chết đuối.

**Câu 5:** Là những cậu bé có tâm hồn ngây thơ, nhạy cảm, trong sáng, nhân hậu, dũng cảm, biết yêu thương.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng nhanh hơn. Nước dâng lên đến đâu, hai con chim bố và chim mẹ lại dẫn bầy chim non đi tránh nước đến đó. Cứ như thế chúng tiến dần đến chỗ cao nhất của dải cát. Và cứ thế suốt đêm bầy chim non vừa nhảy lò cò trên những đôi chân mảnh dẻ chưa thật cứng cáp vừa đập cánh. Chim bố và chim mẹ cũng đập cánh như để dạy và khuyến khích. Hẳn chúng sốt ruột mong đàn con chóng có đủ sức tự nâng mình lên khỏi mặt đất một cách chắc chắn. Nếu cất cánh sớm, bầy chim non sẽ bị rơi xuống nước trên đường bay từ dải cát vào bờ. Nhưng nếu cất cánh chậm, chúng sẽ bị dòng nước cuốn chìm...*  *Và bây giờ bầy chim đã bay lên. Mặt trời như lên nhanh hơn mọi ngày và mưa đã đột ngột tạnh hẳn. Chợt một con chim như đuối sức. Ðôi cánh của nó chợt như dừng lại. Nó rơi xuống như một chiếc lá. Con chim mẹ xòe rộng đôi cánh lượn quanh đứa con và kêu lên. Nhưng khi đôi chân mảnh dẻ và run rẩy của con chim non chạm vào mặt sông thì đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định. Tấm thân bé bỏng vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.*  *Quanh hai đứa bé tất cả vụt im lặng, chỉ có tiếng đập cánh quyết liệt của bầy chim non. Hình như chúng nghe thấy trong ngực mình nhịp đập của những trái tim chim hối hả nhưng đều đặn. Cuối cùng toàn thể bầy chim non đã thực hiện được tốt đẹp chuyến bay đầu tiên kỳ vĩ và quan trọng nhất trong đời. Những đôi cánh yếu ớt đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.*  *Hai anh em thằng Mên vẫn đứng không nhúc nhích. Trên gương mặt tái nhợt vì nước mưa của chúng hừng lên ánh ngày. Thằng Mên lặng lẽ quay lại nhìn em nó. Và cả hai đứa bé nhận ra chúng đã khóc từ lúc nào.*  *- Tại sao mày lại khóc? - Thằng Mên hỏi.*  *- Em không biết, thế anh?*  *Hai anh em thằng Mên nhìn nhau và cùng bật cười ngượng nghịu. Rồi bỗng cả hai đứa cùng quay người và rướn mình chạy về phía ngôi nhà của chúng. Ðược một đoạn, thằng Mon đứng lại thở và gọi:  - Anh Mên, anh Mên. Ðợi em với. Không em ứ chơi với anh nữa.*  (Nguyễn Quang Thiều, *Bầy chim chìa vôi*)  **Câu 1.** Đoạn trích sử dụng ngôi kể thứ mấy?  **Câu 2.** Tìm những chi tiết chim bố và chim mẹ lo lắng, chăm sóc cho bầy chim non. Qua những chi tiết ấy, giúp em cảm nhận được điều gì về chim bố và chim mẹ?  **Câu 3.** Tại sao bầy chim non bé bỏng vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao lại được coi là “*chuyến bay kì vĩ và quan trọng nhất trong đời*”?  **Câu 4.** Chứng kiến cảnh bầy chim non với “*tấm thân bé bỏng vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao”,* hai anh em Mên và Mon *“vẫn đứng không nhúc nhích; gương mặt hừng lên ánh ngày”.* Em hình dung tâm trạng của hai anh em lúc đó như thế nào? Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Ngôi kể thứ ba.

**Câu 2.**

\*Chi tiết chim bố và chim mẹ lo lắng, chăm sóc cho bầy chim non:

- Dẫn bầy chim non đi tránh nước;

- Đập cánh như để dạy và khuyến khích;

- Sốt ruột mong đàn con chúng có đủ sức nâng mình lên...

- Xòe rộng đôi cánh lượn quanh đứa con và kêu lên.

\*Cảm nhận về chim bố và chim mẹ: Giàu tình yêu thương, lo lắng và hết lòng hi sinh *vì con.*

**Câu 3.** Bầy chim non bé bỏng vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao lại được coi là “*chuyến bay kì vĩ và quan trọng nhất trong đời*” vì nó là bước khởi đầu biết tự lập bay để thoát khỏi thử thách nguy hiểm; khẳng định sức sống mãnh liệt của bản thân; đánh dấu sự trưởng thành...

**Câu 4.** Có thể hình dung tâm trạng của hai anh em lúc đó: lo lắng, hồi hộp, cảm động, hạnh phúc, tràn đầy hi vọng...

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng nhanh hơn. Nước dâng lên đến đâu, hai con chim bố và chim mẹ lại dẫn bầy chim non đi tránh nước đến đó. Cứ như thế chúng tiến dần đến chỗ cao nhất của dải cát. Và cứ thế suốt đêm bầy chim non vừa nhảy lò cò trên những đôi chân mảnh dẻ chưa thật cứng cáp vừa đập cánh. Chim bố và chim mẹ cũng đập cánh như để dạy và khuyến khích. Hẳn chúng sốt ruột mong đàn con chóng có đủ sức tự nâng mình lên khỏi mặt đất một cách chắc chắn. Nếu cất cánh sớm, bầy chim non sẽ bị rơi xuống nước trên đường bay từ dải cát vào bờ. Nhưng nếu cất cánh chậm, chúng sẽ bị dòng nước cuốn chìm...*  *Và bây giờ bầy chim đã bay lên. Mặt trời như lên nhanh hơn mọi ngày và mưa đã đột ngột tạnh hẳn. Chợt một con chim như đuối sức. Ðôi cánh của nó chợt như dừng lại. Nó rơi xuống như một chiếc lá. Con chim mẹ xòe rộng đôi cánh lượn quanh đứa con và kêu lên. Nhưng khi đôi chân mảnh dẻ và run rẩy của con chim non chạm vào mặt sông thì đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định. Tấm thân bé bỏng vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.*  *Quanh hai đứa bé tất cả vụt im lặng, chỉ có tiếng đập cánh quyết liệt của bầy chim non. Hình như chúng nghe thấy trong ngực mình nhịp đập của những trái tim chim hối hả nhưng đều đặn. Cuối cùng toàn thể bầy chim non đã thực hiện được tốt đẹp chuyến bay đầu tiên kỳ vĩ và quan trọng nhất trong đời. Những đôi cánh yếu ớt đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.*  *Hai anh em thằng Mên vẫn đứng không nhúc nhích. Trên gương mặt tái nhợt vì nước mưa của chúng hừng lên ánh ngày. Thằng Mên lặng lẽ quay lại nhìn em nó. Và cả hai đứa bé nhận ra chúng đã khóc từ lúc nào.*  *- Tại sao mày lại khóc? - Thằng Mên hỏi.*  *- Em không biết, thế anh?*  *Hai anh em thằng Mên nhìn nhau và cùng bật cười ngượng nghịu. Rồi bỗng cả hai đứa cùng quay người và rướn mình chạy về phía ngôi nhà của chúng. Ðược một đoạn, thằng Mon đứng lại thở và gọi:  - Anh Mên, anh Mên. Ðợi em với. Không em ứ chơi với anh nữa.*  *(Nguyễn Quang Thiều, Bầy chim chìa vôi)*  **Câu 1.** Hãy tóm tắt những sự việc được kể trong đoạn trích.  **Câu 2.** “*Nếu cất cánh sớm, bầy chim non sẽ bị rơi xuống nước trên đường bay từ dải cát vào bờ. Nhưng nếu cất cánh chậm, chúng sẽ bị dòng nước cuốn chìm...*”. Theo em, bầy chim cần làm gì mới có thể thoát khỏi dòng nước?  **Câu 3.** Chi tiết “*khi đôi chân mảnh dẻ và run rẩy của con chim non chạm vào mặt sông thì đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định. Tấm thân bé bỏng vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát*”, đã nói lên điều gì về thế giới tự nhiên? Tài liệu của Nhung tây  **Câu 4.** Đoạn trích đã mang đến cho em những cảm xúc cùng những bài học gì?  **Câu 5**. Trong đoạn kết của truyện, Mên và Mon hình như không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. Em hãy giúp các nhân vật lí giải điều đó.  **Câu 6.** Hãy chia sẻ ngắn gọn một trải nghiệm sâu sắc của bản thân em về thế giới tự nhiên. Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Các sự việc được kể:

- Nước dâng nhanh lên dải cát giữa sông, chim bố mẹ dẫn bầy chim non đi tránh nước và tập bay;

- Mưa tạnh, mặt trời lên, con chim non cất cánh bay khỏi dòng nước, xuống bên bờ sông;

- Hai anh em Mên đứng không nhúc nhích, và nhận ra chúng đã khóc;

- Hai anh em nhìn nhau bật cười, chạy về nhà.

**Câu 2.**Việc bầy chim cần làm để thoát khỏi dòng nước: Tự bản thân phải nỗ lực hết sức; chọn và quyết định, quyết liệt, dứt điểm, đúng thời điểm mới chiến thắng được dàng nước lũ đang dâng lên. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 3.** Chi tiết “*khi đôi chân mảnh dẻ và run rẩy của con chim non chạm vào mặt sông thì đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định. Tấm thân bé bỏng vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát*”, đã cho thấy sức sống mãnh liệt và kì diệu của thế giới tự nhiên.

**Câu 4.** Những cảm xúc và những bài học:

- Cảm xúc: lo lắng, hồi hộp; cảm phục sức sống kì diệu, mãnh liệt của thế giới tự nhiên....;

- Bài học: Sự nỗ lực vươn lên, vượt qua thử thách, tình yêu, sự gắn bó với thien nhiên,... Tài liệu của Nhung tây

**Câu 5**. Trong đoạn kết của truyện, Mên và Mon hình như không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. Các nhân vật khóc vì cảm thấy xúc động, cảm phục, thấy vui, vỡ òa khi biết được những con chim chìa vôi non đã trải qua sự khốc liệt của mưa, của dòng nước để bay được vào bờ, bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời chúng.

**Câu 6.** HS tự mình chia sẻ ngắn gọn một trải nghiệm sâu sắc của bản thân về thế giới tự nhiên như: đi chơi và tắm sông; thả diều; trải nghiệm quan sát đàn gà con theo chân mẹ đi kiếm mồi; trải nghiệm mèo vờn chuột; trải nghiệm về mẹ gà bảo vệ đàn con khi gặp trời mưa…

**3. Dạng ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Tôi chẳng tìm thấy ở tôi một năng khiếu gì. Và không hiểu vì sao tôi không thể thân với Mèo như trước kia được nữa. Chỉ cần một lỗi nhỏ ở nó là tôi gắt um lên. Tôi quyết định làm một việc mà tôi vẫn coi khinh: xem trộm những bức tranh của Mèo. Dường như mọi thứ có trong ngôi nhà của chúng tôi đều được nó đưa vào tranh. Mặc dù nó vẽ bằng những nét to tướng, nhưng ngay cả cái bát múc cám lợn, sứt một miếng cũng trở nên ngộ nghĩnh. Con mèo vằn vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến ...”*  *(Trích Bức tranh của em gái tôi - Tạ Duy Anh)*  **Câu 1**: Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được?  **Câu 2**: Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của ngôi kể ấy? Nhân vật chính trong văn bản em vừa tìm được là ai?  **Câu 3:** Trong đoạn trích, người anh có hành động gì đối với Mèo? Theo em, trong đời sống, chúng ta có nên làm những hành động như vậy không? Vì sao?  **Câu 4**: Tìm một phép so sánh có trong đoạn trên. Cho biết đó là kiểu so sánh nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- PTBĐ chính: Tự sự

**Câu 2:**

- **Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất

**- Tác dụng:** Câu chuyện được kể từ ngôi thứ nhất, bằng lời của người anh. Ngôi kể này cho phép tác giả có thể miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật của người anh một cách tự nhiên nhất. Đằng ngôi kể này, người anh tự bộc lộ những suy nghĩ chân thật nhất của mình đổng thời người anh cũng có dịp để tự suy ngẫm, tự soi xét lại mình và vượt lên trên sự ghen tị nhỏ nhen. Qua đó chủ đề của tác phẩm cũng được bộc lộ rõ hơn => Câu chuyện trở nên chân thực hơn

**Câu 3:**

- Hành động người anh: Lén xem trộm những bức vẽ của Mèo

- Trong cuộc sống, chúng ta không nên có những hành động như vậy, vì xem đồ của người khác khi chưa nhận được sự đồng ý của họ là thiếu lịch sự, văn hóa

**Câu 4**: Hình ảnh so sánh: *Con mèo vằn vào tranh, to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại vô cùng dễ mến ..=>*so sánh không ngang bằng

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**  *Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xoá. Hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng[1] bụ bẫm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.*  *Sớm. Chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ em. Râm ran.*  Các… Các… Các…  *Một con bồ các[2] kêu váng lên. Cái con này bao giờ cũng vừa bay vừa kêu cứ như bị ai đuổi đánh.*  *Chị Điệp nhanh nhảu:*  *– Bồ các là bác chim ri. Chim ri là dì sáo sậu[3]. Sáo sậu là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú. Tu hú lại là chú bồ các,…*  *Thế thì ra dây mơ, rễ má thế nào mà chúng đều có họ với nhau. Họ của chúng đều hiền cả. Chúng đều mang vui đến cho giời đất. Sáo sậu, sáo đen hót, đậu cả lên lưng trâu mà hót mừng được mùa. Nhà bác Vui có con sáo đen tọ toẹ[4] học nói. Nó bay đi ăn, chiều chiều lại về với chủ. Con tu hú to nhất họ, nó kêu “tu hú” là mùa tu hú[5] chín; không sai một tẹo nào. Cả làng có mỗi cây tu hú ở vườn ông Tấn. Tu hú đỗ ngọn cây tu hú mà kêu. Quả chín đỏ, đầy ụ như mâm xôi gấc. Tiếng tu hú hiếm hoi; quả hết, nó bay đi đâu biệt.*  *Một đàn chim ngói sạt qua rồi vội vã kéo nhau về hướng mặt trời lặn.*  *Nhạn tha hồ vùng vẫy tít mây xanh “chéc chéc”.*  *Khi con bìm bịp kêu “bịp bịp” tức là đã thổng buổi[6]. Nghe đâu trước đây có một ông sư dữ như hổ mang. Lúc ông ta chết, giời bắt ông ta hoá thân làm con bìm bịp. Ông ta phải tự nhận là bịp, mở miệng ra là “bịp bịp”. Giời khoác cho nó bộ cánh nâu, suốt đêm ngày rúc trong bụi cây. Khi nó kêu thì một loạt chim ác, chim xấu mới ra mặt. Ít khi chúng ra mặt vào buổi sớm.*  *(Trích lao xao - Duy Khán)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên?  **Câu 2:** Những loài chim nào được kể trong đoạn trên?  **Câu 3**: Cho biết trình tự kể tả của tác giả?  **Câu 4**: Tìm những câu đồng dao, thành ngữ được kể ra trong đoạn trích trên?  **Câu 5**. Bài văn đã cho em những hiểu biết gì mới và những tình cảm như thế nào về thiên nhiên, làng quê qua hình ảnh các loài chim? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt: Miêu tả, kể chuyện

**Câu 2:** Các loài chim được kể, tả : bồ các, sáo sậu, sáođen, chim ngói, chim nhạn, bìm bịp, chèo bẻo, quạ, chim cắt.

**Câu 3:** Trình tự kể, tả : Tả chim lành có quan hệ họ hàng; rồi mới tả chim dữ, có quan hệ đối nghịch.

**Câu 4:** Dùng đồng dao: Bồ các làbác chim ri …,  chú bồ các.

- Dùng thành ngữ: “ Kẻ cắpbà già, cụ bảo không dám đến, lia lia láu láu như quạ nhìn chuồng lợn”.

- Kể chuyện: “ Nghe đâu… mở miệng là bịp”.

**Câu 5:** Bài văn cung cấp cho chúng ta những hiểu biết thú vị về các loài chim và đời sống của nó để thêm yêu chúng, yêu làng quê Việt Nam.

**4. Dạng viết ngắn**

## Đề bài: Đoạn văn cảm nhận về nhân vật Mon

Truyện ngắn “Bầy chim chìa vôi” của tác giả Nguyễn Quang Thiều đã giúp tôi nhận ra bài học giá trị sâu sắc. Nhân vật Mon và Mên đã được nhà văn đặt vào một tình huống đặc biệt. Trong một đêm mưa lớn, Mon tỉnh giấc lúc gần hai giờ sáng. Cậu đã gọi Mên dậy để nói chuyện, bộc lộ nỗi lo lắng của mình. Cậu lo lắng cho bầy chim chìa vôi làm tổ ở gần bờ sông. Cơn mưa lớn kéo dài sẽ khiến cho nước sông dâng cao, những con chim non sẽ bị chết đuối. Sau một hồi bàn bạc, Mon và Mên đã quyết định sẽ ra bờ sông để giải cứu bầy chim. Khi nhìn thấy khi nhìn thấy bầy chim non có thể cất cánh bay lên, cả hai nhận ra mình đã bật khóc từ lúc nào. Đó là giọt nước mắt của sung sướng và hạnh phúc. Qua nhân vật này, Qua nhân vật Mon, chúng ta nhận ra bài học quý giá về tình yêu thương động vật. Tài liệu của Nhung tây

**Đề bài: Ghi lại cảm xúc của em về khung cảnh bãi sông trong một buổi sáng bình minh.**

Đoạn văn miêu tả khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh thật nên thơ, nhẹ nhàng. Nó đã hằn in trong em những cảm xúc thật khó tả nhưng có lẽ hình ảnh những chú chim chìa vôi con cất cánh bay lên "Từ mặt nước sông, những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên" đã để lại cho em thật nhiều ấn tượng. Chú chim con bé bỏng còn nhiều yếu ớt lại bị nước mưa làm ướt mình nhưng chúng đã đột ngột bứt khỏi mặt nước mặc dù còn nhiều bỡ ngỡ.  Ở đây, em nhận thấy được sự đối lập giữa sự nhỏ bé của chú chim chìa vôi và sự rộng lớn, mênh mông của dòng nước. Từ đó, nó đã cho em cảm nhận được sự dũng cảm, mạnh mẽ vượt qua sự khắc nghiệt của thời tiết tìm đến chỗ ở an toàn hơn của những chú chim chìa vôi con nhỏ bé.

**ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐI LẤY MẬT**

*(Đoàn Giỏi)*

**I. Kiến thức cơ bản về tác phẩm**

**1. Giới thiệu tác giả:**

- Đoàn Giỏi (1925-1989), quê ở Tiền Giang.

- Ông thường viết về thiên nhiên, con người và cuộc sống ở miền đất phương Nam với vẻ đẹp của vùng đất trù phú, người dân chất phác, thuần hậu, can đảm, nghĩa tình.

- Tác phẩm tiểu biểu: *Đường về gia hương, Cá bống mú, Đất rừng phương Nam*,..

**2. Giới thiệu tác phẩm:**

- Đoạn trích “*Đi lấy mật*” là tên chương 9 của tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*, kể lại một lần An theo tía nuôi và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh.

**\*Thể loại:** Tiểu thuyết.

**\*Nhân vật:** Tía An, má nuôi An, An là con nuôi trong gia đình Cò và Cò. Họ sinh sống ở vùng rừng tràm U Minh.

**\*Các sự việc chính:**

- Tía nuôi An dẫn An và Cò đi lấy mật ong rừng;

- Trên đường đi, họ nghỉ chân, Cò đố An nhận biết được con ong mật. Bóng nắng lên, họ giở cơm ra ăn;

- Họ tiếp tục đi đến khoảng đất rộng, An reo lên khi nhìn thấy bầy chim. Gặp một kèo ong gác, An nhớ chuyện má nuôi kể về cách đặt gác kèo ong;

- An nhìn lên kèo ong nghĩ về cách “thuần hoá” ong rừng rất riêng biệt của người dân vùng U Minh. Rồi mọi người cùng ngồi ăn cơm dưới bụi cây râm mát.

**\* Tóm tắt**: Đoạn trích “Đi lấy mật” kể về một lần An cùng Cò và cha nuôi cùng nhau vào rừng U Minh đi lấy mật ong. Xuyên suốt đoạn trích là cảnh sắc đất rừng phương Nam được tác giả miêu tả hiện lên vô cùng sinh động, vừa bí ẩn, hùng vĩ, lại vừa thân thuộc, gắn liền với cuộc sống của người dân nơi đây qua những suy nghĩ của cậu bé An. Tài liệu của Nhung tây

**\*Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất

**\*Bố cục:**

- Phần 1: Từ đầu đến “*trong các bụi cây*”: Đi lấy mật ong rừng;

- Phần 2: Từ “*Lần đầu tiên…”* đến “…*màu xanh lá ngái*” Nghỉ chân ăn cơm và nhận biết con ong mật;

- Phần 3: Từ “*Chúng tôi tiếp tục đi…..”* đến “…*thấy ghét quá*”: An nhớ chuyện má nuôi kể chuyện cách lấy mật ong;

- Phần 4: Còn lại: An nghĩ về về cách “*thuần hoá*” ong rừng của người dân U Minh.

**+ Đề tài:**

- Tuổi thơ và thiên nhiên (Đi lấy mật trong rừng U Minh).

**a. Vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh**

- Rừng U Minh hiện lên với vẻ đẹp phong phú, hoang sơ, kì thú và đầy chất thơ: Bình minh yên tĩnh trong vắt, mát lành; buổi trưa tràn đầy ánh nắng, ngây ngất hương hoa tràm; tiếng chim hót líu lo; nhiều loài cây nhiều màu sắc, nhiều loài côn trùng bé nhỏ kì lạ cùng thế giới đầy bí ẩn của loài ong;…

- Thể hiện:

**-** Những câu văn miêu tả: “*Buổi sáng…..một lớp thuỷ tinh”; “Rừng cây im lặng quá…..những cánh mỏng và dài”; “Phải hết sức tinh mắt…..nghe được”; “Chim hót líu lo…..màu xanh lá ngái”;….*

- Chi tiết miêu tả:

*+ Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh….Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên những đầu hoa tràm rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thuỷ tinh;*

*+ Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình;*

*+ Đó là ruồi xanh đang bay đứng. Óng ánh lướt những lá bông súng dưới vũng kia là con chuồn chuồn bay ngang với những cánh mỏng và dài;*

*+ Phải hết sức tinh mắt, thính tai mới tìm được những tay sứ giả của bình minh này. Một con….hai con…ba con…Rồi một đàn mười mấy con bay nối nhau như một chuỗi hạt cườm, trong những tầng xanh cây lá, có một cái chấm nâu đen cỡ đầu đĩa vụt qua rất nhanh….tiếng kêu eo…eo…eo…eo;*

*+ Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm.*

*thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng;*

*+ Mấy con kì nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh;*

*+ Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên…*

=>Cảnh sắc thiên nhiên được nhà văn tái hiện qua cái nhìn của nhân vật An. Qua đó, giúp ta thấy được khả năng quan sát tinh tế, có tâm hồn trong sáng, biết phát hiện và cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên. Tài liệu của Nhung tây

**b. Vẻ đẹp con người phương Nam:** mạnh mẽ, giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người, trân trọng sự sống và thiên nhiên.

**\*Thể hiện ở các chi tiết miêu tả:**

- Nhân vật tía nuôi:

+ Vóc dáng khoẻ mạnh vững chãi; cử chỉ mạnh mẽ, dứt khoát,…;

+ Lời nói, cách cư xử: nghe An thở phía sau ông đã biết cậu bé mệt và cần nghỉ chân; chú tâm lo cho An hơn Cò vì biết An chưa quen đi rừng,…

+ Biết gác kèo cho ong rừng làm tổ rất giỏi và biết bảo vệ đàn ong…

- Nhân vật Cò:

*+ Thằng Cò đội cái thúng to tướng; coi đi bộ chưa thấm tháp gì, cặp chân như bộ giò nai, lội suối suốt ngày trong rừng chả mùi gì;*

*+ Đố mày biết con ong mật là con nào? Hỏi xong đưa tay trỏ lên phía trước mặt;*

*+ Thứ chim này có gì mà đẹp; không ăn thua gì đâu. Mày mà gặp “sân chim” thì mày sẽ biết…Thằng mau quên hé!Vậy chớ…*

- Nhân vật An: (vì chiến tranh, bị lạc gia đình nên được gia đình Cò nhận làm con nuôi)

+ Cảm nhận được tình thương của tía và má dành cho mình nên rất yêu quý họ, luôn nghĩ về họ với tình cảm gần gũi, thân thuộc, ấm áp: *Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết…; Má nuôi tôi đã vò đầu tôi, cười rất hiền lành…;*

*+* Có chút “ganh tị” rất hồn nhiên với Cò vì Cò đi rừng thành thoạ và hiểu biết nhiều về rừng U Minh;

+ Thiên nhiên rừng U Minh hiện lên trong mắt An đẹp phong phú, bí ẩn, đầy chất thơ.

+ Suy nghĩ, liên tưởng, so sánh: “*không có nơi nào, xứ nào có kiểu tổ ong hình nhánh kèo như vùng U Minh này cả.”*

**\*Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**Sử dụng ngôi kể thứ nhất;tình huống truyện nhẹ nhàng, xen lẫn hồi ức;ngôn ngữ đối thoại sinh động, miêu tả tinh tế.

**\*Tính cách nhân vật:**

- Tía nuôi An là người lao động dày dạn kinh nghiệm, từng trải, can đảm, tính cách mạnh mẽ, giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người, trân trọng sự sống và thiên nhiên.

- Cò là một cậu bé thông minh, có hiểu biết, nhanh nhẹn, hoạt bát, đáng yêu.

- An là cậu bé biết cảm nhận những tình cảm thân thương gần gũi của ba má nuôi, biết quan sát thiên nhiên; thông minh, ham hiểu biết.

**3. Chất Nam Bộ thể hiện trong văn bản.**

**- Ngôn ngữ**: giản dị đậm sắcthái địa phương Nam Bộ: Sửdụng từ địa phương,quán ngữlàm nổi bật nét riêng của người Nam Bộ

**-Phong cảnh thiên nhiên**: đặc trưng của miền sông nước Nam Bộ:Vùng thiên nhiên trù phú, hoang sơ:

+ Sông nước.

+ Rừng tràm: Nhiều thú dữ, chim chóc (kì nhông, ong...) buổi hoang sơ

=> Thiên nhiên xuất hiện thấp thoáng qua lời kể của nhân vật đã gợi vẻ đẹp của vùng sông nước với những rừng tràm trù phú, hoang sơ.

**Tính cách con người:** Bộc trực, thẳng thắn, dễ mến.

**Nếp sốngsinh hoạt**: mang đậm dấu ấn địa phương Nam Bộ -> Tạo ấn tượng chung về con người, mảnh đất phương Nam. Tài liệu của Nhung tây

**3. Khái quát:**

**a. Nghệ thuật**

- Sử dụng ngôi kể phù hợp để câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực, nhiều chiều;

- Ngôn ngữ sinh động, mang đậm chất Nam bộ, cách miêu tả tinh tế;

- Tính cách nhân vật được bộc lộ qua tình huống nhẹ nhàng và qua đối thoại, qua ý nghĩ, qua mối quan hệ với các nhân vật khác.

**b. Nội dung – Ý nghĩa**

- Đoạn trích đã khắc hoạ ấn tượng vẻ đẹp thiên nhiên rừng U Minh kì thú, giàu có, hoang sơ, đầy chất thơ cùng con người đất phương Nam vừa gần gũi, bình dị, hồn nhiên, nhân hậu vừa mạnh mẽ, phóng khoáng...

- Đoạn trích đã bồi đắp cho mỗi chúng ta tình cảm yêu mến cảnh sắc thiên nhiên, trân trọng vẻ đẹp con người đất phương Nam.

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

Tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” của nhà văn Đoàn Giỏi viết về cuộc đời phiêu bạt của cậu bé tên An. Bối cảnh của tiểu thuyết là miền Tây Nam Bộ, Việt Nam vào những năm 1945, sau khi thực dân Pháp quay trở lại xâm chiếm Nam Bộ. Trong chương trình phổ thông, em được học đoạn trích “Đi lấy mật”, cũng chính là tên chương 9, kể lại một lần An theo tia nuôi (cha nuôi) và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh. Bằng việc đọc hiểu đoạn trích này, em không chỉ cảm nhận được cảnh sắc đất rừng phương Nam đặc sắc, mà còn cảm nhận được những nét đặc biệt trong tính cách, hình dáng, cử chỉ của hai nhân vật An và Cò.

Đoạn trích “Đi lấy mật” kể về trải nghiệm đi lấy mật ong rừng của An cùng Cò và cha nuôi. Trong hành trình này, phong cảnh rừng núi phương Nam được tác giả tái hiện vô cùng sinh động, huyền bí, hùng vĩ nhưng cũng rất thân thuộc, gắn liền với cuộc sống của người dân vùng U Minh. Tài liệu của Nhung tây

Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất, người kể chính là nhân vật An, cậu bé xưng “tôi” giúp cho lời kể tự nhiên, chân thực. Cũng nhờ đó, khung cảnh thiên nhiên của rừng U Minh được hiện lên tràn đầy nhựa sống, có sự kết hợp giữa vẻ đẹp của các loài vật, loài cây cũng như những sự vật của thiên nhiên như trời, ánh sáng, đầu hoa tràm, sông ngòi…khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thủy tinh. Tác phẩm đã tái hiện một vẻ đẹp trù phú, sống động vô cùng của núi rừng, là cả một đất trời thiên nhiên ưu đãi, cánh đồng bát ngát mênh mông, sóng nước rì rầm, rừng rậm bạt ngàn trù phú, thú rừng hoang dã muôn loài… Điều đó cho thấy khả năng quan sát và cảm nhận về thiên nhiên của nhân vật An vô cùng tinh tế và sâu sắc.

Trong mắt An, tía nuôi của mình hiện lên là một người cha luôn yêu thương và quan tâm con cái, không cần quay lại, chỉ cần nghe “tôi” thở thôi cũng cảm nhận được cậu đang mệt và cần được nghỉ ngơi. Tía đi trước hai anh em, Bên hông lủng lẳng chiếc túi […], lưng mang cái gùi bằng tre đan đã trát chai, tay cầm chà gạc. Lâu lâu, ông vung tay lên một cái, đưa con dao rừng rất sắc phạt ngang một nhánh gai và dùng cái mẩu cong ở đầu lưỡi dao dài có đến sáu bảy tấc ấy lôi phăng nhánh gai chắn đường đứt ra một bên để lấy lối đi. Trong lúc chỉ An về phía cây có con ong mật, tía nuôi đang âm thầm truyền dạy cho con những kinh nghiệm quý báu trong công việc.

Bên cạnh người tía nuôi ấm áp, An cũng có những suy nghĩ, quan sát về người bạn đồng hành của mình - Cò. Cò là một cậu bé sinh ra và thuộc về vùng đất U Minh này, nên cậu bé vô cùng lanh lợi, nhanh nhẹn, lém lỉnh. Tài liệu của Nhung tây An miêu tả “thằng Cò” đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm và cái áo ướt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thúng úp chiếc nón lá rách. Tuy đội thúng to, nhưng cặp chân của “nó” như bộ giò nai, đên mức “lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!” Dường như Cò không hề mệt mỏi, cậu bé đã quá quen với địa hình nơi này, cũng đã đi rừng cùng cha rất nhiều lần, Cò giàu năng lượng và yêu công việc này cùng tía.

Cò là cậu bé tự tin, lém lỉnh. Cậu bé rất thích thú khi thể hiện sự hiểu biết vượt trội của mình với một người mới đi rừng như An. Việc này thể hiện ở chi tiết Cò liên tục đặt ra những câu đố, những lần cậu bé vênh mặt khi An chịu thua, tỏ ra bình thản khi An reo lên khi nhìn thấy bầy chim đẹp mắt… Tưởng chừng sự tự tin này khiến Cò trở thành một cậu bé tự đắc, nhưng ngược lại, Cò hiện lên là một nhân vật nhanh nhẹn và có nét đáng yêu riêng. Tài liệu của Nhung tây Cậu bé giảng giải cho An cách để tìm thấy ong mật: “Cứ nhìn kĩ vào khoảng cách giữa hai nhánh tràm cao kia” “nhìn một chỗ trống ấy” “nó tới liền bây giờ”. Tuy An với Cò rất hay cãi nhau, nghịch ngợm nhưng cũng đều là những người thân thiết, gắn bó. Tài liệu của Nhung tây

Nếu An là một cậu bé ngoan ngoãn, ham học hỏi và khám phá, thường có những suy nghĩ, quan sát và rút ra được những bài học kinh nghiệm sâu sắc…thì Cò lại là một cậu bé lanh lợi, thạo việc, giàu năng lượng và ấm áp. Cả hai nhân vật này đều mang lại cho người đọc những cảm giác dễ chịu, thú vị khi đồng hành cùng đoạn trích “Đi lấy mật”, học hỏi thêm những kinh nghiệm đặc biệt trong lao động của người dân nơi đây. Tài liệu của Nhung tây

Qua đoạn trích, bên cạnh con người và núi rừng phương Nam để lại cho em ấn tượng vô cùng đặc biệt. Thiên nhiên núi rừng tràn đầy nhựa sống, hùng vĩ, hoang sơ. Con người chăm chỉ lao động và có nhiều kinh nghiệm với nghề… thì hai bạn nhỏ An và Cò cũng để lại nhiều ấn tượng đặc biệt. Cũng nhờ hai cậu bé, người đọc như được khám phá đất rừng phương Nam qua hai vị hướng dẫn viên đặc biệt.

**B. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Đoạn trích đi lấy mật được trích từ tác phẩm nào của nhà văn Đoàn Giỏi**

A. Đường về gia hương B. Cá bống mú

**C. Đất rừng phương nam**  D. Cuộc truy tầm kho vũ khí

**Câu 2: Đoạn trích Đi lấy mật nằm trong chương mấy của tác phẩm Đất rừng phương nam?**

A. Chương 6 B. Chương 7 C. Chương 8 **D. Chương 9**

**Câu 3: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?**

A. Tự sư B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 4: Văn bản được kẻ theo ngôi thưa mấy?**

**A. Ngôi thứ nhất** B. Ngôi thứ 2

C. Ngôi thứ 3 D. Ngôi kể thay đổi linh hoạt

**Câu 5:** Đoạn trích Đi lấy mật được kể theo điểm nhìn của nhân vật nào?

**A. Bé An** B. Má nuôi

C. Cò D. Tía nuôi

**Câu 6:**

**2. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Lần đầu tiên tôi theo tía nuôi tôi và thằng Cò đi “ăn ong” đấy! Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được "ăn ong” ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói. Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho tôi một khái niệm chung chung về loài ong, về những lợi ích của con ong, đại khái vậy thôi. Hiển nhiên từ những thời xa xôi thuở con người ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay, người ta vẫn đi tìm lấy mật rừng bằng cách theo dấu đường bay của những con ong về tổ. Người ta phải khó nhọc lắm mới đưa được con ong rừng về nuôi thành con ong nhà, vì như thế, việc lấy mật sẽ dễ dàng và đảm bảo hơn.*  *Trong kho tàng của những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong các sách vở mà tôi được nghe thầy giáo tôi kể, không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo như má nuôi tôi đã bảo cho tôi nghe vừa rồi.*  *- Thôi, dừng lại nghỉ một lát, bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi! - Tía nuôi tôi ra lệnh cho chúng tôi như vậy.*  *Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu! Chúng tôi đã bơi xuồng đi từ lúc gà vừa gáy rộ canh tư. Thằng Cò thì coi bộ chưa thấm tháp gì. Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!*  (Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)  **Câu 1:** Đoạn trích trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  **Câu 2.** Đoạn trích trên kể về sự việc gì? Kể theo ngôi thứ mấy? Người kể chuyện là ai?  **Câu 3**. Từ “*ăn ong*”; “*ăn lông ở lỗ*” nghĩa là gì?  **Câu 4.** Tìm chi tiết thể hiện tình yêu thương của tía nuôi dành cho An?  **Câu 5.** “*Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho một khái niệm chung chung; những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong sách vở cũng không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo*”. Chi tiết này nói lên điều gì?  **Câu 6.** Chi tiết “*Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!*” cho biết nhân vật Cò là người như thế nào?  **Câu 7.** Qua câu chuyện trên, em có nhận xét gì về nhân vật An?  **Câu 8.** Hãy chia sẻ những điều độc đáo trong phong tục tập quán của quê hương em. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Ngữ liệu trên trích trong văn bản Đi lấy mật của tác giả Đoàn Giỏi

**Câu 2.** Đoạn trích trên kể về sự việc An theo tía nuôi đi lấy mật ong. Đoạn trích kể theo ngôi thứ nhất. Người kể chuyện là nhân vật An.

**Câu 3**. Từ “*ăn ong*”: gác kèo và lấy mật ong; “*ăn lông ở lỗ*”: là thành ngữ dùng để chỉ kiểu sống hoang dã, ăn sống nuốt tươi mất vệ sinh, hoặc rộng hơn là thiếu sự hiểu biết, thiếu văn hóa. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 4.** Chi tiết thể hiện tình yêu thương của tía nuôi dành cho An:

*- Thôi, dừng lại nghỉ một lát, bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi!*

*- Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu!*

**Câu 5.** “*Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho một khái niệm chung chung; những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong sách vở cũng không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo*”. Chi tiết này nói lên sự độc đáo, riệng biệt trong cách lấy mật của người dân vùng U Minh.

**Câu 6.** Chi tiết “*Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!*” cho biết nhân vật Cò là người khỏe khoắn, vạm vỡ, từng trải, quen thuộc với việc đi bộ đường rừng. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 7.** Nhận xét về nhân vật An: Nhạy cảm, thích quan sát, suy xét, ham hiểu biết, so sánh; hiểu được tình cảm người khác dành cho mình.

**Câu 8.** HS tự chia sẻ những điều độc đáo trong phong tục tập quán của quê hương mình trong cách sống, sinh hoạt hằng ngày.

**3. Luyện đề Đọc – Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Chắc tôi ngủ một giấc lâu lắm thì phải. Khi tôi mở mắt ra, thấy xuồng buộc lên một gốc cây tràm. Không biết tía nuôi tôi đi đâu. Nghe có tiếng người nói chuyện rì rầm bên bờ. “A! Thế thì đến nhà chú Võ Tòng rồi!”. Tôi ngồi dậy, dụi mắt trông lên. Ánh lửa bếp từ trong một ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành hình bậc thang dài xuống bến. Tôi bước theo ra khỏi xuồng, lần theo bậc gỗ mò lên. Bỗng nghe con vượn bạc má kêu” Ché… ét, ché… ét” trong lều, và tiếng chú Võ Tòng nói “Thằng bé của anh nó lên đấy!”.*  *- Vào đây, An! - Tía nuôi tôi gọi.*  *Tôi bước qua mấy bậc gỗ trơn tuột và dừng lại chỗ cửa. Con vượn bạc má ngồi vắt vẻo trên một thanh xà ngang, nhe răng dọa tôi. Tía nuôi tôi và chú Võ Tòng ngồi trên hai gộc cây. Trước mặt hai người, chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít. Chai rượu đã vơi một đĩa khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ gác chéo lên nhau.*  *- Ngồi xuống đây chú em.*  *- Chú Võ Tòng đứng dậy, lôi một gộc cây trong tối đặt bên bếp lửa. Chú cởi trần, mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi). Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi đã tả. Lạu còn thắt cái xanh- tuya- rông nữa chứ!*  (Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt và nội dung đoạn trích.  **Câu 2**. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy? Ai là người kể chuyện? Kể theo ngôi kể đó có tác dụng gì?  **Câu 3.** Tìm những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách của chú Võ Tòng. Qua đó gợi lên trong em ấn tượng gì về chú Võ Tòng?  **Câu 4.** Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một bối cảnh không gian như thế nào?  **Câu 5.**Chỉ ra đặc sắc về ngôn ngữ phong cách, lối sống sinh hoạt của người dân Nam Bộ thể hiện trong đoạn trích. Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Phương thức: Tự sự**.** Nội dung: bối cảnh gặp gỡ của cha con tía nuôi An với chú Võ Tòng.

**Câu 2**. Ngôi kể: thứ nhất. Người kể chuyện: Cậu bé An. Tác dụng: Truyện kể trở nên chân thực.

**Câu 3.**

**- Nhà cửa:***ngôi lều chiếu qua khung cửa mở, soi rõ hình những khúc gỗ xếp thành hình bậc thang dài xuống bến.*

**- Cách ăn mặc:**

*+ Chú cởi trần mặc chiếc quần kaki còn mới nhưng coi bộ đã lâu không giặt (chiếc quần lính Pháp có những sáu túi).*

*+ Bên hông chú đeo lủng lẳng một lưỡi lê nằm gọn trong vỏ sắt, đúng như lời má nuôi tôi đã tả.*

*+ Thắt cái xanh- tuya- rông.*

**- Tiếp khách:**

*+ Chỗ giữa lều, có đặt một cái bếp cà ràng, lửa cháy riu riu, trên cà ràng bắc một chiếc nồi đất đậy vung kín mít.*

*+ Chai rượu đã vơi một đĩa khô nướng còn bày trên nền đất ngay dưới chân chủ và khách, bên cạnh hai chiếc nỏ gác chéo lên nhau.*

**- Ý nghĩa:**Những chi tiết về nhà cửa, cách ăn mặc và tiếp khách,... gợi lên ấn tượng về chú Võ Tòng là một người có lối sống dân dã, phóng khoáng, gần gũi với thiên nhiên.

**Câu 4.**Tiếng kêu và hình ảnh của con vượn bạc má trong phần (1) gợi ra cảm giác về một bối cảnh, không gian hoang sơ.

**Câu 5.**Một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt...) trong văn bản cho thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ:

+ Ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ ngữ địa phương (tía, má, khô nai, xuồng...)

+ Phong cảnh: sông nước, rừng hoang sơ. Tài liệu của Nhung tây

+ Tính cách con người: thẳng thắn, bộc trực, tình cảm.

+ Nếp sinh hoạt: đi xuồng, ăn ở phóng khoáng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Không ai biết tên thật của gã là gì.Mười mấy năm về trước, gã một mình bơi một chiếc xuồng nát đến che lều giữa khu rừng đầy thú dữ này. Gã sống đơn độc một mình, đến con chó để làm bạn cũng không có. Hồi ấy, rừng này còn nhiều hổ lắm. […] Một buổi trưa, gã đang ngủ trong lều, có con hổ chúa mò vào, từ ngoài sân phóng một cái phủ lên người gã. Bất thần gã tỉnh dậy. Gã vơ luôn cái mác bên người, cũng không kịp ngồi dậy nữ, cứ nằm ngửa thế mà xóc mũi mác lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổi chúa, hai chân gã đá thốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chụp xuống người.Con hổ chúa lộn vòng, rơi xuống đất. Lưỡi mác đâm từ hàm dưới thấu lên tận óc, làm nó không há họng được, nhưng vẫn còn cố vớt cái tát cuối cùng, để lại trên mặt gã một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ. Không biết có phải do đấy mà gã mang tên“Võ Tòng” hay không? Chứ theo như một vài ông lão đa sự, thì ngày xưa gã là một chàng trai, ở tận một vùng xa lắm. Gã cũng có gia đình đàng hoàng như ai.Vợ gã là một người đàn bà trông cũng xinh mắt. Chị ấy, lúc chửa đứa đầu lòng, cứ kêu thèm ăn măng. Gã đàn ông hiền lành, quý vợ rất mực ấy bèn liều xách dao đến bụi tre đình làng xắn một mụt măng. Khi về qua ngang bờ tre nhà tên địa chủ, tên này bắt gã bỏ mụt măng xuống và vu cho gã lấy trộm măng tre của hắn. Gã một mực cãi lại, nhưng tên địa chủ quyền thế nhất xã ấy cứ vung ba toong đánh lên đầu gã. Đánh đâu thì còn nhịn được, chứ đánh lên đầu là nơi thờ phụng ông bà… thì số mày tới rồi! Lưỡi dao trên taygã không cho phép tên địa chủ ngang ngược kia giơ tay đánh ba toong lên đầu gã đến cái thứ hai. Nhát dao chém trả vào mặt gã đã gí tên bóc lột và hống hách này nằm gục xuống vũng máu. Nhưng gã không trốn chạy, gã đường hoàng xách dao đến ném trước nhà việc, bó tay chịu tội.*  (Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)  **Câu 1.** Người kể chuyện kể ở ngôi thứ mấy? Nêu ý nghĩa của ngôi kể đó.  **Câu 2.**Đoạn trích kể sự việc liên quan đến nhân vật nào? Đó là sự việc gì?  **Câu 3.**Tìm chi tiết thể hiện sự việc liên quan đến nhân vật. Qua các chi tiết đó đã cho thấy nhân vật là người như thế nào? Tài liệu của Nhung tây  **Câu 4.** Tìm những từ ngữ mang tính địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích. Việc sử dụng các từ ngữ đó có có tác dụng gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.**Ngôi 3- Người giấu mặt kể về cuộc đời trước kia của chú Võ Tòng.

**Câu 2.** Đoạn trích kể về nhân vật Võ Tòng

+ Sự việc Võ Tòng đánh hổ.

+ Sự việc giết tên địa chủ.

**Câu 3. Các chi tiết thể hiện**

**\*Sự việc Võ Tòng đánh hổ:**

- Vơ luôn cái mác bên người, cũng không kịp ngồi dậy nữa, cứ nằm ngửa thế mà xóc mũi mác lên đâm thẳng một nhát vào hàm dưới con hổi chúa, hai chân gã đá thốc lên bụng nó, không cho con ác thú kịp chụp xuống người.

- Lưỡi mác đâm từ hàm dưới thấu lên tận óc, làm nó không há họng được.

- Trên mặt gã một hàng sẹo khủng khiếp chạy từ thái dương xuống cổ.

**\*Giết tên địa chủ:**

- Vợ kêu thèm ăn măng Võ Tòng, liều xách dao đến bụi tre đình làng xắn một mụt măng.

- Bị địa chủ vu cho ăn trộm “mụt măng”, gã một mực cãi lại, nhưng tên địa chủ quyền thế nhất xã ấy cứ vung ba toong đánh lên đầu gã. Võ Tòng đã “chém trả vào mặt gã đã gí tên bóc lột và hống hách này nằm gục xuống vũng máu”.

- “Nhưng gã không trốn chạy, gã đường hoàng xách dao đến ném trước nhà việc, bó tay chịu tội”.

**\*Qua hành động thể hiện tính cách nhân vật:**

+Hiền lành, quý vợ rất mực.

+Sống đường hoàng, chính trực: giết địa chủ, thẳng thắn thú nhận và sẵn sàng ngồi tù.

+ Không trốn chạy... đường hoàng xách dao đến trước nhà bó tay chịu trói.

**3. Từ mang tính địa phương:**

*+ Gã, hắn.*

*+ Mụt măng.*

**4. Các yếu tố thể hiện yếu tố địa phương Nam Bộ**

\*Một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt...) trong văn bản cho thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ:

+ Ngôn ngữ: sử dụng nhiều từ ngữ địa phương (*tía, má, khô nai, xuồng*...)

+ Phong cảnh: sông nước, rừng hoang sơ. Tài liệu của Nhung tây

+ Tính cách con người: thẳng thắn, bộc trực, gan dạ, tình cảm.

+ Nếp sinh hoạt: đi xuồng, ăn ở phóng khoáng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  *Có một cậu bé ngỗ nghịch thường bị mẹ khiển trách. Ngày nọ, giận mẹ nhưng không thể xúc phạm một cách trực tiếp, cậu chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm. Cậu lấy hết sức mình và thét lên: “Tôi ghét người”. Cậu ngạc nhiên vô cùng vì từ khu rừng có tiếng vọng lại: “Tôi ghét người”. Cậu hoảng hốt quay về với mẹ và khóc nức nở. Cậu không thể hiểu được từ trong rừng đã có người thù ghét cậu.*  *Người mẹ nắm tay đưa cậu trở lại khu rừng và bảo cậu hãy hét lên: “Tôi yêu người”. Lạ lùng thay, cậu vừa dứt tiếng thì cũng có người nói vọng lại: “Tôi yêu người”. Lúc đó người mẹ mới giải thích cho cậu như sau: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì người đó gặt bão. Nếu con thù ghét người, thì người cũng sẽ thù ghét con. Nếu con yêu thương người, thì người cũng sẽ yêu thương con”.*  *Hận thù lúc nào cũng kéo theo hận thù, bạo động lúc nào cũng sinh ra bạo động. Chỉ có tình yêu mới làm phát sinh tình yêu. Bạo động và hận thù không thể là phương thế để cải tạo xã hội. Chỉ có tình yêu đích thực mới cải đổi được lòng người. Bạn hãy sống cao thượng. Bạn hãy lấy tình yêu để đáp trả lại hận thù. Tiếng vọng cao đẹp nhất của một nghĩa cử yêu thương lúc nào cũng là tiếng vọng của bình an tự trong đáy tâm hồn chúng ta.*  *(Tiếng vọng rừng sâu - Nguồn Internet)*  **Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:  **Câu 2.** Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?  **Câu 3.** Khi giận mẹ cậu bé đã làm gì?  **Câu 4.** Nội dung chính của văn bản trên là gì?  **Câu 5.** Câu chuyện trên khuyên chúng ta nên có lối sống như thế nào?  **Câu 6.** Trong câu chuyện trên, người mẹ đã nói với con về định luật gì trong cuộc sống?  **Câu 7**. Thông điệp mà văn bản muốn truyền tải là gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là Tự sự

**Câu 2:** Văn bản trên được kể theo ngôi kể thứ 3

**Câu 3.** Khi giận mẹ cậu bé đã Chạy đến một thung lũng cạnh một khu rừng rậm

**Câu 4:** Nội dung chính của văn bản trên là: Kể về câu chuyện giữa cậu bé và người mẹ xung quanh “tiếng vọng” qua đó nhắc nhở chúng ta định luật về tình yêu thương trong cuộc sống.

**Câu 5:** Câu chuyện trên khuyên chúng ta:

Biết cho đi nhiều hơn nhận lại. Có lối sống cao thượng, lấy tình yêu đổi lấy hận thù.

**Câu 6.** Định luật trong cuộc sống mà người mẹ đã nói với con:“Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió ắt gặp bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con. Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”

**Câu 7**. Thông điệp: Con người nếu cho đi điều gì sẽ nhận lại được những điều như vậy. Hãy cho đi điều tốt đẹp sẽ nhận được điều tốt đẹp.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  **CON SẺ**  *Tôi đi dọc lối vào vườn. Con chó chạy trước tôi. Chợt nó dừng chân và bắt đầu bò, tuồng như đánh hơi thấy vật gì. Tôi nhìn dọc lối đi và thấy một con sẻ non mép vàng óng, trên đầu có một nhúm lông tơ. Nó rơi từ trên tổ xuống.*  *Con chó chậm rãi lại gần. Bỗng từ trên cây cao gần đó, một con sẻ già có bộ ức đen nhánh lao xuống như hòn đá rơi trước mõm con chó. Lông sẻ già dựng ngược, miệng rít lên tuyệt vọng và thảm thiết. Nó nhảy hai ba bước về phía cái mõm há rộng đầy răng của con chó.*  *Sẻ già lao đến cứu con, lấy thân mình phủ kín sẻ con. Giọng nó yếu ớt nhưng hung dữ và khản đặc. Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ. Nó sẽ hi sinh. Nhưng một sức mạnh vô hình vẫn cuốn nó xuống đất.*  *Con chó của tôi dừng lại và lùi… Dường như nó hiểu rằng trước mặt nó có một sức mạnh. Tôi vội lên tiếng gọi con chó đang bối rối ấy tránh ra xa, lòng đầy thán phục.*  *Vâng, lòng tôi đầy thán phục, xin bạn đừng cười. Tôi kính cẩn nghiêng mình trước con chim sẻ bé bỏng dũng cảm kia, trước tình yêu của nó.*  *(Theo I. Tuốc-ghê-nhép)*  **Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:  **Câu 2.** Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy**?**  **Câu 3.** Câu văn “*Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ.”* sử dụng biện pháp tu từ gì?  **Câu 4.** Phó từ sẽ trong câu “*Nó sẽ hi sinh.”* bổ sung ý nghĩa gì?  **Câu 5.** Vì sao nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục”?  **Câu 6.** Theo em, ý nghĩa của câu chuyện này là gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt của đoạn trích trên là Tự sự

**Câu 2:** Văn bản trên được kể theo ngôi kể thứ 1

**Câu 3.** Câu văn “*Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ.”* sử dụng biện pháp tu từ: So sánh

**Câu 4.** Phó từ sẽ trong câu “*Nó sẽ hi sinh.”* bổ sung ý nghĩa: Chỉ quan hệ thời gian

**Câu 5.** Nhân vật tôi lại cảm thấy “lòng đầy thán phục” vì:

- Thấy được sự dũng cảm và sức mạnh của con sẻ nhỏ bé trước con chó lớn hơn nó nhiều lần.

- Cảm phục trước tình mẫu tử thiêng liêng, sẵn sàng quên mình để cứu con của sẻ già.

**Câu 6.** Ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi hành động dũng cảm, xả thân cứu sẻ non của sẻ già. Qua đó nhắc nhở chúng ta về tình mẫu tử thiêng liêng trong cuộc sống.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Một người đàn ông dừng lại trước cửa hàng bán hoa để đặt mua hoa và gửi điện hoa về cho mẹ, người đang sống cách anh 200 dặm. Khi bước ra khỏi ôtô, anh chú ý đến một bé gái đang ngồi khóc nức nở. Anh đến để hỏi xem có điều gì không ổn và bé gái trả lời: “Con muốn mua tặng một bông hồng đỏ cho mẹ. Nhưng con chỉ có bảy mươi lăm xu, mà một bông hồng giá tớihai đô la.”*  *Người đàn ông mỉm cười rồi nói: “Lại đây nào, chú sẽ mua cho con một bông hồng”. Anh mua cho bé gái một bông hồng và đặt hoa gửi tặng mẹ anh. Khi họ chuẩn bị đi, anh đề nghị được đưa cô bé về nhà. Bé gái trả lời: “Vâng ạ. Chú có thể dẫn cháu đến gặp mẹ cháu”. Cô bé chỉ đường cho anh tới một nghĩa trang rồi cô đặt bông hồng lên trên một phần mộ mới xây.*  *Người đàn ông quay lại tiệm hoa, hủy bỏ dịch vụ điện hoa, rồi cầm bó hoa và lái xe hơn 200 dặm để về nhà tặng mẹ anh.*  (Trích *Quà tặng cuộc sống*)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.  **Câu 2.** Nêu nội dung chính của văn bản.  **Câu 3.** Theo em, vì sao người đàn ông ban đầu đã đặt dịch vụ điện hoa gửi về cho mẹ, sau đó hủy bỏ dịch vụ điện hoa, rồi cầm bó hoa và lái xe hơn 200 dặm để về nhà tặng mẹ anh? Tài liệu của Nhung tây  **Câu 4.** Từ nội dung văn bản ở phần Đọc - hiểu cùng với sự tưởng tượng của mình, em hãy viết một đoạn văn ngắn (3-5 câu) kể tiếp phần sau của câu chuyện đó. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 2 :** Câu chuyện kể về tình cảm yêu thương, kính trọng, biết ơn…của những người con dành cho mẹ.

**Câu 3:**

- Người đàn ông nhớ mẹ đã mua hoa gửi về tặng mẹ vì bận công việc. Nhưng khi chia sẻ với cô bé có mẹ mất sớm thì anh nhận ra tình yêu người con dành cho mẹ không chỉ là những bông hoa hoa mà còn là nỗi nhớ thương. Anh thay đổi quyết định ban đầu, muốn tự lái xe về nhà để gặp mẹ vì anh nhận thấy khi còn mẹ là niềm hạnh phúc nhất và thứ mẹ anh muốn là được gặp anh chứ không phải chỉ đơn giản là những thứ vật chất.

**Câu 3**

HS có thể tưởng tượng linh hoạt phần kết truyện phù hợp với diễn biến có sẵn của câu chuyện.

- Trong phần kể của học sinh kể linh hoạt nhưng cần thể hiện được một số nội dung cơ bản để toát lên tình cảm của con dành cho mẹ và mẹ dành cho con. Từ đó cho thấy tình mẫu tử vô cùng thiêng liêng…. Ví dụ HS có thể kể tiếp:

- Tình cảm yêu kính của người con( người đàn ông) đi hai trăm cây số để về thăm mẹ như thế nào?

- Cảm xúc của người mẹ như thế nào khi thấy con về ….

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  **ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN**  *Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ lại vừa rộng nữa. Cô bé buồn tủi ngồi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao? Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.*  *- Cháu hát hay quá, một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền chậm rãi bước đi.*  *Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước. Khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Ông vỗ tay lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!” Nói xong cụ già lại một mình chậm rãi bước đi. Như vậy, nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không. Cô hỏi mọi người trong công viên về ông cụ:*  *- Ông cụ bị điếc ấy ư? Ông ấy đã qua đời rồi, một người trong công viên nói với cô.*  *Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.* Tài liệu của Nhung tây  **Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?  **Câu 2.** Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?  **Câu 3**. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện là sự việc nào?  **Câu 4**. Ý nghĩa mà câu chuyện gửi tới chúng ta là gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự:

**Câu 2**. Ngôi kể: Thứ ba. Tác dụng: làm cho câu chuyện khách quan, hay hơn

**Câu 3**. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc

**Câu 4**. Ý nghĩa câu chuyện gửi tới người đọc:

- Trước khó khăn, thử thách, con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh.

- Truyện còn đề cao sức mạnh của tình yêu thương con người.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Các bạn lớp tôi thường gọi Lộc là “Lộc còi” vì Lộc bé lắm, mười một tuổi mà bằng đứa chín tuổi. Hẳn vì “còi” nên Lộc có vẻ yếu, thường hôm nào học năm tiết, tiết học hát cuối cùng là Lộc hát chẳng ra hơi, có khi cứ dựa vào tập thể mà Lộc chỉ lí nhí hoặc mấp máy mồm hát theo thôi. Người ta bảo thể lực yếu thì thường học kém, thế mà Lộc học chẳng kém. Còn tôi, trông tôi có vẻ cao lớn hơn Lộc thì học lại chẳng giỏi giang gì. Tôi kém nhất là môn Toán. Cô giáo phân công Lộc giúp đỡ tôi về môn này. Không hiểu sao, mỗi lần giúp tôi học, Lộc thích đến nhà tôi hơn là tôi đến nhà Lộc. Nói cho đúng thì từ đầu năm học, tôi chưa đến nhà Lộc lần nào. Tính Lộc rủ rỉ ít nói. Mẹ tôi rất mến Lộc. Mẹ thường hay nêu Lộc để làm gương cho tôi. Mẹ làm tôi lắm khi tự ái. Mẹ nói là Lộc bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận… Có thể những điều trên mẹ tôi nói đúng, nhưng riêng cái điểm cẩn thận thì tôi không chịu. Tôi nghĩ rằng Lộc “ki bo” thì có. Cả lớp tôi chúng nó đều nhận xét thế. Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp. Có cái bút máy Trường Sơn nét đã to bè, thế mà cứ viết viết, cất cất chi chút, chỉ dám viết cái bút ấy vào những buổi kiểm tra bài, còn ngày thường thì Lộc viết bút chấm mực. […]*  *Cuối học kì hai, Lộc báo cho tôi một tin chả vui gì:*  *- Bố tớ sắp mù hẳn rồi, Viện mắt người ta bảo phải mổ mới khỏi. Mấy hôm nữa bố tớ vào viện. Tớ phải làm thay cả phần việc của bố ở nhà để kiếm sống, lại còn phải chăm sóc bố nữa chứ. Chắc tớ chả tiếp tục học được nữa. – Lộc giúi vào tay tôi cái bút Trường Sơn: - Cậu cầm lấy cái này mà dùng, tớ giữ mà không dùng nó phí đi!*  *Lúc này giọng Lộc đã run run, không còn bình tĩnh như trước. Tôi nắm chặt tay Lộc và nói:*  *- Cậu cứ giữ lấy cái bút này. Cậu cần phải tiếp tục học. Tớ sẽ giúp cậu trong thời gian bố cậu vào viện. Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm. Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được. Mẹ tớ sẽ rất vui lòng nếu như tớ giúp được cậu. Mẹ tớ quý và thương cậu lắm.*  (*Bạn Lộc,* Xuân Quỳnh, *Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 10 năm 2021,* tr.48-51)  **Câu 1.** Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.  **Câu 2.** Chỉ ra số từ trong câu “*Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được”* và đặt một câu khác với số từ đó*.*  **Câu 3**. Trong đoạn trích, mẹ của nhân vật tôi nhận xétLộc là người như thế nào?  **Câu 4**. Xác định và nêu chức năng của thành phần trạng ngữ trong câu văn sau: *Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm.*  **Câu 5**. Thông tin *Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp* giúp em hiểu gì về Lộc?  **Câu 6**. Nhân vật tôi và Lộc đã có một tình bạn đẹp. Theo em, cần làm gì để có thể xây dựng được một tình bạn đẹp? Viết câu trả lời trong một đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu). |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2:** Số từ trong câu là “vài” (Đây là số từ chỉ số lượng không xác định).

Đặt câu: - Tôi đã đến Hạ Long **vài** lần rồi.

- Đã **vài** năm trôi qua, em Mi đã không còn là cô bé hay nhõng nhẽo như trước nữa.

**Câu 3:**

Trong đoạn trích, mẹ của nhân vật tôi nhận xét Lộc *bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận…*

**Câu 4:**

Câu văn: *Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm.*

*-* Thành phần trạng ngữ trong câu là: *Sau giờ học ở trường*

- Chức năng của trạng ngữ: bổ sung ý nghĩa về thời gian.

**Câu 5:**

- Thông tin “*Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp”* giúp em Lộc là cậu bé có tính cách cẩn thận, nền nếp, biết quý trọng những đồ dùng học tập.

**Câu 6.** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**- Hình thức:** đảm bảo dung lượng số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** Cần làm gì để có thể xây dựng được một tình bạn đẹp?

+ Cần lắng nghe, tôn trọng bạn và dành thời gian để vun đắp tình bạn.

+ Biết an ủi, chia sẻ, giúp đỡ khi bạn gặp khó khăn; biết tha thứ những lỗi lầm của nhau.

+ Góp ý chân thành khi bạn mắc khuyết điểm để cùng nhau tiến bộ.

+ Đối xử với nhau chân thành, thân ái, có thiện ý, biết hi sinh cho nhau; không tính toán, vụ lợi.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  **MIẾNG BÁNH MÌ CHÁY**  *Khi tôi lên 8 hay 9 tuổi gì đó, tôi nhớ thỉnh thoảng mẹ tôi vẫn nướng bánh mì cháy khét. Một tối nọ, mẹ tôi về nhà sau một ngày làm việc dài và bà làm bữa tối cho cha con tôi. Bà dọn ra bàn vài lát bánh mì nướng cháy, không phải cháy xém bình thường mà cháy đen như than. Tôi ngồi nhìn những lát bánh mì và đợi xem có ai nhận ra điều bất thường của chúng và lên tiếng hay không. Nhưng cha tôi chỉ ăn miếng bánh của ông và hỏi tôi về bài tập cũng như những việc ở trường học như mọi hôm. Tôi không còn nhớ tôi đã nói gì với ông hôm đó, nhưng tôi nhớ đã nghe mẹ tôi xin lỗi ông vì đã làm cháy bánh mì.*  *Và tôi không bao giờ quên được những gì cha tôi nói với mẹ tôi: “Em à, anh thích bánh mì cháy mà.”*  *Đêm đó, tôi đến bên chúc cha tôi ngủ ngon và hỏi có phải thực sự ông thích bánh mì cháy. Cha tôi khoác tay qua vai tôi và nói:“Mẹ con đã làm việc rất vất vả cả ngày và mẹ rất mệt. Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, nhưng con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai trách móc cay nghiệt đấy.”*  *Rồi ông nói tiếp: “Con biết đó, cuộc đời đầy rẫy những thứ không hoàn hảo và những con người không toàn vẹn. Cha cũng khá tệ trong rất nhiều việc, chẳng hạn như cha chẳng thể nhớ được sinh nhật hay ngày kỷ niệm như một số người khác. Điều mà cha học được qua nhiều năm tháng, đó là học cách chấp nhận sai sót của người khác và chọn cách ủng hộ những khác biệt của họ. Đó là chìa khóa quan trọng nhất để tạo nên một mối quan hệ lành mạnh, trưởng thành và bền vững con ạ.*  *Cuộc đời rất ngắn ngủi để thức dậy với những hối tiếc và khó chịu. Hãy yêu quý những người cư xử tốt với con, và hãy cảm thông với những người chưa làm được điều đó.”*  (Theo *Quà tặng cuộc sống*)  **Câu 1.** Xác định ngôi kể trong văn bản trên.  **Câu 2.** Theo em, vì sao người cha lại nói với vợ:*“Em à, anh thích bánh mì cháy mà.”*  **Câu 3.** Qua câu nói sau, người cha muốn nhắn nhủ con điều gì?  *“Mẹ con đã làm việc rất vất vả cả ngày và mẹ rất mệt. Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, nhưng con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai trách móc cay nghiệt đấy.”*  **Câu 4.** Em hãy rút cho cho mình thông điệp ý nghĩa nhất qua câu chuyện trên. |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2**:

- Người cha nói vậy vì ông biết người vợ làm việc cả ngày rất mệt mỏi nên không thể chuẩn bị bữa tối tốt cho gia đình.

- Người cha đã đặt mình vào hoàn cảnh của vợ để thông cảm cho những điều chưa hoàn hào của vợ.  
**Câu 3**: Ý nghĩa của câu nói: những lời chê bai, trách móc sẽ để lại những tổn thương rất lớn cho con người, vì vậy, hãy tha thứ cho nhau khi có thể.  
**Câu 4**: Học sinh có thể tuỳ chọn một trong các thông điệp của câu chuyện:

- Tình thương yêu trong gia đình;

- Sự tha thứ, lòng cảm thông;

- Cách chấp nhận những khiếm khuyết của người khác.

**4. Dạng viết ngắn**

**Đề 1: Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nhận của em về nhân vật tía nuôi An.**

**Đoạn văn tham khảo**

Tía nuôi của An là một người đàn ông từng trải và rất quan tâm đến những đứa con. Đưa các con vào rừng “ăn ong”, ông đi trước, mang theo những vật dụng cần thiết như túi, cái gù, chà gạc và dẫn đường cho chúng. Một người từng trải và nhiều kinh nghiệm đi rừng sẽ luôn đi trước để dẫn dắt. Bên cạnh đó, chi tiết ông nói các con nghỉ chân ăn cơm cho thấy ông là người cha quan tâm và yêu thương con. Tuy không cần quay lại nhìn nhưng chỉ cần nghe nhân vật “tôi” thở, ông cũng cảm nhận được cậu bé đang mệt, cần nghỉ ngơi. Tía nuôi của An là một chăm chỉ làm lụng, trải qua những sương gió của cuộc đời ông đã có cho mình những kinh nghiệm quý báu về công việc. Ông có những hành động rất dứt khoát và mạnh mẽ khi đang đi làm, phục vụ công  việc của mình: “*Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu*”. Tài liệu của Nhung tây Nhưng tía nuôi cũng là một người đầy tình cảm, ông đã cầm tay thằng An để hướng dẫn và chỉ cho nó thấy những điều hay của rừng già. Qua nhân vật tía nuôi An đoạn trích đã thể hiện vẻ đẹp, chất phác, giàu tình cảm của con người đất phương Nam.

**Đề 2: Viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) nêu cảm nhận của em về nhân vật An.**

Qua văn bản "*Đi lấy mật*" ta thấy An là một cậu bé nghịch ngợm nhưng lại ham học hỏi và ưa khám phá. Cậu có những suy nghĩ, quan sát và rút ra được những bài học kinh nghiệm sâu sắc. Những hành động “*chen vào giữa, quẩy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi bơi xuồng đi mượn; đảo mắt khắp nơi để tìm bầy ong mật; reo lên khi thấy bầy chim đẹp…*” cho thấy một tâm hồn thuần khiết, trong sáng. Cậu luôn suy nghĩ về những điều má nuôi đã dạy, về thằng Cò và đôi khi cậu lặng im vì nghĩ rằng nếu hỏi gì thì bị khinh bởi cái gì cũng không biết. Sau một chặng đường mệt mỏi, cậu vui vẻ reo lên và đúc kết ra những điều quý giá để có thể nhìn thấy được bầy ong mật. Bên cạnh đó, An có khả năng quan sát rất tinh tế. Tài liệu của Nhung tây Qua con mắt của cậu, rừng U Minh hiện lên thật hoang sơ, trù phú hùng vĩ. Nó có sự kết hợp giữa vẻ đẹp của các loài vật, các loài cây cũng như những sự vật của thiên nhiên: nắng, mây…Như vậy, An là một cậu bé hồn nhiên, ngây thơ và thích khám phá.

**ÔN TẬP VĂN BẢN: NGÀN SAO LÀM VIỆC**

*(Võ Quảng)*

**I. Giới thiệu tác giả:**

- Võ Quảng (1920-2007) quê ở Quảng Nam.

- Ông sáng tác thơ, truyện, viết kịch bản phim hoạt hình và dịch một số tác phẩm nổi tiếng thế giới.

- Với ngôn ngữ, giọng điệu hồn nhiên, ngộ nghĩnh, vui tươi, thơ viết cho thiếu nhi của ông giản dị, trong sáng gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo.

- Tác phẩm tiểu biểu: *Nắng sớm* (1965), *Anh đom đóm* (1970), *Quê nội* (1970),…

**II. Giới thiệu tác phẩm:**

- Văn bản “*Ngàn sao làm việc*” trích trong *Tuyển tập Võ Quảng*, tập II, NXB Văn học, Hà Nội, 1998, tr.170-171).

**\*Thể thơ:** Thơ 5 chữ. Tài liệu của Nhung tây

**\*Giọng điệu:** Nhẹ nhàng, trong trẻo, vui tươi.

**\*Đề tài:** Tuổi thơ và thiên nhiên (Vẻ của bầu trời đêm).

**\*Bố cục:**

- Hai khổ đầu: *Cảnh vật đồng quê và tâm trạng của nhân vật “tôi”.*

- Bốn khổ thơ cuối: *Vẻ đẹp của dải Ngân Hà và các chòm sao.*

**\*Nhân vật trữ tình:** Nhân vật “tôi”- một bạn nhỏ sống ở làng quê.

**1. Cảnh vật đồng quê và tâm trạng của nhân vật “tôi”**

1. Chi tiết gợi tả không gian, thời gian: *bóng chiều, đồng quê đang xanh thẫm, trở tối mò, trời yên tĩnh, ngàn sao…*Đó là cảnh cánh đồng quê vào buổi chiều hiện lên với vẻ đẹp thanh bình, yên tĩnh.

2. Nghệ thuật tả cảnh: Hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu, ngôn ngữ bình dị, giàu sức gợi, các phép tu từ nhân hoá, so sánh sinh động,..

3. Tâm trạng nhân vật “tôi”: vui tươi, hạnh phúc khi dắt trâu về nhà trong khung cảnh êm đềm, thơ mộng của đồng quê: bóng chiều toả, trời trở tối, người và trâu đi giữa trời đêm *như bước giữa ngàn sao*… Tài liệu của Nhung tây

**2. Ấn tượng về vẻ đẹp khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”**

- Khung cảnh rộng lớn, mênh mông và không khí tươi vui, rộn rã. Ngàn sao toả sáng, những chòm sao hiện lên sống động như những con người đang mải miết, cần mẫn, hăng say trong công việc lao động thường ngày,…

**III. Khái quát:**

**+ Nghệ thuật**

- Giọng điệu nhẹ nhàng, tươi vui;

- Ngôn ngữ bình dị, gợi cảm;

- Hình ảnh so sánh độc đáo, sinh động, gợi nhiều liên tưởng.

**+ Nội dung – Ý nghĩa**

- Bài thơ đã khắc hoạ ấn tượng vẻ đẹp của khung cảnh êm đềm và nhịp sống bình yên nơi đồng quê, của vũ trụ bao la mà vẫn gần gũi, thân thuộc, vui nhộn.

- Tác phẩm đã góp phần bồi đắp cho mỗi chúng ta tình yêu mến thiên nhiên, yêu vẻ đẹp thôn dã…

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Bài thơ Ngàn sao làm việc được trích trong tập thơ nào?**

**A. Tuyển tập Võ Quảng**  B. Quê nội

C. Anh đom đóm D. Cả A và C đều đúng

**Câu 2: Bài thơ Ngàn sao làm việc được chia làm mấy phần?**

A. Một phần B. Hai phần  **C. Ba phần** D. Bốn phần

**Câu 3:** **Bài thơ Ngàn sao làm việc thuộc thể thơ gì?**

A. Bốn chữ B. Thất ngôn tứ tuyệt

D. Lục bát **D. Năm chữ**

**Câu 4: Nhân vật tôi trong Bài thơ Ngàn sao làm việc là ai?**

A. Sao thần nông B. Sao hôm

**C. Chú bé chăn châu** D. Chú Trâu

**Câu 5: Không gian được miêu tả trong** **Bài thơ Ngàn sao làm việc là**

A. Sông nước **B. Đồng quê**

C. Sân vườn D. Triền đê

**Câu 6: Trong** **Bài thơ Ngàn sao làm việc ngôi sao hôm được so sánh với sự vật nào?**

A. Chiếc vó bằng vàng B. gàu tát nước

C.Chiếc quạt hồng **D. Đuốc đèn soi cá**

**Câu 7: Trong Bài thơ Ngàn sao làm việc tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào khi miêu tả nhóm sao Đại Hùng tinh?**

**A. So sánh** B. Nhân hóa

C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**2. Dạng bài tập Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Câu 1.** Văn bản *Ngàn sao làm việc* được viết theo thể thơ nào? Nhận xét về nhịp điệu của bài thơ.  **Câu 2.** Theo cách nhìn của nhân vật “tôi”, những vì sao trong đêm có điều gì thú vị? Cách nhìn đó giúp em hình dung ra sao về nhân vật “tôi”?  **Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong khổ thơ cuối:  *Ngàn sao vui làm việc*  *Mãi đến lúc hừng đông*  *Phe phẩy chiếc quạt hồng*  *Báo ngày lên về nghỉ.* |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Văn bản *Ngàn sao làm việc* được viết theo thể thơ năm chữ. Nhịp điệu của bài thơ; chậm rãi, nhẹ nhàng, phù hợp với nội dung tái hiện khung cảnh êm đềm, thơ mộng của đồng quê ban chiều và về đêm.

**Câu 2.** Theo cách nhìn của nhân vật “tôi”, những vì sao trong đêm đều toả sáng và như những con người đang cần mẫn làm việc. Những công việc giống như những công việc hằng ngày của người nông dân dưới mặt đất. Bầu trời về đêm giống như khung cảnh lao động của người nông dân. Tài liệu của Nhung tây

- Nhân vật “tôi” là một bạn nhỏ có trí tưởng tượng bay bổng, ngộ nghĩnh, yêu lao động, giao hoà với thiên nhiên vũ trụ.

**Câu 3.** Chỉ ra: phép nhân hoá ngàn sao ‘vui làm việc” và hừng đông “phe phẩy chiếc quạt hồng”, “báo ngày lên” để “ngàn sao làm việc”.

- Tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng trong khổ thơ cuối:

+ Tạo không gian vũ trụ gần gũi, thân mật ngộ nghĩnh như con người;

+ Ngàn sao và hừng đông hiện lên như những con người sinh động, có hồn, có sự hăng say, có cả sự quan tâm săn sóc lẫn nhau tạo nên không khí thân ái, nhẹ nhàng, không chút lạ lẫm.

+ Thể hiện cái nhìn trìu mến, âu yếm của tác giả dành cho bầu trời quê hương.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc bốn khổ thơ cuối bài Ngàn sao làm việc và thực hiện các yêu cầu sau:**  *Sông Ngân hà nao nao Chảy giữa trời lồng lộng Sao Thần Nông toả rộng Một chiếc vó bằng vàng Đón những sao dọc ngang Như tôm cua bơi lội  Phía đông nam rời rợi Ai đặt một chiếc nơm Rờ rỡ ngôi sao Hôm Như đuốc đèn soi cá  Bên trời đang rộn rã Cả nhóm Đại Hùng tinh Buông gàu bên sông Ngân Suốt đêm lo tát nước...  Ngàn sao vui làm việc Mải đến lúc hừng đông Phe phẩy chiếc quạt hồng Báo ngày lên, về nghỉ*  *( Trích Ngàn sao làm việc - Võ Quảng SGK tập 1)*  **Câu 1**: Kể ra 1 số bài thơ viết theo thể thơ 5 chữ mà em đã được học và đọc?  **Câu 2**. Chỉ ra những hình ảnh so sánh được nhà thơ sử dụng để miêu tả dải Ngân Hà và các chòm sao Đại Hùng, Thần Nông, sao Hôm.  **Câu 3**. Tìm nét chung ở những hình ảnh so sánh trên.  **Câu 4**. Chọn phân tích một vài chi tiết gợi tả đặc sắc. |

**Gợi ý Trả lời**

**Câu 1:** Bài thơ 5 chữ được học ở lớp 6 là bài Bắt nạt

**Câu 2:** Những hình ảnh so sánh được nhà thơ sử dụng để miêu tả

+ Dải Ngân Hà được ví chảy giữa trời lồng lộng

+ Sao Đại Hùng được ví buông gàu tát nước

+ Sao Thần Nông được ví như chiếc vó bằng vàng, tôm cua bơi lội.

+ Sao Hôm được ví đuốc đèn soi cá.

**Câu 3:** Nét chung ở những hình ảnh so sánh trên là đều được so sánh với những vật dụng lao động của người nông dân (chiếc vó, chiếc nơm, đuốc đèn soi cá, chiếc gàu...). Vì vậy, hình ảnh bầu trời đêm gợi liên tưởng đến khung cảnh lao động của người nông dân: rất quen thuộc, gần gũi, sống động, nhộn nhịp, tươi vui. Lối so sánh độc đáo không chỉ khiến cảnh vật hiện lên rất sinh động mà còn thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật "tôi": rộng mở, giao hòa với thiên nhiên, với vũ trụ.

**Câu 4:**

Ngàn sao làm việc giúp chúng ta thấy được một bầu trời hàng ngàn vì sao đẹp lộng lẫy về đêm. Dải Ngân Hà “chảy giữa trời lồng lộng” như một dòng sông lấp lánh những ánh sao. Sao Thần Nông tỏa rộng “chiếc vó bằng vàng” để đón những vì tinh tú như hàng ngàn con tôm cua đang bơi lội trong dòng sông. Bên kia phía đông nam là ngôi sao Hôm đang tỏa sáng, chiếu rọi vào dòng sông Ngân Hà như một chiếc đuốc đèn được dùng để soi cá. Nhóm Đại Hùng tinh biết buông gàu chăm chỉ suốt đêm lo tát nước. Ngàn sao cùng làm việc, cùng chung sức đã làm nên một vẻ đẹp huyền diệu của trời đêm. Lao động và biết đoàn kết, yêu thương sẽ làm cho vạn vật trở nên đẹp đẽ, đáng yêu. Tài liệu của Nhung tây

**3. Ngữ liệu đọc hiểu ngoài SGk**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục...cục tác cục ta”*  ***Nghe*** *xao động nắng trưa*  ***Nghe*** *bàn chân đỡ mỏi*  ***Nghe*** *gọi về tuổi thơ*  *(Trích Tiếng gà trưa – Xuân Qunhf)*  **Câu 1**: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  **Câu 2**: Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng thông qua các từ in đậm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?  **Câu 3**: Khái quát nội dung khổ thơ trên bằng một câu văn ?  **Câu 4:** Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** - Thể thơ: thơ 5 chữ (hoặc ngũ ngôn)

**Câu 2:** - Biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ

- Tác dụng:

+ Diễn tả tâm trạng vô cùng xúc động của người chiến sĩ khi nghe âm thanh quen thuộc của làng quê. (hoặc nhấn mạnh cảm xúc dâng trào của người chiến sĩ)

+ Tác động của tiếng gà: Tiếng gà đã làm xao động nắng trưa và cả hồn người, gợi âm thanh của tiếng gà nơi quê hương và gợi về quá khứ của tuổi thơ.

**Câu 3**: - Đoạn thơ nói về tâm trạng của người chiến sĩ trên đường hành quân xa. (Hoặc: Tác động của tiếng gà đối với người chiến sĩ, hoặc cảm xúc của người chiến sĩ khi nghe tiếng gà trưa...)

**Câu 4:** Trong bài thơ “tiếng gà trưa” nổi bật lên tình cảm bà cháu vô cùng đẹp đẽ, thiêng liêng. Tình cảm ấy được gợi lại từ tiếng gà trưa thân thuộc trong một lần hành quân xa của người chiến sĩ. Tiếng gà trưa khơi nguồn những kỉ niệm tuổi thơ, những kí ức vui tươi, ấm áp bên bà. Trong kí ức của cháu bà là người tần tảo chắt chiu, luôn yêu thương cháu hết mực. Cháu cũng luôn dành tới bà tình yêu và niềm biết ơn vô bờ. Tình cảm già đình, tình bà cháu tốt đẹp đó sẽ mãi là hành trang theo bước chân của người chiến sĩ, tiếp thêm sức mạnh cho anh trong cuộc chiến đấu hôm nay. Tài liệu của Nhung tây

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc khổ thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục... cục tác cục ta”*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ*  *(Trích Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh Ngữ văn 7 Tập 1)*  **Câu 1.** Tiếng gà trưa vọng vào tâm trí người chiến sĩ vào thời điểm nào?  **Câu 2.** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng của nó. Tài liệu của Nhung tây  **Câu 3.** Tại sao trong rất nhiều âm thanh, người chiến sĩ lại chỉ ám ảnh với âm thanh của tiếng gà trưa?  **Câu 4.** Tiếng gà trưa đem lại cho người chiến sĩ cảm xúc nào? Cảm nhận của em về cảm xúc gợi lên trong lòng anh chiến sĩ. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Thời điểm cụ thể :

*- Trên đường hành quân xa*

*- Dừng chân bên xóm nhỏ*

*- Buổi trưa nắng*

**Câu 2.** Biện pháp nghệ thuật:

+ Hình ảnh ngôn ngữ chân thực, giản dị;

+ Điệp từ “nghe”,điệp cấu trúc câu “nghe…”, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Tiếng gà trưa” được cảm nhận bằng thính giác qua điệp từ “nghe” cùng tâm tưởng, hồi ức, cảm xúc của tâm hồn.

+ Tác dụng: Tạo giọng điệu nhịp nhàng cho câu thơ, tạo sự liên kết chặt chẽ; nhấn mạnh sự tác động mạnh của tiếng gà trưa đến tình cảm cảm xúc của người chiến sĩ.

**Câu 3. Âm thanh:**

*Tiếng gà ai nhảy ổ:  
Cục... cục tác cục ta*

+ Âm thanh của làng quê bình dị, thân thuộc

+ Phá tan cái tĩnh lặng buổi trưa của làng quê

+ Mang lại niềm vui cho con người chốn thôn quê

+ Gợi kỉ niệm ấu thơ.

**Câu 4.**

- Âm thanh bình dị, gần gũi của quê hương, biểu hiện những giây phút bình yên của cuộc chiến;

-Làm cho cho cái nắng hè trở nên xao động, bàn chân không thấy mỏi sau cuộc hành trình chiến đấu;

- Khơi dậy kí ức tuổi thơ trong lòng người chiến sĩ; đem lại những cảm giác vừa bồi hồi, xúc động, vừa hạnh phúc.

=> Đó chính là tình làng quê thắm thiết, sâu nặng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi**  *Tiếng gà trưa Ổ rơm hồng những trứng Này con gà mái mơ Khắp mình hoa đốm trắng Này con gà mái vàng Lông óng như màu nắng  Tiếng gà trưa Có tiếng bà vẫn mắng: - Gà đẻ mà mày nhìn Rồi sau này lang mặt! Cháu về lấy gương soi Lòng dại thơ lo lắng*  *Tiếng gà trưa Tay bà khum soi trứng Dành từng quả chắt chiu Cho con gà mái ấp  (Trích Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh Ngữ văn 7 Tập 1)*  **Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại mấy lần trong bài thơ? Điều đó có tác dụng gì?  **Câu 2.** Tiếng gà trưa đã khơi gợi ở người cháu hình ảnh và kỉ niệm nào của tuổi thơ?  **Câu 3.** Em ấn tượng với hình ảnh, kỉ niệm nào nhất? Vì sao?  **Câu 4.** Hình ảnh người bà hiện lên qua những chi tiết, hình ảnh nào? Qua đó em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của bà và tình cảm của người cháu đối với bà? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại ba lần trong bài thơ. Điều đó có tác dụng: Kết nối các đoạn thơ; điểm nhịp cho từng cảm xúc; nhấn mạnh ấn tượng, tình cảm của người cháu với âm thanh thân thuộc….

**Câu 2.** Mỗi lần “*Tiếng gà trưa*” vang lên là một kỉ niệm được gợi về:

*+* Kỉ niệm về ổ trứng và đàn gà;

+ Kỉ niệm về nỗi lo lắng của bà, niềm hạnh phúc tuổi thơ của cháu;

+ Kỉ niệm giấc mơ hạnh phúc tuổi thơ.

**Câu 3.** Hình ảnh ấn tượng:

**- Kỉ niệm ổ trứng và đàn gà:**

*Ổ rơm hồng những trứng*

*Này con gà mái mơ*

*Khắp mình hoa đốm trắng*

*Này con gà mái vàng*

*Lông óng như màu nắng…*

- Nghệ thuật kể, tả, điệp từ “này”, đảo ngữ“Khắp mình hoa đốm trắng”;

- Tính từ chỉ màu sắc: “hồng, đốm trắng, vàng óng”.

*- Tạo bức tranh kí ức nhiều màu sắc hài hòa, tươi sáng, bình dị của làng quê;*

*- Gợi tả màu sắc tươi sáng, hình ảnh đẹp, bình dị, thân thuộc.*

**- Hình ảnh bà chăm chút từng quả trứng:**

*Tiếng gà trưa*

*Tay bà khum soi trứng*

*Dành từng quả chắt chiu*

*Cho con gà mái ấp*

+ Động từ: “khum”, “soi”

+ Từ láy “chắt chiu”

*=>Người bà thôn quê tần tảo, chịu thương chịu khó, chắt chiu từng niềm vui nhỏ trong cuộc sống đầy lo toan, vất vả.*

**- Hình ảnh nỗi lo lắng của bà và niềm vui tuổi thơ của cháu:**

*Cứ hàng năm hàng năm*

*Khi gió mùa đông tới*

*Bà lo đàn gà toi*

*Mong trời đừng sương muối*

*Để cuối năm bán gà*

*Cháu được quần áo mới*

+ Điệp ngữ: “hằng năm”: *Gợi ra một quãng thời gian dài, triền miên những nỗi lo âu của bà*. Cho thấy tuổi thơ của người chiến sĩ gắn liền với niềm vui, trong trẻo, đầy tình yêu thương của gia đình, làng quê.

**- Hạnh phúc tuổi thơ của cháu:**

*Ôi cái quần chéo go*

*Ống rộng dài quét đất*

*Cái áo cánh trúc bâu*

*Đi qua nghe sột soạt.*

-Những ước mơ nhỏ bé, đơn sơ, giản dị đó được gợi ra hình ảnh người bà chắt chiu từng quả trứng, nâng niu từng sự sống để cuối năm có tiền mua quần áo mới cho cháu.

*=> Bà đã thực hiện ước mơ tuổi thơ của cháu.*

**Câu 4.**

*- Hình ảnh bà hiện lên:*

+ Cách bà chăm chút từng quả trứng;

+ Những lỗi lo âu của bà.

*- Thể hiện tình cảm của bà:*

+ Yêu thương, quan tâm tha thiết -một tình thương bao la, to lớn, cho đi mà không cần nhận lại điều gì.

+ Bà chăm lo cho đàn gà, nâng niu những quả trứng với niềm ao ước, mong muốn một điều ước nhỏ nhoi để cuối năm bán gà mua cho cháu quần áo mới.

- *Tình cảm của người cháu:*

+ Cháu luôn nhớ và biết ơn bà về những lo to toan quan tâm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Cháu chiến đấu hôm nay”*  *(Ngữ văn 6- tập 1)*  **Câu 1**: Hãy chép 5 câu thơ tiếp theo để hoàn thành đoạn cuối bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh. Tài liệu của Nhung tây  **Câu 2**: Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào? Nêu xuất xứ của văn bản?  **Câu 3**: Em hiểu thế nào là điệp ngữ? Chỉ ra điệp ngữ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên và cho biết đó là dạng điệp ngữ nào? Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp điệp ngữ trên.  **Câu 4:** Vì sao người cháu có thể nghĩ rằng cuộc chiến đấu của mình còn là “Vì tiếng gà cục tác. Ổ trứng hồng tuổi thơ”  **Câu 5:** Em cảm nhận được gì về hình ảnh người bà và tình bà cháu trong bài thơ.  **Câu 6:** Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1: C**hép lại chính xác đoạn thơ

*“ Cháu chiến đấu hôm nay*

*Vì lòng yêu Tổ quốc*

*Vì xóm làng thân thuộc*

*Bà ơi, cũng vì bà*

*Vì tiếng gà cục tác*

*Ổ trứng hồng tuổi thơ.”*

**Câu 2:** Hoàn cảnh sáng tác: thời kỳ đầu cuộc KC chống Mỹ

- Xuất xứ: In trong tập “Hoa dọc chiến hào” (1968)

**Câu 3:** - Khái niệm điệp ngữ: Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ; từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.

- Điệp ngữ: “vì” lặp lại 4 lần

- Kiểu: Điệp ngữ cách quãng

**- Nêu tác dụng điệp ngữ:**

**- Hình thức:** đoạn văn

+ Lùi đầu dòng, đánh số câu

+ Đủ số câu yêu cầu

+ Không mắc lỗi chính tả, diễn đạt trôi chảy

**- Nội dung:**

+ Tạo nhịp thơ nhanh, mạnh, dồn dập như bước chân hành quân trên con đường ra trận vững vàng hơn, tự tin hơn với mục đích, lí tưởng cao đẹp.

+ Nhấn mạnh và mở ra mục đích, nguyên nhân động lực của hành động chiến đấu của người chiến sĩ hôm nay: chiến đấu vì những gì thiêng liêng cao cả (lòng yêu Tổ quốc, yêu quê hương) và cũng vì những gì bình dị thân thuộc nhất (vì bà, vì tiếng gà, vì ổ trứng hồng).

Bài thơ tuy viết về đề tài bình dị những vẫn hướng tới chủ đề bao trùm của văn học thời đại đó là sự cổ vũ tinh thần chiến đấu và lòng yêu đất nước quê hương.

=>BPTT góp phần thể hiện chân lí cuối cùng: lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những vật bình thường nhất

**Câu 4**: - Tiếng gà trưa và những ổ trứng hồng là hình ảnh của cuộc sống chân thật, bình yên, no ấm. Tài liệu của Nhung tây

- Tiếng gà trưa thức dậy bao tình cảm bà cháu, gia đình, quê hương

- Đó là âm thanh bình dị của làng quê của làng quê VN.

- Vì :

+ Ổ trứng và tiếng gà là những điều chân thật, thân thương, quí giá. Là biểu tượng hạnh phúc ở mỗi miền quê .

+ Cuộc chiến đấu hôm nay còn có thêm ý nghĩa bảo vệ những điều chân thật và quí giá đó.

**Câu 5**: Hình ảnh người bà: Tần tảo, chắt chiu trong cảnh nghèo. dành trọn vẹn tình yêu thương chăm lo cho cháu, bảo ban, nhắc nhở cháu, ngay cả khi có trách mắng thì cũng là vì tình yêu thương cháu

Tình bà cháu thật sâu nặng, thắm thiết. Bà chắt chiu, chăm lo cho cháu; cháu thương yêu, kính trọng và biết ơn bà. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 6:** **Nghệ thuật:**

+ Điệp ngữ

+ Thể thơ 5 tiếng, ngôn ngữ thơ tự nhiên, chân thực

+ Hình ảnh thơ gần gũi

**- Nội dung:**

+ Tiếng gà trưa gợi lại những kỉ niệm tuổi thơ và tình bà cháu.

+ Tình yêu nước, lí tưởng chiến đấu của người chiến sĩ bắt nguồn từ tình cảm bà cháu, từ kỉ niệm tuổi thơ trong sáng, nghĩa tình.

**3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài chương trình**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc kỹ bài thơ rồi trả lời các câu hỏi sau:**  **ĐÁNH THỨC TRẦU**  *Đã ngủ rồi hả trầu ?*  *Tao đã đi ngủ đâu*  *Mà trầu mày đã ngủ*  *Bà tao vừa đến đó*  *Muốn có mấy lá trầu*  *Tao không phải ai đâu*  *Đánh thức mày để hái*  *Trầu ơi hãy tỉnh lại*  *Mở mắt xanh ra nào*  *Lá nào muốn cho tao*  *Thì mày chìa ra nhé*  *Tay tao hái rất nhẹ*  *Không làm mày đau đâu*  *Đã dậy chưa hả trầu ?*  *Tao hái vài lá nhé*  *Cho bà và cho mẹ*  *Đừng lụi đi trầu ơi !*  1966  *(Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hóa dân tộc, 1999)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của bài thơ.  **Câu 2:** Chỉ ra phép tu từ mà nhà thơ sử dụng trong bài thơ.  **Câu 3:** Nêu tác dụng của phép tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ  **Câu 4:** Vẻ đẹp tâm hồn của con người nhà thơ hiện lên qua bài thơ như thế nào?  Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm

Thể thơ: 5 chữ

**Câu 2**: Phép tu từ được tác giả sử dụng trong bài thơ: nhân hóa

**Câu 3**: - Tác dụng:

+ Cây trầu trở nên gần gũi như một người bạn. Cây trầu cũng có suy nghĩ, buồn vui, đau đớn

+ Con người và thiên nhiên có mối giao hòa

**Câu 4**: Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ:

- Tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, nhạy cảm, yêu mến, nâng niu cỏ cây vạn vật xung quanh mình (yêu thiên nhiên)

- Yêu quý, quan tâm người thân (bà, mẹ)

**4. Dạng viết ngắn**

## ****Đề bài: Ngàn sao làm việc giúp chúng ta thấy được một bầu trời hàng ngàn vì sao đẹp lộng lẫy về đêm****

     Ngàn sao làm việc giúp chúng ta thấy được một bầu trời hàng ngàn vì sao đẹp lộng lẫy về đêm. Dải Ngân Hà “chảy giữa trời lồng lộng” như một dòng sông lấp lánh những ánh sao. Sao Thần Nông tỏa rộng “chiếc vó bằng vàng” để đón những vì tinh tú như hàng ngàn con tôm cua đang bơi lội trong dòng sông. Bên kia phía đông nam là ngôi sao Hôm đang tỏa sáng, chiếu rọi vào dòng sông Ngân Hà như một chiếc đuốc đèn được dùng để soi cá. Nhóm Đại Hùng tinh biết buông gàu chăm chỉ suốt đêm lo tát nước. Ngàn sao cùng làm việc, cùng chung sức đã làm nên một vẻ đẹp huyền diệu của trời đêm. Lao động và biết đoàn kết, yêu thương sẽ làm cho vạn vật trở nên đẹp đẽ, đáng yêu. Tài liệu của Nhung tây

**Đề bài: Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật “ tôi” trong hai khổ thơ đầu bài thơ Ngàn sao làm việc - Võ Quảng**

**Bài tham khảo 1:**

Tâm trạng nhân vật “tôi” trong hai khổ thơ đầu bài thơ “Ngàn sao làm việc” của Võ Quảng đã để lại cho em rất nhiều ấn tượng. Nhân vật “tôi” ở đây là một cậu bé, đồng thời cũng là chủ thể trữ tình của bài thơ. Trong hai khổ thơ đầu, nhân vật “tôi” được thể hiện qua hàng loạt các từ ngữ như “bỗng chốc”, “đúng đỉnh”, “giữa ngàn sao”. Ở khổ thơ đầu, nhân vật “tôi” dường như mới phát hiện ra sự thay đổi của thời gian một cách “bỗng chốc”. Nhưng sự phát hiện này không làm cho nhân vật “tôi” hối hả, vội vã, trái lại là rất thư thái và nhẹ nhõm. Hình ảnh “trâu tôi đi đúng đỉnh/Như bước giữa ngàn sao” miêu tả hình ảnh nhân vật “tôi”ngồi trên lưng trâu để thong dong nhìn ngắm ngàn ánh sao trời. Em cảm nhận được khung cảnh đó thật thanh bình khiến cho con người không phải lo nghĩ, ưu phiền mà nhàn nhã, tự tại.

**Bài tham khảo 2:**

Sau khi đọc xong bài thơ “Ngàn sao làm việc” của tác giả Võ Quảng, em đã đọng lại rất nhiều niềm cảm xúc của tâm trạng nhân vật “tôi” biểu tượng cho bài thơ. Đặc biệt trong hai khổ thơ đầu đã cho chúng ta biết rõ nhân vật “tôi” chính là một cậu bé. Tài liệu của Nhung tây

Tác giả đã mượn góc nhìn của một cậu bé chăn trâu để gửi gắm và thể hiện cái nhìn bao quát và cụ thể của mình. Trong không gian của một buổi chiếu đang vô cùng xinh đẹp với các bờ bụi rậm và đồng quê xanh thắm. Lúc đấy có sự thay đổi “bỗng chốc” của thời gian không khiến cho cậu bé cảm thấy hối hả, vội càng, thay vào đó là một tư thế hiên ngang, thứ thái và không lo sợ điều gì.

Ở khổ thơ thứ hai, hình ảnh cậu bé ung dung, tự tại lại càng được thể hiện rõ hơn qua các từ ngữ “đủng đỉnh”, “giữa ngàn sao” tạo nên trạng thái thong dong, đủng đỉnh ngắm nhìn sự thay đổi cảnh vật. Điều ấy khiến tâm hồn cậu bé thư thái “bước giữa trời yên tĩnh” và bước đi như giữa ngàn sao sáng tuyệt đẹp trên bầu trời.

Thông qua nhân vật “tôi” trong bài thơ, chúng ta đã hình dung ra được một khung cảnh thiên nhiên yên bình, vô lo, vô nghĩ và mang lại nhiều cảm xúc.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ**

**CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**I. Lí thuyết**

**1.** Để làm rõ thêm hoàn cảnh thời gian, không gian, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức của sự việc được diễn ra bằng cụm C-V trong câu, người ta thêm trạng ngữ cho câu.

- Thêm trạng ngữ là một cách mở rộng câu thường thấy.

**2.** Trạng ngữ có thể được thêm vào đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu. Ranh giới giữa trạng ngữ với chủ ngữ, vị ngữ trong câu thường đánh dấu bằng dấu phẩy khi viết và một quãng nghỉ ngắn khi nói.

(1) Trạng ngữ đứng đầu câu: *Từ sáng đến tối, nó chỉ nhởn nhơ rong chơi*.

(Nguyên Hồng)

(2) Trạng ngữ đứng giữa câu: *Nó, từ sáng đến tối, chỉ nhởn nhơ rong chơi.*

(3) Trạng ngữ đứng cuối câu: *Nó chỉ nhởn nhơ rong chơi, từ sáng đến tối.*

**3.** Để làm sáng tỏ hoàn cảnh cho sự việc được nói đến trong câu, có thể thêm nhiều trạng ngữ. Ví dụ:

***Ngoài sân, trong giờ ra chơi, ở nhà đa năng****, các bạn lớp em chơi đá cầu cùng với các bạn lớp bên.*

**4.** Trạng ngữ, tuy là thành phần phụ của câu, nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói đến trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó, nhiều trường hợp, trạng ngữ không thể vắng mặt.

Ví dụ:

(1) Hôm nào, lớp con đi lao động?

- **Chiều mai, vào lúc 4h**, lớp con đi lao động, mẹ ạ.

=> Trạng ngữ chỉ thời gian

(2) **Ven rừng**, rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả. Tài liệu của Nhung tây

=> Trạng ngữ chỉ nơi chốn.

**5.** Trạng ngữ có tác dụng thể hiện không gian, thời gian của sự việc được nói đến trong đoạn văn bản. Nhờ trạng ngữ, các câu, các đoạn mới trở nên liên kết với nhau, có tính mạch lạc.

Ví dụ:

***Buổi chiều hôm ấy****, không khí nặng nề như ngâm hơi nước. Trời tối sẫm. Những đám mây đen trông gần ta hơn. Gió trước còn hiu hiu mát mẻ, sau bỗng ào ào kéo đến như tiếng thác chảy nghe tận đằng xa.*

***Đến nửa đêm****, bốn phương trời đều như có gió nổi lên hợp thành một luồng mạnh ghê gớm. Thỉnh thoảng luồng gió đông nam gặp luồng tây bắc quay cuồng vật lộn như giận dũm như hò reo, một lúc lại tan ra như mưa đang to bỗng tạnh. Gió lại im như trốn đâu mất. Rồi đột nhiên lại kéo đến rất mau, chốc chốc lại rít lên những tiếng ghê sợ trên các ngọn cây. Vạn vật đều như sụp đổ dưới cơn bão loạn cuồng.*

***Mãi đến sáng hôm sau****, bão mới ngớt.*

(Hàn Thế Du)

- Nhờ các trạng ngữ chỉ thời gian trong đoạn văn trên mà các sự kiện được liên kết với nhau theo một trình tự xác định.

**6.** Để nhấn mạnh ý, chuyển ý, bộc lộ cảm xúc….ta có thể tách trạng ngữ, đặc biệt là trạng ngữ đứng cuối câu, thành những câu riêng.

- Hiện tượng tách các bộ phận của câu thành câu riêng không phải chỉ xảy ra với trạng ngữ mà xảy ra với cả các thành phần khác của câu.

Ví dụ:

*Nói xong, anh ta vừng đứng lên, giơ tay chào mọi người rồi đi ra cửa. Mọi người nhìn theo anh ta.* ***Im lặng.***

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

- “Im lặng” được tách ra là thành phần vị ngữ của câu cùng loại với nhìn theo: Mọi người nhìn theo, im lặng.

- Hiện tượng tách thành câu riêng này có giá trị tu từ nghệ thuật rất phong phú:

**a. Dùng để nhấn mạnh, cụ thể hóa nội dung của câu:**

*Dung là cô gái rượu bà béo chủ quán.* ***Chẳng đẹp gì nhưng cũng mũm mĩm và trắng trẻo. Mà lại là một. Mà lại diện****. Có diện nhất vùng này.*

(Nam Cao)

**b. Đặc tả trạng thái tâm lí, cảm xúc:**

*Đôi mắt ấy nhìn tôi, ngập ngừng nhiều lần.* ***Lặng im nhiều lần. Rồi mới hỏi.***

(Nguyễn Thị Ngọc Tú)

**c. Tạo nhịp điệu cho câu văn:**

*Huống hồ giá nào cho xứng cái mà cuốn sách chứa đựng, gợi mở.* ***Một tư tưởng khai sáng. Một kiến thức nền tảng. Một cách gọi tên sự vật. Một rung cảm thần tiên. Một phút giây suy tưởng. Một mơ mộng. Một bâng khuâng, một bảng lảng, một khoái cảm được biểu hiện năng lực người của mình.*** Tài liệu của Nhung tây

(Ma Văn Kháng)

**3. Cách mở rộng trạng ngữ và tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ**

- Việc mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị thường được thực hiện bằng một trong hai cách:

- Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ

- Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ.

+ Cụm chính phụ là cụm từ gồm một thành tố chính và một hay nhiều thành tố phụ ở trước và sau thành tố chính. Cụm từ chính phụ gồm: Cụm danh từ, Cụm động từ và Cụm tính từ .

**II. Xác định thành phần chính của câu**

**a. Khái niệm thành phần chính:**

- Thành phần chính của câu là thành phần bắt buộc phải có để câu có cấu trúc hoàn chỉnh và diễn đạt được ý trọn vẹn.

- Trong câu có hai thành phần chính đó là chủ ngữ và vị ngữ:

***Chủ ngữ của câu*:**

**+** Là bộ phận chính của câu kể tên sự vật, hiện tượng có hoạt động, tính chất, trạng thái, được miêu tả ở vị ngữ v.v .. Chủ ngữ thường trả lời các câu hỏi: *Ai ? Cái gì ? Con gì?* Tài liệu của Nhung tây

+ Chủ ngữ thường là danh từ, đại từ hoặc cụm danh từ. Trong một số trường cụ thể thì động từ, tính từ hoặc cụm động từ, cụm tính từ cũng có thể làm chủ ngữ.

Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.

Ví dụ: Anh trai ấy hát rất hay. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ đi xem phim. Bà tôi có mái tóc bạc phê. Mẹ Lan là người quan tâm mình nhiều nhất.

***Vị ngữ của câu:***

+ Là bộ phận chính của câu có thể kết hợp với các trạng ngữ chỉ quan hệ thời gian và trả lời các câu hỏi:*Làm gì? Làm thế nào, cái gì, nó là gì?*

+ Vị ngữ thường là một động từ hoặc một động từ, một tính từ hoặc một cụm tính từ, một danh từ hoặc một cụm danh từ. Trong câu có thể có một hay nhiều vị ngữ.

**b. Cấu tạo thành phần chính:**

- Câu có CN làm CDT:

a. **Con mèo đen kia**/ đã làm đổ lọ hoa.

b. **Những em học sinh**/ đang say sưa học bài.

- Câu có VN làm CĐT:

c. Các bạn học sinh/ **đang hăng hái tiến về lễ đài**.

d. Dòng sông/ **uốn lượn bao bọc làng quê.**

- Câu có VN làm CTT:

e. Cô bé/ **rất đáng yêu**.

g. Bức tranh/ **tuyệt đẹp.**

**c. Rút gọn thành phần chính:**

3. Rút gọn:

a. **Con mèo**/ đã làm đổ lọ hoa.

b. **Học sinh**/ đang say sưa học bài.

- Câu có VN làm CĐT:

c. Các bạn học sinh/ **tiến về**.

d. Dòng sông/ **uốn lượn.**

- Câu có VN làm CTT:

e. Cô bé/  **đáng yêu**.

g. Bức tranh/ **đẹp.**

\*Khi rút gọn thì thành phần câu chỉ còn là một từ, thông tin chứa đựng không phong phú.

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1: (SGK)** Xác định trạng ngữ trong các câu sau:

a. Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc.

b. Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.

Hãy thử rút gọn trạng ngữ trong mỗi câu và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi rút gọn thành phần trạng ngữ.

**Gợi ý trả lời**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Trạng ngữ** | **Rút gọn trạng ngữ** | **Câu đã rút gọn trạng ngữ** |
| a | Khoảng hai giờ sáng | - Hai giờ sáng  - Sáng | - Hai giờ sáng Mon tỉnh giấc.  - Sáng, Mon tỉnh giấc. |
| b | Suốt từ chiều hôm qua | - Từ chiều hôm qua  - Chiều hôm qua  - Hôm qua | - Từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.  - Chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.  - Hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn. |

- Nhận xét: Khi rút gọn trạng ngữ trong mỗi câu, ý nghĩa của câu không thay đổi nhưng thông tin cụ thể về về thời gian đã bị mất đi.

**Bài 2: (SGK)**

So sánh các câu trong từng cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ:

a. - Trong gian phòng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.

- Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.

*(Tạ Duy Anh,*Bức tranh của em gái tôi*)*

b. - Thế mà qua một đêm, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

- Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

(Thạch Lam, Gió lạnh đầu mùa)

c. - Trên nóc một lô cốt, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.

- Trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.

(Trần Hoài Dương, Miền xanh thẳm)

**Gợi ý trả lời**

a. Câu (2) có trạng ngữ được mở rộng hơn câu (1), giúp miêu tả không gian của nơi chốn được dùng làm trạng ngữ: gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng.

b. Câu (2) có trạng ngữ được mở rộng hơn câu (1), giúp cung cấp thông tin về sự việc (mưa rào) đã xảy ra trong đêm hôm trước.

c. Câu (2) có trạng ngữ được mở rộng hơn câu (1), giúp cụ thể hóa nơi chốn được dùng làm trạng ngữ.

**Bài 3. Tìm trạng ngữ trong các câu dưới đây và cho biết tác dụng của chúng?**

1. Tảng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượu. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn…Ven rừng, rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả. Tài liệu của Nhung tây

*(Hoàng Hữu Bội)*

2. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.

(Phạm Văn Đồng)

3. Vì chuôm cho cá bén đăng

Vì chàng thiếp phải đi trăng về mò

*(Ca dao)*

4. Đánh “xoảng” một cái, cái bát ở mâm Lí cựu bay thẳng sang mâm Lí đương và đánh “chát” một cái, cái chậu ở chiếu Lí đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh Lí cựu.

*(Ngô Tất Tố)*

5. Sọ Dừa chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, cậu lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng. bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa.

(Sọ Dừa)

6. Anh không ngờ đời Hạnh tiếp sau đó cho đến ngày lấy chồng đã phải lưu lạc khắp nơi…Bây giờ Hạnh là bác sĩ và con cái đã lớn.

*(Nguyễn Minh Châu)*

7. Y nhớ một lần y ở Hà Nội về quê. Hồi ấy, vợ chồng ý mới ăn riêng

*(Nam Cao)*

8. Dưới gầm trời này, tôi lo gì không thừa chiếc giường hẹp để tôi lăn kềnh tấm thân thước rưỡi. Tài liệu của Nhung tây

*(Nguyễn Công Hoan)*

9. Ngoài miền Bắc, Thăng nghĩ, chắc là gia đình Phật đã biết Phật gặp Thăng và yêu Thăng.

*(Nguyễn Minh Châu)*

10. Dưới vành khăn xếp nhiễu tây, cái mặt phèn phẹt như rơi xuống sân đình đánh “huỵch”.

*(Ngô Tất Tố)*

11. Đó là cái cổng nhà Lợi. Phía trên lối ra vào, nó xây thêm một tầng nữa.

*(Lê Lựu)*

12. Suốt dọc đường, từ ngoài cánh đồng trở về, cô bé và con mèo chỉ đối thoại bằng mấy tiếng đơn giản.

*(Nguyễn Minh Châu)*

13. Giữa sống và chết, người lính không có gì ngoài tình yêu thương đùm bọc của người xung quanh.

14. Qua hàng nước mắm, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe.

*(Khánh Hoài)*

15. Trong tấm áo dài màu thiên thanh từ ngày may chưa bao giờ xỏ tay, bà mẹ trẻ đẹp đến nỗi chính ông Phán cũng phải lấy làm ngạc nhiên.

*(Nguyễn Minh Châu)*

16. Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài.

*(Tô Hoài)*

17. Từng nhát một, cối giã gạo nổi lên tiếng ken két thong thả.

*(Nguyễn Công Hoan)*

18. Theo ánh sáng lấp lánh của các ao ruộng, chị Dậu lần đường đi đến nhà hàng cơm ban trưa, định trú chân đến sáng.

*(Ngô Tất Tố)*

19. Còn tôi, chỉ vì hai đồng bạc mà phải tuyệt giao với một người yêu.

*(Nguyễn Công Hoan)*

20. Để có thể sớm trở về cơ quan tiếp tục làm việc, tôi cũng phải tự chữa bệnh cho tôi.

*(Nguyễn Minh Châu)*

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 3.** Trạng ngữ được in đậm.

1. **Tảng sáng**, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượu. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn…**Ven rừng,** rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả.

(Tác dụng chỉ thời gian và nơi chốn)

2. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp **bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.**

(Tác dụng trạng ngữ chỉ nguyên nhân, giải thích)

3. **Vì chuôm** cho cá bén đăng

**Vì chàng** thiếp phải đi trăng về mò

(Tác dụng trạng ngữ chỉ nguyên nhân, giải thích)

4. **Đánh “xoảng” một cái**, cái bát ở mâm Lí cựu bay thẳng sang mâm Lí đương và **đánh “chát” một cái**, cái chậu ở chiếu Lí đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh Lí cựu.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

5. Sọ Dừa chăn bò rất giỏi. **Hằng ngày**, cậu lăn sau đàn bò ra đồng, **tối đến** lại lăn sau đàn bò về chuồng. bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Ngày mùa, tôi tớ ra đồng làm cả, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

6. Anh không ngờ đời Hạnh tiếp sau đó cho đến ngày lấy chồng đã phải lưu lạc khắp nơi…**Bây giờ** Hạnh là bác sĩ và con cái đã lớn.

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

7. Y nhớ một lần y ở Hà Nội về quê. **Hồi ấy**, vợ chồng ý mới ăn riêng

(Trạng ngữ chỉ thời gian)

8. **Dưới gầm trời này**, tôi lo gì không thừa chiếc giường hẹp để tôi lăn kềnh tấm thân thước rưỡi.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

9. **Ngoài miền Bắc**, Thăng nghĩ, chắc là gia đình Phật đã biết Phật gặp Thăng và yêu Thăng.

(Trạng ngữ chỉ không gian rộng)

10. **Dưới vành khăn xếp nhiễu tây**, cái mặt phèn phẹt như rơi xuống sân đình đánh “huỵch”.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

11. Đó là cái cổng nhà Lợi. **Phía trên lối ra vào**, nó xây thêm một tầng nữa.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

12. **Suốt dọc đường, từ ngoài cánh đồng trở về**, cô bé và con mèo chỉ đối thoại bằng mấy tiếng đơn giản.

(Trạng ngữ chỉ không gian)

13. **Giữa sống và chết**, người lính không có gì ngoài tình yêu thương đùm bọc của người xung quanh. (Trạng ngữ nêu ra một tình huống giả định)

14. **Qua hàng nước mắm**, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe.

(Trạng ngữ chỉ tình huống)

15. **Trong tấm áo dài màu thiên thanh từ ngày may chưa bao giờ xỏ tay**, bà mẹ trẻ đẹp đến nỗi chính ông Phán cũng phải lấy làm ngạc nhiên.

(Trạng ngữ chỉ tình huống)

16**. Chưa nghe hết câu**, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài.

(Trạng ngữ chỉ tình huống)

17. **Từng nhát một**, cối giã gạo nổi lên tiếng ken két thong thả.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

18. **Theo ánh sáng lấp lánh của các ao ruộng**, chị Dậu lần đường đi đến nhà hàng cơm ban trưa, định trú chân đến sáng.

(Trạng ngữ chỉ cách thức)

19. Còn tôi, **chỉ vì hai đồng bạc** mà phải tuyệt giao với một người yêu.

(Trạng ngữ chỉ nguyên nhân)

20. **Để có thể sớm trở về cơ quan tiếp tục làm việc**, tôi cũng phải tự chữa bệnh cho tôi.

(Trạng ngữ chỉ mục đích)

**Bài 4. Biến đổi từng câu sau thành một câu có trạng ngữ:**

Mẫu: Hôm ấy là chủ nhật. Lớp tôi đi tham quan.

=> Hôm chủ nhật, lớp tôi đi tham quan.

1. Mặt biển bao la rực rỡ ánh vàng buổi sớm. Những chiếc thuyền đánh cá nhòe dần trong muôn ngàn tia phản chiếu chói chang.

2. Đêm đã về khuya. Không gian trở nên yên tĩnh.

3. Con đường này dẫn tới biển. Buổi sáng, từng tốp người đi ra biển tắm sớm.

4. Trời nhá nhem tối. Những người bán hàng thu dọn, sửa soạn về nhà.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 4.**

1. Trên mặt biển bao la rực rỡ ánh vàng buổi sớm, những chiếc thuyền đánh cá nhòe dần trong muôn ngàn tia phản chiếu chói chang.

2. Trong đêm khuya, không gian trở nên yên tĩnh.

3. Trên con đường dẫn tới bờ biển, buổi sáng, từng tốp người đi ra biển tắm sớm.

4. Vào lúc trời nhá nhem tối, những người bán hàng thu dọn, sửa soạn về nhà.

**Bài 5. Điền trạng ngữ thích hợp vào chỗ chấm:**

1. /…/ trời mưa tầm tã, /…/ trời lại nắng chang chang.

2. /…/ cây cối đâm chồi nảy lộc.

3. /…/ tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.

4. /…/ họ chạy về phía có đám cháy.

5. /…/ em làm sai mất bài toán cuối.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 5.** Tham khảo một vài câu sau:

1. Buổi sáng, trời mưa tầm tã, tới trưa, trời lại nắng chang chang.

2. Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc.

3. Trong quán nước, tôi gặp một người lạ mặt hỏi đường đi chợ huyện.

4. Hiếu kì, họ chạy về phía có đám cháy.

5. Trong bài kiểm tra vừa rồi, em làm sai mất bài toán cuối.

**Bài 6. Tìm các trạng ngữ trong câu sau và cho biết có thể lược bỏ chúng đi được không? Tại sao?**

1. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng – những màu vàng rất khác nhau.

(Tô Hoài)

2. - Hôm qua, ai trực nhật?

- Thưa cô, hôm qua, em trực nhật ạ.

3. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôi lại đánh một hồi mõ rồi tung thóc ra sân.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 6.** Các trạng ngữ được in đậm như sau:

1. **Mùa đông, giữa ngày mùa**, làng quê toàn màu vàng – những màu vàng rất khác nhau. Tài liệu của Nhung tây

2. – **Hôm qua**, ai trực nhật?

- Thưa cô, **hôm qua**, em trực nhật ạ.

3. **Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn**, chú tôi lại đánh một hồi mõ rồi tung thóc ra sân.

=> Trạng ngữ tuy là thành phần phụ, nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói đến trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó, nhiều trường hợp không thể bỏ trạng ngữ đi được. Trong các câu trên, duy chỉ có câu “Thưa cô, hôm qua, em trực nhật ạ.” là có thể lược bỏ trạng ngữ, vì ý nghĩa về thời gian đã được cả người nói và người nghe biết trước.

**Bài 7. Tìm các trạng ngữ được tách thành các câu riêng trong các đoạn trích sau và cho biết giá trị của chúng.**

a. Những người Pháp muốn thật thà cộng tác với ta thì ta thật thà cộng tác với họ, ích lợi cho cả đôi bên. Để cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh. Để cho người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh. Để cho những kẻ khiêu khích muốn chia rẽ không có thể và không có cơ sở mà chia rẽ. Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.

(Hồ Chí Minh)

b. Dự định mà còn biết bao ngập ngừng, cả cô Quyên và bà tôi đều im lặng, nghĩ đến các trắc trở ngoài sức cố gắng của mình. Cho đến lúc ngoài sân nhà cô Đại Bàng có hai đứa con gái. Đó là Vàng Anh và con Vành khuyên.

(Ma Văn Kháng)

c. Hoa cúc, có hay là không có?

Trong đầm lầy tuổi nhỏ của ta xưa.

(Xuân Quỳnh)

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Bài 7.** Các trạng ngữ được tách thành câu riêng như sau:

a. Để cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh. Để cho người Pháp ủng hộ ta càng thêm đông, sức ủng hộ càng thêm mạnh. Để cho những kẻ khiêu khích muốn chia rẽ không có thể và không có cơ sở mà chia rẽ. Để cho công cuộc thống nhất và độc lập của chúng ta chóng thành công.

(Tác dụng liên kết và chỉ ý nghĩa mục đích của việc ta cộng tác với người Pháp)

b. Cho đến lúc ngoài sân nhà cô Đại Bàng có hai đứa con gái. (Tác dụng liên kết và có ý nghĩa chỉ thời gian) Tài liệu của Nhung tây

c. Trong đầm lầy tuổi nhỏ của ta xưa. (tác dụng chỉ nơi chốn, không gian)

**Bài 8. Viết đoạn văn ngắn (từ 10 đến 15 câu) có ít nhất một câu có trạng ngữ. Chỉ ra các trạng ngữ trong đoạn văn và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì cho câu?**

**Bài 9.** Viết đoạn văn ngắn (từ 10 đến 15 câu) có sử dụng trạng ngữ dùng để liên kết các câu trong đoạn.

**Bài 8 và 9:** HS tự luyện tập viết đoạn văn theo yêu cầu

**Bài 10:**

Chỉ ra những trường hợp tách trạng ngữ thành câu riền trong các chuỗi câu dưới đây. Nêu tác dụng của những câu do trạng ngữ tạo thành

a) Bố cháu đã hi sinh. Năm 72.

*(Theo báo Văn nghệ)*

b) Bốn người lính đều cúi đầu, tóc xoã gối. Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn.

*(Anh Đức)*

**Gợi ý:**

Câu a:

- Trạng ngữ: *Năm 72.*

- Tác dụng: nhấn mạnh đến thời điểm hi sinh của nhân vật được nói đến trong câu đứng trước.

Câu b:

- Trạng ngữ: *Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ dờn li biệt, bồn chồn.*

- Tác dụng: làm nổi bật thông tin ở nòng cổt câu; nhấn mạnh sự tương đồng của thông tin mà trạng ngữ biểu thị, so với thông tin ở nòng cốt câu.

**Bài 11:** Viết đoạn văn có sử dụng câu đăc biệt , câu rút gọn và câu có thành phần trạng ngữ

**Gợi ý:**

Mùa đông, gió mùa đông bắc tràn về cùng với cái lạnh khắc nghiệt và đường phố cũng vắng vẻ hơn thường lệ. **Buổi sáng**, mặt trời lười biếng vẫn còn đang ngủ, không chịu dậy để ban phát những tia nắng ấm áp cho cỏ cây hoa lá.**Lạnh!** Ra đường, cụ già, trẻ em và cả các thanh niên sung sốc... tất cả đều mặc những chiếc áo len, áo khoác dày, quàng khăn, đội mũ sùm sụp để có thể làm giảm đi cái rét cắt da cắt thịt. Hai hàng bàng ven đường đã trút bỏ bộ cánh già cỗi từ lâu, chỉ còn trơ lại những chiếc cành khẳng khiu nhẫn nại chịu đựng giá rét. Tài liệu của Nhung tây Bên đường, hàng phở tấp nập người ra vào, cô bán hàng làm luôn tay, nào lấy bánh, nào chan nước...**Nụ cười tươi tắn vì bán hàng chạy, các bát phở nóng hổi bốc hơi nghi ngút chờ đợi mọi người thưởng thức**. Dường như họ đã tạm quên đi cái lạnh giá của mùa đông.

- Câu đặc biêt: Lạnh!

- Câu rút gọn:  Nụ cười tươi tắn vì bán hàng chạy, các bát phở nóng hổi bốc hơi nghi ngút chờ đợi mọi người thưởng thức.

- Trạng từ: buổi sáng

**Bài 12:**

Mỗi câu trong từng cặp câu dưới đây trình bày một ý riêng. Hãy gộp các câu cùng cặp thành một câu có cụm C – V làm thành phần câu hoặc thành phần cụm từ mà không thay đổi nghĩa chính của chúng.

a) Chúng em học giỏi. Cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.

b) Nhà văn Hoài Thanh khẳng định: “Cái đẹp là có ích”.

c) Tiếng việt rất giàu thanh điệu. Điều đó khiến lời nói của người Việt nam ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.

d) Cách mạng tháng Tám thành công. Từ đó, tiếng Việt có một bước phát triển mới, một số phận mới.

**Gợi ý:**

- Câu a: Thêm động từ

Chúng em học giỏi làm cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.

- Câu b: Dùng lời dẫn trực tiếp làm phụ ngữ cho động từ khẳng định

Nhà văn Hoài Thanh khẳng định rằng cái đẹp là cái có ích.

- Câu c: bỏ cụm từ điều đó

Tiếng Việt rất giàu thanh điệu khiến lời nói của người Việt Nam ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.

- Câu d: thay thế cụm từ từ đó bằng một cụm động từ hoặc têm cụm danh từ đầu câu

Từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, tiếng Việt có một bước phát triển mới, số phận mới. Tài liệu của Nhung tây

**TÓM TẮT VĂN BẢN**

**THEO NHỮNG YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI**

**I. lí thuyết**

## 1. Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt

- Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.

- Trình bày được những ý chính, những nội dung quan trọng của văn bản gốc.

- Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.

- Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.

**2. Trước khi tóm tắt**

- Đọc kĩ văn bản gốc

- Xác định nội dung chính cần tóm tắt

+ Xác định nội dung khái quát, cốt lõi của toàn văn bản

+ Tìm ý chính của từng phần hoặc đoạn và xác đinh quan hệ giữa các phần hoặc các đoạn

+ Tìm các từ ngữ quan trọng

+ Xác định ý chính của văn bản

+ Xác định đúng nội dung khái quát, cốt lõi

+ Xác định các phần trong văn bản

- Tìm ý chính của từng phần

- Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt

+ Xác định ý lớn và ý nhỏ của văn bản gốc

+ Tùy theo yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt mà lựa chọn ý lớn hay ý nhỏ từ văn bản gốc

**3. Viết văn bản tóm tắt**

- Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí

- Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt

- Chú ý bảo đảm yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt

**4. Chỉnh sửa**

Rà soát, tự chỉnh sửa văn bản tóm tắt của em

## Đề 1: Viết đoạn văn tóm tắt văn bản Bầy chim chìa vôi

### Dàn ý Viết đoạn văn tóm tắt văn bản Bầy chim chìa vôi

**1. Mở đoạn:**

- Giới thiệu chung về bối cảnh mở đầu văn bản.

**2. Thân đoạn:**

- Tóm tắt dựa trên nội dung khái quát, cốt lõi của văn bản.

+ Hai anh em Mon và Mên trằn trọc giữa đêm mưa vì lo cho tổ chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông.

+ Quyết định đi cứu bầy chim chìa vôi của Mon và Mên.

+ Cảm xúc của hai anh em khi chứng kiến cảnh bầy chim chìa vôi đập cánh bay lên.

**3. Kết đoạn:**

- Chi tiết kết thúc văn bản.

**Bài tóm tắt mẫu**

Câu chuyện “Bầy chim chìa vôi” kể về thói quen làm tổ và đẻ trứng của bầy chìa vôi ở trên bãi cát vào mùa nước cạn, và khi mùa mưa đến, nước dâng lên cũng là lúc bầy chim chìa vôi bay đi. Khác mọi năm, năm nay mùa nước đến sớm hơn vào lúc nửa đêm, anh em nhà Mên Mon lo lắng cho bầy chìa vôi non nên đã quyết định chèo thuyền ra bãi cát cứu bầy chim. Tại bãi cát hai anh em đã được chứng kiến cuộc cất cánh ngoạn mục của bầy chim non và hai anh em bật khóc.

**Đề 2: Tóm tắt văn bản đi lấy mật**

Truyện kể về một lần An cùng với Cò theo tía nuôi đi lấy mật. Trên đường đi, An cảm thấy núi rừng thật đẹp. Tài liệu của Nhung tây Tía nuôi đi trước dẫn đường, An và Cò theo sau. Khi An thấm mệt, tía nuôi đề nghị sẽ nghỉ ngơi, chờ An hết mệt rồi mới đi tiếp. Cò đã chỉ cho An cách xem đàn ong mật. Sau đó, họ tiếp tục đi lấy mật và thu hoạch được rất nhiều. Họ đi tới một cái trảng rộng, nhìn thấy biết bao là chim. An vô cùng thích thú, nhưng khi nghe Cò nói đến “sân chim”, cậu lại im lặng vì từ ái nghĩ nếu cái gì cũng hỏi thì Cò sẽ khinh mình dốt. Khi bắt gặp một kèo ong, An nhớ lại lời má dạy về cách xây kèo. Người dân vùng đất U Minh có một cách “thuần hóa” ong rất đặc biệt.

**NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

**I. Trước khi nói**

**1. Chuẩn bị nội dung nói**

- Dựa vào chính thực tế cuộc sống của mình và những điều em biết được từ sách báo, phương tiện nghe nhìn để trao đổi về một vấn đề mà em cho là quan trọng, có ý nghĩa. Gợi ý:

+Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ.

+Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe, thấu hiểu.

+Trẻ em với việc học tập. Tài liệu của Nhung tây

+Bạo hành trẻ em

- Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày:

- Nhớ lại những trải nghiệm của em

- Tìm thêm thông tin liên quan từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn nói

- Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng khi trình bày như: vấn đề trao đổi và các biểu hiện của nó, ý kiến của em, tác động của vấn đề và bài học rút ra sau khi bàn luận

- Dự kiến các nội dung người nghe có thể trao đổi để chuẩn bị phản hồi

**2. Tập luyện**

- Em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp.

- Em có thể tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét, góp ý để hoàn thiện bài nói

**Chuẩn bị nội dung nói**

**- Bước 1:** Xác định đề tài/vấn đề, người nghe, mục đích, người nghe không gian và thời gian thực hiện/trình bày bài nói. (SGK, tr.30).

**- Bước 2:** Thu thập tư liệu. (SGK, tr.31)

**- Bước 3:** Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng. (SGK, tr.31)

*+Nêu vấn đề và biểu hiện của vấn đề;*

*+ Nguyên nhân;*

*+ Tác động: Lợi ích/tác hại; mặt tốt/mặt xấu;*

*+ Bài học: Nhận thức và hành động.*

**- Bước 4:** Dự kiến trao đổi các nội dung mà người nghe phản hồi.

**II. Trình bày bài nói**

**1. Người nói:**

- Trình bày bài nói theo các nội dung đã được chuẩn bị

- Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe

- Có thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ, bài hát…) để bài nói thuyết phục hơn

**2. Người nghe:**

- Tập trung lắng nghe nội dung trình bày

- Ghi chép lại các ý quan trọng để nắm được nội dung chính của bài trình bày.

- Chú ý thái độ và cách trình bày vấn đề của người nói

- Ghi lại một số nội dung sẽ trao đổi với người nói

**Đề 1: Viết đoạn văn về tình trạng bạo lực học đường của học sinh hiện nay.**

**Bài viết tham khảo**

Là học sinh, việc chúng ta cần làm đó là trau dồi bản thân để cống hiến cho đất nước. Tuy nhiên, hiện nay ở trường học có nhiều hiện tượng tiêu cực xảy ra, điển hình là hiện tượng bạo lực học đường. Bạo lực học đường là tình trạng học sinh có ý xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau, nặng hơn là việc các em học sinh dùng vũ lực, kéo bè kéo phái để đánh nhau vì một lí do, nguyên nhân nào đó. Ở trong trường học, hiện tượng các em học sinh chửi bới, lặng mạ, sỉ nhục bạn bè hiện nay khá phổ biến. Bên cạnh việc lăng mạ, xúc phạm người khác thì hiện tượng đánh nhau giữa học sinh cũng không phải khó gặp, thậm chí có nhiều trường hợp công an phải vào cuộc. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này trước hết là do ý thức của các bạn học sinh còn kém, các bạn muốn thể hiện cá tính, bản thân mình hơn người nên dùng bạo lực và ngôn ngữ không đứng đắn để chứng minh. Nguyên nhân khách quan là do sự quản lí còn lỏng lẻo của gia đình và nhà trường, chưa định hướng cho các em tư duy đúng đắn dẫn đến những hành động lệch lạc. Tài liệu của Nhung tây Tình trạng bạo lực học đường hình thành thói hung hăng, tính cách không tốt cho người thực hiện hành vi bạo lực; gây tổn hại, ảnh hưởng về sức khỏe, về tâm lí cho người bị hành hung và gây ra những hình ảnh xấu cho học sinh, nhà trường và gia đình. Mỗi học sinh cần có nhận thức đúng đắn, sống chan hòa với mọi người, bạn bè xung quanh, hướng đến những điều tốt đẹp, không dùng bạo lực để giải quyết vấn đề. Ngoài ra chúng ta cần tích cực học tập, trau dồi bản thân, đóng góp có ích cho trường lớp, giúp cho môi trường sư phạm phát triển bền vững, sống có ước mơ, khát vọng, lí tưởng, biết vươn lên để thực hiện những ước mơ, hoài bão đó.

**Đề 2. Sự tự lập**

Trên con đường thành người, chúng ta phải trải qua nhiều quá trình khổ luyện bản thân. Một trong những đức tính tốt đẹp mà chúng ta cần rèn luyện chính là tự lập. Tự lập là một cách sống tự quyết định, tự hành động, tự lựa chọn cho mình một con đường trong tương lai để đi mà không dựa dẫm vào người khác, mọi hành động đều phụ thuộc vào chính bản thân mỗi người. Khi con người có tính tự lập thì họ sẽ tự mình đương đầu với khó khăn thử thách của cuộc sống. Đó là nền tảng để dẫn đến thành công và theo đuổi ước mơ hoài bão của bản thân. Tự lập giúp con người suy nghĩ nhiều hơn, tự đánh thức tài năng ẩn dấu trong bản thân và từ đó khơi lên trí sáng tạo. Khi có tính tự lập, con người có ý thức hơn về mọi hành động của mình. Tính tự lập giúp con người nhìn toàn diện hơn về đời sống, có cái nhìn bao quát về mọi mặt và giúp con người khẳng định được giá trị bản thân trong mắt mọi người. Rèn luyện được tính tự lập đồng nghĩa với việc chúng ta có thể rèn luyện những tính cách khác như: gọn gàng, tự giác, có ý chí phấn đấu vươn lên, kiên trì với mục tiêu,… Nếu ta không có tính tự lập, sống ỷ lại vào người khác, lười biếng thì không những không thành công mà còn bị những người xung quanh xa lánh, khinh thường. Cũng có những người chỉ biết nghe theo sự sắp xếp của người khác, không có chính kiến và hướng đi cho riêng mình,… Tài liệu của Nhung tây Những người này cần phải xem xét lại bản thân mình, sống tự lập nếu muốn có được thành công và những điều tốt đẹp. Chúng ta không được lựa chọn nơi mình sinh ra nhưng chúng ta được lựa chọn cách sống cho bản thân mình. Hãy sống tự lập, độc lập, tạo ra những giá trị tốt đẹp cho bản thân cũng như cho xã hội.

**Đề 3. Hậu quả của thói tự cao tự đại trong cuộc sống**

Nếukhiêm nhường là đức tính tốt mà con người cần rèn luyện, thì tự cao, tự đại là một thói xấu không nên có ở mọi người. Tự cao tự đại là từ dùng để chỉ những người tự tin một cách thái quá vào bản thân, luôn coi mình là nhất mà không coi người khác ra gì. Tự cao tự đại như một chất axit ăn mòn và hủy hoại nhân cách mỗi con người, kéo theo đó là sự ích kỉ khác như bảo thủ, ảnh hưởng tới mọi người. Đối với bản thân tự cao tự đại sẽ dẫn đến tự thỏa mãn bản thân, không có ý thức nhận xét đánh giá được hay chưa được, không nhận ra được khuyết điểm để sửa chữa vươn lên, dẫn đến thất bại trong cuộc sống. Tài liệu của Nhung tây Đặc biệt khi vấp ngã gặp thất bại sẽ rất dễ bị chán nản, bi quan và tuyệt vọng. Đối với xã hội thì tự cao tự đại sẽ khiến cho người khác khó chịu khi giao tiếp và làm việc, không nhận được sự giúp đỡ của mọi người và bị mọi người xa lánh. Trong cuộc sống nhiều người đã phải trả giá cho tính tự cao, tự đại của mình, chắc chúng ta không quên câu chuyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng”. Con Ếch vì tự cao, tự đại không coi ai ra gì nên đã bị trả giá bằng chính mạng sống của mình. Trái với tự cao tự đại là đức tính khiêm tốn, là đức tính tốt mà mọi người cần phải có. Cần phải phân biệt được tự cao tự đại với tự tin đúng mực. Vì tự tin là thái độ tích cực. Tự cao tự đại là một thói xấu, thái độ sống tiêu cực mà con người cần tránh. Là học sinh chúng ta cần phải sống khiêm nhường luôn biết tự hoàn thiện bản thân. Vì khiểm tốn cũng chưa đủ, tự tin một chút cũng là thừa. Đừng để thói tự cao tự đại xuất hiện trong tâm hồn bạn vì nó sẽ hủy hoại bản thân mình.

**Đề 4. Sự lạc quan**

Trong cuộc sống này, không ai luôn gặp may mắn, cũng không ai hoàn toàn xui xẻo, quan trong là thái độ tiếp cận và suy nghĩ của bạn về vấn đó như thế nào và bạn tiếp nhận nó ra sao? Sức mạnh của sự lạc quan là bạn phải tạo cho mình suy nghĩ tích cực để vượt qua mọi khó khăn, biến nỗi buồn thành niềm vui.Lạc quan sẽ giúp bạn nỗ lực hết mình cho công việc, lúc ấy mọi người sẽ nhận ra và công nhận khả năng của bạn.Vượt qua rào cản tâm lí bạn sẽ là người chiến thắng. Không may là, không nhiều người trong chúng ta có thể nhìn thấy được mặt tích cực của vấn đề: Cốc nước đầy một nửa, mà hét lên đầy bi quan cốc nước đã vơi đi một nửa rồi! Quan điểm tồi tệ về mọi thứ không giúp bạn thay đổi cuộc đời mình mà nó còn kìm hãm sự phát triển của bạn, tệ hơn là nó nhấn chìm bạn trong biển bi quan và bất lực: Hai người cùng nhìn ra cửa sổ… Tài liệu của Nhung tây Một người thấy vũng bùn, người thấy bầu trời đầy sao. Người xưa thường nói: “Khi đau chân chúng ta chỉ chú ý đến cái chân đau đó mà quên đi cái chân lành lặn còn lại”. Cũng giống như chúng ta chỉ nhìn thấy những điểm xấu, điểm chưa được từ những người xung quanh mà quên mất nhìn vào mặt tích cực, tốt đẹp của họ. Cho dù khó khăn đến mức nào, hãy luôn hướng về những điều tốt đẹp, như cách bạn nhìn cốc nước đầy một nửa: bạn sẽ làm cuộc sống của mình tươi đẹp hơn!

**Đề 5. Vai trò của Gia đình**

Trên đời này, chẳng ai có thể sống mà thiếu đi tình cảm gia đình. Gia đình không đơn giản là sự gắn kết giữa những người có cùng máu mủ, huyết thống và sống chung với nhau dưới một mái nhà. Gia đình còn là sợi dây kết nối những con người bằng sự gắn bó, yêu thương. Gia đình là sự hi sinh sẵn sàng cho đi của cha của mẹ. Gia đình là sự đùm bọc chở che mỗi khi vấp ngã là lời động viên khích lệ trước mọi cố gắng đường đời. Có thể nói gia đình chính là điểm tựa tinh thần vô cùng vững chãi, là nơi mà bất cứ khi nào chúng ta cũng có thể tìm thấy niềm tin, hi vọng và động lực vượt qua những khó khăn thử thách. Thiếu đi tình cảm ấy, trái tim ta sẽ dần bị bóp nghẹt bởi cảm giác cô đơn, lạc lõng và cứ mãi bơ vơ trên nẻo đường tìm kiếm hạnh phúc. Tài liệu của Nhung tây Vậy nhưng, đâu phải ai cũng biết trân trọng tình cảm gia đình, cứ mải miết chạy theo tiền tài, danh vọng hay những mối quan hệ phù phiếm. Để rồi khi nhận ra xung quanh mình chẳng còn một chỗ dựa đã không còn cơ hội nào cho họ sửa chữa. Tránh đi những vết xe đổ ấy, ngay từ hôm nay, chúng ta cần dành tâm sức để giữ gìn tình cảm gia đình từ những hành động thường ngày. Một lời chào mỗi buổi sáng, một bữa cơm ấm áp đầy đủ thành viên, một bông hoa nhân ngày đặc biệt... những việc nhỏ ấy nhưng chắc chắn sẽ giúp tình cảm gia đình luôn luôn ấm áp.

**Đề 6. Mục đích của việc học**

G. Gớt đã từng nói rằng: “Chúng ta phải tiếp thu và học tập ở những người đi trước chúng ta và cả những người đồng thời với chúng ta. Ngay cả thiên tài cực kì vĩ đại cũng không thể tiến xa được nếu chỉ muốn lấy mọi thứ từ thế giới nội tâm của riêng mình”. Một con người muốn dùng kiến thức, kinh nghiệm mà mình tích lũy được để trở thành “thiên tài” thì phải đề ra mục đích cao hơn, không chỉ dừng lại ở một chỗ nào đó. Chính bởi vậy mà Thích Nhân Hạnh đã từng nói: “Thi đỗ thì không khó. Nhưng mà học không phải để thi đỗ.Học là để biết, để khám phá”.Nhiều người có quan điểm nếu không đỗ đại học thì không thể có công việc ổn định, tương lai mờ mịt và xa xăm.Bởi thế cho nên họ chỉ đề ra mục tiêu học để thi đỗ chứ không thiết gì tới việc “học để biết, để khám phá”.Tổng giám đốc công ti Oracle là nhà tỉ phú mà không cần đến tấm bằng đại học. Tài liệu của Nhung tây Tuy bỏ học giữa chừng trường Đại học Bang Illinoise nhưng tổng giá trị tài sản của ông lên tới 21,6 tỉ USD. Đó là bao tấm gương mà ta cần học hỏi noi theo. Là học sinh năm cuối cấp, tôi quyết tâm học hỏi, trau dồi những kiến thức trên giảng đường tích lũy làm hành trang sau này. Là một người con sắp sải cánh vươn ra ngoài xã hội, tôi cần phải: “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để làm người và để tự khẳng định mình” như tổ chức UNESCO từng đề xướng. Đó mới là mục đích học tập suốt đời mà mỗi người đều phải đề cao, sự học là không ngừng và thế giới là kho tàng kiến thức không bao giờ vơi cạn.

**Đề 7. Thất bại là mẹ của thành công**

Nhà thơ Tố Hữu từng viết: “Ai chiến thắng mà chưa hề chiến bại/ Ai nên khôn mà chưa dại đôi lần”. Thật vậy, chẳng có chiến thắng nào lại tự dưng đến, nó chính là kết quả tổng hợp của những thất bại mà bạn đã trải qua. Tài liệu của Nhung tây Đúng như câu nói “Thất bại là mẹ của thành công”. Thất bại là kết quả mà bạn không đạt được như điều mình mong muốn. Và “thất bại là mẹ của thành công” là nhấn mạnh đến những thứ bạn không đạt được ấy chính là kinh nghiệm, bài học quý báu để giúp bạn chinh phục được điều mình mong muốn. Xét về mặt khao khát của con người thì chẳng ai mong muốn mình thất bại cả. Vì thất bại thật đau đớn, bao nhiêu sự nỗ lực, công sức, tiền của, thậm chí cả sự giúp đỡ của gia đình và bè bạn nữa đều đổ sông đổ biển. Nhưng xét đường dài trong cuộc đời mỗi người, thất bại lại trở thành những điều thực sự quý báu. Bạn có thể chán nản, tuyệt vọng, cho phép mình khóc thật to khi thất bại… nhưng chắc chắn điều đó chỉ diễn ra trong chốc lát thôi. Nhìn nhận lại, bạn phải phát hiện ra bạn thất bại từ đâu, điều gì khiến bạn không đạt được thành công như mình mong ước. Trong đó quan trọng nhất là năng lực, ý chí của bản thân đã đủ chưa để làm được điều đó. Thất bại lúc ấy không phải điều nhục nhã như bạn tưởng, nó lại trở thành ánh sáng soi đường để bạn đứng dậy đi tiếp. Thiết nghĩ Walt Disney mà sớm bỏ cuộc vì sự gạt bỏ của chủ đầu tư thì ông sẽ không tạo ra những nhân vật hoạt hình để đời cho trẻ em trên toàn thế giới. Thomas Edison không dám chắc mình sẽ tạo ra bóng đèn nếu không lấy bài học từ 10.000 lần thử nghiệm thất bại. Chân dung những “con cá mập” trong chương trình Shark Tank (Thương vụ bạc tỷ) chẳng dễ dàng gì ngồi vào ghế nóng để cho những bạn trẻ lập nghiệp kêu gọi vốn đầu tư. Có người trong số họ phải trả giá bằng máu và nước mắt. Ấy vậy mà ngoài kia, nhất là những bạn trẻ thất bại dù trong một chuyện cỏn con cũng cảm thấy yếu đuối, oán trách hết người này người nọ. Tài liệu của Nhung tây Hay có những người vấp ngã một lần đã vội thu mình lại, sợ hãi chẳng dám dũng cảm đứng lên và bước tiếp. Thất bại là một phần của cuộc sống, nó chính là thứ sẽ xảy ra trong cuộc đời của các bạn dù ít hay nhiều. Nó có nhiều ý nghĩa tích cực hơn là những đau khổ mà chúng ta nghĩ. Vấn đề của bạn là sẽ đón nhận thất bại như thế nào? Có tỉnh táo và vững vàng để nhận ra nó là thử thách của bản thân mà mình phải cố gắng học tập và rèn luyện để vượt qua. Ai rồi cũng sẽ đi qua thất bại, tôi tin là thế!

====================================================

**BÀI 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: ĐỒNG DAO MÙA XUÂN**

*(Nguyễn Khoa Điềm)*

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù: Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học (Chủ đề bài 2):**

- giúp học sinh hiểu một văn bản thơ bốn chữ và năm chữ.

- Mở rộng kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ cùng thể loại ngoài sách giáo khoa.

- Biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.

- Biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúcsau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- Trình bày đượcý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**2. Năng lực chung:**

- Tự học: Tự quyết định cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường sự tương tác với bạn trong tổ nhóm học tập để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**3. Phẩm chất**

**-** Biết trân trọng tình cảm, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương đất nước; hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. NỘI DUNG**

**I. MỘT SỐ YẾU TỐ HÌNH THỨC THỂ THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ**

**1. Thơ 4 chữ**

ỗi Câu gồm 4 tiếng. Số câu trong bài

không hạn định. Các khổ, đoạn trong bài

được chia linh hoạt tuỳ theo nội dung hoặc

cảm xúc.

- Thích hợp với kiểu vừa kể chuyện vừa

Miêu tả (Vè, đồng dao, hát ru)

- Nhịp 2/2 (Chẵn đều)

- Vần : Kết hợp các kiểu vần: Chân, lưng,

bằng, chắc, liền, cách

ỗi Câu gồm 4 tiếng. Số câu trong bài

không hạn định. Các khổ, đoạn trong bài

được chia linh hoạt tuỳ theo nội dung hoặc

cảm xúc.

- Thích hợp với kiểu vừa kể chuyện vừa

Miêu tả (Vè, đồng dao, hát ru)

- Nhịp 2/2 (Chẵn đều)

- Vần : Kết hợp các kiểu vần: Chân, lưng,

bằng, chắc, liền, cách

Đặc điểm của thể thơ 4 chữ: +Mỗi Câu gồm 4 tiếng +Số câu trong bài không hạn định + Các khổ, đoạn trong bài được chia linh hoạt tuỳ theo nội dung hoặc cảm xúc. + Thích hợp với kiểu vừa kể chuyện vừa miêu tả (Vè, đồng dao, hát ru) +Nhịp 2/2 (Chẵn đều) +Vần : Kết hợp các kiểu vần: Chân, lưng, bằng, chắc, liền, cách.

**2. Thơ 5 chữ**

Đặc điểm của thể thơ 5 chữ:

+ Số câu không hạn định

+ Mỗi câu gồm 5 chữ (ngũ ngôn)

+ Nhịp 2/3,3/2

+ Vần kết hợp :vần liền,vần cách, vần lưng

**3. Hình ảnh thơ**

- Là những chi tiết, cảnh tượng từ thực tế đời sống được tái hiện bằng ngôn ngữ thơ ca, góp phần diễn tả cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.

**4. Vần và nhịp trong thơ**

- Vần:

+ Vần chân là vần được gieo vào cuối dòng thơ, nghĩa là các tiếng ở cuối dòng vần với nhau.

+ Vần lưng là vần được gieo ở giữa dòng thơ, nghĩa là tiếng cuối của dòng trên vần với một tiếng nằm ở giữa dòng dưới hoặc các tiếng trong cùng một dòng thơ hiệp vận với nhau

+ Vai trò của vần: liên kết các dòng và câu thơ, đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa, sức âm vang cho thơ, đồng thời làm cho dòng thơ, câu thơ dễ nhớ, dễ thuộc.

- Nhịp:

+ Nhịp thơ được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng đều đặn ở cuối mỗi dòng thơ.

+ Vai trò: tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung bài thơ.

**5. Nội dung thơ 4 chữ, 5 chữ**

a. Thơ 4 chữ

- Thơ bốn chữ phù hợp với việc sáng tác thơ cho trẻ em do dễ nhớ, dễ đọc, dễ làm và rất gần gũi với các em nhỏ.

- Thơ bốn chữ thường để diễn đạt những nội dung vui tươi, hồn nhiên, dí dỏm, tinh nghịch, nhí nhảnh,..nhờ ưu điểm câu thơ ngắn, gieo vần nhịp nhàng.

b. Thơ 5 chữ

-Thể thơ năm chữ cũng giống như thể thơ bốn chữ, tức là cũng kể chuyện kể việc, kể người. Nhưng thể thơ năm chữ có nội dung phản ánh phong phú và lớn lao hơn.

+ Phản ánh những vấn đề xã hội sâu sắc như : tố cáo tội ác của bọn quan lại, tố cáo những bất công vô lí trong xã hội cũ (Ghét chuột - Nguyễn Bỉnh Khiêm, Những điều trông thấy - Nguyễn Du).

+ Thể hiện nỗi niềm tâm sự của các tác giả trước cuộc đời (Ông đồ - Vũ Đình Liên, Tiếng thu - Lưu Trọng Lư).

+ Trong văn học hiện đại sau Cách mạng tháng Tám, thể thơ năm chữ còn đề cập đến nhiều nội dung khác nữa như : ca ngợi lãnh tụ (Đêm nay Bác không ngủ - Minh Huệ), ca ngợi anh bộ đội Cụ Hồ (Cá nước - Tố Hữu) ; miêu tả thiên nhiên (Mầm non - Võ Quảng), ca ngợi tình cảm gia đình (Thăm lúa - Hoàng Trung Thông, Lời ru của mẹ - Xuân Quỳnh).

**II. Kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm**

**1. Tác giả Nguyễn Khoa Điềm**

- Sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên-Huế.

- Ông là nhà thơ chiến sĩ, một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ ca kháng chiến chống Mĩ.

- Thơ ông tập trung thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết với nhiều suy tư sâu sắc.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Đất ngoại ô* (1973; *Mặt đường khát vọng* (1974); *Ngôi nhà có ngọn lửa ấm* (1986)…

**2. Văn bản “*Đồng dao mùa xuân”***

**- Thể loại:** Thơ bốn chữ.

**- Giọng điệu:** nhẹ nhàng, xúc động, sâu lắng.

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

**- Bố cục:** 3 phần  
- Khổ 1,2: Giới thiệu khái quát về người lính.

- Khổ 3,4,5,6: Hình ảnh người lính nằm lại nơi chiến trường.

- Khổ 7,8,9: Tình cảm, cảm xúc đối với người lính.

**- Đề tài:** Người lính.

**3. Đặc điểm về vần, nhịp, khổ của bài thơ**

**a. Cách chia khổ và ý nghĩa:**

- Bài thơ được chia thènh chín khổ. Hầu hết các khổ đều có bốn dòng. Tuy nhiên có hai khổ đầu khác biệt với các khổ còn lại.

+ Khổ một kể lại sự kiện người lính lên đường ra chiến trường, gồm ba dòng thơ, tạo nên một sự lửng lơ, khiến người đọc có tâm trạng chờ đợi được đọc câu chuyện tiếp theo về anh...

+ Khổ hai kể về sự ra đi của người lính chỉ vỏn vẹn trong hai dòng, diễn tả sự hi sinh bất ngờ, đột ngột giữa lúc tuổi xanh, thể hiện tâm trạng đau thương của nhà thơ, đồng thời gợi lên trong người đọc niềm tiếc thương sâu sắc.

**b. Đặc điểm hình thức thể thơ bốn chữ:**

**Số tiếng trong mỗi dòng:**

- Mỗi dòng có bốn tiếng.

- Ngắn gọn, dứt khoát, sắc nét; ghi vào kí ức người đọc hình tượng người lính đã anh dũng hi sinh giữa lúc tuổi đời còn rất trẻ.

**Cách gieo vần:**

- Sử dụng vần chân ở dầu hết các dòng thơ. VD: lính-bình; lửa-nữa;…

- Nhẹ nhàng, âm vang.

**Ngắt nhịp:**

- Nhịp chẵn (2/2);

- Nhịp 1/3.

- Biến tấu tự nhiên, linh hoạt, nhịp nhàng, mang âm hưởng đồng dao;

- Tách riêng động từ “có”, chỉ sự tồn tại, nhấn mạnh, khắc sâu ấn tượng về sự hiện diện của người lính; đối lập với dòng thơ thứ năm cũng có nhịp 1/3 nhấn mạnh sự không về của anh. Thế tương phản có - không nói lên sự mất mát, gợi cám xúc tiếc thương, bùi ngùi.

**4. Hình ảnh người lính**

**a. Câu chuyện về cuộc đời người lính**

- Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ, còn mê thả diều, như vừa qua tuổi thiếu niên. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận.

- Trong một trận chiến ác liệt, anh đã anh dũng hi sinh, vĩnh viễn nằm lại dưới những cánh rừng đại ngàn. Những hình ảnh hào hùng mà cũng rất đỗi khiêm nhường, dung dị của anh còn mãi trong tâm trí của “nhân gian”. Tài liệu của Nhung tây

**b. Vẻ đẹp hình ảnh người lính:** Tuổi đời còn rất trẻ; dũng cảm kiên cường; yêu nước; giản dị, khiêm nhường, hiền hậu.

**\*Biểu hiện:**

- Tư thế: Anh ngồi lặng lẽ/ Dưới cội mai vàng; Anh ngồi rực rỡ/ màu hoa đại ngàn;

- Trang phục:Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh.

- Diện mạo, dáng vẻ: Làn da sốt rét; Mắt như suối biếc/Vai đầy núi non…; Cái cười hiền lành.

**5. Tình cảm, cảm xúc đối với người lính:** *niềm thương xót, tự hào, cảm phục, biết ơn những người lính đã hi sinh tuổi xanh, hi sinh cuộc đời cho độc lập dân tộc.*

*+ Bạn bè mang theo:* Dòng thơ này nói lên tình cảm của đồng đội dành cho người lính trẻ đã hi sinh. Hình ảnh *anh* sẽ được bạn bè thương nhớ, lưu giữ, mang theo suốt cuộc đời. Sự hi sinh của *anh* đã tiếp thêm cho đồng đội sức mạnh, niềm tin trong những trận chiến đấu tiếp theo. Tài liệu của Nhung tây

*+ Dài bao thương nhớ/ Mùa xuân nhân gian:* Hai dòng thơ này có thể hiểu theo nhiều cách. Thứ nhất, có thể hiểu là nỗi thương nhớ những mùa xuân nhân gian tươi đẹp của người lính đã hi sinh. Thứ hai, cũng có thể hiểu là nỗi nhớ thương những người con anh dũng dài theo năm tháng của nhân gian.

**6. Khái quát**

**a. Nghệ thuật**

- Sử dụng thể thơ bốn chữ, gần gũi với đồng dao;

- Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt;

- Giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, sâu lắng;

- Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, xúc động.

**b. Nội dung – Ý nghĩa**

- Ca ngợi sự hi sinh anh dũng của những người lính trẻ và tình cảm tự hào, nhớ thương sâu nặng của đồng đội, đồng bào.

- Thể hiện lòng biết ơn những người lính đã dâng hiến tuổi trẻ của mình để cho những mùa xuân đất nước mãi trường tồn.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Bài thơ Đồng dao mùa xuân viết về nội dung gì ?**

A. Viết về cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất nước

B. Thể hiện lòng thành kính biết ơn của tác giả với vị lãnh tụ kính yêu

C. Viết về người nông dân Việt Nam trước kháng chiến

**D. Viết về người lính dưới góc nhìn chiêm nghiệm của một con người thời bình**

**Câu 2 : Bài thơ Đồng dao mùa xuân chủ yếu gieo vần gì ?**

**A**. Vần chân B. Vần lưng

C. Vần trắc  **D. Vần cách**

**Câu 3 : Hình ảnh người lính trong bài thơ hiện ra với những đặc điểm gì ?**

A. Hồn nhiên, trong sáng B. Hiền lành, nhân hậu

C. Anh hùng sống lí tưởng **D. Tất cả các đáp án trên đều đúng**

**Câu 4 : Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì ?**

**A. Biểu cảm** B. Tự sự

C. Nghị luận D. Miêu tả

**2. Bài tập ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ khổ thơ sau trong bài Đồng dao mùa xuânvà trả lời các câu hỏi:**  *Có một người lính Đi vào núi xanh Những năm máu lửa.  Một ngày hoà bình Anh không về nữa.  Có một người lính Chưa một lần yêu Cà phê chưa uống Còn mê thả diều  Một lần bom nổ Khói đen rừng chiều Anh thành ngọn lửa Bạn bè mang theo  Mười, hai mươi năm Anh không về nữa Anh vẫn một mình Trường Sơn núi cũ*  *( Trích Đồng dao mùa xuân- Nguyễn Khoa Điềm)*  **Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?  **Câu 2:** Xác định phương thức biểu đạt?  **Câu 3.** Dấu hiệu nào giúp em biết bài thơ *Đồng dao mùa xuân* thuộc thể thơ bốn chữ? Tài liệu của Nhung tây  **Câu 4.** Bài thơ *Đồng dao mùa xuân* được gieo vần như thế nào?  **Câu 5.** Hãy xác định một số hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ. Hình ảnh nào là trung tâm, xuyên suốt bài thơ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1 :** Đoạn thơ trên được trích trong văn bản Đồng dao mùa xuân của tác giả Nguyễn Khoa Điềm. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 2 :** Phương thức biểu đạt : Biểu cảm

**Câu 3:** Đếm số câu số chữ của bài thơ

**Câu 4:** Gieo vần cách

**Câu 5.** Một số hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ: người lính, Trường Sơn núi cũ, bom nổ, hoa đại ngàn, suối biếc, ngày xuân,…

Hình ảnh trung tâm bao trùm, xuyên suốt cả bài thơ là hình ảnh người lính. Đó là người còn rất trẻ (*Chưa một lần yêu/Cà phê chưa uống/Còn mê thả diều*); dũng cảm kiên cường; giản dị, khiêm nhường (*Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh/Làn da sốt rét/Cái cười hiền lành*); Yêu nước và sẵn sàng hi sinh tuổi xuân để bảo vệ đất nước, Tổ quốc (*Một lần bom nổ/Khói đen rừng chiều/Anh thành ngọn lửa/Bạn bè mang theo*).

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi**  *Anh ngồi lặng lẽ Dưới cội mai vàng Dài bao thương nhớ Mùa xuân nhân gian  Anh ngồi rực rỡ Màu hoa đại ngàn Mắt như suối biếc Vai đầy núi non...  Tuổi xuân đang độ Ngày xuân ngọt lành Theo chân người lính Về từ núi xanh...*  *( Tháng 12-1994 Trích Đồng dao mùa xuân – Nguyễn Khoa Điềm SGK Ngữ văn 7)*  **Câu 1.** Em hãy chỉ ra cách ngắt nhịp và tác dụng của cách ngắt nhịp trong bài thơ.  **Câu 2.** Em cảm nhận như thế nào về ba khổ thơ cuối?  **Câu 3.** Cảm xúc chủ đạo của bài thơ *Đồng dao mùa xuân* là gì?  **Câu 4.** Tình cảm của tác giả được thể hiện trong bài thơ như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Cách ngắt nhịp gieo vần linh hoạt

=>Tác dụng: Tạo nên sự nhịp nhàng sinh động cho bài thơ, gây ấn tượng với người đọc.

**Câu 2.** Đây là câu hỏi mở, tuỳ cảm nhận của HS, nhưng cần chú ý các yếu tố như: Tư thế của người lính; không gian, thời gian được miêu tả,…

=>Ba khổ thơ thể hiện sự hiện hữu của người lính bất tử cùng thời gian và nhân gian; tấm lòng trân trọng, biết ơn những người lính đã hi sinh để làm nên mùa xuân cho đất nước. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 3.** Bài thơ *Đồng dao muà xuân* là một khúc hát đồng dao ca ngợi sự bất tử của người lính trẻ. Hình ảnh của các anh còn mãi trong lòng nhân dân như mùa xuân trường tồn cùng vũ trụ. Bài thơ cũng là sự biết ơn sâu sắc của nhân dân và những người đang sống trong hoà bình dành cho các anh – những người lính dũng cảm đã hi sinh cả cuộc đời mình cho đất nước bình yên. Có những tuổi hai mươi như thế: trẻ trung, dũng cảm và sẵn sàng hiến dâng cho Tổ quốc: “*Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc/ Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?”* (Thanh Thảo).

**Câu 4.** Tình cảm: tiếc thương, lòng biết ơn, trân trọng và tự hào về những người lính còn rất trẻ đã sẵn sàng hi sinh tuổi xanh và cuộc đời mình cho độc lập của dân tộc. Đất nước Việt Nam đã có biết bao những người con hi sinh như thế để đem lại hoà bình cho chúng ta hôm nay. Dân tộc Việt Nam và các thế hệ hôm nay vẫn luôn nhớ tới các anh.

**3. Bài tập ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**  *Lưng mẹ còng rồi Cau thì vẫn thẳng Cau - ngọn xanh rờn Mẹ - đầu bạc trắng  Cau ngày càng cao Mẹ ngày một thấp Cau gần với giời Mẹ thì gần đất!  Ngày con còn bé Cau mẹ bổ tư Giờ cau bổ tám Mẹ còn ngại to!  Một miếng cau khô Khô gầy như mẹ Con nâng trên tay Không cầm được lệ  Ngẩng hỏi giời vậy - Sao mẹ ta già? Không một lời đáp Mây bay về xa.*  *(Trích Mẹ - Đỗ Trung Lai)*  **Câu 1.** Bài thơ được làm theo thể thơ nào? Chỉ ra đặc điểm của thể thơ đó ở các yếu tố: Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ; vần của bài thơ. **Câu 2.** Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ. **Câu 3.** Bài thơ Mẹ là lời của ai? Bộc lộ cảm xúc gì? Nêu cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ. Tài liệu của Nhung tây **Câu 4.** Hình ảnh mẹ trong bài thơ được đặt trong sự đối sánh với hình ảnh nào, trên những phương diện nào? Vì sao tác giả lại chọn hình ảnh đó? **Câu 5.** Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về mẹ và cau trong bài thơ. Để thể hiện hình tượng mẹ và cau, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Hãy chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ đó. |

**Gợi ý​ trả lời**

**Câu 1.**  
- Bài thơ được làm theo thể thơ 4 chữ.  
- Đặc điểm của thể thơ 4 chữ:  
+ Số tiếng và nhịp ở các dòng thơ: Số tiếng 4, nhịp chủ yếu là 2/2, có câu ngắt nhịp 1/3 (*Cau - ngọn xanh rờn - Mẹ - đầu bạc trắng* ).  
+ Vần của bài thơ: Bài thơ gieo vần ở cuối câu 2 và câu 4 của mối khổ thơ.  
**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: Biểu cảm  
**Câu 3.**  
- Bài thơ *Mẹ* là lời của người con  
- Bài thơ bộc lộ nhiều cung bậc cảm xúc: Yêu thương, xót xa, ngậm ngùi trước tuổi già của mẹ; trách giận thời gian.  
- Cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ: Bài thơ ngắn, ngôn ngữ, hình ảnh giản dị mà đọng lại cảm xúc, thể hiện được tình cảm yêu kính đối với mẹ và tâm trạng buồn, day dứt của người con khi mẹ ngày càng già và đến gần hơn với sự chia lìa cõi sống. Không nhiều dụng công nghệ thuật nhưng bài thơ vẫn gây xúc động người đọc bởi cảm xúc chân thành, chạm đến những gì thiêng liêng nhất của mỗi người: Tình mẫu tử.  
**Câu 4.**  
- Hình ảnh mẹ trong bài thơ được đặt trong sự đối sánh với hình ảnh cau. Đối sánh trên những phương diện: Hình dáng, màu sắc (màu lá, màu tóc) ; chiều cao.  
- Tác giả chọn hình ảnh cau vì: Cau là thứ cây gần gũi trong đời sống ở mỗi làng quê. Cau gắn liền với mẹ trong thói quen sinh hoạt hàng ngày: Thói quen ăn trầu. Cau và mẹ luôn song hành trên hành trình sống. Đặc biệt là nhà thơ đã nhận thấy nhiều điểm tương đồng và khác biệt giữa mẹ và cau. Tài liệu của Nhung tây  
**Câu 5.**  
- Liệt kê những từ ngữ được tác giả dùng để nói về mẹ và cau trong bài thơ:  
Lưng còng - thẳng  
Ngọn xanh rờn - đầu bạc trắng  
Cao - thấp  
Gần giời - gần đất  
Cau khô - (mẹ) gầy  
- Để thể hiện hình tượng mẹ và cau, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ:  
+ Đối lập: Giữa mẹ và cau trong dáng hình, màu sắc, chiều cao..  
+ So sánh: *Một miếng cau khô - Khô gầy như mẹ*  
- Tác dụng của các biện pháp tu từ đó:  
+ Gợi lên một cách xót xa hình ảnh người mẹ khi già đi, biểu đạt niềm thương cảm của người con đối với mẹ.  
+ Làm cho bài thơ tăng tính gợi hình, biểu cảm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**  *Lưng mẹ còng rồi Cau thì vẫn thẳng*  *Cau - ngọn xanh rờn Mẹ - đầu bạc trắng   Cau ngày càng cao  Mẹ ngày một thấp Cau gần với giời Mẹ thì gần đất!*  ***(Trích*** Mẹ*- Đỗ Trung Lai)*  **Câu 1.** Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa. Hãy chỉ ra điều đó và cho biết cách bố trí như vậy có tác dụng gì. Tài liệu của Nhung tây  **Câu 2.** Nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ dưới đây:  Một miếng cau khô  Khô gầy như mẹ  Con nâng trên tay  Không cầm được lệ |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1.**

- Trong hai khổ thơ đầu của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai), các dòng thơ được bố trí thành từng cặp có sự đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa:

+ Lưng mẹ còng đối lập với cau vẫn thẳng

+ Cau - ngọn xanh rờn đối lập với mẹ - đầu bạc trắng

+ Cau ngày càng cao đối lập với mẹ ngày một thấp

+ Cau gần với giời đối lập với mẹ thì gần đất

- Tác dụng của cách bố trí như vậy cho thấy được sự tương phản giữa hình ảnh cau và mẹ. Theo thời gian, cau càng ngày càng phát triển, cao, xanh tốt, còn mẹ theo thời gian lại già đi. Cách bố trí này làm tăng tính biểu cảm cho hình ảnh người mẹ, cho thấy nỗi niềm của người con khi thấy mẹ mình ngày một già đi, đồng thời khơi gợi cảm xúc trong lòng người đọc. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 2.** Trong khổ thơ "Một miếng... được lệ", tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh để miêu tả hình ảnh người mẹ. Hình ảnh mẹ không được miêu tả trực tiếp theo cách: "Mẹ khô gầy", mà là miêu tả gián tiếp bằng cách so sánh. Cụ thể ở đây là so sánh cau với hình ảnh của mẹ. Như vậy mẹ đã trở thành thước đo của sự "khô gầy". Tính từ "khô gầy" cho thấy dáng vẻ già nua, thiếu sức sống. "Khô gầy" hoàn toàn đối lập với "tươi tắn". Hình ảnh mẹ già khiến người con thấy bùi ngùi, xúc động. Nhưng nếu nói thẳng ra là "mẹ đã già" thì thật không còn là thơ và cũng chẳng cho thấy sự tế nhị của người con. Cách so sánh cau "khô gầy như mẹ" là một cách so sánh mang tính miêu tả, để nói rằng người mẹ có dáng vẻ "khô gầy", dáng vẻ đã già đi nhiều rồi. Cái ý tác giả muốn truyền đạt ở đây ẩn đằng sau câu chữ và biện pháp tu từ so sánh. Sự ẩn giấu ấy làm cho khổ thơ trở nên ý tứ và xúc động.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Hạt gạo làng ta*  *Có bão tháng bảy*  *Có mưa tháng ba*  *Giọt mồ hôi sa*  *Những trưa tháng sáu*  *Nước như ai nấu*  *Chết cả cá cờ*  *Cua ngoi lên bờ*  *Mẹ em xuống cấy…*  *( Trích - Hạt gạo làng ta - Trần Đăng Khoa)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.  **Câu 2.** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?  **Câu 3.** Chỉ ra và nêu hiệu quả biểu đạt của phép tu từ được sử dụng trong hai câu thơ *Nước như ai nấu/Chết cả cá cờ*  **Câu 4.** Đoạn thơ gợi cho anh/chị suy nghĩ, tình cảm gì đối với những người làm ra hạt gạo? (Trình bày khoảng 5 đến 7dòng) |

**Đáp án**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt: miêu tả

**Câu 2**. Thể thơ 4 chữ

**Câu 3**. Phép tu từ so sánh: Nước như ai nấu.

- Hiệu quả: làm hình ảnh hiện lên cụ thể hơn, gợi được sức nóng của nước – mức độ khắc nghiệt của thời tiết đồng thời gợi ra được nỗi vất vả, cơ cực của người nông dân trong quá trình tạo ra hạt gạo. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 4.** Đoạn văn Thể hiện suy nghĩ, tình cảm tích cực: thấu hiểu nỗi vất vả của người dân, trân trọng sản phẩm lao động của họ,… từ đó nâng niu, trân trọng những sản phẩm lao động; biết ơn và quý trọng những người đã làm ra những sản phẩm ấy.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu**  *“Hồi nhỏ sống với đồng*  *với sông rồi với bể*  *hồi chiến tranh ở rừng*  *vầng trăng thành tri kỷ*  *Trần trụi với thiên nhiên*  *hồn nhiên như cây có*  *ngỡ không bao giờ quên*  *cái vầng trăng tình nghĩa”*  *( Trích Ánh trăng - Nguyễn Duy)*  **Câu 1**: Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên?  **Câu 2**: Chỉ ra sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong bài thơ.  **Câu 3**: Bài thơ gợi nhắc và củng cố thái độ nào ở người đọc?  **Câu 4:** Tìm và phân tích hiệu quả của các biện pháp tu từ được viết trong đoạn thơ trên? Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Thể thơ: 5 chữ

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp với tự sự

**Câu 2**: Sự kết hợp tự sự và trữ tình:

- Bài thơ mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian. Dòng cảm nghĩ trữ tình của nhà thơ cũng men theo dòng tự sự này mà bộc lộ.

- Trong dòng diễn biến theo thời gian, sự vỉệc bất thường ở khổ thơ thứ tư là bước ngoặt để từ đó tác giả bộc lộ cảm xúc, thể hiện chủ đề của tác phẩm.

**Câu 3:** Bài thơ gợi nhắc thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”:

- Không lãng quên quá khứ

- Sống tình nghĩa, thủy chung với thiên nhiên, quá khứ.

**Câu 4:** Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên: nhân hóa.

- Nhân hóa vầng trăng trở thành “tri kỉ” người gần gũi, gắn bó, thấu hiểu mọi tâm tư, tình cảnh.

+ Trăng trở thành người bạn chia sẻ mọi vui buồn, trăng đồng cam cộng khổ, xoa dịu những nỗi đau của chiến tranh bằng ánh sáng tươi mát, hiền hòa.

+ Trăng là người bạn đồng hành, đồng cam cộng khổ với người chiến sĩ, trăng chính là hiện thân của quá khứ chan hòa tình nghĩa. Tài liệu của Nhung tây

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**  **MỤC ĐỒNG(1) NGỦ TRÊN CÁT TRẮNG**  ( Trần Quốc Toàn)  *Suốt ngày dãi nắng*  *Vàng hoe tóc bồng(2)*  *Đêm nhóm lửa hồng*  *Áp lưng cát trắng*  *Lắng nghe gió thổi*  *Thia lia(3) sao xa*  *Nằm ngâm chân mỏi*  *Vào sông Ngân Hà…*  *Những hạt bắp nướng*  *Chín căng giọt sương*  *Một hòn than nổ*  *Bung vì sao băng*  *Ai vùi khoai củ*  *Thơm giờ tàn canh*  *Tù và(4) đã rúc*  *Đánh thức bình minh*  *Dê…*  *Cừu…*  *bứt cọng nắng*  *Kéo ông mặt trời lên.*  *(In trong báo Thiếu niên tiền phong, số 168/2013)*  **Chú giải:**   1. *Mục đồng:* trẻ chăn trâu, chăn bò 2. *Tóc bồng*: tóc ở trạng thái nổi cao lên, phồng cao lên. 3. *Thia lia:* liệng cho mảnh sành, mảnh ngói,…bay sát mặt nước và nảy lên nhiều lần. 4. *Tù và:* dụng cụ báo hiệu ở nông thôn thời trước, làm bằng sừng trâu, bò hoặc vỏ ốc, dùng hơi để thổi, tiếng vang xa   **Câu 1.** Bài thơ miêu tả cuộc sống của những chú bé mục đồng trong thời điểm nào? Dựa vào đâu để nhận biết điều đó?.  **Câu 2.** Bức tranh cuộc sống của mục đồng đã được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh nào? Từ đó, em hình dung như thế nào về cuộc sống và tâm hồn của họ  **Câu 3.** Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ?  **Câu 4.** Tác giả thể hiện tình cảm gì vơi chú bé mục đồng? Tình cảm đó được thể hiện qua những từ ngữ nào?  **Câu 5.** Xác định (những) biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ dưới đây và phân tích tác dụng của chúng.  Những hạt bắp nướng  Chín căng giọt sương  Một hòn than nổ  Bung vì sao băng  **Câu 6.** Qua bài thơ, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?  **Câu 7.** Viết đoạn văn ngắn (7 – 10 dòng) bày tỏ suy nghĩ về kí ức tuổi thơ đối với mỗi người. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Bài thơ miêu tả cuộc sống của những chú bé mục đồng trong thời điểm từ đêm đến bình minh:

+Các từ ngữ, hình ảnh miêu tả đêm: *đêm nhóm lửa hồng, thia lia sao xa…*miêu tả bình minh: *tù và đã rúc, đánh thức bình minh, kéo ông mặt trời lên,…*

**Câu 2:**

-Bức trang cuộc sống mục đồng đã được tác giả miêu tả bằng những hình ảnh: *dãi nắng, vàng hoe tóc bồng, đêm nhóm lửa hồng, nằm nghe gió thổi, thia lia sao xa,…*

-Bức tranh đó gợi tả cuộc sống mục đồng vất vả nhưng có những niềm vui bình dị mà không phải ai cũng được hưởng (nằm trên bãi cát, ngắm sao, ăn ngô nướng…)gợi tả tâm hồn đẹp, trí tưởng tượng phong phú của những cậu bé mục đồng.

**Câu 3:**

- Cách gieo vần: vần chân (vần liền, vần cách), vần chính, vần thông.

- Cách ngắt nhịp: 2/2. Riêng 3 dòng cuối được ngắt dòng đặc biệt và có nhịp đặc biệt:

Dê…

Cừu…

bứt cọng nắng

**Câu 4:** Tác giả thể hiện tình cảm yêu quý chú bé mục đồng. Tình cảm đó được thể hiện gián tiếp qua cách miêu tả cuộc sống của chú bé, qua những câu thơ như: “*Suốt ngày dãi nắng/Vàng hoe tóc bồng”*

**Câu 5:**

- Biện pháp tu từ: so sánh (hạt bắp nướng – chín căng như giọt sương; một hòn than nổ - bung xoè như vì sao băng)

=>Tác dụng: Khiến cho việc miêu tả cuộc sống của mục đồng thêm thi vị, khoáng đạt, gần gũi với thiên nhiên dù đạm bạc, đơn sơ, góp phần thể hiện tâm trạng đầy sự hào hứng, thích thú với cuộc dạo chơi giữa thiên nhiên

**Câu 6:** Thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc là hãy lắng nghe, tận hưởng vẻ đẹp bình dị của thiên nhiên và cuộc sống.

**Câu 7.** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**\* Hình thức:** đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

**\* Nội dung:**

**a.Mở đoạn:**

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: kí ức tuổi thơ đối với mỗi người.

**b. Thân đoạn:**

- Giải thích “Kí ức tuổi thơ”: những kỉ niệm thời thơ ấu khi chúng ta còn bé, vô lo vô nghĩ, hồn nhiên vui chơi tinh nghịch.

- Phân tích:

- Mỗi con người ai cũng có tuổi trẻ, cũng trải qua những năm tháng trẻ con vui tươi, hồn nhiên, những kỉ niệm đó sẽ theo chúng ta đến suốt cuộc đời, góp phần làm hoàn thiện tính cách, lối sống của bản thân sau này.

- Kí ức tuổi thơ có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi con người, mỗi người đều có những kỉ niệm cho riêng mình.

- Người không có tuổi thơ, không có kí ức đẹp là những người có tâm hồn nghèo nàn, sau này khi nhìn lại không có gì đáng nhớ tạo ra sự trống rỗng.

- Chứng minh:

- Học sinh tự lấy dẫn chứng về tầm quan trọng của kí ức đối với cuộc sống của con người.

- Tuy nhiên trong cuộc sống cũng có những kí ức đau buồn của thời trẻ mà con người ta muốn quên đi, nó là vết thương lớn theo ta đến suốt đời. Lại có những người thu mình trong một góc từ nhỏ, ít giao lưu, những người này sẽ có ít kí ức để nhớ về.

**c. Kết đoạn**:

- Khái quát lại vai trò, tầm quan trọng của kí ức tuổi thơ đối với mỗi người; đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

|  |
| --- |
| **Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  **VỀ MÙA XOÀI MẸ THÍCH**  *Quả xoài xưa Mẹ thích cứ gợi mãi trong con cái hương thơm chín nức cái quả bé tròn tròn.  Khi cây xoài trước ngõ lấp ló trái vàng hoe đủ nhắc cho con nhớ mùa hạ đã gần về.  Cầm quả xoài của Mẹ cầm cả mùa trên tay cắn miếng xoài ngọt lịm vị đầu lưỡi thơm hoài.*  *Vô tình hay hữu ý xoài mang hình quả tim? Riêng con thì con nghĩ đấy - lòng Mẹ ngọt mềm.  Tóc xoã rồi tóc búi một đời Mẹ chắt chiu xoài non rồi chín tới quả lủng lẳng cành treo.  Nghe hương xoài bay theo từng bước chân của Mẹ thơm lựng vào lời kể những câu chuyện đời xưa.*  *Ngỡ hạt mưa đầu mùa là hột xoài trong suốt nhìn vỏ xoài Mẹ gọt con gọi: cánh hoàng lan...  Ngỡ như cả mùa vàng nằm trong bàn tay mẹ trọn một đời thơ bé uớp lẫn với hương xoài.  Nhưng rồi có một ngày trái xoài già rụng cuống...  Tháng hạ không đến sớm dù cho quả xoài vàng tháng hạ không đến muộn đủ nhắc con mùa sang.  Ngào ngạt khắp không gian hương xoài xưa Mẹ thích.*  *(In trong Mùa hạ trong thi ca, Tuyển thơ nhiều tác giả,NXB Hội nhà văn, 2007)*  **Câu 1**. Bài thơ được làm theo thể gì? **Câu 2.** Chỉ ra những đặc điểm vần, nhịp của bài thơ? **Câu 3.** Tìm một số từ ngữ, hình ảnh miêu tả “quả xoài của mẹ” qua cách nhìn, cách cảm của người con. Nhận xét về điểm chung của những từ ngữ, hình ảnh ấy. Cách miêu tả như vậy có tác dụng gì? **Câu 4.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nghệ thuật trong đoạn thơ sau:  *Nhưng rồi có một ngày trái xoài già rụng cuống...  Tháng hạ không đến sớm dù cho quả xoài vàng tháng hạ không đến muộn đủ nhắc con mùa sang.*  **Câu 5.** Hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào trong văn bản. Xác định chủ đề và thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Thể thơ: năm chữ

**Câu 2:** Đặc điểm vần, nhịp của bài thơ “Về mùa xoài Mẹ thích”:

- Vần: vần chân (con – tròn; ý – nghĩ; mẹ - bé; vàng – sang\_

- Nhịp: ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3

**Câu 3:**

- Một số từ ngữ miêu tả hình ảnh quả xoài của mẹ qua cách nhìn,cách cảm của người con: *hương thơm chín nức, quả bé tròn tròn, ngọt lịm, xoài mang hình quả tim, hột xoài trong suốt – hạt mưa đầu mùa, vỏ xoài – cánh hoàng lan.* Tất cả các hình ảnh ấy đều đẹp đẽ và ngọt ngào.

- Tác dụng: + Góp phần khắc hoạ hình ảnh mộc mạc, thân thương của “quả xoài xưa mẹ thích”

+ Tất cả những hỉnh ảnh ấy được hiện lên qua sự hoài niệm ngọt ngào của người con. Điều đó cho thấy những gì thuộc về mẹ là một vùng kí ức ngọt ngào, thiêng liêng đối với tác giả. Qua đó, người đọc cũng cảm nhận được những tình cảm yêu thương, trân quý của một đứa con giành cho mẹ  
**Câu 4:**  Hình ảnh *“trái xoài già rụng cuống”* là hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng sự ra đi của mẹ, Hình ảnh trai xoài ấy gắn liền với những kí ức ngọt ngào về mẹ. Vì vạy khi sử dụng hình ảnh ấy để diễn tả sự ra đi của mẹ, tác giả đem đến cho người đọc sự hình dung rõ nét về nỗi đau, niềm tiếc thương và cả sự hụt hẫng, mất mát những kí ức đẹp của chính bản thân mình.

**Câu 5:**  Hình ảnh người mẹ hiền hậu, dịu dàng, lam lũ cả đời, chắt chiu khó nhọc vì con và đặc biệt là rất gần gũi, yêu thương con cái. Điều đó, được tác giả thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh như: “*Xoài mang hình quả tim – Đấy lòng mẹ ngọt mềm”, “Nghe hương xoài bay theo/Từng bước chân của mẹ/Thơm lựng vào lời kể/Những câu chuyện đời xưa”,…*

**4. Dạng viết ngắn**

**Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh người lính trong bài thơ Đồng dao mùa xuân - Nguyễn Khoa Điềm**

**Bài tham khảo 1:**

Hình tượng người lính Việt Nam ta đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho các sáng tác thi ca nhạc họa. Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm cũng không ngoại lệ khi đưa hình tượng ấy vào trong thơ của mình một cách tự nhiên và đầy cảm xúc với bài thơ “Đồng dao mùa xuân”. Bài thơ chủ yếu viết về người lính dưới góc nhìn đầy chiêm nghiệm của một con người thời bình. Đó chính là những người lính hồn nhiên, tinh nghịch, họ chưa một lần yêu, còn mê thả diều, nhưng họ đã phải hi sinh tuổi xuân và máu xương của mình cho Đất nước. Họ đã nằm lại nơi chiến trường để đất nước được vẹn tròn, để nhân dân được độc lập. Trong cảm nhận của nhà thơ nói riêng, người đọc nói chung, dù họ đã mãi gửi thân xác nơi núi rừng Trường Sơn xa xôi, nhưng anh linh của họ thì vẫn còn mãi. Bởi chính họ - những người lính quật cường đã làm nên mùa xuân vĩnh hằng của đất nước ngày hôm nay.

**Bài tham khảo 2:**

Nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã vẽ nên hình ảnh người lính vừa lãng mạn cũng vừa gai góc nhất trong bài thơ “Đồng dao mùa xuân”. Những người lính ấy mang trong mình trách nhiệm lớn lao là chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Họ đã phải hi sinh bản thân mình, bỏ lỡ khoảng thời gian tuổi xuân quý giá của đời người để ngâm mình vào trong khói đen bom đạn. Tài liệu của Nhung tây Chắc chắn chúng ta không thể quên được hình ảnh người lính với “làn da sốt rét”, điều này nói lên sự thiếu thốn và ảnh hưởng của chiến tranh đối với người lính như thế nào. Nhưng cho dù hoàn cảnh có khó khăn, người lính vẫn giữ niềm tin lạc quan, nụ cười hiền lành cùng những lý tưởng sống cao đẹp của mình. Từ những điều đó khiến cho em vô cùng cảm phục, tự hào vì đất nước ta có truyền thống kiên cường, bất khuất và quyết tâm dựng xây đất nước.

## ****Đề bài: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ Đồng dao mùa xuân - Nguyễn Khoa Điềm****

Đọc bài thơ "Đồng dao mùa xuân" của Nguyễn Khoa Điềm, em lại càng thêm yêu mến những người lính - bộ đội cụ Hồ - những người đã bảo vệ non sông gấm vóc của dân tộc. Hình ảnh anh lính với tuổi xuân xanh "chưa một lần yêu" nhưng quyết tâm "đi vào rừng xanh" trong những năm tháng khói lửa đã làm chúng ta thêm cảm phục bởi lí tưởng sống cao đẹp. Trong khó khăn gian khổ của cuộc chiến, bị căn bệnh sốt rét hành hạ, người lính trẻ vẫn luôn nở nụ cười trên môi. Tài liệu của Nhung tây Anh hi sinh nơi núi rừng Trường Sơn nhưng mãi được đồng đội, nhân dân thương nhớ. Những hình ảnh hào hùng mà cũng giản dị của anh "Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh" còn in mãi trong tâm trí nhân gian. Với hình ảnh thơ gần gũi cùng cách gieo vần chân, nhà thơ đã thành công trong việc khắc họa hình ảnh người lính cụ Hồ. Bằng các biện pháp so sánh "mắt như suối biếc", điệp từ "anh không về nữa" đã góp phần bày tỏ tình cảm, tấm lòng biết ơn của đồng đội, của nhân dân. Bài thơ là khúc đồng dao về tuổi trẻ nhiệt huyết, về sự bất tử của những người lính - những người đã góp phần tạo nên Việt Nam hòa bình.

**ÔN TẬP: VĂN BẢN GẶP LÁ CƠM NẾP**

*(Thanh Thảo)*

**I. Kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm**

**1.Tác giả:**

- Thanh Thảo tên khai sinh là Hồ Thành Công, sinh năm 1945

- Quê quán: huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

- Tác phẩm chính: Những người đi tới biển, Dấu chân qua trảng cỏ, Những ngọn sóng mặt trời, Khối vuông rubic, Từ một đến một trăm... Ngoài ra, ông còn viết báo, tiểu luận, phê bình văn học và nhiều thể loại khác

- Phong cách thơ Thanh Thảo:

+ Thơ Thanh Thảo là tiếng nói của người tri thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại.

+ Thơ ông có sự cách tân vô cùng độc đáo, mới lạ cả về nội dung và hình thức thể hiện. Tuy nhiên, ông cũng có không ít những bài thơ đời thường, giản dị, nhất là khi viết về người lính, về mẹ.

- Ông là nhà thơ, nhà báo, được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và các vấn đề của cuộc sống thời hậu chiến.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Những người đi tới biển* (1981); *Khối vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988)…

**2. Tác phẩm**

**- Thể loại:**

Gặp lá cơm nếp thuộc thể loại thơ năm chữ.

**- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:**

Tác phẩm Gặp lá cơm nếp được trích trong tập thơ Dấu chân qua trảng cỏ, sáng tác năm 1978, xuất bản NXB Hội Nhà văn, Hà Nội năm 2015

**- Phương thức biểu đạt :**

Văn bản Gặp lá cơm nếp có phương thức biểu đạt là biểu cảm

**\* Tóm tắt văn bản Gặp lá cơm nếp:**

Bài thơ "Gặp lá cơm nếp" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ. Bài thơ đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả.

**\*Đề tài:** Người lính và quê hương.

**+ Bố cục bài Gặp lá cơm nếp:**

**\*Bố cục:**  
- Khổ 1: Hoàn cảnh xa nhà khơi nguồn cảm xúc;

- Khổ 2: Hình ảnh mẹ trong kí ức của con;

- Khổ 3,4: Tình cảm, cảm xúc người con khi gặp lá cơm nếp.

**II. Phân tích văn bản**

**1. Mùi hương cơm nếp và hình ảnh người mẹ trong tâm trí tác giả**

- Mùi hương xôi nếp trong nỗi nhớ hiện lên trên đường hành quân của người lính

+ Tác giả đã xa nhà nhiều năm → Nhớ nhà, thèm bát xôi mùa nếp thơm mùa gặt

+ Nhìn thấy khói bay phía xa → Cảm nhận được mùi hương xôi nếp

+ Mùi xôi “lạ lùng”: mùi thơm đến lạ, vừa quen thuộc, vừa lạ lùng vì đã quá lâu chưa được thử. Tài liệu của Nhung tây

- Mùi xôi khiến tác giả - nhân vật con nhớ đến mẹ:

+ Thắc mắc mẹ ở đâu lúc này

+ Nhớ hình ảnh mẹ nhặt lá, đun bếp, thổi xôi

+ Cảm giác hương thơm lan tỏa đến tận bước chân người lính

→ Nỗi nhớ mẹ, nhớ xôi nếp mẹ nấu của người lính đã lớn đến mức chỉ cần ngửi thấy mùi hương lá cơm nếp, những làn khói trắng ban chiều mà tác giả đã hình dung được hình ảnh của mẹ cùng những kí ức tươi đẹp ấu thơ.

**2. Nỗi nhớ thương mẹ và đất nước của tác giả**

 Tác giả coi mùi hương cơm nếp chính là mùi vị quê hương

→ Hạt gạo chính là biểu tượng cho làng quê Việt Nam, không chỉ là mùi vị quê hương của tác giả mà còn của tất cả người lính xa quê, tất cả người con Việt Nam.

- Nỗi nhớ thương được đặt trong sự so sánh đặc biệt: Mẹ già và đất nước

→ Tình yêu mẹ, yêu gia đình được người lính đặt cùng với lòng yêu quê hương, mong muốn bảo vệ đất nước.

→ Người lính chiến đấu từng ngày để đổi lấy tự do cho đất nước, đổi lấy cuộc sống tự do cho quê hương, trở về với mẹ già, với bếp củi, mùi xôi nếp thân thương.

- Hai câu thơ cuối: Người lính quay về tới hiện tại

+ Cảm nhận được mùi hương của cây nhỏ trên đường hành quân

+ “Thơm mãi”: mùi hương vương vấn, ngào ngạt như nỗi nhớ da diết của tác giả.

**3. Đánh giá**

**+ Giá trị nội dung:**

Bài thơ "Gặp lá cơm nếp" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ.  Từ mùi hương cơm nếp quen thuộc, tác giả nhớ đến mẹ, nhớ quê hương da diết. Mùi thơm lạ lùng cứ vương vẫn mãi như động lực khiến tác giả, người lính xa quê nhiều năm có động lực hành quân, chiến đấu để có thể nhanh chóng trở về với mẹ già, với quê hương.

**+ Giá trị nghệ thuật:**

+ Thể thơ 5 chữ, giàu vần điệu.

+ Sử dụng cách chia khổ thơ khác biệt (khổ thơ cuối chỉ có 2 dòng thơ)

+ Hình ảnh so sánh, ẩn dụ.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Bài thơ Gặp lá cơm nếp được trích trong tập thơ nào?**

A. Những người đi tới biển B. Từ một đến một trăm

**C. Dấu chân qua trảng cỏ** D. Khối vuông rubic

**Câu 2: Bài thơ Gặp lá cơm nếp được viết theo thể thơ nào**

A. Bốn chữ **B. Năm chữ**

C. Lục bát D. Thất ngôn tứ tuyệt

**Câu 3: Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là?**

**A. Biểu cảm** B. Tự sự

C. Nghị luận D. Miêu tả

**Câu 4 : Bài thơ Gặp lá cơm nếp viết về**

**A. Viết về cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất nước**

B. Thể hiện lòng thành kính biết ơn của tác giả với vị lãnh tụ kính yêu

C. Viết về người nông dân Việt Nam trước kháng chiến

D. Viết về người lính dưới góc nhìn chiêm nghiệm của một con người thời bình

**Câu 5 :**

**2. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi**  *Xa nhà đã mấy năm Thèm bát xôi mùa gặt Khói bay ngang tầm mắt Mùi xôi sao lạ lùng.  Mẹ ở đâu chiều nay Nhặt lá về đun bếp Phải mẹ thổi cơm nếp Mà thơm suốt đường con.  Ôi mùi vị quê hương Con quên làm sao được Mẹ già và đất nước Chia đều nỗi nhớ thương.  Cây nhỏ lòng Trường Sơn Hiểu lòng nên thơm mãi...*  *(Nguồn: Thanh Thảo, Dấu chân qua trảng cỏ, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr38 - 39)*  **Câu 1**: Đoạn trích trên được trích trong văn bản nào ? tác giả là ai ?  **Câu 2**: Xác định phương thức biểu đạt của bài thơ trên  **Câu 3:** Xác định nội dung của đoạn trích trên ?  **Câu 4**: Tại sao tác giả coi mùi hương cơm nếp chính là mùi vị quê hương ? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích trong văn bản Gặp lá cơm nếp của tác giả Thanh Thảo

**Câu 2 :** Phương thức biểu đạt Biểu cảm

**Câu 3**: Bài thơ "Gặp lá cơm nếp" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ.  Từ mùi hương cơm nếp quen thuộc, tác giả nhớ đến mẹ, nhớ quê hương da diết. Mùi thơm lạ lùng cứ vương vẫn mãi như động lực khiến tác giả, người lính xa quê nhiều năm có động lực hành quân, chiến đấu để có thể nhanh chóng trở về với mẹ già, với quê hương.

**Câu 4:** Tác giả coi mùi hương cơm nếp chính là mùi vị quê hương vì:

- Hạt gạo chính là biểu tượng cho làng quê Việt Nam, không chỉ là mùi vị quê hương của tác giả mà còn của tất cả người lính xa quê, tất cả người con Việt Nam.

- Nỗi nhớ thương được đặt trong sự so sánh đặc biệt: Mẹ già và đất nước

- Tình yêu mẹ, yêu gia đình được người lính đặt cùng với lòng yêu quê hương, mong muốn bảo vệ đất nước. Tài liệu của Nhung tây

=> Người lính chiến đấu từng ngày để đổi lấy tự do cho đất nước, đổi lấy cuộc sống tự do cho quê hương, trở về với mẹ già, với bếp củi, mùi xôi nếp thân thương.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ lại bài thơ Gặp lá cơm nếp và trả lời các câu hỏi:**  *Xa nhà đã mấy năm Thèm bát xôi mùa gặt Khói bay ngang tầm mắt Mùi xôi sao lạ lùng.  Mẹ ở đâu chiều nay Nhặt lá về đun bếp Phải mẹ thổi cơm nếp Mà thơm suốt đường con.  Ôi mùi vị quê hương Con quên làm sao được Mẹ già và đất nước Chia đều nỗi nhớ thương.  Cây nhỏ lòng Trường Sơn Hiểu lòng nên thơm mãi...*  *(Nguồn: Thanh Thảo, Dấu chân qua trảng cỏ, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr38 - 39)*  **Câu 1.** Bài thơ được viết theo thể thơ nào ?Những dấu hiệu nào cho em biết bài thơ *Gặp lá cơm nếp* thuộc thể thơ đó ?  **Câu 2.** Tình cảm của người con dành cho mẹ và quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào?  **Câu 3.** Em ấn tượng nhất với hình ảnh nào trong bài thơ? Tại sao?  **Câu 4.** Em có cảm nhận gì về tình cảm của tác giả được thể hiện trong bài thơ? |

**Gợi ý đáp án:**

**Câu 1.** Bài thơ được viết theo thể thơ 5 chữ

- Những dấu hiệu cho biết bài thơ *Gặp lá cơm nếp* thuộc thể thơ năm chữ: Số tiếng năm tiếng cách ngắt nhịp, gieo vần, số khổ thơ, hình ảnh…

**Câu 2.** Tình cảm của người con dành cho mẹ và quê hương, đất nước:

- Nỗi nhớ mẹ trong hoàn cảnh đặc biệt trên đường hành quân, khi gặp lá cây cơm nếp;

- Mùi hương của lá cơm nếp nhắc anh nhớ tới hương vị thân quen của quê hương với bát xôi mùa gặt;

- Nỗi nhớ thương đong đầy, được chia đều cho mẹ và đất nước;

- Tình yêu mẹ, yêu gia đình, quê hương, đất nước đã hoà vào làm một;

=> Qua đó, thể hiện tâm hồn tinh tế của người lính trước thiên nhiên và tình cảm sâu nặng của anh dành cho quê hương và Tổ quốc.

**Câu 3.** HS tự chọn hình ảnh ấn tượng nhất trong bài thơ và lí giải như:

- Hình ảnh người mẹ:(khổ 2) Mẹ hiện lên giản dị, lam lũ, chất phác, tần tảo chăm lo cho cuộc sống gia đình và yêu thương các con. Nhớ đến mẹ là nhớ đến hương vị của quê nhà. Tài liệu của Nhung tây

- Hình ảnh anh bộ đội: (khổ 3) Luôn nhớ về quê hương, nơi có người mẹ mà anh yêu thương. Ngay cả trên đường hành quân, chỉ mùi hương của lá cơm nếp cũng đã gợi nhắc anh nhớ đến quê hương, nhớ đến mẹ. Anh thấu hiểu được nỗi vất vả của mẹ và cảm nhận được tình yêu thương mẹ dành cho mình. Hình ảnh mẹ già luôn trong tâm trí anh. Anh nhớ mẹ và càng yêu đất nước hơn. Trong tâm hồn người lính, hình ảnh quê hương hiện lên qua sự tảo tần của mẹ, yêu mẹ chính là yêu quê hương và đất nước mình. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 4.** Tình cảm của tác giả được thể hiện trong bài thơ:

- Tác giả đã thủ thỉ kể về tình cảm của một người con dành cho mẹ;

- Thi sĩ không miêu tả chi tiết mà chỉ gợi ra những hình ảnh khái quát để thể hiện tâm tình của người lính dành cho mẹ và quê hương. Tình yêu đó được thể hiện qua hành động chắc tay súng bảo vệ quê hương, cũng là bảo vệ sự bình yên cho mẹ và gia đình.

**3. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HOC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *“Năm nay đào lại nở*  *Không thấy ông đồ xưa.*  *Những người muôn năm cũ*  *Hồn ở đâu bây giờ?”*  *(Ông đồ - Vũ Đình Liên)*  **Câu 1:** Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả của văn bản ấy là ai?  **Câu 2:** Đoạn thơ trên đã thể hiên cảm xúc gì của nhà thơ?  **Câu 3**: Khái quát giá trị nội dung - nghệ thuật văn bản. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong bài thơ ông Đồ của Vũ Đình Liên

**Câu 2:** Đoạn thơ trên đã thể hiên nỗi niềm xót xa, thương tiếc của nhà thơ trước việc vắng bóng hình ảnh ông đồ vào mỗi dịp xuân về. Từ hình ảnh ông đồ, thi sĩ đã liên tưởng tới hình ảnh “Những người muôn năm cũ” và tự hỏi. Câu hỏi tu từ đặt ra là một lời tự vấn, tiềm ẩn sự ngậm ngùi day dứt. Đó là nỗi niềm trắc ẩn, xót thương cho những người như ông đồ đã bị thời thế khước từ. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 3:**

\* Giá trị nội dung

- Tác phẩm khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khới gợi được niềm xúc động tự vấn của nhiều độc giả

\* Giá trị nghệ thuật

- Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ

- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ

- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục...cục tác cục ta”*  ***Nghe*** *xao động nắng trưa*  ***Nghe*** *bàn chân đỡ mỏi*  ***Nghe*** *gọi về tuổi thơ*  *(Ngữ văn 6- tập 1)*  **Câu 1**: Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai ?  **Câu 2**: Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  **Câu 3**: Xác định biện pháp nghệ thuật được sử dụng thông qua các từ in đậm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?  **Câu 4**: Khái quát nội dung khổ thơ trên bằng một câu văn ?  **Câu 5:** Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Tiếng gà trưa”

- Tác giả: Xuân Quỳnh

**Câu 2:** - Thể thơ: thơ 5 chữ (hoặc ngũ ngôn)

**Câu 3**: - Biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ

- Tác dụng: Tài liệu của Nhung tây

+ Diễn tả tâm trạng vô cùng xúc động của người chiến sĩ khi nghe âm thanh quen thuộc của làng quê. (hoặc nhấn mạnh cảm xúc dâng trào của người chiến sĩ)

+ Tác động của tiếng gà: Tiếng gà đã làm xao động nắng trưa và cả hồn người, gợi âm thanh của tiếng gà nơi quê hương và gợi về quá khứ của tuổi thơ.

**Câu 4**: - Đoạn thơ nói về tâm trạng của người chiến sĩ trên đường hành quân xa. (Hoặc: Tác động của tiếng gà đối với người chiến sĩ, hoặc cảm xúc của người chiến sĩ khi nghe tiếng gà trưa...)

**Câu 5:** Trong bài thơ “tiếng gà trưa” nổi bật lên tình cảm bà cháu vô cùng đẹp đẽ, thiêng liêng. Tình cảm ấy được gợi lại từ tiếng gà trưa thân thuộc trong một lần hành quân xa của người chiến sĩ. Tiếng gà trưa khơi nguồn những kỉ niệm tuổi thơ, những kí ức vui tươi, ấm áp bên bà. Trong kí ức của cháu bà là người tần tảo chắt chiu, luôn yêu thương cháu hết mực. Cháu cũng luôn dành tới bà tình yêu và niềm biết ơn vô bờ. Tình cảm già đình, tình bà cháu tốt đẹp đó sẽ mãi là hành trang theo bước chân của người chiến sĩ, tiếp thêm sức mạnh cho anh trong cuộc chiến đấu hôm nay.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc khổ thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *Trên đường hành quân xa*  *Dừng chân bên xóm nhỏ*  *Tiếng gà ai nhảy ổ:*  *“Cục... cục tác cục ta”*  *Nghe xao động nắng trưa*  *Nghe bàn chân đỡ mỏi*  *Nghe gọi về tuổi thơ*  *(Trích Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh Ngữ văn 7 Tập 1)*  **Câu 1.** Tiếng gà trưa vọng vào tâm trí người chiến sĩ vào thời điểm nào?  **Câu 2.** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng của nó. Tài liệu của Nhung tây  **Câu 3.** Tại sao trong rất nhiều âm thanh, người chiến sĩ lại chỉ ám ảnh với âm thanh của tiếng gà trưa?  **Câu 4.** Tiếng gà trưa đem lại cho người chiến sĩ cảm xúc nào? Cảm nhận của em về cảm xúc gợi lên trong lòng anh chiến sĩ. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Thời điểm cụ thể :

*+Trên đường hành quân xa*

*+ Dừng chân bên xóm nhỏ*

*+ Buổi trưa nắng*

**Câu 2.** Biện pháp nghệ thuật:

+ Hình ảnh ngôn ngữ chân thực, giản dị;

+ Điệp từ “nghe”,điệp cấu trúc câu “nghe…”, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Tiếng gà trưa” được cảm nhận bằng thính giác qua điệp từ “nghe” cùng tâm tưởng, hồi ức, cảm xúc của tâm hồn.

+ Tác dụng: Tạo giọng điệu nhịp nhàng cho câu thơ, tạo sự liên kết chặt chẽ; nhấn mạnh sự tác động mạnh của tiếng gà trưa đến tình cảm cảm xúc của người chiến sĩ.

**Câu 3.Âm thanh:**

*Tiếng gà ai nhảy ổ:  
Cục... cục tác cục ta*

+ Âm thanh của làng quê bình dị, thân thuộc

+ Phá tan cái tĩnh lặng buổi trưa của làng quê

+ Mang lại niềm vui cho con người chốn thôn quê

+ Gợi kỉ niệm ấu thơ.

**Câu 4.**

- Âm thanh bình dị, gần gũi của quê hương, biểu hiện những giây phút bình yên của cuộc chiến;

-Làm cho cho cái nắng hè trở nên xao động, bàn chân không thấy mỏi sau cuộc hành trình chiến đấu;

- Khơi dậy kí ức tuổi thơ trong lòng người chiến sĩ; đem lại những cảm giác vừa bồi hồi, xúc động, vừa hạnh phúc. Tài liệu của Nhung tây

=> Đó chính là tình làng quê thắm thiết, sâu nặng.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi**  *Tiếng gà trưa Ổ rơm hồng những trứng Này con gà mái mơ Khắp mình hoa đốm trắng Này con gà mái vàng Lông óng như màu nắng  Tiếng gà trưa Có tiếng bà vẫn mắng: - Gà đẻ mà mày nhìn Rồi sau này lang mặt! Cháu về lấy gương soi Lòng dại thơ lo lắng*  *Tiếng gà trưa Tay bà khum soi trứng Dành từng quả chắt chiu Cho con gà mái ấp*  *(Trích Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh Ngữ văn 7 Tập 1)*  **Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại mấy lần trong bài thơ? Điều đó có tác dụng gì?  **Câu 2.** Tiếng gà trưa đã khơi gợi ở người cháu hình ảnh và kỉ niệm nào của tuổi thơ?  **Câu 3.** Em ấn tượng với hình ảnh, kỉ niệm nào nhất? Vì sao?  **Câu 4.** Hình ảnh người bà hiện lên qua những chi tiết, hình ảnh nào? Qua đó em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của bà và tình cảm của người cháu đối với bà? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại ba lần trong bài thơ. Điều đó có tác dụng: Kết nối các đoạn thơ; điểm nhịp cho từng cảm xúc; nhấn mạnh ấn tượng, tình cảm của người cháu với âm thanh thân thuộc….

**Câu 2.** Mỗi lần “*Tiếng gà trưa*” vang lên là một kỉ niệm được gợi về:

*+* Kỉ niệm về ổ trứng và đàn gà;

+ Kỉ niệm về nỗi lo lắng của bà, niềm hạnh phúc tuổi thơ của cháu;

+ Kỉ niệm giấc mơ hạnh phúc tuổi thơ.

**Câu 3.** Hình ảnh ấn tượng:

**- Kỉ niệm ổ trứng và đàn gà:**

*Ổ rơm hồng những trứng*

*Này con gà mái mơ*

*Khắp mình hoa đốm trắng*

*Này con gà mái vàng*

*Lông óng như màu nắng…*

- Nghệ thuật kể, tả, điệp từ “này”, đảo ngữ“Khắp mình hoa đốm trắng”;

- Tính từ chỉ màu sắc: “hồng, đốm trắng, vàng óng”.

*- Tạo bức tranh kí ức nhiều màu sắc hài hòa, tươi sáng, bình dị của làng quê;*

*- Gợi tả màu sắc tươi sáng, hình ảnh đẹp, bình dị, thân thuộc.*

**- Hình ảnh bà chăm chút từng quả trứng:**

*Tiếng gà trưa*

*Tay bà khum soi trứng*

*Dành từng quả chắt chiu*

*Cho con gà mái ấp*

+ Động từ: “khum”, “soi”

+ Từ láy “chắt chiu”

*=>Người bà thôn quê tần tảo, chịu thương chịu khó, chắt chiu từng niềm vui nhỏ trong cuộc sống đầy lo toan, vất vả.*

**- Hình ảnh nỗi lo lắng của bà và niềm vui tuổi thơ của cháu:**

*Cứ hàng năm hàng năm*

*Khi gió mùa đông tới*

*Bà lo đàn gà toi*

*Mong trời đừng sương muối*

*Để cuối năm bán gà*

*Cháu được quần áo mới*

+ Điệp ngữ: “hằng năm”: *Gợi ra một quãng thời gian dài, triền miên những nỗi lo âu của bà*. Cho thấy tuổi thơ của người chiến sĩ gắn liền với niềm vui, trong trẻo, đầy tình yêu thương của gia đình, làng quê.

**- Hạnh phúc tuổi thơ của cháu:**

*Ôi cái quần chéo go*

*Ống rộng dài quét đất*

*Cái áo cánh trúc bâu*

*Đi qua nghe sột soạt.*

-Những ước mơ nhỏ bé, đơn sơ, giản dị đó được gợi ra hình ảnh người bà chắt chiu từng quả trứng, nâng niu từng sự sống để cuối năm có tiền mua quần áo mới cho cháu.

*=> Bà đã thực hiện ước mơ tuổi thơ của cháu.*

**Câu 4.**

*- Hình ảnh bà hiện lên:*

+ Cách bà chăm chút từng quả trứng;

+ Những lỗi lo âu của bà.

*- Thể hiện tình cảm của bà:*

+ Yêu thương, quan tâm tha thiết -một tình thương bao la, to lớn, cho đi mà không cần nhận lại điều gì.

+ Bà chăm lo cho đàn gà, nâng niu những quả trứng với niềm ao ước, mong muốn một điều ước nhỏ nhoi để cuối năm bán gà mua cho cháu quần áo mới.

- *Tình cảm của người cháu:*

+ Cháu luôn nhớ và biết ơn bà về những lo to toan quan tâm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Cháu chiến đấu hôm nay”*  *(Ngữ văn 6- tập 1)*  **Câu 1**: Hãy chép 5 câu thơ tiếp theo để hoàn thành đoạn cuối bài thơ “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh. Tài liệu của Nhung tây  **Câu 2**: Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào? Nêu xuất xứ của văn bản?  **Câu 3**: Em hiểu thế nào là điệp ngữ? Chỉ ra điệp ngữ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên và cho biết đó là dạng điệp ngữ nào? Viết đoạn văn khoảng 6-8 câu nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp điệp ngữ trên. Tài liệu của Nhung tây  **Câu 4:** Vì sao người cháu có thể nghĩ rằng cuộc chiến đấu của mình còn là “Vì tiếng gà cục tác. Ổ trứng hồng tuổi thơ”  **Câu 5:** Em cảm nhận được gì về hình ảnh người bà và tình bà cháu trong bài thơ.  **Câu 6:** Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1: C**hép lại chính xác đoạn thơ

*“ Cháu chiến đấu hôm nay*

*Vì lòng yêu Tổ quốc*

*Vì xóm làng thân thuộc*

*Bà ơi, cũng vì bà*

*Vì tiếng gà cục tác*

*Ổ trứng hồng tuổi thơ.”*

**Câu 2:** Hoàn cảnh sáng tác: thời kỳ đầu cuộc KC chống Mỹ

- Xuất xứ: In trong tập “Hoa dọc chiến hào” (1968)

**Câu 3:** - Khái niệm điệp ngữ: Khi nói hoặc viết, người ta có thể dùng biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh. Cách lặp lại như vậy gọi là phép điệp ngữ; từ ngữ được lặp lại gọi là điệp ngữ.

- Điệp ngữ: “vì” lặp lại 4 lần

- Kiểu: Điệp ngữ cách quãng

**- Nêu tác dụng điệp ngữ:**

**- Hình thức:** đoạn văn

+ Lùi đầu dòng, đánh số câu

+ Đủ số câu yêu cầu

+ Không mắc lỗi chính tả, diễn đạt trôi chảy

**- Nội dung:**

+ Tạo nhịp thơ nhanh, mạnh, dồn dập như bước chân hành quân trên con đường ra trận vững vàng hơn, tự tin hơn với mục đích, lí tưởng cao đẹp.

+ Nhấn mạnh và mở ra mục đích, nguyên nhân động lực của hành động chiến đấu của người chiến sĩ hôm nay: chiến đấu vì những gì thiêng liêng cao cả (lòng yêu Tổ quốc, yêu quê hương) và cũng vì những gì bình dị thân thuộc nhất (vì bà, vì tiếng gà, vì ổ trứng hồng).

Bài thơ tuy viết về đề tài bình dị những vẫn hướng tới chủ đề bao trùm của văn học thời đại đó là sự cổ vũ tinh thần chiến đấu và lòng yêu đất nước quê hương.

=>BPTT góp phần thể hiện chân lí cuối cùng: lòng yêu nước bắt nguồn từ lòng yêu những vật bình thường nhất

**Câu 4**: - Tiếng gà trưa và những ổ trứng hồng là hình ảnh của cuộc sống chân thật, bình yên, no ấm.

- Tiếng gà trưa thức dậy bao tình cảm bà cháu, gia đình, quê hương

- Đó là âm thanh bình dị của làng quê của làng quê VN.

- Vì :

+ Ổ trứng và tiếng gà là những điều chân thật, thân thương, quí giá. Là biểu tượng hạnh phúc ở mỗi miền quê .

+ Cuộc chiến đấu hôm nay còn có thêm ý nghĩa bảo vệ những điều chân thật và quí giá đó.

**Câu 5**: Hình ảnh người bà: Tần tảo, chắt chiu trong cảnh nghèo. dành trọn vẹn tình yêu thương chăm lo cho cháu, bảo ban, nhắc nhở cháu, ngay cả khi có trách mắng thì cũng là vì tình yêu thương cháu

Tình bà cháu thật sâu nặng, thắm thiết. Bà chắt chiu, chăm lo cho cháu; cháu thương yêu, kính trọng và biết ơn bà.

**Câu 6:** **Nghệ thuật:**

+ Điệp ngữ

+ Thể thơ 5 tiếng, ngôn ngữ thơ tự nhiên, chân thực

+ Hình ảnh thơ gần gũi

**- Nội dung:**

+ Tiếng gà trưa gợi lại những kỉ niệm tuổi thơ và tình bà cháu.

+ Tình yêu nước, lí tưởng chiến đấu của người chiến sĩ bắt nguồn từ tình cảm bà cháu, từ kỉ niệm tuổi thơ trong sáng, nghĩa tình.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

|  |
| --- |
| **Đọc kỹ bài thơ rồi trả lời các câu hỏi sau:**  **ĐÁNH THỨC TRẦU**  *Đã ngủ rồi hả trầu ?*  *Tao đã đi ngủ đâu*  *Mà trầu mày đã ngủ*  *Bà tao vừa đến đó*  *Muốn có mấy lá trầu*  *Tao không phải ai đâu*  *Đánh thức mày để hái*  *Trầu ơi hãy tỉnh lại*  *Mở mắt xanh ra nào*  *Lá nào muốn cho tao*  *Thì mày chìa ra nhé*  *Tay tao hái rất nhẹ*  *Không làm mày đau đâu*  *Đã dậy chưa hả trầu ?*  *Tao hái vài lá nhé*  *Cho bà và cho mẹ*  *Đừng lụi đi trầu ơi !*  *(Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hóa dân tộc, 1999)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của bài thơ.  **Câu 2:** Chỉ ra phép tu từ mà nhà thơ sử dụng trong bài thơ.  **Câu 3:** Nêu tác dụng của phép tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ  **Câu 4:** Vẻ đẹp tâm hồn của con người nhà thơ hiện lên qua bài thơ như thế nào? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm

Thể thơ: 5 chữ

**Câu 2**: Phép tu từ được tác giả sử dụng trong bài thơ: nhân hóa

**Câu 3**: - Tác dụng:

+ Cây trầu trở nên gần gũi như một người bạn. Cây trầu cũng có suy nghĩ, buồn vui, đau đớn

+ Con người và thiên nhiên có mối giao hòa

**Câu 4**: Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ:

- Tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, nhạy cảm, yêu mến, nâng niu cỏ cây vạn vật xung quanh mình (yêu thiên nhiên)

- Yêu quý, quan tâm người thân (bà, mẹ)

**4. Dạng viết ngắn**

**Đề: Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh người con trong bài thơ Gặp lá cơm nếp**

**Bài tham khảo 1**

Người con trong bài thơ là một người lính Trường Sơn, là người đang ngày ngày hành quân. Người con ấy có mẹ già, có quê hương, đất nước. Khi "xa nhà mấy năm", chắc chắn người con ấy sẽ phải nhớ đến những gì quen thuộc, gần gũi, những gì như điểm nhấn của kí ức. Đó là bát xôi mùa gặt, là hình ảnh mẹ nhặt lá về đun bếp chiều, là cả một không gian quê hương. Người con - chiến sĩ ấy cũng có những tâm tư, tình cảm, nỗi nhớ của một con người, một thi nhân.

**Bài tham khảo 2**

Người con trong bài thơ không trực tiếp xuất hiện mà chỉ xuất hiện gián tiếp qua những cảm xúc thể hiện trong bài. Từ đó, ta có thể hình dung chủ thể trữ tình trong bài thơ là một người lính xa nhà nhiều năm và có những tình cảm sâu sắc dành cho mẹ cũng như quê hương, đất nước. Anh là một người con giàu tình cảm, có hiếu khi nhớ thương về mẹ với những điều bình dị và không quên được những món ăn quen thuộc mà mẹ đã dành trọn tình cảm để nấu cho anh. Người lính ấy đồng thời cũng là người con yêu nước, khi trong lòng anh luôn dạt dào tình cảm với làng quê, dân tộc.

**Đề: Viết đoạn văn (khoảng 5 -7 câu) nêu cảm nghĩ của em về nỗi nhớ thương mẹ của người con trong bài thơ Gặp lá cơm nếp.**

Đi hết cuộc đời dài rộng này, chúng ta cũng không thể hiểu được hết công lao của mẹ cha. Bởi vậy, đã có biết bao sáng tác ra đời để ca ngợi công ơn trời bể ấy. Tác giả Thanh Thảo cũng viết về đề tài ấy, ngắn gọn nhưng đầy cảm xúc trong bài thơ Gặp lá cơm nếp. Bài thơ đã ghi lại cảm xúc của người con tình cờ nghĩ đến hương vị của mùi xôi và nhớ về mẹ. Tác giả đã xa nhà nhiều năm, thèm một bát xôi nếp mùa gặt và nhớ về mẹ cùng những hương vị yêu dấu của làng quê. Trong tâm hồn các anh, người mẹ là hình ảnh lớn lao nhất, đẹp đẽ nhất của quê hương. Với người lính, mẹ là suối nguồn của yêu thương, là ánh sáng diệu kì dõi theo con suốt cuộc đời. Câu thơ "Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương" như cảm xúc òa khóc trong lòng nhân vật khi nghĩ về người mẹ tảo tần và đất nước bình dị. Mẹ đã chịu một đời lam lũ, hi sinh để dành cho con những điều đẹp đẽ nhất. Những câu thơ giản dị, ngắn gọn mà vời vợi nỗi nhớ thương. Bài thơ "Gặp lá cơm nếp" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ. Tài liệu của Nhung tây Bài thơ đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI GIẢM NÓI TRÁNH**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Khái niệm**

- Tên gọi khác: *khiêm dụ, nói nhún.*

- Nói giảm là phép tu từ dùng cách nói giảm nhẹ mức độ hoặc tính chất của sự vật, hiện tượng để tránh gây ấn tượng không hay đối với người nghe hoặc để thể hiện sự khiêm tốn, nhún nhường. Ví dụ:

*Rộng thương* ***cỏ nội hoa hèn***

*Chút thân* ***bèo bọt*** *dám phiền mai sau.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

=> Đây là lời Thuý Kiều nói với Từ Hải tự ví thân phận mình thấp kém, trôi nổi như cỏ nội hoa hèn, như bèo bọt rày đây mai đó.

- Nói giảm là phép tu từ ngược lại với khoa trương.

**2.** **Cấu tạo**

- Nói giảm thường được cấu tạo dựa trên ẩn dụ.

- Thường được thực hiện bằng các cách sau:

**a. Sử dụng hiện tượng chuyển nghĩa thông qua các hình thức ẩn dụ hoặc hoán dụ.** Ví dụ: Tài liệu của Nhung tây

- Bác đã đi rồi sao Bác ơi

- Bác đã lên đường theo tổ tiên.

(Tố Hữu)

**b. Sử dụng các từ đồng nghĩa Hán Việt**. Ví dụ:

- Chết: từ trần, tạ thế, hy sinh…

- Chôn xác: an tang, mai tang…

**c. Phủ định từ trái nghĩa**. Ví dụ:

- Xấu: chưa đẹp, không được đẹp cho lắm…

**d. Tỉnh lược**. Ví dụ:

Lão làm bộ đấy! Thật ra lão chỉ tẩm ngẩm thế, nhưng cũng **ra phết chứ chả vừa đâu**: lão vừa xin tôi một ít bả chó.

(Nam Cao)

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1**: Tìm biện pháp nói giảm nói tránh trong các câu sau?

1. Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang:

- Bác trai đã khá rồi chứ?

(Ngô Tất Tố)

2. Nó (Rùa Vàng) đứng nổi trên mặt nước và nói: “Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân”.

(Sự tích Hồ Gươm)

3. Rộng thương cỏ nội hoa hèn

Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

4. Bác đã đi rồi sao Bác ơi

(Tố Hữu)

5. Lão làm bộ đấy! Thật ra lão chỉ tẩm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu: lão vừa xin tôi một ít bả chó.

(Nam Cao)

6. Thân lươn bao quản lấm đầu

Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

7. Con gái của anh vóc dáng cũng dễ nhìn đó chứ.

(Khẩu ngữ)

8. Bác Dương thôi đã thôi rồi

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta…

(Nguyễn Khuyến)

9. Bác đã lên đường theo tổ thiên

Mác – Lênin, thế giới người hiền.

(Tố Hữu)

10. Bỗng lòe chớp đỏ,  
 Thôi rồi, Lượm ơi!  
 Chú đồng chí nhỏ,  
 Một dòng máu tươi!

(Tố Hữu)

11. Kiếp hồng nhan có mong manh

Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

12. Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Quang Dũng)

13. Người nằm dưới đất ai ai đó,

Giang hồ mê chơi quên quê hương.

(Tản Đà)

14. Cậu vàng đi đời rồi ông giáo ạ!

15. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão.

(Nam Cao)

16. Khuya rồi, mời ông bà đi nghỉ ạ.

17. Cháu bé đã bớt đi ngoài chưa bác?

18. Cậu để kiểu tóc này tớ nhìn chưa ưng ý lắm.

19. Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

(Nguyễn Tuân)

20. Dù em nên vợ nên chồng,

Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên

Mất người còn chút của tin

Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.

(Nguyễn Du)

21. Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

(Hồ Chí Minh, Di chúc)

22. Lượng con ông Độ đây mà…Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ chẳng còn.

(Hồ Phương, Thư nhà)

23. Bài thơ anh viết về ý tứ, hình ảnh thì được, nhưng tình cảm còn chưa đủ sâu.

24. Nói năng như thế là có phần chưa được thiện chí lắm.

**Bài 2.** Gạch dưới những từ ngữ thể hiện phép nói giảm:

*Nhưng thần trộm nghĩ, làm cho dân được lợi thì không gì quan trọng hơn nghề nông; mở mang dân trí thì không gì lớn hơn việc giáo hóa. Lại không thể nói công thương không đủ để hưng lợi và mở mang trí tuệ! Thần trộm cho rằng: “Công” tất phải học máy móc, việc chế tạo do đó mới có thể phát triển, “Thương” thì hàng hoá xuất nhập khẩu phải được thông suốt, có thế việc buôn bán mới được mở mang. Thần trộm thấy về công nghệ nước ta, thì nghề thủ công chưa được khéo, việc buôn bán thì hàng hóa xuất ra nước ngoài bị cấm, cả công và thương đều chưa có thể mưu cầu lợi ích một cách nhanh chóng. Vậy, triều đình phải dần dần hướng dẫn, lợi dụng cơ hội để mở rộng ra, ngõ hầu làm cho dân chúng không chịu ở yên trong cảnh tạm bợ, được chăng hay chớ; tạo ra thói quen không chịu bó mình trong cảnh an nhàn, khiến cho công thương có cơ hưng thịnh vậy! Thần trộm thấy có điều đáng lo nữa là dân nước ta đông mà đất hoang hóa ở ven biển, ven núi chưa được khai khẩn, vẫn để nguyên như cũ. Bởi vậy, nếu quan ở địa phương bảo trợ họ, cổ vũ họ, thì không cần đợi đốc thúc gắt gao mà dân chúng sẽ nhanh chóng khai hoang vậy.*

1. *Thần là kẻ bắt đầu học, mới tiến bộ, không biết kiêng dè, nói năng bộc trực trước đấng quân vương, lòng khôn xiết run sợ!*

(Vương Hữu Phu, Bài văn thi đậu đình nguyên. Theo Đào Tam Tỉnh, Tạp chí Văn hoá Nghệ An, 11 Tháng 8 2011)

**Bài 3**. Thay thế các câu sau thành câu có sử dụng phép nói giảm nói tránh

1. Em hát bài này nghe dở lắm.

2. Mắt của bạn đó bị cận nên phải ngồi gần.

3. Trông bạn dạo này béo quá đấy.

4. Bạn lùn quá không với tới được đâu.

5. Tranh cậu vẽ trông xấu quá.

**Bài 4.** Chỉ ra những cách nói thay thế cho từ “chết” trong các câu sau. Hãy lấy thêm những ví dụ cũng giúp nói giảm nói tránh cho việc “chết”.

a. Chỉ đến lúc thân tàn lực kiệt, trả xác cho đời, Thị Kính mới được minh oan và được trở về cõi Phật.

(Trần Lâm Biền)

b. Thế rồi Dế Choắt tắc thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình.

(Tô Hoài)

c. Bỗng lòe chớp đỏ

Thôi rồi Lượm ơi.

(Tố Hữu)

d. A Di Đà Phật! Không có ngài thì tính mạng con tôi nguy rồi, chúng tôi biết lấy gì đền đáp cho xứng.

(Quỳnh Cư)

e. Chẳng bao lâu, người chồng mất.

(Sọ Dừa)

g. […] Trước kia khi bà chưa về với Thượng đế chí nhân, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao!

(An-đéc-xen)

h. Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài lại bỏ đi để chị ở một mình.

(Nguyễn Khải)

**Bài 5**. Có thể thay thế từ “chết” trong các câu sau bằng các cách nói giảm nói tránh giống như ở bài tập 4 được không? Vì sao?

a. Tôi nói chuyện với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói…

(Nam Cao)

b. Trong những năm qua, số người mắc bệnh truyền nhiễm và chết vì các bệnh truyền nhiễm giảm dần.

(Báo cáo y tế)

c. Sau trận bão, cây cối trong vườn chết hết cả.

d. Quân giặc đã chết như ngả rạ.

**Bài 6**. Đặt 3 câu nói giảm nói tránh bằng cách phủ định từ trái nghĩa.

Mẫu: Bức tranh cậu vẽ xấu quá. 🡪 Bức tranh cậu vẽ chưa được đẹp lắm.

**Bài 7**. Chọn một từ ngữ ở cột A để điền vào chỗ trống trong câu ở cột B để được các câu có sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh.

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| 1. Phúc hậu | a. Anh ấy ... khi nào? |
| 2. Hiếu thảo | b. Em ... đi chơi được nhiều như vậy |
| 3. Hi sinh | c. Bà ta không được ... cho lắm! |
| 4. Không nên | d. Cậu nên ... với bạn bè hơn! |
| 5. Hòa nhã | e. Nó không phải là đứa ... với cha mẹ! |

**Bài 8.** Đặt câu có nội dung tỏ sự khiêm nhường với các từ ngữ sau đây: *thiển nghĩ, món quà nhỏ mọn, rồng đến nhà tôm, tài hèn đức mọn, con ong cái kiến.*

**Bài 9**. Viết đoạn văn ngắn (Từ 13 đến 16 câu). Trong đó có sử dụng ít nhất 1 phép nói quá, 1 phép nói giảm nói tránh. Gạch chân dưới những câu văn có chứa các biện pháp ấy. Tài liệu của Nhung tây

**ĐÁP ÁN**

**Bài 1**. Biện pháp nói giảm nói tránh được in đậm:

1. Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang:

- Bác trai đã **khá** rồi chứ?

(Ngô Tất Tố)

2. Nó (Rùa Vàng) đứng nổi trên mặt nước và nói: “Xin bệ hạ **hoàn** gươm lại cho Long Quân”.

(Sự tích Hồ Gươm)

3. Rộng thương **cỏ nội hoa hèn**

Chút thân **bèo bọt** dám phiền mai sau.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

4. Bác đã **đi** rồi sao Bác ơi

(Tố Hữu)

5. Lão làm bộ đấy! Thật ra lão chỉ tẩm ngẩm thế, nhưng cũng **ra phết chứ chả vừa đâu**: lão vừa xin tôi một ít bả chó.

(Nam Cao)

6. **Thân lươn** bao quản lấm đầu

Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

7. Con gái của anh vóc dáng **cũng dễ nhìn** đó chứ.

(Khẩu ngữ)

8. Bác Dương thôi **đã thôi rồi**

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta…

(Nguyễn Khuyến)

9. Bác đã **lên đường theo tổ thiên**

Mác – Lênin, thế giới người hiền.

(Tố Hữu)

10. Bỗng loè chớp đỏ,  
 **Thôi rồi**, Lượm ơi!  
 Chú đồng chí nhỏ,  
 Một dòng máu tươi!

(Tố Hữu)

11. Kiếp hồng nhan có mong manh

Nửa chừng xuân thoắt **gãy cành thiên hương**.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

12. Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào **thay chiếu anh về đất**

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Quang Dũng)

13. Người **nằm dưới đất** ai ai đó,

Giang hồ mê chơi quên quê hương.

(Tản Đà)

14. Cậu vàng **đi đờ**i rồi ông giáo ạ!

15. Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà **nhắm mắt**! lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão.

(Nam Cao)

16. Khuya rồi, mời ông bà đi **nghỉ** ạ.

17. Cháu bé đã bớt **đi ngoài** chưa bác?

18. Cậu để kiểu tóc này tớ nhìn **chưa ưng ý lắm**.

19. Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “**Kẻ mê muội** này xin bái lĩnh”.

(Nguyễn Tuân)

20. Dù em nên vợ nên chồng,

Xót người **mệnh bạc** ắt lòng chẳng quên

Mất người còn chút của tin

Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.

(Nguyễn Du)

21. Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ **đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác,** thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.

(Hồ Chí Minh, Di chúc)

22. Lượng con ông Độ đây mà…Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ **chẳng còn.**

(Hồ Phương, Thư nhà)

23. Bài thơ anh viết về ý tứ, hình ảnh thì được, nhưng tình cảm còn **chưa đủ sâu.**

24. Nói năng như thế là có phần **chưa được thiện chí lắm**.

**Bài 2.** Những từ ngữ thể hiện phép nói giảm được gạch chân, in đậm:

*Nhưng thần trộm nghĩ, làm cho dân được lợi thì không gì quan trọng hơn nghề nông; mở mang dân trí thì không gì lớn hơn việc giáo hóa. Lại không thể nói công thương không đủ để hưng lợi và mở mang trí tuệ!* ***Thần trộm cho rằng****: “Công” tất phải học máy móc, việc chế tạo do đó mới có thể phát triển, “Thương” thì hàng hoá xuất nhập khẩu phải được thông suốt, có thế việc buôn bán mới được mở mang.* ***Thần trộm thấy*** *về công nghệ nước ta, thì nghề thủ công chưa được khéo, việc buôn bán thì hàng hóa xuất ra nước ngoài bị cấm, cả công và thương đều chưa có thể mưu cầu lợi ích một cách nhanh chóng. Vậy, triều đình phải dần dần hướng dẫn, lợi dụng cơ hội để mở rộng ra, ngõ hầu làm cho dân chúng không chịu ở yên trong cảnh tạm bợ, được chăng hay chớ; tạo ra thói quen không chịu bó mình trong cảnh an nhàn, khiến cho công thương có cơ hưng thịnh vậy!* ***Thần trộm thấy*** *có điều đáng lo nữa là dân nước ta đông mà đất hoang hóa ở ven biển, ven núi chưa được khai khẩn, vẫn để nguyên như cũ. Bởi vậy, nếu quan ở địa phương bảo trợ họ, cổ vũ họ, thì không cần đợi đốc thúc gắt gao mà dân chúng sẽ nhanh chóng khai hoang vậy.*

1. *Thần là* ***kẻ bắt đầu học, mới tiến bộ****, không biết kiêng dè,* ***nói năng bộc trực*** *trước đấng quân vương, lòng khôn xiết run sợ!*

*(Vương Hữu Phu, Bài văn thi đậu đình nguyên. Theo Đào Tam Tỉnh, Tap chí Văn hoá Nghệ An, 11 Tháng 8 2011)*

**Bài 3**. Tham khảo cách thay thế sau:

1. Em hát bài này nghe chưa được hay cho lắm

2. Mắt của bạn đó không được tốt nên phải ngồi gần.

3. Trông bạn dạo này có da có thịt hơn đấy.

4. Trông nó cao quá, rất khó để bạn với được.

5. Tranh cậu vẽ chưa được nổi bật cho lắm.

**Bài 4**. Cách nói thay thế được in đậm:

a. Chỉ đến lúc **thân tàn lực kiệt, trả xác cho đời**, Thị Kính mới được minh oan và được trở về cõi Phật.

(Trần Lâm Biền)

b. Thế rồi Dế Choắt **tắc thở.** Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình.

(Tô Hoài)

c. Bỗng lòe chớp đỏ

**Thôi rồi Lượm ơi.**

(Tố Hữu)

d. A Di Đà Phật! Không có ngài thì **tính mạng con tôi nguy rồi**, chúng tôi biết lấy gì đền đáp cho xứng.

(Quỳnh Cư)

e. Chẳng bao lâu, người chồng **mất.**

(Sọ Dừa)

g. […] Trước kia khi bà chưa **về với Thượng đế chí nhân**, bà cháu ta đã từng sung sướng biết bao!

(An-đéc-xen)

h. Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài lại **bỏ đi** để chị ở một mình.

(Nguyễn Khải)

- Các cách nói khác thay thế cho cách nói “chết”: từ trần, tạ thế, hy sinh, về thiên đường, về với cõi niết bàn, từ giã trần gian, quy tiên, thác, khuất núi, không còn nữa…

**Bài 5**.

a. Tôi nói chuyện với vợ tôi. Thị gạt phắt đi:

- Cho lão chết! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ! Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão? Chính con mình cũng đói…

(Nam Cao)

- Vì câu này là lời trách mắng, than trách nên không cần thiết phải nói giảm nói tránh.

b. Trong những năm qua, số người mắc bệnh truyền nhiễm và chết vì các bệnh truyền nhiễm giảm dần.

(Báo cáo y tế)

- Đây là câu trong văn bản hành chính, báo cáo khoa học nên thường ít dùng và không nên dùng các biện pháp nói giảm nói tránh.

c. Sau trận bão, cây cối trong vườn chết hết cả.

- Đây là cách nói dùng cho đồ vật (cây cối) nên không cần thiết phải nói giảm nói tránh.

d. Quân giặc đã chết như ngả rạ.

- Đây là cách nói về đối tượng quân giặc nên không thể thay thế các từ: hy sinh, từ trần…được vì sẽ làm mất đi sắc thái nghĩa căm giận đối với quân giặc.

**Bài 6**. Tham khảo các câu sau:

1. Giọng hát của cậu nghe chưa có gì nổi bật.

2. Đây chưa phải là một cách giải toán tối ưu cho lắm.

3. Bộ quần áo này của cậu chưa được khác biệt lắm.

**Bài 7.** Tham khảo:

1 – c; 2 – e; 3 – a; 4 – b; 5 - d

**Bài 8.** Tham khảo các câu sau:

1. Tôi thiển nghĩ nên chọn phương án B sẽ tối ưu hơn.

2. Cháu hy vọng món quà nhỏ mọn này sẽ làm vừa lòng bác ạ.

3. Ôi! Sao hôm nay rồng lại đến nhà tôm thế này, vinh hạnh quá!

4. Tôi tài hèn sức mọn không biết có xứng đáng với những kì vọng của các bác hay không?

5. Chúng mình là phận con ong cái kiến, chỉ đâu đánh đấy, biết cái gì mà thắc với chả mắc.

**Bài 9.** Học sinh tự luyện tập theo đề bài.

**Bài 10:**

*a. Khuya rồi, mời bà* ***đi nghỉ****.*

*b. Cha mẹ em* ***chia tay nhau*** *từ ngày em còn rất bé, em về ở với bà ngoại.*

*c. Đây là lớp học cho trẻ em* ***khiếm thị****.*

*d. Mẹ đã* ***có tuổi*** *rồi, nên chú ý giữ gìn sức khoẻ.*

*e. Cha nó mất, mẹ nó* ***đi bước nữa****, nên chú nó rất thương nó.*

**Bài 11: Câu có sử dụng nói giảm nói tránh**

*a. Anh* ***nên*** *hoà nhã với bạn bè!*

*b. Anh* ***không nên*** *ở đây nữa!*

*c.* ***Xin đừng*** *hút thuốc trong phòng!*

*d. Nó nói như thế là* ***thiếu thiện chí.***

*e. Hôm qua em* ***có lỗi*** *với anh, em xin anh thứ lỗi.*

**Bài 12:**

Đặt năm câu đánh giá có sử dụng nói giảm nói tránh trong những trường hợp khác nhau:

*- Nó học chưa được tốt lắm.*

*- Con dạo này chưa được ngoan lắm.*

*- Anh nói chưa đúng lắm.*

*- Sức khỏe của nó không được tốt lắm.*

*- Bạn ấy chưa được nhanh lắm.*

**Bài 13:**

Những tình huống cần nói thẳng thắn, nói đúng bản chất vấn đề thì không được nói giảm nói tránh.

**TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**Bước 1: Tìm hiểu về đối tượng cần cảm nghĩ**

Việc phân tích và phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm văn học đòi hỏi học sinh phải là người có kiến thức và kỹ năng thì mới có thể viết tốt được. Cũng như vậy việc lập dàn ý cũng vậy, để lập dàn ý tốt thì học sinh cần phải nắm rõ những kiến thức về tác phẩm cầm cảm nghĩ. Việc nắm rõ nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thì sẽ giúp cho học sinh cảm nhận tốt được tác phẩm văn học. Đây là một bước vô cùng quan trọng mà khi làm bất cứ một tác phẩm nào học sinh cũng đều phải thực hiện.

**Bước 2: Tìm ra những nét đặc sắc nổi bật của đối tượng cảm nghĩ**

Sau khi tìm hiểu kĩ về đối tượng cần cảm nghĩ thì bước tiếp theo là tìm ra những nét nổi bật của tác phẩm cần cảm nghĩ. Việc tìm ra những nét nổi bật trong tác phẩm sẽ tạo nên độ sâu cho bài văn. Xác định được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong phần gạch ý sẽ giúp cho các em không bị quên ý và sẽ tạo được hệ thống cho bài văn khi viết, không bị tràn lan, loãng ý. Tài liệu của Nhung tây

**Bước 3: Xác định luận điểm cho bài văn**

Đối với bài văn cảm nghĩ về tác phẩm văn học việc xác định luận điểm rất quan trọng. Khi lập dàn ý, cần nêu rõ các luận điểm cần viết trong bài văn. Luận điểm rất quan trọng đối với tất cả các bài văn trong đó có bài cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

**Bước 4: Tiến hành lập dàn ý**

Sau khi đã tìm hiểu kỹ các bước trên các em tiến hành lập dàn ý ra giấy. Khi lập dàn ý cần chú ý sắp xếp các luận điểm theo thứ tự để đảm bảo các ý được sắp xếp khoa học có hệ thống. Tài liệu của Nhung tây

Lập dàn ý là một bước vô cùng quan trọng đối với quá trình viết văn. Đối với bài văn phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học việc lập dàn ý lại càng chiếm vị trí quan trọng. Khi lập dàn ý người viết sẽ không bị sa vào cảm xúc của bài văn và viết được hay và đủ ý

**a.Yêu cầu**

- Phát biểu cảm nghĩ về một tác phẩm thơ đòi hỏi người viết phải nên lên những cảm xúc suy nghĩ của mình trên cơ sở cảm thụ bài thơ đó.

- Phải nêu được cảm xúc đối với cảnh, đối với người, với hình ảnh độc đáo, câu chữ hay trong bài thơ.

- Cần vận dụng linh hoạt các cách lập ý để bài làm có sự mạch lạc.

**b. Gợi ý**

- Đọc kỹ bài thơ, nắm vững thời điểm ra đời, tác giả, nội dung chính và nét đặc sắc về nghệ thuật.

- Cảm nhận và hình thành ấn tượng, cảm xúc chung nhất về bài thơ.

- Đi sâu vào hình ảnh tâm trạng, câu chữ, nhịp điệu mà bài thơ gợi lên cảm xúc và ấn tượng. Tài liệu của Nhung tây

- Có thể tham khảo các ý kiến phân tích đánh giá bài thơ nhưng cần chú ý trình bày cảm xúc, ấn tượng của riêng mình chứ không nhắc lại ý kiến người khác.

**1. Trước khi viết**

a. Lựa chọn bài thơ

Có thể chọn bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ viết về những đề tài như tình cảm gia đình, tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,..

b. Tìm ý

Em hãy thực hiện những thao tác sau đây để tìm ý:

- Đọc bài thơ nhiều lần để có được cảm nhận chung về bài thơ.

- Nêu cảm xúc của em về những nét đặc sắc trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật (thể thơ, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,...) của bài thơ.

- Ghi lại cảm xúc chung của em về bài thơ.

**c. Dàn ý chung**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu sơ lược về bài thơ và cảm nhận chung

**2. Thân bài:**

- Cảm xúc về hoàn cảnh ra đời bài thơ  
- Cảm xúc về hình ảnh trong bà thơ, tâm trạng của tác giả  
- Cảm xúc và suy nghĩ về câu thơ.  
- Cảm xúc về tiết tấu, nhịp điệu, các biện pháp tu từ  
- Cảm nghĩ về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài

**3. Kết bài:**

- Tình cảm của người viết, dự cảm về sức sống của bài thơ.

**2. Viết bài**

Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý:

- Đoạn văn cần có đầy đủ ba phần Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn.

- Các câu trong đoạn tập trung thể hiện nội dung chính của đoạn.

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

- Trình bày đúng hình thức đoạn văn.

**3. Chỉnh sửa**

Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Giới thiệu được tác giả và bài thơ; nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ. | Nếu còn thiếu, hãy bổ sung. |
| Diễn tả được những cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | Đối chiếu với mục tìm ý xem đoạn văn đã nêu được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ chưa. Nếu còn thiếu hoặc diễn đạt chưa rõ, chưa phù hợp, hãy bổ sung, điều chỉnh. |
| Khái quát được cảm xúc về bài thơ. | Đọc lại câu văn cuối đoạn, kiểm tra xem đã khái quát được cảm xúc về bài thơ chưa. Hãy bổ sung nếu còn thiếu. |
| Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt. | Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi. |

**II. LUYỆN TẬP**

## 1. Dàn ý ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

**1. Mở đoạn:**

- Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và nêu cảm xúc chung về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em đã chọn. Tài liệu của Nhung tây

**2. Thân đoạn:**

- Trình bày các chi tiết thể hiện cảm xúc của em về bài thơ.

**3. Kết đoạn:**

- Khẳng định cảm xúc của bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

## 2. Đoạn văn thể hiện cảm xúc về tình cảm bà cháu trong bài Tiếng gà trưa

Tình cảm bà cháu là tình cảm đẹp đẽ, thiêng liêng và vô cùng sâu nặng. Tình cảm đó đã hằn sâu trong kí ức tuổi thơ của người chiến sĩ. Do vậy, trên đường hành quân xa, chỉ một tiếng gà cục tác đã gợi dậy những kỉ niệm tuổi thơ đẹp đẽ, đáng nhớ về bà. Đó là sự chắt chiu, tần tảo với bao nỗi lo, bao niềm mong ước của bà với tình thương bao la dành cho cháu. Những kỉ niệm đó thật bình dị mà thiêng liêng! Nó nhắc nhở, lay động bao tình cảm đẹp dâng lên trong lòng người chiến sĩ trên đường hành quân ra mặt trận chiến đấu. Tình cảm tốt đẹp đó sẽ mãi là hành trang theo bước chân của người chiến sĩ, tiếp thêm sức mạnh cho anh trong cuộc chiến đấu hôm nay.

## 3. Ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Bài thơ “Con chim chiền chiện” của Huy Cận đã đem đến cho tôi nhiều cảm nhận. Hình ảnh trung tâm của bài thơ - con chim chiền chiện được nhà thơ khắc họa thật chân thực và sống động. Cánh chim bay vút trên trời, với tiếng hót long lanh giống như cành sương chói, hình ảnh so sánh kết hợp với ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Tiếng hót giờ đây không chỉ được cảm nhận bằng thính giác mà còn có thể nhìn thấy bằng thị giác - đầy long lanh, giống như hình ảnh giọt sương trên cành cây được nắng chiếu sáng. Những câu thơ tiếp theo khiến chúng ta có cảm thấy dường như chim chiền chiện đang trò chuyện với con người. Chúng đang làm tốt nhiệm vụ của mình, gieo những niềm vui đến với thế gian, cánh chim bay mãi đến trời xanh dường như không biết mệt mỏi. Với những dòng thơ trong trẻo, đẹp đẽ của mình, nhà thơ cũng muốn gửi gắm một bức thông điệp ý nghĩa rằng con người cần có giao hòa, gắn bó với thiên nhiên để cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, đồng thời thêm yêu mến, trân trọng thiên nhiên. Tài liệu của Nhung tây

## 4. Ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh giúp người đọc thấy được sự biến chuyển đầy tinh tế của cảnh vật trong không gian cuối hạ đầu thu. Mùa thu được nhà thơ cảm nhận qua từng giác quan như khứu giác (hương ổi), xúc giác (gió se), thị giác (sương chùng chình). Từ đó, những tín hiệu đặc trưng nhất của mùa thu cũng lần lượt xuất hiện. Dưới mặt đất, dòng chảy của con sông trở nên chậm hơn, không cuồn cuộn như lúc hè về. Trên bầu trời, từng đàn chim sải cánh bay bắt đầu trở nên vội vã, âu lo tìm về phương nam tránh cái lạnh. Đám mây của mùa hạ nay đã “vắt nửa mình sang thu”, nửa nghiêng về mùa hạ, nửa lại nghiêng về mùa thu. Dường như, những sự vật thiên nhiên trong bài thơ đã được tác giả thổi vào đó những hành động của con người. Ở hai khổ thơ đầu, tác giả bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên. Thì đến khổ thơ cuối, dòng cảm xúc ấy chuyển sang suy tư, triết lý. Những hiện tượng thiên nhiên như “nắng”, “mưa”, “sấm” là biểu tượng cho những biến cố xảy đến với con người trong cuộc sống. Còn “hàng cây đứng tuổi” chính là hình ảnh của những con người đã từng trải, đã bước qua thời tuổi trẻ. Triết lí mà nhà thơ muốn gửi gắm là những con người từng trải khi gặp phải sóng gió sẽ biết cách đối diện, đương đầu một cách bình thản, trưởng thành hơn. Như vậy, bài thơ đã gợi lên những cảm nhận tinh tế về sự chuyển biến của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Và từ những tín hiệu của mùa thu đến khung cảnh thiên nhiên lúc vào thu, tác giả đã có những suy tư sâu sắc về cuộc đời.

**5. Ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ**

Với hơn 10 tập thơ, Võ Quảng đã tạo dựng một phong cách riêng trong thơ viết cho thiếu nhi. Đề tài Võ Quảng hướng đến không khác nhiều các tác giả viết cho các em như: Tô Hoài, Vũ Tú Nam, Phạm Hổ… Song ông đã có những cảm nhận riêng, cách thể hiện mới lạ ở những điều tưởng chừng như quá quen thuộc. Trong thơ, Võ Quảng cũng viết về cây trái, hoa quả, các con vật thân quen, những cuộc đời bình dị nhưng đọc thơ ông, trẻ em và người lớn đều thích vì được dạo chơi trong vườn bách thú sôi động âm thanh, vườn bách thảo rực rỡ sắc màu, được đắm mình trong những tình cảm chân thật, chan chứa yêu thương. Ngàn sao làm việc giúp các em hiểu được bầu trời đẹp lộng lẫy về đêm là do sông ngân hà biết cháy giữa trời lồng lộng, sao thần nông biết tỏa rộng chiếc vó lọng vàng, sao hôm như một ngọn đuốc soi cá, nhóm đại hùng tinh biết buông gầu tát nước. Ngàn sao cùng làm việc, cùng chung sức đã làm nên vẻ đẹp huyền diệu của trời đêm. Lao động và biết đoàn kết, yêu thương đã làm cho vạn vật trở nên đẹp đẽ, đáng yêu.

**NÓI VÀ NGHE: TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

### I. Trước khi nói

**1. Chuẩn bị nội dung nói**

- Dựa vào chính thực tế cuộc sống của mình và những điều em biết được từ sách báo, phương tiện nghe nhìn để trao đổi về một vấn đề mà em cho là quan trọng, có ý nghĩa.

- Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày:

- Nhớ lại những trải nghiệm của em

- Tìm thêm thông tin liên quan từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn nói

- Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng khi trình bày như: vấn đề trao đổi và các biểu hiện của nó, ý kiến của em, tác động của vấn đề và bài học rút ra sau khi bàn luận

- Dự kiến các nội dung người nghe có thể trao đổi để chuẩn bị phản hồi.

**- Bước 1:** Xác định đề tài/vấn đề, người nghe, mục đích, người nghe không gian và thời gian thực hiện/trình bày bài nói. (SGK, tr.30).

**- Bước 2:** Thu thập tư liệu. (SGK, tr.31)

**- Bước 3:** Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng. (SGK, tr.31)

*+Nêu vấn đề và biểu hiện của vấn đề;*

*+ Nguyên nhân;*

*+Tác động: Lợi ích/tác hại; mặt tốt/mặt xấu;*

*+ Bài học: Nhận thức và hành động.*

**- Bước 4:** Dự kiến trao đổi các nội dung mà người nghe phản hồi.

**2. Tập luyện**

- Em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp.

- Em có thể tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét, góp ý để hoàn thiện bài nói

### II. Trình bày bài nói

**1. Người nói**

- Trình bày bài nói theo các nội dung đã được chuẩn bị

- Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe

- Có thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ, bài hát…) để bài nói thuyết phục hơn. Tài liệu của Nhung tây

**2. Người nghe**

- Tập trung lắng nghe nội dung trình bày

- Ghi chép lại các ý quan trọng để nắm được nội dung chính của bài trình bày.

- Chú ý thái độ và cách trình bày vấn đề của người nói

- Ghi lại một số nội dung sẽ trao đổi với người nói

**II. Thực hành nói nghe**

**Đề bài: Câu chuyện của các bạn nhỏ trong hai văn bản “Bầy chim chìa vôi” và “Đi lấy mật” chắc hẳn gợi cho em nhiều suy nghĩ và cảm xúc về thế giới tuổi thơ. Từ thực tế cuộc sống của mình và từ những điều học hỏi được qua sách báo, phương tiện nghe nhìn, em hãy trao đổi với các bạn về một vấn đề mà em quan tâm.**

**1. Trước khi nói**

**a. Chuẩn bị nội dung nói**

- Tham khảo 1 số đề tài:

+ Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ.

+ Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe, thấu hiểu.

+ Trẻ em với việc học tập.

+ Bạo hành trẻ em.

**b. Tập luyện**

- Tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét.

**2. Trình bày bài nói**

Khi trình bày bài nói, em cần lưu ý:

- Trình bày bài nói theo nội dung đã chuẩn bị trước.

+ Nêu vấn đề mà em quan tâm, quan điểm của em

+ Các khía cạnh của vấn đề với lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

+ Sử dụng các từ ngữ để liên kết các ý.

- Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói, … phù hợp.

- Sử dụng kết hợp các phương tiện hỗ trợ: tranh ảnh, đoạn phim ngắn, …

**Bài nói mẫu tham khảo 1**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường......... Hiện nay, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, trẻ em được tiếp cận với các sản phẩm công nghệ từ rất sớm như: Ipad, Smartphone, tivi, máy tính, ...  Trên thực tế, chúng ta rất dễ dàng bắt gặp những trẻ nhỏ đã sử dụng thành thạo iphone, ipad, ... ngoan ngoãn ngồi chơi hàng tiếng đồng hồ không làm phiền bố mẹ. Một câu hỏi được đặt ra đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều bậc phụ huynh: "Trẻ em tiếp xúc với công nghệ: Nên hay Không nên?". Hãy cùng trao đổi với tôi để tìm hiểu và giải đáp thắc mắc trên nhé!

**Thứ nhất, chúng ta hãy cùng bàn đến lợi ích và tác hại của các thiết bị công nghệ:**

**1. Lợi ích**

 Công nghệ ngày nay tiến bộ rất nhiều xuất phát từ những thành công trong nghiên cứu khoa học – kỹ thuật giúp cho các thế hệ trẻ ngày một tiếp cận với những thành tựu công nghệ. Tài liệu của Nhung tây

 Những sản phẩm công nghệ cao ngày nay như smartphone, laptop thế hệ mới với nhiều tính năng vượt trội, các nguồn thông tin, các kiến thức từ các trang web công nghệ trên Internet, …luôn tạo ra sự phấn khích tò mò cho trẻ, từ đó làm tiền đề cho sự phát triển khả năng, tư duy và sáng tạo hơn cho trẻ trong quá trình học tập. Vì thế mà hiện nay, trên thị trường có rất nhiều thiết bị công nghệ với những ứng dụng học tập bổ ích và thú vị giúp trẻ tiếp thu bài một cách dễ dàng, nhanh chóng. Nhiều trường tiểu học và mầm non trên thế giới đã sử dụng iPad như một phần của chương trình giảng dạy, tạo điều kiện để học sinh tiếp thu kiến thức tốt hơn. Do vậy, công nghệ phát triển đã góp phần nâng cao hiệu quả của ngành giáo dục hơn. Tài liệu của Nhung tây

**2. Tác hại**

**- Ảnh hưởng đến tâm lý, tính cách:**

 Các bé thường hay bị thu hút sự chú ý bởi các thiết bị công nghệ nên cha mẹ Việt thường hay có thói quen cho con cái sử dụng máy tính, điện thoại hoặc ipad để con đỡ đòi hỏi và ngoan ngoãn nghe lời hơn. Thế nhưng, việc này lại gây ảnh hưởng xấu cho bé vì mỗi lần các con "ăn vạ" thì mẹ lại lấy smartphone để dỗ dành con. Khi đó trẻ sẽ sinh ra tâm lí thích đòi hỏi và các con sẽ luôn nghĩ rằng chỉ cần cứ giận dữ là bố mẹ sẽ cho sử dụng điện thoại.

 Bên cạnh đó, nếu bố mẹ cho con dùng đồ công nghệ quá thường xuyên sẽ khiến bé sinh ra một tâm lí “gây nghiện” khó bỏ.  Đặc biệt là hiện nay có rất nhiều trò chơi bạo lực, nội dung thiếu lành mạnh cho trẻ tính cách nóng nảy và khiến các bé dễ dàng bắt chước theo, ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng của bé.

***-* Ảnh hưởng đến sức khỏe:**

Khi trẻ dành nhiều thời gian chơi video game, sử dụng máy tính liên tục, không vận động thể thao sẽ dẫn đến tình trạng:

Ngày càng lì hơn khi ngồi hàng giờ trước các sản phẩm công nghệ

Giảm khả năng linh hoạt của tay: bé sẽ chỉ tập trung vào ngón trỏ và cái để lướt web, do vậy mà các ngón khác sẽ không hoạt động đều

Nguy cơ béo phì, khó ngủ, trầm cảm sẽ ngày càng tăng cao hơn do ngồi lì một chỗ, lười vận động, sức khỏe của bé sẽ bị giảm sút một cách nhanh chóng.

Giảm thị lực khi trẻ xem phim, chơi điện tử trên điện thoại, ipad… Tài liệu của Nhung tây

**- Ảnh hưởng đến khả năng phát triển ngôn ngữ:**

 Việc phụ thuộc quá nhiều vào thiết bị công nghệ sẽ khiến trẻ không dành thời gian trò chuyện, tương tác với mọi người xung quanh. Điều này dẫn đến việc bé ngại giao tiếp, thiếu tự tin, phản xạ kém, khó khăn trong việc giải quyết các tình huống giao tiếp thông thường.

**Thứ hai, chúng ta hãy cùng đưa ra các giải pháp khắc phục:**

 Công nghệ đã cung cấp nhiều lợi ích cho xã hội, nhưng chúng ta cũng nhận thấy rằng công nghệ mang lại một số tiêu cực không mong muốn mà chính người lớn chúng ta cần giám sát, giải thích cặn kẽ để giúp trẻ có cái nhìn tốt hơn và định hướng tới những mặt tốt hơn trong cuộc sống.

1. Cần xác định được thời gian cho trẻ dùng thiết bị công nghệ mỗi ngày: Một ngày không quá 2 tiếng. Bên cạnh đó, cần phân bổ thời gian hợp lý đến giấc ngủ, các hoạt động học tập, ăn uống và tập thể dục…của trẻ!

2. Đừng cấm mà hãy đưa ra những lựa chọn: Hãy cho trẻ xem nhưng sau đó bạn có thể cho trẻ đi chơi thể thao, chơi đồ chơi thông minh, đọc sách …và chính những niềm vui đó sẽ cho bé thấy được niềm đam mê khác để có thể thay thế được!

3. Hãy thay đổi chính mình: Bố mẹ hãy là tấm gương cho con và từ đó trẻ sẽ luyện tập cho mình những thói quen tốt hơn khi ở cùng gia đình! Ngoài việc đi làm, bố mẹ nên dành nhiều thời gian chơi cùng con, lắng nghe, chia sẻ, đưa con ra ngoài để tạo cơ hội khám phá thế giới xung quanh, biết thêm nhiều điều mới lạ, bổ ích giúp con giảm bớt thời gian sử dụng các sản phẩm công nghệ.  Bên cạnh việc phát triển tư duy, phát triển ngôn ngữ cho trẻ thông qua các thiết bị công nghệ, thì việc đọc sách cùng con, hoặc giúp con tiếp cận với các sản phẩm đồ chơi thông minh cũng đang là sự lựa chọn của rất nhiều phụ huynh. Tài liệu của Nhung tây

Cuối cùng, thông qua bài trao đổi này hy vọng các bậc phụ huynh sẽ có cái nhìn tổng quát hơn trong việc cho con sử dụng các sản phẩm công nghệ để từ đó đưa ra lựa chọn phù hợp trong quá trình giáo dục, phát triển thể chất, trí tuệ, tâm hồn của trẻ.

Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.

**3. Sau khi nói**

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

**3. Sau khi nói**

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nói** | **Người nghe** |
| Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày.  + Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.  + Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng. | Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ.  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. |

**Bài nói mẫu tham khảo 2**

Người lớn đã từng là trẻ em, nhưng trẻ em thì chưa từng làm người lớn”, dù là trong sinh hoạt hằng ngày, học tập, vui chơi hay đời sống tinh thần, thì con trẻ cũng rất cần nhận được sự lắng nghe và chia sẻ từ bố mẹ. Thực tế cho thấy rất nhiều ông bố, bà mẹ vẫn chưa thực sự lắng nghe con, vẫn chưa thực sự thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của con trẻ.

Bản thân mỗi đứa trẻ khi sinh ra đã là một cá thể riêng biệt, mỗi con sẽ có những tính cách và thói quen, tố chất khác nhau. Bởi vậy, cách dạy dỗ đối vói mỗi đứa trẻ cũng khác nhau. Bố mẹ không thể áp sở thích, đường hướng học tập của trẻ này lên trẻ khác. Bó mẹ cũng không thể để một đứa trẻ thích vận động ngồi một chỗ làm thơ, hay bắt một đứa trẻ có năng khiếu nghệ thuật phải học tốt về các con số. Nếu như không lắng nghe, không trò chuyện với con, thì vô tình cha mẹ đang kìm hãm những ước mơ của con. Tài liệu của Nhung tây Khi cha mẹ thật sự lắng nghe thì trẻ em sẽ dần dần học được cách chia sẻ những khúc mắc, hy vọng và mong muốn của mình với cha mẹ. Dù cha mẹ có trò chuyện tán gẫu với con về bất cứ vấn đề gì thì đó cũng là một cách thể hiện tình yêu và sự quan tâm của cha mẹ đối với trẻ. Kỳ thực, con trẻ suy nghĩ vô cùng đơn giản, chúng chỉ muốn hằng ngày cha mẹ quan tâm tới mình nhiều hơn, trò chuyện với mình nhiều hơn. Cho dù đó chỉ là một số chuyện vặt.

Tuy nhiên, cũng có những lúc vì gánh nặng mưu sinh mà cha mẹ lại sao nhãng đi việc trò chuyện thấu hiểu với chúng ta. Những lúc như vậy, thay vì trách cứ cha mẹ chúng ta hãy tiến lại gần trò chuyện, tâm tình với cha mẹ. Điều đó vừa giúp cha mẹ giải tỏa bớt áp lục, đồng thời cũng giúp họ hiểu được suy nghĩa của chúng ta hơn.

Tôi tin rằng nếu chúng ta mở lòng thì cha mẹ sẽ luôn sẵn lòng lắng nghe chúng ta.

**3. Sau khi nói**

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nghe** | **Người nói** |
| Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày.  + Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.  + Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng. | Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ.  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. |

=================================================

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

\**Năng lực chung*:Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

\**Năng lực đặc thù*: Giúp HS tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học:

- HS củng cố cách đọc hiểu một văn bản truyện:

+ Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể truyện trong một truyện kể.

+ Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.

- HS ôn tập về số từ, phó từ để sử dụng đúng và đạt hiệu quả.

- HS ôn tập cách viết và luyện viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**2. Phẩm chất:**

- Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. NỘI DUNG**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ** *(Trích Nguyễn Ngọc Thuần)*

**I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÁC GIẢ VÀ VĂN BẢN**

**1. Tác giả Nguyễn Ngọc Thuần**

- Sinh năm 1972, quê ở Tân Thiện- Hàm Tân – Bình Thuận.

- Là một nhà văn trẻ đầy triển vọng ở thể loại văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam.

*-*Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thuần được sáng tác bằng cái nhìn hồn nhiên và ngạc nhiên của trẻ thơ, bằng những nắm bắt tinh tế, những phát hiện ngộ nghĩnh nhưng có sức gợi lớn. Những trang viết cho thiếu nhi của Nguyễn Ngọc Thuần trong trẻo, thân thương, tươi sáng, ấm áp và đầy chất thơ. Qua ngòi bút của Nguyễn Ngọc Thuần, thế giới quen thuộc bỗng hiện lên mới mẻ, tinh khôi như mới sinh thành.

- Tác phẩm chính: *Một thiên nằm mộng* (2001); *Trên đồi cao chăn bầy thiên sứ* (2003); *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (2004),…

**2. Văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”**

**a. Xuất xứ**

**-** Được trích từ một truyện dài cùng tên dành cho thiếu nhi xuất bản năm 2004.

- Tác phẩm đã giành được giải thưởng Peter Pan, Giải thưởng của Uỷ ban Quốc tế về sách dành cho thiếu nhi tại Thuỵ Điển năm 2008. Tác phẩm được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới.

**b. Hình thức văn bản**

**- Nhan đề** “*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*”: gợi ra cách nhìn nhận vạn vật xung quanh không chỉ bằng đôi mắt mà bằng cả tâm hồn. Khi đó, ta sẽ khám phá ra vô vàn những điều thú vị.

**- Thể loại :** truyện vừa

**- Nhân vật:** nhân vật “tôi” – người con; người bố; thằng Tí

**Tóm tắt văn bản:** Hàng ngày, người cha dẫn con ra vườn hoa với nhiều loại hoa và hai cha con cùng nhau tưới hoa. Người cha đố con về tên các loài hoa, nhắm mắt ngửi hoa mà nói đúng tên hoa và cùng nhau chơi các trò trốn tìm. Người con dần quen và hiểu rõ từng loài hoa trong vườn đến mức nhắm mắt, đóng cửa sổ mà vẫn cảm nhận hương hoa đang lan tỏa như thế nào.

- **Ngôi kể:** ngôi thứ nhất

**\* Bố cục: 2 phần**  
- Phần 1: Từ đầu… “*Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới*”: Những trò chơi và bài học mà người bố dạy con.

- Phần 2: Còn lại: Trải nghiệm vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ - điều bí mật của nhân vật “tôi” . Tài liệu của Nhung tây

**c. Giá trị nội dung**

- Thông qua những trải nghiệm của một cậu bé với người bố của mình, văn bản đã mở ra cho người đọc, đặc biệt là trẻ thơ một thế giới trong trẻo với những khám phá đầy bất ngờ.

- Qua đó, nhà văn gửi gắm những thông điệp có ý nghĩa chung với mọi người:

+ Cần trân trọng, biết ơn những món quà người khác tặng cho mình, dù là món quà lớn hay nhỏ. Đó là tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình.

+ Hãy cảm nhận thế giới xung quanh ta bằng cả tâm hồn và tình yêu thương, ta sẽ phát hiện được những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất.

**d. Giá trị nghệ thuật**

Cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn.

- Ngôi kể:ngôi thứ nhất.

- Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành. Dễ đi vào chiều sâu tâm hồn con người, đặc biệt là trẻ thơ.

- Xây dựng nhân vật qua hành động, cử chỉ, lời nói, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật khác,..

**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Nhân vật người bố**

**\*** Nhân vật người bố hiện lên chủ yếu qua lời kể củangười con – nhân vật “tôi”, người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

Tác dụng:

+ Miêu tả tính cách của nhân vật người bố qua cảm nhận của nhân vật khác (người con).

+ Vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật “tôi” với bố.

**a. Những trải nghiệm và trò chơi người bố thực hiện cùng con**

- Hàng ngày người bố thường dẫn con ra vườn hoa, làm đồ dùng cho con tưới cây cùng.

- **Các trò chơi của bố và con**:

*+ Trò chơi nhắm mắt đoán tên các loài hoa trong vườn:*

Người bố hướng dẫn con nhắm mắt lại và chạm từng bông hoa Cảm nhận bằng xúc giác

*+ Trò chơi nhắm mắt để tìm kiếm một vật giấu trong nhà; đố nhắm mắt đoán khoảng cách:*

+ Người con nhắm mắt vẫn có thể đi mà không chạm vật gì, vẫn biết được bố đứng cách mình bao xa.

+ Nhờ trò chơi đoán khoảng cách mà người con có thể giúp bố cứu được bạn Tí suýt đuối nước. Tài liệu của Nhung tây

+ *Trải nghiệm đọc tên để nghe âm thanh tuyệt diệu tên gọi:*

Bố bảo con mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu; người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó nghe càng tuyệt diệu bấy nhiêu.

+ *Trò chơi ngửi rồi gọi tên các loài hoa:*

Hướng dẫn người con cảm nhận được mùi của các loài hoa => cảm nhận bằng khứu giác.

=>Các trò chơi ngày càng khó hơn, tạo ra được sự hấp dẫn với đứa con.

- **Thái độ của người bố khi cùng con chơi trò chơi:**

+ Cùng con chơi một cách vui vẻ

+ Người bố luôn theo dõi, động viên, khích lệ để con tiến bộ hơn: “Bố cười khà

khà khen tiến bộ lắm”; “Phen này con sẽ đoán được hết các loại hoa của bố mất thôi”; “bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới”.

* **Ý nghĩa những trò chơi của bố:**

+ Hướng con đến những niềm vui, giá trị của cuộc sống.

+ Người bố muốn con được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống để hình thành thói quen, sự gắn bó và biết trân trọng, nâng niu những giá trị của cuộc sống, cho dù là điều nhỏ nhất.

**=>**Người bố đã thể hiện tình yêu thương lớn lao với người con thông qua việc dành thời gian cùng con làm những công việc, chơi những trò chơi lí thú để từ đó giúp con nhận ra những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình.

**b. Thái độ của người bố trước món quà của bạn Tí**

- Món quà của Tí: là những trái ổi to đẹp được Tí lựa chọn để dành tặng riêng cho người bố. Tài liệu của Nhung tây

- Người bố vốn không thích ăn ổi nhưng vẫn đón nhận những trái ổi mà Tí tặng một cách trân trọng.

=> Cho thấy thái độ trân trọng, nâng niu, biết ơn của người bố khi nhận món quà của Tí.

- Ý nghĩa câu nói của người bố: “*Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó”*

+ Món quà thể hiện tình cảm, tấm lòng của người nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp và có ý nghĩa. Cách chúng ta nhận và trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình. Dù thích hay không thích món quà, chúng ta cũng không nên từ chối hay khước từ người tặng bởi đó là tình cảm, tâm huyết mà họ đã dành cho chúng ta.

+ Từ đó, mỗi người đều rút ra được bài học cho mình trong cách ứng xử: cần trân trọng, biết ơn tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình.

**\*Nhận xét chung:**

**- Tính cách của người bố qua văn bản:**

**+** Kiên nhẫn dạy con cách cảm nhận về vẻ đẹp và sự sống trong khu vườn;

+ Gần gũi, chia sẻ nhiều cảm xúc, suy nghĩ với con như một người bạn thần thiết; coi con là “món quà” quýgiá nhất của cuộc đời;...

+ Yêu thương Tí, trân trọng đón nhận món quà đơn sơ của Tí,...

+ Thích trổng hoa, luôn chàm sóc và biết lắng nghe “tiếng nói” của khu vườn, nhịp sống thiên nhiên,...

- Có thể thấy, nhân vật người bố là một người rất yêu thương con, luôn quan tâm, gần gũi với con và có tâm hồn phong phú, sâu sắc; có trái tim nhân hậu.

**- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**

+ nhân vật người bố hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại);

+ khắc hoạ nhân vật qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (nhân vật “tôi” – người con). Tài liệu của Nhung tây

+ qua mối quan hệ với các nhân vật khác (người con, Tí).

**2. Nhân vật “tôi” - người kể chuyện**

**a. Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về bố:**

**\*Khi chơi các trò chơi cùng bố:**

- Luôn tỏ ra hào hứng, thích thú với những công việc, trò chơi cùng bố: tưới hoa; nhắm mắt đoán tên hoa qua sờ, qua ngửi; nhắm mắt đoán khoảng cách” thích thú trước việc gọi tên để nghe âm thanh kì diệu, ngân nga của tên gọi;…

- Người con yêu quý, gần gũi với bố; luôn tự hào về bố; đón nhận từng cử chỉ chăm sóc của bố với lòng biết ơn.

**=> Ý nghĩa:**

+ Qua những trò chơi cùng bố, nhân vật “tôi” đã có sự thay đổi trong cách cảm nhận thế giới tự nhiên xung quanh: từ không thể đoán được tên loài hoa nhắm mắt, sờ mà đoán đúng tên các loài hoa nhắm mắt, ngửi mùi hoa cũng có thể đoán đúng tên.

+ Từ những trò chơi của bố, nhân vật “tôi” hiểu được việc cảm nhận khu vườn không chỉ bằng mắt, mà còn bằng tai, bằng mũi, bằng cảm xúc, bằng trí tưởng tượng về thế giới tự nhiên. Tài liệu của Nhung tây

\***Khi nghe bố giảng giải về những món quà:**

+ Hiểu ra khu vườn, những bông hoa đều là những món quà.

+ Với “tôi”, bố là món quà “bự” nhất.

=>Nhân vật “tôi” học được cách trân trọng mọi món quà, cách cho và nhận món quà cũng thể hiện được nét đẹp trong mỗi người.

**b. Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về bạn Tí**

- Nhân vật “tôi” đã giúp bố cứu sống Tí khỏi đuối nước nhờ tài nghe âm thanh đoán khoảng cách của mình.

- “Tôi” coi Tí là người bạn thân nhất, sẵn sàng chia sẻ với bạn bí mật ngọt ngào, hạnh phúc của hai bố con mình;

- Vì quý và thân với bạn nên “tôi” thấy tên bạn Tí đẹp và hay hơn mọi tên, thích gọi tên bạn để được nghe âm thanh du dương từ cái tên ấy vang lên.

**c. Cảm nhận của nhân vật “tôi” về thế giới xung quanh với những “bí mật”**

**- Những “bí mật” mà nhân vật “tôi” muốn chia sẻ khi “vừa nhắm mắt, vừa mở cửa sổ”:**

+ sẽ chỉ cần nghe thấy tiếng bước chân mà đoán được người đó là ai;

+ hiểu được tiếng nói của khu vườn với những bông hoa là người đưa đường: sẽ biết được bây giờ là mùa gì, bông hoa nào đang nở.Khi đó, nhân vật “tôi”không chỉ thấy những bông hoa thơm hơn mà còn “nhìn” thấy nguyên cả khu vuờn, cả bông hồng ngay trong đêm tối,...

**- Ý nghĩa của những “bí mật” với nhân vật “tôi”**: mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cuộc sống hằng ngày và làm giàu có tâm hồn của nhân vật “tôi”.

=>**Cách cảm nhận thiên nhiên của nhân vật “tôi”**: Nhân vật “tôi” đã cảm nhận thế giới tự nhiên bằng nhiều giác quan và khi càng hiểu, “tôi” càng trân trọng và thêm yêu mến thiên nhiên quanh mình. Đó là cách cảm nhận sâu sắc bằng cả tâm hồn và tình yêu thương để phát hiện được những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất.

**\*Nhận xét chung:-**

**- Tính cách của nhân vật “tôi”:** Nhân vật “tôi” là một cậu bé nhạy cảm, tinh tế, biết yêu thương mọi người, yêu quý và gắn bó với thiên nhiên quanh mình.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Kể chuyện theo ngôi thứ nhất, nhân vật dễ bộc lộ cảm xúc chân thực.

+ Khắc hoạ nhân vật qua hành động, lời nói, qua đánh giá của nhân vật khác.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:**Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ của tác giả: Nguyễn Ngọc Thuần.

Đúng hay sai?

**A. Đúng** B. Sai

**Câu 2:**Nguyễn Ngọc Thuần quê ở Nam Định. Đúng hay sai?

**A. Đúng** B. Sai

**Câu 3:**Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ đã kể lại trò chơi của những ai trong câu chuyện?

**A. Hai bố con và hai chú cháu**

B. Hai mẹ con và hai bố con

C. Hai người bạn và hai anh em

D. Hai bà cháu

**Câu 4:**Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ xuất bản năm 2005.

Đúng hay sai?

A. Đúng **B. Sai**

**Câu 5:**Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ thuộc thể loại: Truyện ngắn

Đúng hay sai?

**A. Đúng** B. Sai

**Câu 6:**Phương thức biểu đạt chính trong: Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ là tự sự.

Đúng hay sai?

**A. Đúng** B. Sai

**Câu 7:**Trong Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, câu đố “Ngửi hoa và đoán tên loại hoa” liên quan đến giác quan nào?

A. Xúc giác B. Thị giác **C. Khứu giác** D. Thính giác

**2. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Thằng Tý hay đem cho bố tôi những trái ổi. Nó trèo cây giỏi lắm, nhà nó có một vườn ổi. Những trái ổi to được nó lựa chọn để dành cho bố đều có bịch ni lông bọc lại đàng hoàng. Những trái ổi như thế bao giờ cũng vừa to vừa mềm, cắn vào rất đã. Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn:*  *Tôi hỏi:*  *- Sao bố kính trọng nó quá vậy?*  *Bố cười xoà:*  *- Không phải đâu, bố không cưỡng lại được trước món quà. Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó. - Bố còn nói thêm. - Một nụ hôn cũng là một món quà sang trọng. Một giấc ngủ của tôi cũng chính là một món quà, cả con người tôi đều là món quà của bố.*  *(Nguyễn Ngọc Thuần, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2014)*  **Câu 1.** Đoạn trích trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích. Tài liệu của Nhung tây  **Câu 2.** Tìm số từ trong câu “*Một nụ hôn cũng là một món quà sang trọng*.” Cho biết đó là số từ chỉ số lượng xác định hay số từ chỉ số lượng ước chừng?  **Câu 3.** Nhân vật Tý trong đoạn trích đã đem cho bố của nhân vật “tôi” những quả ổi như thế nào? Điều đó cho thấy tình cảm gì của Tý?  **Câu 4.**  Em hiểu như thế nào về câu nói: “*Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó*”?  **Câu 5**. Em hãy nêu nhận xét về tính cách của người bố qua đoạn trích trên.  **Câu 6**. Qua đoạn trích, em hãy rút ra bài học về cách ứng xử trong cuộc sống và lí giải. Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Đoạn trích trên thuộc văn bản Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ của Nguyễn Ngọc Thuần. Ngôi kể thứ nhất.  
**Câu 2**: Số từ trong câu là “một”. Đây là số từ chỉ số lượng xác định.

**Câu 3**:- Nhân vật Tý trong đoạn trích đã đem cho bố của nhân vật “tôi” những quả ổi to đều có bịch ni lông bọc lại đàng hoàng. Những trái ổi vừa to vừa mềm, cắn vào rất đã.

- Qua món quà giản dị mà Tý dành tặng bố của nhân vật “tôi”, có thể thấy Tý là chú bé đáng yêu, biết quan tâm yêu thương người khác, biết trân trọng nâng niu những món quà mà đem tặng người khác.

**Câu 4**: Câu nói của nhân vật người bố có thể hiểu: món quà chính là tình cảm, tấm lòng của người tặng đã gửi gắm vào đó nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp. Cách chúng ta nhận, trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình.

**Câu 5**: Có thể thấy, nhân vật người bố là một người có trái tim nhân hậu, biết trân trọng tấm lòng của người khác và là người rất yêu thương con.

**Câu 6**: HS rút ra bài học của bản thân. Có thể nêu:

- Khi tặng ai món quà gì, ta cần đặt tâm huyết vào món quà. Dù món quà không có giá trị vật chất cao nhưng nếu ta tặng bằng cả tấm lòng thì món quà đó vẫn là món quà có ý nghĩa thực sự. Tài liệu của Nhung tây

- Cần trân trọng, biết ơn tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình, dù thích hay không thích món quà, chúng ta cũng không nên từ chối hay khước từ người tặng bởi đó là tình cảm, tâm huyết mà họ đã dành cho chúng ta.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  “*Bạn hãy thử tưởng tượng, một buổi sáng mờ sương. Bạn vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì. Bạn hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì. Từng tiếng bước chân trong vườn, bạn biết chính xác người có bước chân đó cách xa bạn bao nhiêu mét. Bạn còn biết tiếng chân đó là của ai, bố hay mẹ. […] Đó chính là một điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ với bạn. Bạn hãy thử đi rồi sẽ thấy, khu vườn sẽ lớn lên rất nhiều. Những bông hoa thơm hơn và khi nhắm mắt, bạn vẫn nhìn thấy nó. Không chỉ vậy, bạn còn thấy nguyên cả khu vườn. Bạn có thể nhìn thấy bông hồng ngay trong đêm tối. Đêm bạn nằm, đắp chăn kín người nhưng bạn vẫn có thể đi dạo. Bạn sẽ không bao giờ lạc trong bất cứ một khu vườn, bởi vì, những bông hoa sẽ chỉ lối cho bạn, một lối đi an toàn và thơm ngát.*  *Và lúc đó, bạn sẽ tiếc lắm nếu thế giới này vắng đi những bông hoa. Bạn sẽ tự hỏi, tại sao trong khu vườn không có người dẫn lối? Người ta sẽ ngạc nhiên hỏi lại, người dẫn lối nào? Bạn sẽ từ từ nói, đó là NHỮNG BÔNG HOA…*  *Những bông hoa chính là người đưa đường*!  *(Nguyễn Ngọc Thuần, Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2014)*  **Câu 1.** Chép lại một câu văn có chứa thành phần chính được mở rộng bằng cụm từ. Gạch chân dưới thành phần chính được mở rộng đó.  **Câu 2.** Theo đoạn trích, điều gì sẽ xảy ra khi chúng ta “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”?  **Câu 3.** Em hiểu như thế nào về câu văn: “*Những bông hoa chính là người đưa đường!”?*  **Câu 4.** Những suy nghĩ, cảm xúc về khu vườn và các loài hoa thể hiện nét tính cách nào ở nhân vật “tôi”?  **Câu 5. Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, nhiều bạn nhỏ chỉ vùi đầu vào màn hình máy tính hoặc điện thoại, chìm đắm trong thế giới ảo, ít ra ngoài để khám phá cuộc sống hiện thực xung quanh. Em có lời khuyên gì cho các bạn nhỏ này?** |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

- Bạn có thể **nhìn thấy** bông hồng ngay trong đêm tối.

- Câu có chứa vị ngữ mở rộng bằng cụm động từ.

**Câu 2:**Theo đoạn trích, khi chúng ta “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”:

- Ta sẽ thấy khu vườn lớn hơn lên rất nhiều, những bông hoa thơm hơn;

- Khi nhắm mắt, bạn vẫn có thể nhìn thấy những bông hoa ngay trong đêm tối và thấy nguyên cả khu vườn, vẫn có thể đi dạo dù đang đắp chăn kín.

- Sẽ không bao giờ lạc trong bất cứ một khu vườn, bởi vì, những bông hoa sẽ chỉ lối cho ta - một lối đi an toàn và thơm ngát. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 3:**

Câu văn “Những bông hoa chính là người đưa đường”  có thể hiểu: Những điều thân thuộc, gần gũi với chúng ta (những bông hoa) khi được cảm nhận bằng mọi giác quan và được đón nhận bằng cả tấm lòng rộng mở thì chúng sẽ đưa ta đến một thể giới thú vị của riêng ta, dành riêng cho ta khám phá.

**Câu 4:**

Những suy nghĩ, cảm xúc về khu vườn và các loài hoa thể hiện tính cách của một bạn nhỏ với tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, yêu thiên nhiên.

**Câu 5:**

- Cần buông điện thoại xuống, tắt máy tính đi để có nhiều thời gian dành cho việc khám phá những vẻ đẹp bình dị của cuộc sống quanh mình.

- Ta không nên quá lệ thuộc vào những thiết bị thông minh, thế giới ảo trên các mạng xã hội mà quên đi cuộc sống thật. Cần tỉnh táo nhận ra đâu mới là những giá trị đích thực của cuộc sống. Tài liệu của Nhung tây

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện những yêu cầu:**  *“Tôi vẫn còn nhớ mẹ thường hay nói với tôi, khi một ai đó buồn, họ cần rất nhiều người để chia sẻ. Nỗi buồn chỉ vơi đi bằng tình thương chứ không có một phương thuốc nào hết. Khi chia sẻ một nỗi buồn, chúng ta sẽ không buồn hơn, nhưng người khác lại vui hơn. Và đừng bao giờ quay lưng lại với một con người như vậy. Họ cần những khuôn mặt hơn là những viên thuốc. Họ cần những bàn tay, những tô cháo, những quả ổi hái để đầu giường. Họ cần mỗi buổi tối ghé ngồi lại với họ trong im lặng. Họ cần chúng ta dẫn họ lên đồi cuốc một mảnh vườn và thỉnh thoảng hỏi có thích ăn bắp rang không…”*  *(Trích Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, Nguyễn Ngọc Thuần )*  **Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo ngôi kể nào?  **Câu 2.** Theo tác giả, vì sao “đừng bao giờ quay lưng lạị” với một người khi họ gặp nỗi buồn?  **Câu 3**. Nghĩa của từ “chia sẻ” được dùng trong đoạn văn là gì?  **Câu 4.** Em có đồng tình với quan điểm của tác giả: “*Nỗi buồn chỉ vơi đi bằng tình thương chứ không có một phương thuốc nào hết*” không? Vì sao? |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2:** Theo tác giả, “đừng bao giờ quay lưng lạị” với một người khi họ gặp nỗi buồn, bởi vì:

+ Họ cần những khuôn mặt;

+ Cần những bàn tay, những tô cháo, những quả ổi hái để đầu giường;

+ Cần mỗi buổi tối ghé ngồi lại với họ trong im lặng;

+ Chúng ta dẫn họ lên đồi cuốc một mảnh vườn và thỉnh thoảng hỏi có thích ăn bắp rang không.

**Câu 3:** Nghĩa của từ *chia sẻ* trong đoạn văn là:

*Chia sẻ*: là yêu thương, quan tâm, hỏi han, lắng nghe, thấu hiểu...

**Câu 4:**

Học sinh có thể đồng tình/không đồng tình/hoặc chỉ đồng tình một phần, miễn là có những lí giải thuyết phục. Sau đây chỉ là gợi ý:

 - Nếu đồng tình: Tình thương xuất phát từ tự nguyện, chân tình sẽ tạo niềm tin, động lực để con người vượt qua nỗi buồn. Tài liệu của Phương Nhung

- Nếu không đồng tình: Trong xã hội hiện đại, con người có nhiều cách để vượt qua nỗi buồn như dựa vào chính nghị lực của bản thân (mà đôi khi không cần đến cả tình thương của người khác)

**3. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  **ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN**  *Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ lại vừa rộng nữa. Cô bé buồn tủi ngồi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao? Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.*  *- Cháu hát hay quá, một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền chậm rãi bước đi.*  *Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước. Khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Ông vỗ tay lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!” Nói xong cụ già lại một mình chậm rãi bước đi. Như vậy, nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không. Cô hỏi mọi người trong công viên về ông cụ:*  *- Ông cụ bị điếc ấy ư? Ông ấy đã qua đời rồi, một người trong công viên nói với cô.*  *Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.* Tài liệu của Nhung tây  **Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?  **Câu 2.** Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?  **Câu 3**. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện là sự việc nào?  **Câu 4**. Ý nghĩa mà câu chuyện gửi tới chúng ta là gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự:

**Câu 2**. Ngôi kể: Thứ ba. Tác dụng: làm cho câu chuyện khách quan, hay hơn

**Câu 3**. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc

**Câu 4**. Ý nghĩa câu chuyện gửi tới người đọc:

- Trước khó khăn, thử thách, con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh.

- Truyện còn đề cao sức mạnh của tình yêu thương con người.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  **CÂU CHUYỆN VỀ HAI CHIẾC BÌNH**   Có một người nông dân thường xuyên phải gánh nước từ suối về nhà. Suốt hai năm ông dùng  hai chiếc bình gánh nước, trong đó có một chiếc bị nứt. Từ vết nứt của nó, nước cứ bị rỉ ra. Vì thế, cuối đoạn đường dài, từ con suối về nhà, một chiếc bình luôn đầy nước; chiếc kia thì chỉ mang về một nửa bình nước.  Dĩ nhiên, cái bình nguyên vẹn rất tự hào về thành tích của nó và cũng không bỏ lỡ cơ hội nào để tỏ ý coi thường, chê trách chiếc bình nứt. Còn chiếc bình nứt luôn buồn tủi, xấu hổ về khuyết điểm của mình.  Nó khổ sở vì chỉ hoàn tất được một nửa công việc phải làm. Trong hai năm, nó phải chịu đựng sự giày vò, đau khổ với ý nghĩ mình là kẻ thất bại và vô tích sự.  Một ngày nọ, chiếc bình nứt bèn lên tiếng bày tỏ với người gánh nước:  – Con rất xấu hổ về bản thân và muốn nói lời xin lỗi ông về thời gian đã qua.  Người gánh nước hỏi lại cái bình:  – Sao con phải xin lỗi? Mà con xin lỗi về chuyện gì?  Cái bình nứt đáp lại:  – Suốt hai năm qua, do vết nứt của con mà nước đã bị rò rỉ trên đường về nhà. Ông đã phải làm việc chăm chỉ nhưng kết quả mang lại không hoàn toàn như ông mong đợi.  Người gánh nước mỉm cười:  – Không phải vậy đâu! Ngày mai, trên đường ra suối con hãy quan sát kĩ hai bên đường rồi nói ta xem có gì khác lạ nhé.  Hôm sau, chiếc bình nứt nhìn con đường từ nhà ra suối và thấy hai bên đường quang cảnh khác hẳn nhau. Một bên, cỏ mọc xanh mát và có rất nhiều bông hoa đồng nội đủ màu đang khoe sắc. Bên kia chỉ toàn là đất cát và vài khóm cỏ dại héo khô. Không đợi nó cất tiếng hỏi, người gánh nước đã nói:  – Con có thấy rằng những bông hoa kia chỉ nở một bên ven đường, chỉ ở phía bên con mang nước về nhà không? Nước từ vết nứt của con đã tưới cho đất, nuôi dưỡng cỏ hoa. Vợ và con gái ta đã rất vui vẻ, hạnh phúc khi hái những bông hoa kia mang về tô điểm cho căn bếp, cho ngôi nhà của chúng ta. Ngắm những bình hoa ấy, ta quên nỗi mệt nhọc sau một ngày dài vất vả. Không có vết nứt của con, gia đình ta sẽ không có được những  niềm vui ấm áp đó.  Chiếc bình nứt bừng tỉnh. Nó biết rằng, từ hôm nay, mỗi ngày mới trên con đường này sẽ luôn đến cùng niềm vui và hạnh phúc.  (Theo Quà tặng cuộc sống) **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.  **Câu 2.** Nội dung cơ bản của văn bản trên là gì?  **Câu 3.** Nêu nhận xét về cách ứng xử của người gánh nước với chiếc bình nứt.  **Câu 4.** Viết một đoạn văn ngắn khoảng 3-5 câu trình bày suy nghĩ của em về bài học rút ra được từ câu chuyện trên. |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1: PTBĐ chính: Tự sự**

**Câu 2:** Nội dung cơ bản của văn bản trên: Từ câu chuyện về chiếc bình nứt, văn nhằm mục đích nói về cách ứng xử của con người trong cuộc sống: cần biết tôn trọng những giá trị của mỗi người.

**Câu 3:**Cách ứng xử của người gánh nước vừa bao dung, nhân hậu, vừa từng trải sâu sắc. Ông đã biến vết nứt của chiếc bình - vốn là một khiếm khuyết, hạn chế thành thứ hữu dụng. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 4:**Học sinh viết đoạn văn nêu lên suy nghĩ của mình về bài học rút ra từ câu chuyện:

- Về hình thức: đảm bảo dung lượng số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

- Về nội dung:

+ Bài học về cách ứng xử như thế nào đối với những người kém may mắn: biết tôn trọng, không nên giễu cợt, coi thường những người kém may mắn.

- Bài học về cách ứng xử khi đối diện với những hạn chế của bản thân: không nên tự ti về khiếm khuyết của bản thân, hãy coi đó là điều khác biệt làm nên giá trị của riêng mình để từ đó biến điểm yếu thành điểm mạnh.

- Cách ứng xử của người gánh nước với chiếc bình đó cho chúng ta bài học gì? (Vì dụ: cần cảm thông và nâng đỡ, tạo điều kiện cho những người kém may mắn tự tin vào bản thân, giúp họ biến những hạn chế, khiếm khuyết thành điểm mạnh…)

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN**

*(Trích, Trin-Ghi-Dơ Ai-Tơ-Ma-Tôp)*

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả**

- Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp (1928-2008) Là nhà văn Cư-rơ-gư-dơ-xtan, một nước cộng hòa ở vùng trung Á, thuộc Liên Xô trước đây.

- Ông bắt đầu hoạt động sáng tác văn học từ năm 1952, khi ông còn là sinh viên.

- Đề tài chủ yếu trong tác phẩm của ông: cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-dơ-xtan.

- Lỗi viết của Ai-tơ-ma-tốp cô đọng, hàm súc, có nhiều cách tân độc đáo trong nghệ thuật kể chuyện.

- Một số tác phẩm như: *Cây phong non trùm khăn đỏ, Người thầy đầu tiên, Con tàu trắng, Và một ngày dài hơn thế kỉ,…*

**2. Văn bản “Người thầy đầu tiền”**

\* **Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm cùng tên kể về bức thư bà viện sĩ An-tư-nai gửi cho người hoạ sĩ đồng hương kể thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò.

- Phương thức biểu đạtchính: Tự sự ( kết hợp miêu tả, biểu cảm)

**- Ngôi kể:** Truyện để kể theo ngôi thứ nhất

**- Tác dụng ngôi kể:** Khiến cho câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn.

***\** Cốt truyện:**

**- Nhân vật:** người hoạ sĩ, bà viện sĩ An-tư-nai, thầy giáo Đuy-sen.

*-***Những sự việc chính:**

+ Người hoạ sĩ kể về hoàn cảnh bà viện sĩ An-tư-nai gửi bức thư đặc biệt cho anh.

+ Trong bức thư, bà viện sĩ An-tư-nai kể lại những kỉ niệm trong quá khứ về người thầy giáo Đuy-sen hết lòng vì học trò.

+ Đọc xong bức thư, người hoạ sĩ bày tỏ nhhững băn khoăn, trăn trở về bức tranh dang dở dành tặng người thầy đầu tiên của làng.

**b. Tóm tắt**

Truyện kể về nhân vật chính là An-tư-nai, một cô bé mồ côi, phải sống với gia đình chú thím, bị đối xử tàn nhẫn,... Thầy Đuy-sen đã kiên trì dạy An-tư-nai học chữ; hết lòng bảo vệ và giúp An-tư-nai có cơ hội lên thành phố tiếp tục việc học hành. An-tư-nai rất yêu quý thầy Đuy-sen nhưng do hoàn cảnh, thầy trò phải xa cách rồi bặt tin nhau. Mấy chục năm sau, An-tư-nai đã là một viện sĩ, trở về thăm làng và gặp lại người thầy đầu tiên của mình trong một tình huống rất éo le. Bà đã viết thư nhờ người họa sĩ đồng hương kể lại câu chuyện về thầy Đuy-sen như một hành động chuộc lỗi.

***\** Bố cục đoạn trích**: 4 phần

 Phần 1: Từ “Mùa thu năm ngoái” … “kể hết chuyện này” Nội dung: (Giới thiệu hoàn cảnh bà An-tư-nai viết thư cho người hoạ sĩ)

- Phần 2: Tiếp theo đến “rảo bước về làng” (Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên giữa thầy giáo Đuy-sen và An-tư-nai cùng đám trẻ con.)

- Phần 3: Tiếp theo đến “nghe thầy Đuy-sen giảng bài” (Bà viện sĩ An-tư-nai)

- Phần 4 (còn lại) Người hoạ sĩ Băn khoăn, trăn trở của người hoạ sĩ về bức tranh dành cho Người thầy đầu tiên của làng.

**II. Phân tích văn bản**

**1. Hình ảnh thầy giáo Đuy-sen**

**\***Nhân vật thầy Đuy-sen hiện lên hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện ở phần (2) và phần (3) của đoạn trích.

1. **Ngôn ngữ đối thoại**

* Thầy Đuy-sen trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học.
* Động viên, khích lệ An-tư-nai

=> Lời nói của thầy Đuy-sen gần gũi, ân cần, đầy yêu thương**.**

1. **Cử chỉ, hành động**

* Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học, tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,..
* Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá;
* Không để ý đến những lời lăng mạ, chế giễu của bọn nhà giàu; kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự.
* Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân.
* Lo lắng, chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối.
* Kiên trì day chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, sự đơn độc;
* Thầy mơ ước về tương lai tươi sáng cho học trò.

=> Những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình.

1. **Qua suy nghĩ, cảm xúc của học trò**

* Đám học trò đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai học trò.
* Học trò bất chấp khó khăn, khắc nghiệt (*phải đi xa, leo đồi lội suối , bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết*) để tự nguyện đến lớp học nghe thầy giảng bài
* Học trò mong ước thầy là người ruột thịt của mình: cô bé An-tư-nai mong ước: “*Ước gì thầy là anh ruột của tôi.*”

- ThầyĐuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.

**-** Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Nhân vật thầy giáo Đuy-sen hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại);

+ Được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai).

**2. Nhân vật An-tư-nai**

**a. Hoàn cảnh sống:**

- Lúc nhỏ: An-tư-nai phải sống thiếu thốn cả về vật chất và tình cảm; không được chăm sóc, yêu thương: “*Nếu thím em cho đi thì em sẽ đi”; “…gấu váy thủng để hở một mảng đấu gối”; “Chị ấy mồ côi ạ, chị ấy ở với chú thím”,..*

- Hiện tại: trở thành bà viện sĩ nổi tiếng, sống ở Mát-xcơ-va.

**b. Suy về về mọi người**

**-** Không thích có ai thương hại mình

- Căm giận bọn nhà giàu đã chế giễu thầy Đuy-sen, coi chúng chỉ là những kẻ ngủ xuẩn, tồi tệ.

**c. Tình cảm dành cho thầy giáo Đuy-sen**

**-** An-tư-nai đặc biệt yêu quý, ngưỡng mộ và biết ơn người thầy đầu tiên của mình:

+ Cảm phục trước hành động thầy Đuy-sen bế các em nhỏ qua dòng suối vào mùa đông;

+ Căm giận và muốn bảo vệ thầy giáo của mình trước những lời chế giễu, mỉa mai của bọn nhà giàu;

+ Ở lại cùng thầy để đắp những ụ nhỏ tạo lối đi qua dòng suối.

+ Ước muốn thầy trở thành người thân của mình: “*Ước gì thầy là anh ruột của tôi! Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mặt lại và thủ thỉ với thầy những lời đẹp đẽ nhất…”*

*+* Luôn biết ơn về những ý nghĩ tốt lành, những mơ ước của thầy cho tương lai học sinh: Nhờ thầy Đuy-sen, từ một cô bé mồ côi không biết chữ, ở một vùng quê nghèo khó, lạc hậu, từng bị người thím độc ác bán đi,... An-tư-nai đã có được cơ hội lên thành phố học tập và trở thành một viện sĩ nổi tiếng.

+ Dù có thành đạt, trở thành viện sĩ nổi tiếng nhưng An-tư-nai luôn nhớ những kí ức về thầy, mường tượng thầy đứng trước mặt.

=> An-tư-nai là cô bé thông minh, nhạy cảm, tinh tể và rất hiểu chuyện. Cô luôn trân trọng những kí ức và biết ơn về người thầy đầu tiên của mình.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Tài liệu của Nhung tây

+ Nhân vật là người kể chuyện ở ngôi thứ nhất (phần 2, 3) nên dễ bộc lộ cảm xúc chân thực.

+ Khắc hoạ nhân vật qua hành động, cử chỉ và lời nói.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Văn bản “Người thầy đầu tiên” của tác giả nào?

A. Xéc-van-téc B. O-hen-ri

C. An-đec- xen **D. Ai-ma-tốp**

**Câu 2:** Nội dung văn bản có thể chia thành mấy phần?

A. 3 **B. 4**  C. 5 D. 2

**Câu 3:** Nhà văn Ai – ma – tốp là người nước nào?

A. Nga B. Bồ Đào Nha

###### **C. Cư- rơ-gư-xtan** D. Phần Lan

**Câu 3:** Trong hai mạch kể của văn bản, mạch kể nào quan trọng hơn?

A. Mạch kể của người kể chuyện xưng “chúng ta”

###### **B. Mạch kể của người kể chuyện xưng “tôi”**

C. Mạch kể của người kể chuyện xưng “ta”

D. Mạch kể của người kể chuyện xưng “chúng tôi”

**Câu 4:** Trong mạch kể của người kể chuyện xưng “chúng tôi”, các sự việc được kể và tả lại ứng với khoảng thời gian nào trong cuộc đời của người kể chuyện?

A. Trong một lần người kể chuyện đi công tác xa trở về

B. Khi người kể chuyện đi xe lửa qua làng

###### **C. Vào năm học cuối cùng, trước khi bắt đầu nghỉ hè**

D. Khi người kể chuyện từ trường học trở về làng Ku – ku – rêu.

**Câu 5:** Dòng nào ghi đầy đủ những hoạt động của lũ trẻ vào năm học cuối cùng trước khi nghỉ hè?

A. Reo hò, chạy lên đồi, chơi bịt mắt bắt dê và trốn tìm dưới bóng râm mát rượi.

###### **B. Reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi, công kênh nhau trèo lên cây, thi xem ai can đảm và khéo léo hơn.**

C. Reo hò, huýt còi ầm ĩ chạy lên đồi, hái hoa, bắt bướm dưới tán lá xào xạc, dịu hiền.

D. Reo hò, nhảy múa và thi hát những bài ca về quê hương giàu đẹp dưới gốc cây.

**Câu 6:** Dòng nào nói lên sự đánh giá của người kể chuyện về những miền đất mở ra trước mắt người kể chuyện cùng bọn trẻ trong đoạn trích?

A. Rộng bao la, có một vẻ sinh động khác thường.

###### **B. Đẹp đẽ vô ngần, rộng bao la, bí ẩn, đầy sức quyến rũ.**

C. Rộng bao la, bí ẩn, đầy sức quyến rũ.

D. Rộng lớn nhất thế gian, bí ẩn, đầy sức quyến rũ.

**Câu 7:** Trong hai mạch kể của văn bản , mạch kể chuyện xưng “chúng tôi ” quan trọng hơn đúng hay sai?

A . Đúng **B . Sai**

**2. Dạng bài tập ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Thời tiết đã sắp sang đông. Trước những trận mưa tuyết đầu mùa, mỗi khi đi học, chúng tôi phải lội qua một con suối lòng đá chảy róc rách dưới chân đồi. Nhưng về sau không thể nào lội qua được nữa, vì nước băng lạnh buốt cóng cả chân. Khổ nhất là những em nhỏ, thậm chí chúng phát khóc lên. Những lúc ấy, thầy Đuy-sen đã bế các em qua suối. Lưng thì cõng, tay thì bế và cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang.*  *Giờ đây nhớ lại cảnh xưa, tôi thấy khó lòng mà tin được rằng tất cả những điều đó là có thật. Nhưng lúc bấy giờ, không biết vì ngu dốt hay vì nông nổi, người ta đã cười thầy Đuy-sen, nhất là bọn nhà giàu thường trú qua mùa đông ở trên núi và chỉ xuống làng khi cần xay thóc. Đã nhiều lần gặp chúng tôi ở chỗ lội qua suối, bọn họ, đầu đội mũ lông cáo màu đỏ, mình mặc những chiếc áo lông cừu quý, nghễu nghện trên lưng những con ngựa hung dữ no căng, giương mắt nhìn thầy Đuy-sen rồi bỏ đi. Một tên trong bọn họ cười nấc lên và huých tay tên đi bên cạnh nói:*  *- Đứa thì cõng, đứa thì bế, trông đã hay chưa?*  *[…] Rồi họ quất ngựa cho chạy làm nước và bùn bắn tung toé lên chúng tôi, cười phá lên rồi đi khuất.*  *Sao lúc đó tôi muốn đuổi theo những con người ngu xuẩn ấy thế, muốn nắm lấy cương ngựa và quát thẳng vào những bộ mặt láo xược của họ: “Các người không được nói thầy giáo của chúng tôi như thế! Các người ngu lắm, các người tồi lắm.”*  *Nhưng liệu có ai chịu nghe lời một con bé thơ dại như tôi?*  *Và tôi chỉ còn biết nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi. Còn thầy Đuy-sen thì dường như không để ý đến những lời lăng mạ đó, coi như không nghe thấy gì hết. Thầy thường nghĩ ra một câu chuyện vui nào đó khiến lũ chúng tôi phá lên cười, quên mất mọi sự.[…]*  *(Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp, Gia-mi-li-a (Jaymilya) – Truyện núi đồi và thảo nguyên, Phạm Mạnh Hùng – Nguyễn Ngọc Bằng – Cao Xuân Hạo – Bồ Xuân Tiền dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019, tr. 351 – 442)*  **Câu 1.**Xác định ngôi kể trong đoạn trích trên.  **Câu 2**. Chỉ ra những chi tiết miêu tả sự quan tâm, chăm sóc các học trò của thầy Đuy-sen trong đoạn trích.  **Câu 3**. Hãy chỉ ra phó từ trong câu văn “*Trước những trận mưa tuyết đầu mùa, mỗi khi đi học, chúng tôi phải lội qua một con suối lòng đá chảy róc rách dưới chân đồi*.” và đặt câu khác với phó từ tìm được.  **Câu 4.** Qua đoạn trích, em có nhận xét gì về tình cảm của nhân vật “tôi” dành cho thầy Đuy-sen? |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** Ngôi kể thứ nhất.

**Câu 2.** Những chi tiết miêu tả sự quan tâm, chăm sóc các học trò của thầy Đuy-sen trong đoạn trích:

* Thầy Đuy-sen đã bế các em nhỏ qua con suối vào mùa đông, lưng thì cõng, tay thì bế và cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang.
* Thầy thường nghĩ ra một câu chuyện vui nào đó khiến học trò phá lên cười, quên mất mọi sự.

**Câu 3.**

Câu văn “*Trước những trận mưa tuyết đầu mùa, mỗi khi đi học, chúng tôi phải lội qua một con suối lòng đá chảy róc rách dưới chân đồi*.”:

* Phó từ: ***những, mỗi*** (Đây là các phó từ đi kèm danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng của sự vật). Tài liệu của Nhung tây
* Đặt câu:

+ Những bông hoa đang khoe sắc dưới nắng mai.

+ Mỗi ngày, tôi đều dành thời gian để chăm sóc cho khu vườn nhỏ.

**Câu 4.** Nhận xét về tình cảm của nhân vật “tôi” dành cho thầy Đuy-sen: nhân vật “tôi” vô cùng yêu quý và cảm phục trước những hành động quan tâm của thầy Đuy-sen dành cho những học trò; nhân vật “tôi” bất bình và căm giận bọn nhà giàu đã chế giễu, lăng mạ thầy của mình, càng thương và yêu quý thầy hơn.

**2. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ bất ngờ.*  *- Này các cậu ơi- tôi gọi cho các bạn- ta đổ ki-giắc vào trường đi, đến mùa đông sẽ có nhiều cái đốt sưởi hơn.*  *- Thế về nhà tay không à? Chà, khôn đấy nhỉ!*  *- Nhưng ta sẽ quay lại nhặt thêm nữa.*  *- Thôi muộn mất, về nhà lại phải mắng đấy.*  *- Và bọn con gái không chờ tôi, cứ rảo cẳng về nhà.*  *Cho đến nay tôi vẫn không hiểu hôm ấy cái gì xui khiến tôi dám làm một việc như thế. Không biết vì tôi giận các bạn đã không nghe tôi nên cứ muốn làm theo ý mình, hay từ thuở bé mọi ước nguyện, mọi ý muốn của tôi đều bị chôn vùi dưới những lời mắng chửi, những cái bạt tai của những con người phũ phàng; chỉ biết là tôi vẫn thấy muốn làm việc gì để cảm ơn con người thật ra không quen biết ấy, để đền đáp lại nụ cười đã sưởi ấm lòng tôi, đền đáp lòng tin cậy của người ấy đối với tôi, đền đáp mấy câu nói nhân từ ấm áp. […] Khi các bạn bỏ tôi lại, tôi chạy trở về trường Đuy-sen, trút bao ki-giắc xuống dưới cửa và cắm đầu chạy men theo các khe rãnh, các hẻm đá ở chân núi nhặt ki-giắc.*  *Tôi cứ chạy mãi, không còn biết mình đi đâu nữa, như thể vì quá dư sức mà tim tôi sung sướng đập rộn ràng trong lồng ngực, tựa hồ như tôi đã làm nên công trạng gì vô cùng to lớn. Và cả mặt trời cũng biết rõ vì đâu tôi sung sướng đến thế. Phải, tôi tin rằng mặt trời cũng biết vì đâu tôi lại chạy tung tăng nhẹ nhàng như thế. Bởi vì tôi đã làm được một việc nhỏ hữu ích.*  *Mặt trời đã xế bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy dường như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi. Ánh mặt trời tô điểm con đường tôi đi, mặt đất rắn mùa thu trải ra dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu hồng, màu tím. Từng cụm bông lau khô vun vút bay hai bên như những tia lửa lập loè. Mặt trời rọi lửa lên những chiếc cúc mạ bạc trên những tấm áo đầy mụn vá tôi mặc.*  *Và tôi cứ chạy đi, trong lòng hoan hỉ nói với đất trời, với gió mây: “Hãy nhìn tôi đây! Hãy nhìn xem tôi đang kiêu hãnh chừng nào! Tôi sẽ học hành, tôi sẽ đến trường và sẽ dẫn các bạn khác đến!...”*  *(Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp, Gia-mi-li-a (Jaymilya) – Truyện núi đồi và thảo nguyên, Phạm Mạnh Hùng – Nguyễn Ngọc Bằng – Cao Xuân Hạo – Bồ Xuân Tiền dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019, tr. 369-371)*  **Câu 1**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.  **Câu 2**. Theo đoạn trích, vì sao nhân vật “tôi” (An-tư-nai) quyết định trút lại bao ki-giắc ở trường Đuy-sen?  **Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ trong đoạn văn sau:  *“Mặt trời đã xế bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy dường như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi. Ánh mặt trời tô điểm con đường tôi đi, mặt đất rắn mùa thu trải ra dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu hồng, màu tím. Từng cụm bông lau khô vun vút bay hai bên như những tia lửa lập loè.”*  **Câu 4.** Xác định và nêu ý nghĩa của phó từ được sử dụng trong câu văn sau:  *“Tôi sẽ học hành, tôi sẽ đến trường và sẽ dẫn các bạn khác đến!”*  **Câu 5**. Nêu những suy nghĩ, cảm xúc của An-tư-nai sau khi trút lại bao ki-giắc ở trường. Theo em, điều gì khiến An-tư-nai có cảm xúc như vậy?  **Câu 6**. Dựa vào các chi tiết miêu tả hành động, cảm xúc, suy nghĩ của An-tư-nai trong đoạn trích trên, hãy khái quát đặc điểm tính cách của nhân vật. |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.** PTBĐ chính: Tự sự.

**Câu 2.** Nhân vật “tôi” (An-tư-nai) quyết định trút lại bao ki-giắc ở trường Đuy-sen: không biết vì An-tư-nai giận các bạn đã không nghe mình nên cứ muốn làm theo ý mình, hay từ thuở bé mọi ước nguyện, mọi ý muốn của An-tư-nai đều bị chôn vùi dưới những lời mắng chửi, những cái bạt tai của những con người phũ phàng; chỉ biết là nhân vật “tôi” vẫn thấy muốn làm việc gì để cảm ơn người thầy của mình *– “con người thật ra không quen biết ấy, để đền đáp lại nụ cười đã sưởi ấm lòng tôi, đền đáp lòng tin cậy của người ấy đối với tôi, đền đáp mấy câu nói nhân từ ấm áp.”*

**Câu 3.** HS có thể chỉ ra một trong các biện pháp tu từ sau:

- Nhân hoá: *mặt trời dường như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi*.

- So sánh: *Từng cụm bông lau khô vun vút bay hai bên như những tia lửa lập loè.*

*=>*Tác dụng của biện pháp tu từ:

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp của thiên nhiên vùng đồi núi khi về chiều muôn.

+ Cho thấy tâm hồn yêu thiên nhiên, niềm vui sướng, hân hoan trong lòng của An-tư-nai khi làm được việc tốt. Tài liệu của Nhung tây

*+* Làm cho cách diễn đạt giàu hình ảnh, sinh động, gợi cảm hơn.

**Câu 4:**

Câu văn *Tôi sẽ học hành, tôi sẽ đến trường và sẽ dẫn các bạn khác đến!”*

* Phó từ***sẽ*** bổ sung cho động từ “*đến”, “dẫn*” ý nghĩa thời gian tương lai.

**Câu 5.** Suy nghĩ, cảm xúc của An-tư-nai sau khi trút lại bao ki-giắc ở trường: An-tư-nai không hề lo lắng, sợ hãi dù không còn ki-giắc để mang về nhà; trái lại, An-tư-nai cảm thấy vui sướng, hân hoan vì lần đầu tiên được tự mình làm một việc hữu ích. Cô bé vừa tự hào, vừa kiêu hãnh về bản thân, vừa tràn đầy hi vọng mình sẽ được đi học ở trường của thầy Đuy-sen. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 6.** Qua những chi tiết miêu tả hành động, cảm xúc, suy nghĩ của An-tư-nai trong đoạn trích trên, ta có thể thấy An-tư-nai là một cô bé nhạy cảm, tinh tế; biết quan tâm và giúp đỡ mọi người; biết cảm nhận và trân trọng tình yêu thương của thầy Đuy-sen. Em cũng là một người hiếu học.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  […]Làng tôi không thiếu gì các loại cây nhưng hai cây phong này khác hẳn - chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm chúng cũng nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão dông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.  *Về sau, khi nhiều năm đã trôi qua, tôi mới hiểu được điều bí ẩn của hai cây phong. Chẳng qua chúng đứng trên đồi cao lộng gió nên đáp lại bất kì chuyển động khe khẽ nào của không khí, mỗi chiếc lá nhỏ đều nhạy bén đón lấy mọi làn gió nhẹ thoáng qua.*  *Nhưng việc khám phá ra chân lí giản đơn ấy vẫn không làm tôi vỡ mộng xưa, không làm tôi bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ tới tận ngày nay. Và cho đến tận ngày nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động, khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như những mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh.*  *(Trin-ghi-dơ Ai-ma-tốp, Gia-mi-li-a (Jaymilya) – Truyện núi đồi và thảo nguyên, Phạm Mạnh Hùng – Nguyễn Ngọc Bằng – Cao Xuân Hạo – Bồ Xuân Tiền dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019)*  **Câu 1**. Chỉ ra và nêu tác dụng của ngôi kể trong đoạn trích.  **Câu 2**.Tìm ít nhất hai từ miêu tả âm thanh thanh và hai từ miêu tả hình ảnh của những cây phong trong đoạn trích. Nêu tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung.  **Câu 3.** Nêu tác dụng của biện pháp so sánh trong câu văn sau:  “Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại thở dài một lượt như thương tiếc người nào.”  **Câu 4.** Qua đoạn trích, em có nhận xét gì về tình cảm của người viết dành cho hai cây phong?  **Câu 5.** Theo em, thiên nhiên có vai trò như thế nào đối với tuổi thơ mỗi người?  **Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn (3 – 5 câu) chia sẻ về một hình ảnh thiên nhiên đã gắn bó với tuổi thơ của em. Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:**

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất (người kể xưng “tôi”)

- Tác dụng của ngôi kể thứ nhất:

+ Giúp cho câu chuyện trở nên chân thực, hấp dẫn.

+ Giúp câu chuyện giàu cảm xúc hơn

**Câu 2:**

- Từ miêu tả âm thanh của hai cây phong: *rì rào, vù vù, thì thầm*

- Từ miêu tả hình ảnh của hai cây phong: *dẻo dai, nghiêng ngả*

- Tác dụng;

+ Hình ảnh hai cây phong hiện lên sinh động, hấp dẫn

+ Làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn đa dạng, phong phú của hai cây phong qua cảm nhận của nhân vật “tôi”

**Câu 3:** Câu văn: “Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại thở dài một lượt như thương tiếc người nào.”

* Phép so sánh: Âm thanh của hai cây phong được so sánh với:

+ một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát

+ một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình

+ âm thanh im bặt như thương tiếc người nào

* Tác dung:

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp đa dạng của cây phong, cây phong như có hồn người, có tâm hồn riêng và tiếng nói riêng.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.

**Câu 4:** HS đưa ra nhận xét về tình cảm của người viết.  
Gợi ý: Hai cây phong được miêu tả không chỉ bằng ngòi bút tinh tế mà còn bằng một trái tim yêu thiên nhiên, yêu quê hương sâu sắc. Tình yêu tha thiết dành cho hai cây phong tuôn chảy không ngừng dưới ngòi bút tinh tế của nhà văn đã mang lại cho hai cây phong đòi sống tâm hồn phong phú như con người. Người viết đã phát huy cao độ trí tưởng tượng bay bổng và cảm xúc say mê nồng nhiệt của mình vào việc thể hiện vẻ đẹp lạ thường của hai cây phong.

**Câu 5**: Gợi ý

**-** Thiên nhiên là người bạn gắn bó với con người từ ấu thơ đến khi trưởng thành. Thiên nhiên lắng nghe tâm tư, suy nghĩ của tuổi thơ, gắn với những kỉ niệm ấu thơ bên bạn bè, người thân,..

- Thiên nhiên bồi đắp nên sự phong phú trong tâm hồn mỗi người, nuôi dướng những tình cảm cao đẹp (tình yêu quê hương, bạn bè, tình yêu gia đình).

**Câu 6.**

* Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 3 – 5 câu; chú ý chính tả, ngữ pháp.
* Về nội dung: HS chia sẻ về hình ảnh thiên nhiên gắn bó với bản thân: cánh đồng, cây đa, đầm sen,…

+ Nêu đặc điểm của hình ảnh thiên nhiên.

+ Sự gắn bó của em với hình ảnh thiên nhiên: hình ảnh thiên nhiên đó gắn với những kỉ niệm nào của em? Tình cảm của em dành cho hình ảnh thiên nhiên đó?....

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**  *Tôi muốn kể với các em về thầy giáo dạy vẽ của tôi. Thầy dạy chúng tôi cách đây mười bảy năm, khi đó chúng tôi mới học lớp Năm mà thầy thì mái tóc đã bạc phơ…*  *[…] Thầy ăn mặc theo kiểu xưa: bộ com-lê đen đã cũ lắm, nhưng chiếc ca-vát vẫn luôn thắt chỉnh tề trên cổ. Thầy thường đội mũ nồi, bộ râu mép rậm lấm tấm bạc, đôi giày cũ và chiếc cặp da nâu cũng đã sờn rách.*  *Thầy luôn đăm chiêu nhưng hiền hậu. Chẳng bao giờ thầy cái giận, gắt gỏng với chúng tôi. Cũng chẳng bao giờ thầy bỏ một tiết lên lớp nào, kể cả những hôm thầy yếu mệt, sốt cao, giọng run run.*  *Các cô giáo, thầy giáo trong trường kể rằng thầy là một trong số những hoạ sĩ học khoá đầu tiên của TrườngCao đẳng Mĩ thuật Đông Dương. Bạn học của thầy, hầu hết đều đã trở thành những hoạ sĩ tên tuổi, có người nổi tiếng cả ở nước ngoài, riêng thầy Bản chỉ là một giáo viên dạy vẽ bình thường ở một trường cấp hai.*  *Thầy dạy chúng tôi kẻ chữ, vẽ cái sọt giấy, lọ mực, viên gạch, thỉnh thoảng mới có một bài “vẽ tự do”: cảnh chùa hoặc cảnh lao động ở vườn trường. Thầy dạy rất ân cần, tỉ mỉ, chỉ bảo cho chúng tôi từng li từng tí: cách tô màu, đánh bóng, cả cách gọt bút chì thế nào cho đẹp và dễ vẽ. Nhưng thú vị hon cả là những câu chuyện của thầy. Thầy thường nói say sưa với chúng tôi về hội hoạ, về màu sắc và đường nét, về cái thế giới thứ hai, thế giới rực rỡ, kì lạ của những bức tranh, những cánh cửa mở tới những khu vườn tốt lành và đẹp đẽ. Có những lần, thầy đưa chúng tôi về nhà thầy chơi, về gian gác xếp đầy sách vở và tranh ảnh. Thầy đưa chúng tôi xem những quyển sách của các bậc danh hoạ. Thầy cũng cho chúng tôi xem những bức tranh thầy vẽ những bức tranh nhỏ, vẽ rất tỉ mỉ những bình hoa nhiều màu, những ngôi nhà, những em bé hàng xóm… Thầy vẽ chậm, vẽ kĩ, không hiểu có đẹp không, nhưng tranh của thầy ít được mọi người chú ý. Chúng tôi có đi hỏi nhưng chẳng mấy ai biết tên hoạ sĩ Nguyễn Thừa Bản.*  *(Xuân Quỳnh, Thầy giáo dạy vẽ của tôi, Trần Hoài Dương tuyển chọn, Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam dành cho thiếu nhi, tập 5, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2016, tr. 178 – 180)*  **Câu 1**. Xác định ngôi kể của đoạn trích.  **Câu 2.** Tìm một số chi tiết miêu tả trang phục của thầy giáo dạy vẽ. Những chi tiết đó cho em cảm nhận gì về nhân vật?  **Câu 3.** Tìm số từ trong câu sau và giải thích ý nghĩa của số từ đó:  *Thầy dạy chúng tôi cách đây mười bảy năm, khi đó chúng tôi mới học lớp Năm mà thầy thì mái tóc đã bạc phơ…*  **Câu 4.** Nhân vật “tôi” có cảm nhận như thế nào vè tính cách của thầy giáo dạy vẽ? Qua đó, em có nhận xét gì về tình cảm của nhân vật “tôi”dành cho thầy giáo dạy vẽ của mình? |

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Ngôi kể: ngôi thứ nhất

**Câu 2:**

* Một số chi tiết miêu tả trang phục của thầy giáo dạy vẽ: *Thầy ăn mặc theo kiểu xưa: bộ com-lê đen đã cũ lắm, nhưng chiếc ca-vát vẫn luôn thắt chỉnh tề trên cổ. Thầy thường đội mũ nồi, bộ râu mép rậm lấm tấm bạc, đôi giày cũ và chiếc cặp da nâu cũng đã sờn rách.*
* Qua những chi tiết đó, có thể thấy thầy giáo dạy vẽ là một thầy giáo nghèo, giản dị nhưng rất nghiêm túc, cẩn thận.

**Câu 3:** Câu văn: “*Thầy dạy chúng tôi cách đây mười bảy năm, khi đó chúng tôi mới học lớp Năm mà thầy thì mái tóc đã bạc phơ”*

* *S*ố từ ***mười bảy*** (*mười bảy* năm) chỉ số lượng xác định; số từ ***Năm*** (lớp Năm) chỉ thứ tự của sự vật.

**Câu 4:**

\*Nhân vật “tôi” có những cảm nhận về thầy giáo của mình:

* Cảm nhận trực tiếp về thầy:

+ Thái độ của thầy với học trò: luôn đăm chiêu nhưng hiền hậu, chẳng bao giờ thầy cáu giận, gắt gỏng với chúng tôi.

+ Cách thầy làm việc: chẳng bao giờ thầy bỏ một tiết lên lớp nào, kể cả những hôm thầy yếu mệt, sốt cao, giọng run run;

+ Thái độ của thầy khi dạy học trò: thầy dạy rất ân cần, tỉ mỉ, chỉ bảo cho học trò từng li từng tí cách tô màu, đánh bóng, cả cách gọt bút chì thế nào cho đẹp và dễ vẽ.

* Những câu chuyện thú vị của thầy và gian gác hẹp nơi thầy ở: thầy thường nói say sưa với chúng tôi về hội hoạ; gian gác hẹp xếp đầy sách vở và tranh ảnh,…

\*Qua những chi tiết đó, người đọc có thể cảm nhận thấy tình cảm của nhân vật “tôi” dành cho thầy giáo dạy vẽ của mình: yêu quý, kính trọng, ca ngợi tấm lòng của thầy dành cho học trò.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

**Buổi học thể dục**

*1.Hôm nay có buổi học thể dục. Thầy giáo dẫn chúng tôi đến bên một cái cột cao, thẳng đứng. Chúng tôi phải leo lên đến trên cùng, rồi đứng thẳng người trên chiếc xà ngang.*

*Đê-rốt-xi và Cô-rét-ti leo như hai con khỉ. Xtác-đi thì thở hồng hộc, mặt đỏ như chú gà tây. Ga-rô-nê leo dễ như không. Tưởng chừng cậu có thể vác thêm một người nữa trên vai vì cậu khỏe chẳng khác gì một con bò mộng non.*

*2. Đến lượt Nen-li bạn này được miễn học thể dục vì bị tật từ nhỏ, nhưng cố xin thầy cho được tập như mọi người.*

*Nen-li bắt đầu leo một cách rất chật vật. Mặt cậu đỏ như lửa, mồ hôi ướt đẫm trán. Thầy giáo bảo cậu có thể xuống. Nhưng cậu vẫn cố sức leo. Mọi người vừa thấp thỏm sợ cậu tuột tay ngã xuống đất, vừa luôn miệng khuyến khích: “Cố lên ! Cố lên !”.*

*Nen-li rướn người lên và chỉ còn cách xà ngang hai ngón tay. “Hoan hô ! Cố tí nữa thôi !” - Mọi người reo lên. Lát sau, Nen-li đã nắm chặt được cái xà.*

*3. Thầy giáo nói: “Giỏi lắm ! Thôi, con xuống đi !” Nhưng Nen-li còn muốn đứng lên cái xà như những người khác.*

*Sau vài lần cố gắng, cậu đặt được hai khuỷu tay, rồi hai đầu gối, cuối cùng là hai bàn chân lên xà. Thế là cậu đứng thẳng người lên, thở dốc, nhưng nét mặt rạng rỡ chiến thắng, nhìn xuống chúng tôi.*

*( Theo A-MI-XI- Hoàng Thiếu Sơn dịch)*

**Câu 1**: Vì sao Nen Li được miễn tập thể dục?

**Câu 2:** Chi tiết nào nói lên quyết tâm của Nen Li?

**Câu 3:** Vì sao Nen li cố xin thầy tập?

**Câu 4:** Qua câu chuyện em hiểu gì và học được gì ở Nen Li?

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Vì em bị tàn tật từ nhỏ

**Câu 2:** Nen li một cách rất chật vật, mặt đỏ như lửa, mồ hôi ướt đẫm trán. Thầy giáo bảo cậu có thể xuống, cậu vẫn cố sức leo. Cậu rướn người lên, thế là nắm chặt được cái xà.

**Câu 3:** Ni len muốn vượt qua chính mình, muốn làm được việc như các bạn.

**Câu 4:** Em học được ý chí nghị lực, sự quyết tâm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**  *Vào một buổi học, thầy giáo chúng tôi mang vào lớp rất nhiều túi nhựa và một bao khoai tây thật to. Thầy chậm rãi giải thích với mọi người rằng, mỗi khi cảm thấy oán giận hoặc không muốn tha thứ lỗi lầm cho ai, hãy viết tên của người đó lên một củ khoai tây rồi cho vào túi nhựa. Chúng tôi thích thú viết tên những người mình không ưa hay ghét hận rồi cho vào túi. Chỉ một lúc sau, chiếc túi nào của chúng tôi cũng đã căng nặng, đầy khoai tây. Thậm chí có người một túi không chứa hết khoai, phải thêm một túi nhỏ kèm theo. Sau đó, thầy yêu cầu chúng tôi hãy mang bên mình túi khoai tây đó bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào trong thời gian một tuần lễ. Đến lớp thì mang vào chỗ ngồi, về nhà thì mang vào tận giường ngủ, thậm chí khi vui chơi cùng bạn bè cũng phải đem theo. Chỉ sau một thời gian ngắn, chúng tôi bắt đầu cảm thấy mệt mỏi và phiền toái vì lúc nào cũng có một túi khoai tây nặng nề kè kè bên cạnh. Tình trạng này còn tệ hơn nữa khi những củ khoai tây bắt đầu thối rữa, rỉ nước. Cuối cùng, chúng tôi quyết định xin thầy cho quẳng hết số khoai ấy đi và cảm thấy thật nhẹ nhàng, thoải mái trong lòng. Lúc ấy, thầy giáo của chúng tôi mới từ tốn nói: “Các em thấy không, lòng oán giận hay thù ghét người khác đã làm chúng ta thật nặng nề và khổ sở! Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là một món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng bản thân mình”.*  (Nguồn internet) **Câu 1**.Tìm một lời dẫn ở đoạn cuối cùng và cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp? **Câu 2**.Theo em cách giáo dục của thầy giáo có điều gì thú vị? **Câu 3**. Ở cuối văn bản, thầy giáo khuyên học sinh: “Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là một món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng bản thân mình”. Em có đồng ý với ý kiến của thầy giáo không? Vì sao? Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Lời dẫn trực tiếp*“Các em thấy không, lòng oán giận hay thù ghét người khác đã làm chúng ta thật nặng nề và khổ sở! Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là một món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng bản thân mình”.***Câu 2:** Theo em cách giáo dục của thầy giáo có điều gì thú vị:

+ Thầy giáo chúng tôi mang vào lớp rất nhiều túi nhựa và một bao khoai tây thật to. Thầy chậm rãi giải thích với mọi người rằng, **mỗi khi cảm thấy oán giận hoặc không muốn tha thứ lỗi lầm cho ai, hãy viết tên của người đó lên một củ khoai tây** rồi cho vào túi nhựa. Chỉ sau một thời gian ngắn, chúng tôi bắt đầu cảm thấy **mệt mỏi và phiền toái vì lúc nào cũng có một túi khoai tây nặng nề kè kè**bên cạnh. Lúc ấy, thầy giáo của chúng tôi mới từ tốn nói: “Các em thấy không**, lòng oán giận hay thù ghét người khác đã làm chúng ta thật nặng nề và khổ sở! Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng.**

**Câu 3:** Ở cuối văn bản, thầy giáo khuyên học sinh: “Càng oán ghét và không tha thứ cho người khác, ta càng giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác không chỉ là món quà quý giá để ta trao tặng mọi người, mà đó còn là một món quà tốt đẹp mỗi chúng ta dành tặng bản thân mình”. Em có đồng ý với ý kiến của thầy giáo .Vì trong cuộc sống không ai là không mắc sai lầm cả. Nếu mắc sai lầm điều quan tọng họ có biết sửa lỗi hay không. Bởi đối phương khi bị làm tổn thương nếu họ oán ghét và không tha thứ cho thì họ phải giữ lấy gánh nặng khó chịu ấy mãi trong lòng. Chính bởi vậy mà lòng vị tha, sự cảm thông với những lỗi lầm của người khác sẽ làm cuộc sống ta tốt hơn, nhẹ nhỏm hơn.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| *Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp 1 vẽ về điều gì làm các em thích nhất trong đời. Cô giáo thầm nghĩ "Rồi các em cũng lại vẽ những gói quà, những ly kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh". Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh Douglas: bức tranh vẽ một bàn tay.*  *Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy biểu tượng này. Một em phán đoán "Đó là bàn tay của bác nông dân". Một em khác cự lại "Bàn tay thon thả thế này phải là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật....". Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Douglas cười ngượng nghịu "Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!".*  *Cô giáo ngẩn ngơ. Cô nhớ lại những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Douglas ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không đuợc xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hóa ra đối với Douglas bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.*  Top of Form  (Trích *Bàn tay yêu thương*, NXB Trẻ, 2004)  **Câu 1**:Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?  **Câu 2***:* Tìm biện pháp tu từ so sánh ở đoạn cuối và cho biết kiểu so sánh gì ?  **Câu 3**: Nêu nội dung của văn bản? Tài liệu của Nhung tây  **Câu 4**: Bài học rút ra cho bản thân em qua câu chuyện?. |

**GỢI Ý TRẢ LỜI:**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chinh được sử dụng trong văn bản: Tự sự.

**Câu 2**: - Khuôn mặt không đuợc xinh xắn như những đứa trẻ khác.

- So sánh không ngang bằng

**Câu 3**: Nội dung: Câu ca ngơi ý nghĩa lớn lao của tình yêu thương , nó sẽ là nguồn động viên an ủi để những người bất hạnh có động lực vươn lên trong cuộc sống.

**Câu 4**: - Bài học: cần có tình yêu thương , đặc biệt là đối với những người bất hạnh.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  **Bàn tay yêu thương**  *Trong một tiết dạy vẽ, cô giáo bảo các em học sinh lớp một vẽ về điều gì làm các em thích nhất trong đời. Cô giáo thầm nghĩ: “Rồi các em sẽ lại vẽ những gói quà, những li kem hoặc những món đồ chơi, quyển truyện tranh…”. Thế nhưng cô đã hoàn toàn ngạc nhiên trước một bức tranh lạ của một em học sinh tên là Đắc-gờ-lốt: bức tranh vẽ một bàn tay. Nhưng đây là bàn tay của ai? Cả lớp bị lôi cuốn bởi một hình ảnh đầy tính biểu tượng này. Một em phán đoán :“Đó là bàn tay của bác nông dân”. Một em khác cự lại: “Bàn tay thon thả thế này hẳn là bàn tay của một bác sĩ phẫu thuật”…Cô giáo đợi cả lớp bớt xôn xao dần rồi mới hỏi tác giả. Đắc-gờ-lốt cười ngượng nghịu: “Thưa cô, đó là bàn tay của cô ạ!”*  *Cô giáo ngẩn ngơ. Cô thường nhớ những phút ra chơi thường dùng bàn tay để dắt Đắc-gờ-lốt ra sân, bởi em là một cô bé khuyết tật, khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo. Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự với các em khác, nhưng hoá ra*  *với Đắc-gờ-lốt, bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương.*  *(Trích Quà tặng cuộc sống, dẫn theo Ngữ văn 6, tập một)*  **Câu 1**: Giải nghĩa từ “biểu tượng”.  Đặt một câu có sử dụng từ này ở bộ phận vị ngữ.  **Câu 2:** Trong câu chuyện trên, nhân vật Đắc-gờ-lốt được miêu tả như thế nào? Bức tranh Đắc-gờ-lốt vẽ có gì khác lạ so với tranh của các bạn?  **Câu 3**: Vì sao bức tranh ấy lại được coi là “*một biểu tượng của tình yêu thương*”?  **Câu 4:** *“Cô chợt hiểu ra rằng tuy cô vẫn làm điều tương tự* *với các em khác, nhưng hoá* *ra với Đắc-gờ-lốt, bàn tay cô lại mang ý nghĩa sâu xa, một biểu tượng của tình yêu thương”.*  Còn em từ câu chuyện trên, em hiểu ra điều gì? Em thấy mình cần phải làm gì khi gặp những người khuyết tật, những người có hoàn cảnh bất hạnh trong cuộc sống? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**

|  |
| --- |
| **-** Giải nghĩa “biểu tượng”: là hìnhảnh sáng tạo nghệthuật mang ý nghĩatượng trưng. |
| - Đặt câu đúng với yêu cầu |
| Ví dụ: *Chim bồ* *câu là biểu tượng của hoà bình*. |
| **Câu 2:** Nhân vật Đắc-gờ-lốt được miêu tả qua các chi tiết: *là một cô bé khuyết tật,* |
| *khuôn mặt không được xinh xắn như những đứa trẻ khác, gia cảnh từ lâu lâm vào tình cảnh ngặt nghèo.* |
| - Các bạn em vẽ những gói quà, li kem hoặc những món đồ chơi mà cácbạn yêu thích, còn bức trnah em vẽ là một bàn tay. Đó là một bức tranh rất khác lạ gây tò mò cho cả lớp |
| HS có thể viết thành đoạn hoặc thể hiện riêng từng ý, có thể có nhiều |
| cảm nhận nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: |
| **Câu 3:** Bức tranh được coi là biểu tượng của tình yêu thương vì: |
| - Bức tranh vẽ điều mà Đắc-gờ-lốt yêu thích nhất: bàn tay cô giáo; |
| - Bức tranh bày tỏ lòng biết ơn, tình yêu thương của Đắc-gờ-lốt tới côgiáo; |
| - Bức tranh thể hiện tình cảm, sự dìu dắt yêu thương của cô giáo dànhcho học sinh của mình. |
| **Câu 4:**  HS tự do thể hiện điều ý nghĩa mà mình cảm nhận được từ câu chuyện |
| - Việc cần làm với những người khuyết tật, những người có hoàn cảnh khó khăn là không kì thị, xa lánh; luôn cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ họ…. |

**4. Dạng viết ngắn**

**Đề 1: Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu kể lại nội dung của phần (1) và phần (4) văn bản “Người thầy đầu tiên” bằng lời của người kể chuyện thứ 3.**

**Dàn ý Viết đoạn văn**

**1. Mở đoạn:**

- Giới thiệu nội dung chính của đoạn trích (1) hoặc (4)

**2. Thân đoạn:**

- Kể lại lần lượt diễn biến của phần đó theo lời kể chuyện của ngôi kể thứ ba.

**3. Kết đoạn:**

- Chi tiết khép lại nội dung phần.

**Bài viết tham khảo**

Mùa thu năm ấy anh họa sĩ nhận được một bức điện mời về dự khánh thành ngôi trường mới của làng. Nhận được thư anh rất vui và háo hức. Trong số những người được mời về dự có cả bà viện sĩ An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va là đồng hương với anh. Kết thúc buổi lễ cả hai cùng trở về thành phố. Bà viện sĩ đã viết thư cho anh nhờ kể lại câu chuyện về thầy Đuy-sen với dân làng và mọi người như một hành động chuộc lỗi. Anh họa sĩ đã mang nặng lòng những ấn tượng của lá thư ấy mấy ngày liền và quyết định thay mặt và An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va kể hết câu chuyện.

**Đoạn văn tham khảo**

Tôi đã nghĩ rất nhiều về câu chuyện của bà An-tư-nai. Tôi muốn vẽ một bức tranh về câu chuyện của bà với thầy Đuy-sen. Chắc chắn tôi sẽ phải vẽ, dù số phận thật trớ trêu khi đặt cây bút vẽ vào tay tôi. Có thể tôi sẽ vẽ hình ảnh hai cây phong, cũng có thể tôi sẽ vẽ bà An-tư-nai khi còn nhỏ đã trèo lên cây phong và mơ mộng thế nào. Hoặc, tôi sẽ đặt tên bức tranh là "Người thầy đầu tiên", trong đó có cảnh thầy Đuy-sen bế các bạn nhỏ qua suối mà bên cạnh là đám nhà giàu đang chế giễu ông hay cảnh thầy tiễn An-tư-nai lên tỉnh học. Bức tranh như thế giống như tiếng gọi của thầy Đuy-sen mà đến nay An-tư-nai vẫn còn nghe vẳng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.

**ÔN TẬP VĂN BẢN: QUÊ HƯƠNG**

*(Tế Hanh)*

**I. Tìm hiểu chung**

**a. Tác giả Tế Hanh**

- Tên khai sinh là Trần Tế Hanh (1921 - 2009).  
- Quê quán: Sinh tại một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi.  
- Cuộc đời:

- 1940 - 1945: Ông có mặt trong phong trào Thơ mới.

- Sau năm 1945 ông bền bỉ sáng tác nhằm phục vụ cách mạng và kháng chiến.

- Ông là nhà thơ tiêu biểu với phong cách thơ hồn hậu, trong sáng.

- 1996 ông được nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

- Các tác phẩm chính: Hoa niên (1945), Gửi miền Bắc (1955), Tiếng sóng (1960), Hai nửa yêu thương (1963),...

**b. Tác phẩm Quê hương**

- Quê hương được in trong tập Nghẹn ngào (1939), sau in lại ở tập Hoa niên(1945), xuất bản năm 1945.

**c. Bố cục**

- Bài thơ được chia làm 4 phần

- Phần 1: Hai câu thơ đầu

- Phần 2: Sáu câu tiếp: Cảnh đi thuyền ra khơi.

- Phần 3: Tám câu tiếp: Cảnh đi thyền chở về bến.

- Phần 4: Khổ cuối: Tình cảm của tác giả đối với làng chài.

**d. Thể thơ**

- Thể thơ tám chữ, hiện đại

**e. Giá trị nội dung**

- Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển.Trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và sinh hoạt lao động chài lưới.

- Cho thấy thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.

**g. Giá trị nghệ thuật**

- Giọng thơ mộc mạc, giản dị, ngôn ngữ giàu giá trị biểu cảm.

- Hình ảnh so sánh giàu hình ảnh, có giá trị biểu cảm cao, phép nhân hóa.

- Phép ẩn dụ, đảo trật tự từ trong câu. Tài liệu của Nhung tây

- Hàng loạt động từ mạnh, tính từ, phép liệt kê.

- Sử dụng phương pháp biểu đạt tự sự đan xen miêu tả và biểu cảm.

**II. Phân tích tác phẩm**

**1. Cảnh dân chài ra khơi đánh cá**

- Hai câu đầu: Tác giả giới thiệu về quê hương thật hồn nhiên và giản dị:

- Nghề nghiệp: Đánh cá

- Vị trí địa lí: Gần sông nước.

→ Toát lên tình cảm trong trẻo, thiết tha, đằm thắm bằng lời thơ bình dị.

- Cảnh trai tráng bơi thuyền đi đánh cá:

- Không gian: Vào một buổi sớm, gió nhẹ, trời trong → thời tiết tốt, thuận lợi.

- Chiếc thuyền: Hăng như tuấn mã → Ca ngợi vẻ đẹp dũng mãnh của con thuyền khi lướt ra khơi.

- Cánh buồm: Giương như mảnh hồn làng → Con thuyền như mang linh hồn, sự sống của làng chài. Tài liệu của Nhung tây

**b. Cảnh thuyền cá về bến**

- Không khí: ồn ào, tấp nập, đông vui.

- Hình ảnh: cá đầy ghe, cá tươi ngon.

- Lời cảm tạ chân thành trời đất.

→ Bức tranh sinh động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống.

"Dân chài lưới làn da ngăm dám nắng

Khắp thân hình nồng thở vị xa xăm"

- Hình ảnh người dân chài mang vẻ đẹp và sức sống nồng nhiệt của biển cả, vẻ đẹp lãng mạn.

- Hình ảnh chiếc thuyền: nằm im bến mỏi trở về nằm, nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

→ Con thuyền như một cơ thể sống, như một phần sự sống lao động ở làng chài, gắn bó mật thiết với con người nơi đây

**-** Thời gian: Buổi sớm mai hồng.

- Không gian: Bầu trời cao rộng, trong trẻo, nhuốm ánh hồng bình minh. => thời tiết đẹp, thuận lợi ra khơi.

- Hình ảnh con thuyền khi ra khơi:

+Nghệ thuật so sánh *chiếc thuyền nhẹ - con tuấn mã*, sử dụng các động từ mạnh: *phăng, vượt;* tính từ : *hăng, mạnh mẽ*

=>Con thuyền được hình dung như một sinh thể sống động, đẹp đẽ, tràn đẩy sức mạnh, lướt băng băng, vượt qua dòng sông dài rộng, hướng ra biển lớn. Hình ảnh so sánh còn gợi lên vẻ đẹp của những con người lao động - hiên ngang, hào hùng như những kị sĩ, tráng sĩ.

+ Nghệ thuật so sánh kết hợp nhân hoá:

"*Cánh buồm giương to – như - mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng - thâu góp gió*"

=> Hình ảnh cánh buồm quen thuộc trở nên lớn lao và thiêng liêng. Con thuyền chính là linh hồn của làng chài, của con người lao động nơi đây: tràn trế sức sống, như hăm hở thâu góp, ôm cả nắng gió của đất trời, mạnh mẽ và phóng khoáng,...

Bằng lối so sánh và nhân hoá này, tác giả còn gợi được vẻ đẹp của người dân làng chài với tình yêu lao động, tâm hổn phóng khoáng, lãng mạn, tình cảm gắn bó sầu nặng với quê hương.

- Câu thơ để trong ngoặc kép: “*Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe*"

=> Lời cảm tạ trời yên biển lặng cho dân làng trở về an toàn, thắng lợi.

- Hình ảnh người dân chài: nước da ngăm nhuộm nắng nhuộm gió; thân hình thấm đậm vị mặn mòi nồng toả" vị xa xăm" của biển khơi. Tài liệu của Nhung tây

=> Hình ảnh người dân chài khoẻ mạnh, vạm vỡ, vừa được tả thực vừa lãng mạn trở nên có tầm vóc phi thường.

- Hình ảnh con thuyền sau chuyến ra khơi được tác giả miêu tả một cách sống động bằng biện pháp tu từ nhân hoá *(thuyền im, bến mỏi),* ẩn dụ chuyển đổi cảm giác *(nghe chất muối)* => Nhà thơcảm nhận thuyền như một cơ thể sống, cũng cần nghỉ ngơi sau khi hoàn thành nhiệm vụ, lắng "nghe chất muối thấm…"

Con thuyền vô tri trở nên có hồn, cũng như người dân chài, con thuyền ấy cũng thấm đẫm vị mặn mòi của biển khơi, gắn bó với biển cả.

=> Hình ảnh con thuyền ấy được miêu tả bởi một tâm hồn tinh tế , tài hoa và một tấm lòng gắn bó sâu nặng với quê hương.

=> Vẻ đẹp con người lao động làng chài toát lên sự khoẻ khoắn, cường tráng, yêu lao động, tâm hổn phóng khoáng, lạc quan,...

- Cuộc sống nơi làng chài vừa giản dị, bình yên vừa sôi động, tràn trề sức sống, gắn bó với thiên nhiên. Tài liệu của Nhung tây

- Qua việc miêu tả con người và cuộc sống làng chài quê hương, nhà thơ cũng bộc lộ tình cảm yêu quý, gắn bó với người dân và cảnh vật nơi quê hương thân yêu.

**c. Nỗi nhớ quê hương của tác giả**

- Những hình ảnh

- Biển

- Cá

- Cánh buồm

- Thuyền

- Mùi biển

→ Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ giản dị, tự nhiên như thốt ra từ trái tim.

- Mùi nồng mặn: Vừa nồng nàn, nồng hậu lại mặn mà, đằm thắm.

⇒ Đó là vẻ đẹp tươi sáng, khoẻ khoắn, mang hơi thở nồng ấm của lao động của sự sống, một tình yêu gắn bó, thuỷ chung. Đó cũng là hương vị làng chài, là hương vị riêng đầy quyến rũ của quê hương được tác giả cảm nhận bằng tâm tình trung hiếu của người con xa quê.

- Khi xa quê. tác giả nhớ tới những hình ảnh quen thuộc của quê nhà: màu nước xanh (biển), cá (cá bạc), cánh buồm (chiếc buồm vôi), mùi biển (cái mùi nồng mặn quá). => Đó là những hình ảnh đã gắn bó với nhà thơ từ ấu thơ. Tài liệu của Nhung tây

- Nghệ thuật: Sử dụng những câu cảm thán, phép liệt kê.

=> Khổ thơ cuối diễn tả nỗi nhớ nhung da diết khi nhà thơ phải xa cách quê hương. Bất chấp khoảng cách thời gian, không gian, nhà thơ vẫn nâng niu, gìn giữ trong kí ức từng hình ảnh, màu sắc, hương vị mang vẻ đẹp riêng của quê nhà. Đó là tấm lòng của người con rất yêu quê, gắn bó sâu nặng với quê hương.

**BÀI THAM KHẢO**

### Đề 1: Cảm nhận về bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh

Quê hương là nguồn cảm hứng vô tận của nhiều nhà thơ Việt Nam và đặc biệt là Tế Hanh một tác giả có mặt trong phong trào Thơ mới và sau cách mạng vẫn tiếp tục sáng tác dồi dào. Ông được biết đến qua những bài thơ về quê hương miền Nam yêu thương với tình cảm chân thành và vô cùng sâu lắng. Tài liệu của Nhung tây

Ta có thể bắt gặp trong thơ ông hơi thở nồng nàn của những người con đất biển, hay một dòng sông đầy nắng trong những buổi trưa gắn với tình yêu quê hương sâu sắc của nhà thơ. Bài thơ “Quê hương” là kỉ niệm sâu đậm thời niên thiếu, là tác phẩm mở đầu cho nguồn cảm hứng về quê hương trong thơ Tế Hanh, bài thơ đã được viết bằng tất cả tấm lòng yêu mến thiên nhiên thơ mộng và hùng tráng, yêu mến những con người lao động cần cù.  
Bài thơ được viết theo thể thơ tám chữ phối hợp cả hai kiểu gieo vần liên tiếp và vần ôm đã phần nào thể hiện được nhịp sống hối hả của một làng chài ven biển:  
  
 *Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới*

*Nước bao vây cách biển nửa ngày sông*

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*

*Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.*

Quê hương trong tâm trí của những người con Việt Nam là mái đình, là giếng nước gốc đa, là canh rau muống chấm cà dầm tương. Còn quê hương trong tâm tưởng của Tế Hanh là một làng chài nằm trên cù lao giữa sông và biển, một làng chài sóng nước bao vây, một khung cảnh làng quê như đang mở ra trước mắt chúng ta vô cùng sinh động: “Trời trong – gió nhẹ – sớm mai hồng”, không gian như trải ra xa, bầu trời như cao hơn và ánh sáng tràn ngập.  
Bầu trời trong trẻo, gió nhẹ, rực rỡ nắng hồng của buổi bình minh đang đến là một báo hiệu cho ngày mới bắt đầu, một ngày mới với bao nhiêu hi vọng, một ngày mới với tinh thần hăng hái, phấn chấn của biết bao nhiêu con người trên những chiếc thuyền ra khơi:  
  
 *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang*  
Nếu như ở trên là miêu tả vào cảnh vật thì ở đây là đặc tả vào bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống. Tài liệu của Nhung tây Con thuyền được so sánh như con tuấn mã làm cho câu thơ có cảm giác như mạnh mẽ hơn, thể hiện niềm vui và phấn khởi của những người dân chài. Bên cạnh đó, những động từ “hăng”, “phăng”, “vượt” diễn tả đầy ấn tượng khí thế băng tới vô cùng dũng mãnh của con thuyền toát lên một sức sống tràn trề, đầy nhiệt huyết. Vượt lên sóng. Vượt lên gió. Con thuyền căng buồm ra khơi với tư thế vô cùng hiên ngang và hùng tráng:  
 *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió…*  
Từ hình ảnh của thiên nhiên, tác giả đã liên tưởng đến “hồn người”, phải là một tâm hồn nhạy cảm trước cảnh vật, một tấm lòng gắn bó với quê hương làng xóm Tế Hanh mới có thể viết được như vậy. Cánh buồm trắng vốn là hình ảnh quen thuộc nay trở nên lớn lao vào thiên nhiên.

Cánh buồm trắng thâu gió vượt biển khơi như hồn người đang hướng tới tương lai tốt đẹp.Có lẽ nhà thơ chợt nhận ra rằng linh hồn của quê hương đang nằm trong cánh buồm. Hình ảnh trong thơ trên vừa thơ mộng vừa hoành tráng, nó vừa vẽ nên chính xác hình thể vừa gợi được linh hồn của sự vật.  
Ta có thể nhận ra rằng phép so sánh ở đây không làm cho việc miêu tả cụ thể hơn mà đã gợi ra một vẻ đẹp bay bổng mang ý nghĩa lớn lao. Đó chính là sự tinh tế của nhà thơ. Cũng có thể hiểu thêm qua câu thơ này là bao nhiêu trìu mến thiêng liêng, bao nhiêu hy vọng mưu sinh của người dân chài đã được gửi gắm vào cánh buồm đầy gió.

Dấu chấm lửng ở cuối đoạn thơ tạo cho ta ấn tượng của một không gian mở ra đến vô cùng, vô tận, giữa sóng nước mênh mông, hình ảnh con người trên chiếc tàu nhỏ bé không nhỏ nhoi đơn độc mà ngược lại thể hiện sự chủ động, Tài liệu của Nhung tây làm chủ thiên nhiên của chính mình.  
Cả đoạn thơ là khung cảnh quê hương và dân chài bơi thuyền ra đánh cá, thể hiện được một nhịp sống hối hả của những con người năng động, là sự phấn khởi, là niềm hi vọng, lạc quan trong ánh mắt từng ngư dân mong đợi một ngày mai làm việc với bao kết quả tốt đẹp:

*Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ*

*Khắp dân làng tấp nập đón ghe về*

*Nhờ ơn trời, biển lặng, cá đầy ghe*

*Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.*

Những tính từ “ồn ào”, “tấp nập” toát lên không khí đông vui, hối hả đầy sôi động của cánh buồm đón ghe cá trở về. Người đọc như thực sự được sống trong không khí ấy, được nghe lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên, biển lặng để người dân chài trở về an toàn và cá đầy ghe, được nhìn thấy “những con cá tươi ngon thân bạc trắng”.

Tế Hanh không miêu tả công việc đánh bắt cá như thế nào nhưng ta có thể tưởng tượng được đó là những giờ phút lao động không mệt mỏi để đạt được thành quả như mong đợi. Sau chuyến ra khơi là hình ảnh con thuyền và con người trở về trong ngơi nghỉ:

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm*

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Có thể nói rằng đây chính là những câu thơ hay nhất, tinh tế nhất của bài thơ. Với lối tả thực, hình ảnh “làn da ngắm rám nắng” hiện lên để lại dấu ấn vô cùng sâu sắc thì ngay câu thơ sau lại tả bằng một cảm nhận rất lãng mạn “Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” – Thân hình vạm vỡ của người dân chài thấm đẫm hơi thở của biển cả nồng mặn vị muối của đại dương bao la. Cái độc đáo của câu thơ là gợi cả linh hồn và tầm vóc của con người biển cả. Hai câu thơ miêu tả về con thuyền nằm im trên bến đỗ cũng là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo.  
Nhà thơ không chỉ thấy con thuyền nằm im trên bến mà còn thấy cả sự mệt mỏi của nó. Cũng như dân chài, con thuyền có vị mặn của nước biển, con thuyền như đang lắng nghe chất muối của đại dương đang thấm trong từng thớ vỏ của nó. Thuyền trở nên có hồn hơn, nó không còn là một vật vô tri vô giác nữa mà đã trở thành người bạn của ngư dân.

Không phải người con làng chài thì không thể viết hay như thế, tình như thế, và cũng chỉ viết được những câu thơ như vậy khi tâm hồn Tế Hanh hòa vào cảnh vật cả hồn mình để lắng nghe. Ở đó là âm thanh của gió rít nhẹ trong ngày mới, là tiếng sóng vỗ triều lên, là tiếng ồn ào của chợ cá và là những âm thanh lắng đọng trong từng thớ gỗ con thuyền. Tài liệu của Nhung tây  
  
Có lẽ, chất mặn mòi kia cũng đã thấm sâu vào da thịt nhà thơ, vào tâm hồn nhà thơ để trở thành nỗi niềm ám ảnh gợi bâng khuâng kì diệu. Nét tinh tế, tài hoa của Tế Hanh là ông “nghe thấy cả những điều không hình sắc, không âm thanh như “mảnh hồn làng” trên “cánh buồm giương”…

Thơ Tế Hanh là thế giới thật gần gũi, thường ta chỉ thấy một cách lờ mờ, cái thế giới tình cảm ta đã âm thầm trao cảnh vật: sự mỏi mệt, say sưa của con thuyền lúc trở về bến…”Nói lên tiếng nói từ tận đáy lòng mình là lúc nhà thơ bày tỏ tình cảm của một người con xa quê hướng về quê hương, về đất nước :  
 *Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ*

*Màu nước xanh, cá bạc, chiếc thuyền vôi*

*Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi*

*Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá*Nếu không có mấy câu thơ này, có lẽ ta không biết nhà thơ đang xa quê, ta thấy được một khung cảnh vô cùng sống động trước mắt chúng ta, vậy mà nó lại được viết ra từ tâm tưởng một cậu học trò, từ đó ta có thể nhận ra rằng quê hương luôn nằm trong tiềm thức nhà thơ, quê hương luôn hiện hình trong từng suy nghĩ, từng dòng cảm xúc. Nối nhớ quê hương thiết tha bật ra thành những lời nói vô cùng giản dị: “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá”. Quê hương là mùi biển mặn nồng, quê hương là con nước xanh, là màu cá bạc, là cánh buồm vôi. Tài liệu của Nhung tây  
Màu của quê hương là những màu tươi sáng nhất, gần gũi nhất. Tế Hanh yêu nhất những hương vị đặc trưng quê hương đầy sức quyến rũ và ngọt ngào. Chất thơ của Tế Hanh bình dị như con người ông, bình dị như những người dân quê ông, khoẻ khoắn và sâu lắng. Từ đó toát lên bức tranh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng và hùng tráng từ đời sống lao động hàng ngày của người dân.

Bài thơ đem lại ấn tượng khó phai về một làng chài cách biển nửa ngày sông, lung linh sóng nước , óng ả nắng vàng. Dòng sông, hồn biển ấy đã là nguồn cảm hứng theo mãi Tế Hanh từ thuở “hoa niên” đến những ngày tập kết trên đất Bắc. Vẫn còn đó tấm lòng yêu quê hương sâu sắc, nồng ấm của một người con xa quê:  
  
 *Tôi dang tay ôm nước vào lòng*

*Sông mở nước ôm tôi vào dạ*

*Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngả*

*Kẻ sớm hôm chài lưới ven sông*

*Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng*

*Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến*

*Nhưng lòng tôi như mưa nguồn gió biển*

*Vẫn trở về lưu luyến bến sông*

*(Nhớ con sông quê hương – 1956)*  
Với tâm hồn bình dị, Tế Hanh xuất hiện trong phong trào Thơ mới nhưng lại không có những tư tưởng chán đời, thoát li với thực tại, chìm đắm trong cái tôi riêng tư như nhiều nhà thơ thời ấy. Thơ Tế Hanh là hồn thi sĩ đã hòa quyện cùng với hồn nhân dân, hồn dân tộc, hòa vào “cánh buồm giương to như mảnh hồn làng”. Tài liệu của Nhung tây

“Quê hương” hai tiếng thân thương, quê hương niềm tin và nỗi nhớ, dù trong tâm tưởng người con đất Quảng Ngãi thân yêu Tế Hanh đó là những gì thiêng liêng nhất, tươi sáng nhất. Bài thơ với âm điệu khỏe khoắn, hình ảnh sinh động tạo cho người đọc cảm giác hứng khởi, ngôn ngữ giàu sức gợi vẽ lên một khung cảnh quê hương “rất Tế Hanh”.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Tác giả của bài thơ là

A. Tố Hữu B. Thanh Hải

###### **C. Tế Hanh** D. Thế Lữ

**Câu 2:** Bài thơ lần đầu tiên được in trong tập thơ nào?

A. Hoa niên **B. Nghẹn ngào**

C. Hai nửa yêu thương D. Khúc ca mới

**Câu 3:** Quê hương của nhà thơ là vùng biển nào của nước ta?

A. Quảng Ninh B. Hà Tĩnh

C. Quảng Nam **D. Quảng Ngãi**

**Câu 4:** Tế Hanh đã so sánh “cánh buồm” với hình ảnh nào?

A. Con tuấn mã B. Dân làng

###### **C. Mảnh hồn làng** D. Quê hương

**Câu 5:** Bốn câu thơ sau nói lên điều gì?

“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồn vôi

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”

###### **A. Nỗi nhớ làng chài của người con tha hương.**

B. Tâm trạng yêu đời, hăng say lao động của tác giả.

C. Tâm trạng luyến tiếc của tác giả khi không được cùng đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

D. Miêu tả những vẻ đẹp về màu sắc của biển quê hương.

**Câu 6:** Hai câu thơ sau tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá

A. Điệp ngữ **B. Liệt kê**

C. Ẩn dụ D. Phép đối

**Câu 7:** Nội dung của bài “Quê hương” nói lên điều gì?

A. Đề cao giá trị của nghề đi biển của những người dân sống ở làng chài quê hương.

###### **B. Nói lên nỗi nhớ nhung làng chài quê hương của đứa con tha hương.**

C. Miêu tả vẻ đẹp của biển quê hương mỗi khi con tàu ra khơi.

D. Vẽ lại hành trình của đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

**Câu 8:** Nhận định nào dưới đây nói đúng nhất tình cảm của Tế Hanh đối với cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương ông?

###### **A. Yêu thương, trân trọng, tự hào và gắn bó sâu sắc với cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương.**

B. Nhớ về quê hương với những kỉ niệm buồn bã và đau xót, thương cảm.

C. Gắn bó và bảo vệ cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương ông.

D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 9:** Câu thơ nào miêu tả cụ thể những nét đặc trưng của "dân chài lưới"

A. Khi trời trong gió nhẹ nắng mai hồng/ Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

B. Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ/ Khắp dân làng tấp nập đón ghe về

###### **C. Dân chài lưới nước da ngăm rám nắng/ Cả thân hình nồng thở vị xa xăm**

D. Làng tôi vốn làm nghề chài lưới/ Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.

**Câu 10:** Quê hương của Tế Hanh gắn liền với nghề nào?

A. Làm muối B. Đóng thuyền đi biển

###### **C. Đánh cá biển** **D. Cả ba nghề trên**

**Câu 11:** Hai câu thơ sau tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang

A. So sánh B. Ẩn dụ, so sánh

C. Liệt kê, so sánh **D. Nhân hoá, so sánh**

**Câu 12:** Phương thức biểu đạt nào sau đây không được sử dụng trong bài thơ?

A. Tự sự B. Miêu tả

C. Biểu cảm **D. Nghị luận**

**Câu 13:** Dòng nào dưới đây nói không đúng về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ “Quê Hương”?

###### **A. Biện pháp nói quá, chơi chữ.**

B. Kết hợp khéo léo giữa biểu cảm với tự sự và miêu tả; giữa bút pháp hiện thực với bút pháp lãng mạn.

C. Thể thơ tám chữ, âm điệu thơ nhịp nhàng, uyển chuyển; lời thơ giản dị.

D. Sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật, hình ảnh thơ sáng tạo, khoẻ khoắn, đầy sức sống, hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc.

**2. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc hai câu thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *“Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới*  *Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”*  **Câu 1:** Hai câu thơ trên trích trong văn bản nào? Của tác giả nào? Hãy giới thiêu đôi nét về tác giả và văn bản đó?  **Câu 2:** Tác giả đã giới thiệu về quê hương của mình qua những chi tiết nào? Nhận xét về cách giới thiệu của tác giả về quê hương?  **Câu 3:** Qua cách giới thiệu đó em cảm nhận Tài liệu của Nhung Tây được điều gì về quê hương của tác giả? |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:** Hai câu thơ tren trích trong văn bản Que hương của tác giả Tế Hanh.

\* Tác giả

- Tế Hanh tên khai sinh là Trần Tế Hanh (1921-2009).

- Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật trong thơ Tế Hanh.

- Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật VN 1996.

- Các tác phẩm chính :

+ Tập thơ : “ Hoa niên” - 1945; “Gửi miền Bắc” - 1955; “Tiếng sóng” - 1960; “Hai nửa yêu thương” - 1963 “ Câu chuyện Quê Hương” 1973...

\* Văn bản

- Bài thơ sáng tác năm 1939, lúc tác giả 18 tuổi đang là học trò sống xa quê hương (từ Quảng Ngãi ra Huế học). Bài thơ được viết trong cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê với một tâm hồn trong trẻo.

- Thể thơ 8 chữ.

- Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.

**Câu 2:** Giới thiệu:

- Nghề của làng: chài lưới ( đánh cá)

- Vị trí của làng: Cửa sông, ven biển, bốn bề là nước **(**Đi xuôi sông nửa ngày thì ra tới biển)

Cách giới thiệu:

- 2 câu thơ đầu sử dụng nhịp 3/5 tạo nên giọng điệu nhịp nhàng, đều đặn như tâm tình, thủ thỉ.

- Cách đo khảng cách ở đây rất đắc biệt: đo bằng thời gian( nửa ngày sông) chứ không phải bằng km. Câu thơ vừa giới thiệu về nghề nghiệp, vị trí của làng, vừa giới thiệu được cách cảm, cách nghĩ rất riêng của người dân nơi đây. Tài liệu của Nhung Tây

=> Giới thiệu ngắn gọn, mộc mạc về làng chài ven sông cửa biển.

**Câu 3:** Đây là một làng quê miền biển, sống chủ yếu bằng nghề đánh cá.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Cho câu thơ:**  *“Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng”*  **Câu 1:** Chép tiếp năm câu tiếp theo để tạo thành một đoạn thơ hoàn chỉnh?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ em vừa chép?  **Câu 3:** Trong đoạn thơ có những hình ảnh nào làm em chú ý hơn cả? Vì sao?  **Câu 4:** Các từ “hăng”, “phăng”, “vượt” thuộc từ loại gì? Nêu tác dụng của chúng trong đoạn thơ?  **Câu 5:** Có mấy hình ảnh so sánh trong đoạn thơ? Hãy phân tích tác dụng của các hình ảnh so sánh đó?  **Câu 6:** Xét về mặt cấu tạo ngữ pháp từ “mạnh mẽ” thuộc từ loại gì?  **Câu 7:** Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu thơ “dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá” ?  **Câu 8:** Viết một đoạn văn từ 7- 10 câu nêu cảm nhận của em về đoạn thơ trên ?Face book Nhung Tây |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:** Chép 5 câu tiếp:

**Câu 2:** Nội dung chính của đoạn thơ: Cảnh đoàn thuyền ra khơi trong một buổi sáng đẹp trời.

**Câu 3:** Có hai hình ảnh đáng chú ý: Hình ảnh con thuyền và hình ảnh cánh buồm trắng. Đáng chú ý là vì chúng được miêu tả với nhiều sáng tạo.

**Câu 4:** Từ “hăng” thuộc tính từ, “phăng”, “vượt” thuộc động từ. => góp phần diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền đè sóng ra khơi, làm toát lên sức sống mạnh mẽ, vẻ đẹp hùng tráng bất ngờ.

**Câu 5:** Có hai hình ảnh so sánh:

- So sánh “con thuyền” như “con tuấn mã”=> Diễn tả ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền khi ra khơi làm toát lên sức sống mạnh mẽ, một vẻ đẹp hùng tráng đầy hấp dẫn thể hiện một bức tranh lao động đầy hứng khởi, dạt dào sức sống.

- So sánh “cánh buồm” với “mảnh hồn làng” => Không làm cho hình ảnh cánh buồm cụ thể hơn nhưng nó bỗng trở nên lớn lao, kì vĩ, thiêng liêng, và rất thơ mộng. Nhà thơ chợt nhận ra cái linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm

**Câu 6:** Xét về mặt cấu tạo ngữ pháp từ “mạnh mẽ” thuộc từ láy

**Câu 7:** Dân trai tráng // bơi thuyền đi đánh cá

CN VN

**Câu 8:**

**1. Mở đoạn( Câu chủ đề):**

- Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tế Hanh trích trong tập thơ “ Nghẹn ngào” năm 1939 đã rất thành công trong việc miêu tả cảnh đoàn thuyền ra khơi trong một buổi sáng đẹp trời.

**2. Thân đoạn:** Các ý chính:

- Đoàn thuyền xuất phát giữa cảnh bình minh trong sáng dịu mát và rực rỡ nắng mai hồng.

- Hình ảnh người lao động xuất hiện với vẻ đẹp khỏe mạnh, vạm vỡ, hăng hái trèo thuyền ra khơi.

- Chiếc thuyền được so sánh với con tuấn mã cùng với các động từ, tính từ mạnh: “hăng, phăng, vượt” cho thấy khí thế mạnh mẽ, dũng mãnh băng mình vươn tới khi ra khơi

- Hình ảnh so sánh, giàu ý nghĩa “cánh buồm – hồn làng” làm cho hình ảnh cánh buồm trở nên lớn lao, kì vĩ, thiêng liêng và rất thơ mộng. Nhà thơ chợt nhận ra cái linh hồn của làng chài quê hương trong hình ảnh cánh buồm. Phải yêu quê lắm thì Tế Hanh mới viết được hình ảnh so sánh tinh tế đến như vây?( Câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc)

- Cánh buồm được nhân hóa như một con người nó đang rướn cao thân mình thu hết gió của đại dương đẩy con thuyền đi nhanh hơn.

**3. Kết đoạn:**

-Tóm lại, với việc sử dụng thành công biện pháp so sánh, nhân hóa, từ láy, tính từ, động từ bốn câu thơ vừa là phong cảnh thiên nhiên tươi sáng vừa tả bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc câu thơ sau và làm theo các yêu cầu bên dưới:**  *“Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ”*  **Câu 1:** Chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ?  **Câu 2:** Nêu nội dung chính của đoạn thơ đó?  **Câu 3:** Vì sao câu thơ thứ ba của khổ thơ lại được đặt trong dấu ngoặc kép?  **Câu 4:** Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng  trong hai câu thơ cuối đoạn?  **Câu 5:** Hai câu thơ: *“Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ*  *Khắp dân làng đón ghe về”*  Thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào?  **Câu 6:** Tình yêu quê hương được thể hiện như thế nào trong bài thơ? |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:** Hs chép bảy câu tiếp.

**Câu 2:** Nội dung đoạn thơ : Cảnh đoàn thuyền trở về bến.

**Câu 3:** Câu thơ thứ ba của đoạn được đặt trong dấu ngoặc kép là để trích nguyên văn lời cảm tạ trời yên biển lặng cho dân chài trở về an toàn, cho chuyến ra khơi thắng lợi.

**Câu 4:** Các biện pháp tu từ là: nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

- Các từ “im, mỏi, trở về, nằm” cho ta cảm giác nhận được giây phút nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền sau những phút giây vật lộn với sóng gió biển khơi. Nghệ thuật nhân hóa đã khiến con thuyền vô tri bỗng trở nên sống động có hồn như con người

+ Từ “nghe” thể hiện sự chuyển đổi cảm giác thật tinh tế. Con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào da thịt của mình.

- Hình ảnh con thuyền đồng nhất với cuộc sống của người dân làng chài. Hai câu thơ cho ta cảm nhận được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế và tình yêu sự gắn bó máu thịt với quê hương mình của nhà thơ Tế Hanh.

**Câu 5:** Thuộc kiểu câu trần thuật- thực hiện hành động nói trình bày.

**Câu 6:** Yêu thương, trân trọng, tự hào và gắn bó với cảnh vật, cuộc sống và con người của quê hương.

- Được thể hiện ở cách nhìn của Tế Hanh về cảnh vật, cuộc sống quê hương mình. Trong con mắt của Tế Hanh, cảnh vật của quê hương rất đẹp: cảnh đoàn thuyền ra khơi hào hùng, hoành tráng, đầy khí thế, cảnh đoàn thuyền trở về trong sự chờ đón của dân làng, trong đông vui nhộn nhịp và cả tình yêu thương ấm áp.

- Tình yêu quê hương được thể hiện ở cách cảm nhận của tác giả về các sự vật thân thuộc, gần gũi của quê hương: Tế Hanh đã cảm nhận bằng tất cả tình yêu và tâm hồn mình nên ông nhìn thấy và nắm bắt được cái hồn, cái thần thái của từng sự vật, cảm nhận thấy chúng rất bình dị nhưng rất thiêng liêng vì những sự vật ấy đều mang trong nó cái hồn quê mặn mà, sâu lắng.

- Tình yêu quê hương được bộc lộ trực tiếp qua những câu thơ cuối, qua nỗi nhớ thương luôn thường trực, da diết, cồn cào cháy bỏng. Tình cảm của nhà thơ chân thành và bền bỉ, thiêng liêng. Tài liệu của Nhung Tây

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| Chép thuộc lòng khổ thơ cuối của bài thơ “ Quê hương” và trả lời câu hỏi  **Câu 1:** Các từ “xanh, bạc, nồng mặn” thuộc từ loại nào?  **Câu 2:** Ở đoạn thơ trên tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?  **Câu 3:** Nhớ làng người thanh niên Tế Hanh nhớ những gì?  **Câu 4:** Tại sao tác giả lại nhớ nhất cái mùi nồng mặn của quê hương mình? Câu 5: Trong bài thơ Quê hương của tác giả Tế Hanh ,hình ảnh con thuyền được xuất hiện rất nhiều lần.Chép lại những hình ảnh đó.Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu thơ vừa chép. **Câu 6:** Hãy trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên bằng một đoạn văn?  **Câu 7:** Viết một đoạn văn ngắn (7 – 10 câu) nêu suy nghĩ của em về vai trò của quê hương đối với cuộc đời mỗi con người. Tài liệu của Nhung Tây |

**Gợi ý trả lời:**

**Câu 1:** Các từ “xanh, lục, nồng mặn” thuộc từ loại: tính từ

**Câu 2:** Tác giả đã sử dụng phương thức biểu đạt chính là: biểu cảm

**Câu 3:**

- Nhà thơ bày tỏ lòng yêu thương trân trọng quê hương của mình. Dù đi xa, tác giả vẫn luôn nhớ về mảnh đất quê hương yêu dấu của mình. Nhớ màu nước biển xanh, nhớ thân cá bạc, nhớ chiếc buồm vôi, nhớ cả cảnh những chiếc thuyên rẽ sóng chạy ra khơi và nhà thơ cảm nhận được cái mùi nồng mặn xa xăm của quê biển.

**Câu 4:** Vì đó chính là mùi vị nồng nàn đặc trưng của quê hương lao động, cái hương vị riêng đầy quyến rũ đối với những người con vô cùng yêu quí quê hương mình.

**Câu 5:**

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

Biện pháp tu từ so sánh: chiếc thuyền với con tuấn mã. Tác dụng: gợi được vẻ đẹp khỏe khoắn, hăng hái rắn rỏi của con thuyền giống như tuấn mã. Từ đó gợi ra được vẻ đẹp hình thể của những người dân làng chài.

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang*

Biện pháp nhân hóa: được thể hiện qua từ "phăng", "vượt" diễn tả được tư thế, hào khí phăng phăng, tràn ngập sức sống của con thuyền cũng như người dân làng chài đang hăm hở về 1 chuyến đi đánh cá thắng lợi và thành công.

*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*

Biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ. So sánh, ẩn dụ cánh buồm với mảnh hồn làng là để hình tượng hóa mảnh hồn làng cũng như linh thiêng hóa cánh buồm. Cánh buồm ra khơi mang theo những ước mơ khát vọng của những người dân làng chài ra khơi. Mảnh hồn làng chính là những tâm tư, ước mơ, khát vọng của người dân làng chài. Biện pháp này làm cho hình ảnh cánh buồm trở nên sinh động và thiêng liêng.

*Rướn thân trắng bao la thâu góp gió*

Biện pháp tu từ nhân hóa được thể hiện qua từ “rướn" , "thâu góp" làm cho con thuyền trở nên sinh động chân thực như 1 con người

*Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm*

*Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ*

Biện pháp tu từ nhân hóa cùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. Biện pháp nhân hoá làm con thuyền giống như 1 con người đang nghỉ ngơi sau 1 chuyến đi chăm chỉ. Chất muối bình thường được cảm nhận bằng vị giác nhưng được cảm nhận bằng nghe => ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, làm cho những mệt nhọc trong con thuyền trở nên tinh tế hơn.

**Câu 6:** Trình bày cảm nhận đoạn thơ

**1. Mở đoạn:**

**-** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tế Hanh trích trong tập thơ “ Nghẹn ngào” năm 1939 đã rất thành công trong việc thể hiện nỗi nhớ làng quê của tác giả.

**2.** **Thân đoạn:** Các ý chính:

- Nỗi nhớ quê hương qua những hình ảnh quen thuộc: Tác giả nhớ về “Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi”, đó là những hình ảnh quen thuộc, gắn liền với người dân miền biển. Màu nước biển trong xanh nơi những con thuyền giương cánh buồm vôi trắng thâu góp gió rẽ ra biển khơi, tìm đến những mẻ cá bạc sau bao gian lao mưa nắng và hiểm nguy, vất vả.

- Nỗi nhớ về khung cảnh sinh hoạt của người dân làng chài: ”. Đâu đó trong tiềm thức của nhà thơ, vẫn mường tượng ra cảnh sinh hoạt đánh bắt cá của người dân quê hương, họ đang ngày đêm ra khơi đánh bắt với sự hăng say và tinh thần yêu lao động, lái những con thuyền vươn ra biển cả, đương đầu với sóng gió và thử thách của đại dương mênh mông để rồi từ đó thu về những mẻ cá nặng trong niềm vui hân hoan.

Nỗi niềm dâng trào trong cảm xúc của nhà thơ: Phải có sự gắn bó sâu sắc và tình yêu sâu đậm với ngôi làng chài này lắm, tác giả mới có những cảm nhận tinh tế, cách miêu tả đầy sống động và lãng mạn như thế. “Cái mùi nồng mặn” ấy chính là mùi của biển cả, của vị xa xăm nồng thở trong thân hình người dân trai tráng, của chất muối thấm trong thớ gỗ con thuyền  
**3. Kết đoạn:**

- Tóm lại, qua 4 câu thơ thông qua các hình ảnh thân thuộc của quê hương, ta thấy được nỗi nhớ quê hương thật da diết củ tác giả Tê Hanh, điều đó đã làm nên thành công cho bài thơ này.

**Câu 7:** Ta có thể hiểu vai trò của quê hương:

- Là nơi chôn rau , cắt rốn, nơi cho bao thế hệ ra đời   
- Là nơi để chúng ta nhớ về cội nguồn.  
- Là nơi lưu giữ bao nhiêu kỉ niệm đẹp thời thơ ấu ( nếu có )  
- Là nơi mãi mãi không thể quên hoặc rời bỏ

**Đoạn văn tham khảo:**

Quê hương- hai tiếng gọi sao mà thân thương và tha thiết đến thế! Từ khi còn thơ ấu, tôi luôn tự hỏi mẹ: " Quê hương là gì hả mẹ/ Mà cô giáo dạy phải yêu?". Và đến bây giờ, khi trưởng thành hơn, tôi nhận ra, quê hương với tôi quan trọng vô cùng. Đó là chiếc nôi nới tôi sinh ra, khóc tiếng khóc chào đời và tập những bước đi chập chững đầu tiên. Chẳng thể nào quên được nơi chôn rau cắt rốn ấy, nơi mà chứa đựng cả tuổi thơ vô tư, hồn nhiên không thể thắm lại. Quê hương với tôi là hình ảnh người mẹ tần tảo ra đồng sớm hôm, là những bữa cơm rau dưa đạm bạc, tiếng lũ bạn gọi nhau í ới đi học, đi chăn châu, là tiếng khói nghi ngút mỗi lần nướng khoai... Chẳng nơi đâu có thể chan chứa tình thương và mở rộng tấm lòng chào đón bạn trở về như chính quê hương của bạn. Mỗi lần đi xa, tôi tự hứa sẽ học hành chăm chỉ và rèn luyện lối sống đạo đức bản thân, để chí ít, lòng tôi cảm thấy tự hào về chính quê hương nơi tôi đang sống. Tôi hiểu ra: " Quê hương nếu ai không nhớ/ Sẽ không lớn nổi thành người! ". Tài liệu của Nhung tây

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi**  *Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:​*  *Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.​*  *Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,​*  *Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.​*  *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã​*  *Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.​*  *Cánh buồm trương, to như mảnh hồn làng​*  *Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.*  *[…]*  *(Trích Quê hương – Tế Hanh)* **Câu 1.** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ. **Câu 2.** Trong hai câu thơ đầu, nhà thơ đã giới thiệu về quê hương của mình qua những thông tin nào?  **Câu 3**. Chỉ ra và nêu hiệu quả của một biện pháp tu từ trong những câu thơ sau:  *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã​*  *Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.​*  *Cánh buồm trương, to như mảnh hồn làng​*  *Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.*  **Câu 4**. Từ đoạn thơ trên, hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ về vai trò của tình yêu quê hương. |

**Gợi ý trả lời  
Câu 1**:  
- Thể thơ 8 chữ.  
- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  
**Câu 2:** Trong hai câu thơ đầu, nhà thơ đã giới thiệu về quê hương của mình qua những thông tin:  
- Nghề nghiệp truyền thống của quê hương: nghề đánh cá (chài lưới).

- Vị trí của làng: bao bọc bởi nước sông, đi thuyền nửa ngày xuôi sông ra tới biển.

**Câu 3:**

*Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã  
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.  
Cánh buồm giương, to như mảnh hồn làng  
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.*

* Biện pháp tu từ: HS chỉ ra một trong các biện pháp sau:

+ Phép so sánh: So sánh "chiếc thuyền" với "con tuấn mã" (so sánh một vật cụ thể, hữu hình với một vật cụ thể, hữu hình khác) ; so sánh "cánh buồm" với "mảnh hồn làng" (so sánh một vật cụ thể, hữu hình với một vật trừu tượng, vô hình).  
+ Phép nhân hóa: Cánh buồm – rướn thân trắng thâu góp gió

* Tác dụng:

+ Giúp đoạn thơ trở nên giàu hình ảnh, sinh động, gợi hình, gợi cảm;

+ Làm nổi bật vẻ đẹp đầy sức sống, khí thế hăm hở, dũng mãnh, hào hùng của con thuyền khi ra khơi; vẻ đẹp và ý nghĩa thiêng liêng của cánh buồm với làng chài – nơi kết tụ linh hồn của làng, là biểu tượng của người dân làng chài.

+ Thể hiện tình yêu thiên nhiên, quê hương, sự gắn bó với cuộc sống làng chài của nhà thơ.

**Câu 4**: Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài:

\*Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 5-7 câu; đúng chính tả và ngữ pháp.  
\*Về nội dung: Vai trò của tình yêu quê hương

- Tình yêu quê hương là tình cảm yêu mến, trân trọng, tự hào, găn bó sâu sắc, chân thành đối với nơi ta được sinh ra và lớn lên.  
- Vai trò của tình yêu quê hương:  
+ Tình yêu quê hương là thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng.  
+ Tình yêu quê hương giúp cho mỗi người bồi đắp tình cảm cao đẹp, thiêng liêng như yêu ngôn ngữ dân tộc, yêu gia đình, người thân.  
+ Tình yêu quê hương là điểm tựa tinh thần giúp ta mạnh mẽ vượt qua những khó khăn, thử thách; giúp mỗi người có ý thức tích cực học tập, rèn luyện, lao động, sống tốt, sống đẹp, thành công, hạnh phúc.  
+ Tình yêu quê hương giúp con người có những đóng góp, giữ gìn, góp phần bảo vệ, giữ gìn, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh.  
**3. Đề Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  […]  *Quê hương là cầu tre nhỏ Mẹ về nón lá nghiêng che Là hương hoa đồng cỏ nội Bay trong giấc ngủ đêm hè*  *Quê hương là vòng tay ấm Con nằm ngủ giữa mưa đêm Quê hương là đêm trăng tỏ Hoa cau rụng trắng ngoài thềm*  *Quê hương là vàng hoa bí Là hồng tím giậu mồng tơi Là đỏ đôi bờ dâm bụt Màu hoa sen trắng tinh khôi*  *Quê hương mỗi người chỉ một Như là chỉ một mẹ thôi Quê hương có ai không nhớ...*  (Trích *Quê hương*- Đỗ Trung Quân)  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ. **Câu 2.** Chỉ ra và nêu hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.  **Câu 3.** Nhận xét về tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương.  **Câu 4**. Từ đoạn thơ trên, hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) bày tỏ tình cảm của em với quê hương đất nước. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

**Câu 2**:

\* HS có thể chỉ ra một trong các biện pháp tu từ sau:

- Phép so sánh: Quê hương – là cầu tre nhỏ, là hương hoa đồng nội, là vòng tay ấm, là đêm trăng tỏ, là vàng hoa bí, là hồng tím giậu mồng tơi, là màu trắng tinh khôi hoa sen; quê hương chỉ một như là chỉ một mẹ thôi.

- Phép liệt kê: Quê hương là cầu tre nhỏ, hương hoa đồng nội, vòng tay ấm, đêm trăng tỏ,…

- Phép điệp cấu trúc câu: *Quê hương là…; là…*

**\*Tác dụng:**

- Phép so sánh/ liệt kê:

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp của quê hương gắn với những hình ảnh gần gũi, bình dị trong tâm hồn mỗi người.

+ Cho thấy tình yêu, sự gắn bó với quê hương của nhà thơ;

+ Nhắn nhủ với người đọc cần biết trân trọng, yêu quý và gắn bó với quê hương.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm.

* Hoặc phép điệp cấu trúc câu:

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp của quê hương gắn với những hình ảnh gần gũi, bình dị trong tâm hồn mỗi người.

+ Cho thấy tình yêu, sự gắn bó với quê hương của nhà thơ;

+ Nhắn nhủ với người đọc cần biết trân trọn, yêu quý và gắn bó với quê hương.

+ Tạo giọng điệu uyển chuyển, tha thiết; tăng liên kết giữa các câu thơ, các khổ thơ.

**Câu 3.** Tình cảm của nhà thơ dành cho quê hương: Yêu mến, tự hào, gắn bó với vẻ đẹp của quê hương.

**Câu 4**: Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài:

\*Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 5-7 câu; đúng chính tả và ngữ pháp.  
\*Về nội dung: Tình cảm với quê hương, đất nước:

- Quê hương, đất nước hiện thân trong những thứ bình dị, thân thương nhưng hàm chứa nhiều ý nghĩa cao cả.

- Tình cảm với quê hương, đất nước: Yêu quê hương, gắn bó với quê hương; đóng góp sức lực tài năng để góp phần xây dựng quê hương đất nước.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*  *Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*  *Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*  *Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh*  *“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố*  *Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ*  *Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*  *Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*  *Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*  *Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…*  *Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm, Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi, Nhóm niềm xôi gạo mới, sẻ chung vui, Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ... Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa!*  (Theo Bằng Việt, *Bếp lửa*, NXB Văn học, 1995)  **Câu 1.** Đoạn thơ là lời của nhân vật nào, nói về ai? **Câu 2.** Nêu ý nghĩa của những câu thơ sau:  *Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*  *Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*  *Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…*  **Câu 3**. Chỉ ra và nêu hiệu quả của phép điệp trong những câu thơ sau:  *Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm, Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi, Nhóm niềm xôi gạo mới, sẻ chung vui, Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ...*  **Câu 4**. Từ đoạn thơ trên, hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ về vai trò của tình cảm gia đình. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Đoạn thơ là lời của người cháu, nói về người bà của mình.

**Câu 2**: Ý nghĩa của những câu thơ: Nói về phẩm chất đáng quý của người bà:

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…

- Bà vẫn kiên trì, kiên nhẫn nhen nhóm, xây dựng lại những thứ mất mát trong chiến tranh.

- Trong lòng bà vẫn luôn chứa ngọn lửa của niềm tin, hy vọng và tình yêu thương. Ngọn lửa của tình yêu thương, đức tính can trường, vững vàng là ngọn lửa không thể dập tắt.

**Câu 3**:

* Phép điệp từ “nhóm”
* Tác dụng của phép điệp:

+ Nhấn mạnh ý nghĩa lớn lao của bếp lửa của bà.

+ Cho thấy tình cảm thương yêu, biết ơn của cháu dành cho người bà kính yêu.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động; tạo giọng điệu uyển chuyển, tha thiết; tăng tính liên kết giữa các câu thơ.

**Câu 4**: Viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài:

\*Về hình thức: đảm bảo hình thức đoạn văn, dung lượng khoảng 5-7 câu; đúng chính tả và ngữ pháp.  
\*Về nội dung: Vai trò của tình cảm gia đình:

- Tình cảm gia đình là sự quan tâm, yêu thương của những người trong gia đình dành cho nhau đó là tình mẫu tử, tình phụ tử, tình anh em.

- Ý nghĩa của tình cảm gia đình:

+ Gia đình là môi trường sinh thành và nuôi dưỡng ta khốn lớn. Tình cảm gia đình là thứ tình cảm gắn bó giúp nuôi dưỡng tâm hồn, là nền tảng hình thành nhân cách của mỗi người.

+ Tình cảm gia đình là điểm tựa tinh thần, giúp cho mỗi người vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc sống. Nó là nơi cho ta sự an ủi, niềm tin, sự hi vọng để vượt qua những khó khăn ấy một cách dễ dàng.

+ Tình cảm gia đình là cơ sở để hình thành nên những tình cảm to lớn hơn như tình yêu quê hương, đất nước.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỬ DỤNG SỐ TỪ VÀ PHÓ TỪ**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Phó từ là từ**

a. Luôn đi kèm với động từ, tính từ

b. Bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ đi kèm đó.Ví dụ:Các em chú ý :

- Phó từ không có khả năng gọi tên sự vật, hành động, tính chất như danh từ, động từ, tính từ. Vì vậy phó từ là một loại hư từ; còn danh từ, động từ,tính từ là những thực từ.

- Phó từ chuyên đi kèm với động từ, tính từ mà không đi kèm với danh từ.Ví dụ :+ Chỉ nói: đang học, sẽ tốt, luôn luôn cố gắng,…+ Không nói : đan bút, sẽ nhà, luôn luôn phấn,…

**2. Các loại phó từ:**

Dựa vào ý nghĩa khi làm yếu tố phụ, phó từ có thể chia thành các nhóm như sau :

a.  Nhóm phó từ chỉ thời gian : đã, sẽ, đang, vừa, mới, từng, sắp,…

Ví dụ : Gươm và rùa đã chìm đáy nước.

(Sự tích Hồ Gươm)

b. Nhóm phó từ chỉ mức độ : rất, hơi, khá, khí thường đứng trước động từ chỉ trạng thái và tính từ có mức độ. Nhóm phụ từ cực kì, cực, vô cùng, quá, lắm thường đứng sau động từ chỉ trạng thái tâm lí và tính từ có mức độ.

c. Nhóm phó từ chỉ sự phủ định : không, chưa, chẳng. Nhóm phó từ chỉ sự tiếp diễn tương tự thường đứng trước động từ, tính từ như : cũng, cùng, lại, vẫn, cứ, còn, đều.

d. Nhóm phó từ chỉ sự cầu khiến đứng trước động từ như : hãy, đừng, chớ ; đứng sau động từ có ý thúc giục như : đi, nào.

-  Nhóm phó từ chỉ sự hoàn thành như xong, rồi; chỉ kết quả như : được, mất, ra ; chỉ sự tương hỗ như nhau ; chỉ sự phối hợp như : với, cùng ; chỉ cách thức thường đi sau động từ như : ngay, liền, nữa, mãi, dần.

Chú ý : Dựa vào vị trí đứng trước hay sau động từ, tính từ, ta cũng có thể chia thành hai nhóm :

– Nhóm phó từ đứng trước động từ, tính từ bổ sung các ý nghĩa sau đây : thời gian, mức độ, sự tiếp diễn tương tự, sự khẳng định phủ định, sự cầu khiến.

– Nhóm phó từ đứng sau động từ, tính từ bổ sung các ý nghĩa sau đây : mức độ, khả năng, kết quả, chỉ sự hoàn thành, chỉ tình huống, chỉ cách thức.

Khi có hai phó từ trở lên cùng đứng trước động từ, tính từ thì chúng sắp xếp theo một thứ tự nhất định.

Ví dụ : Tôi vẫn cứ còn nhớ mãi tuổi thơ ấu.  
**3. Ý nghĩa của phó từ**

- Phó từ có thể bổ sung những ý nghĩa khác nhau cho động từ, tính từ. Ý nghĩa bổ sung thường gặp ở phó từ là :

- Bổ sung ý nghĩa thời gian : đang nói

- Bổ sung ý nghĩa tiếp diễn tương tự : vẫn nói

- Bổ sung ý nghĩa mức độ : nói lắm– Bổ sung ý nghĩa phủ định : chẳng nói

- Bổ sung ý nghĩa cầu khiến : đừng nói– Bổ sung ý nghĩa kết quả : nói được

- Bổ sung ý nghĩa khả năng : có thể nói– Bổ sung ý nghĩa tần số : thường nói

- Bổ sung ý nghĩa tình thái: đột nhiên rồi nói  
**4. Số từ**

- **số từ** là các từ để chỉ số lượng và thứ tự của các vật.

- Khi nói về số lượng vật thông thường số từ đứng trước danh từ còn khi biểu thị thứ tự của sự vật số từ thường nằm sau danh từ.

Có một số danh từ chỉ đơn vị mang ý nghĩa biểu thị số lượng, cần phân biệt với số từ.

Ví dụ: Hai chàng trai cùng hăng hái ra mặt giúp đỡ cô gái.

“Hai” đứng trước danh từ “chàng trai” nên là số từ.

**5. Chức năng của số từ**

- Về chức năng ngữ pháp: số từ thường đứng trước danh từ, tính từ, động từ để bổ sung ý nghĩa cho chúng, tạo thành các cụm từ.

VD: Tôi lấy **hai** **con búp bê** từ trong tủ ra đưa cho em.

Số từ (đứng trước danh từ búp bê tạo thành cụm DT)

Năm nay em // **hai mươi** **tuổi**

Số từ Danh từ

- Về ý nghĩa: chúng cho biết số lượng và số thứ tự của sự vật trong không gian.

VD:

A: Có bao nhiêu chiếc ghế?

B: **Hai tám** (số từ)

**6. Phân loại số từ**

Số từ trong tiếng Việt được phân thành hai nhóm lớn: số từ chỉ lượng (số đếm) và số từ số thứ tự. Trong mỗi nhóm, căn cứ vào đặc điểm tính chất hoặc ý nghĩa có thể chia chúng ra thành những tiểu loại nhỏ hơn.

**a. Số từ chỉ lượng**

**\* Số từ chỉ lượng chính xác: Tiếng Việt sử dụng hai hệ thống số đếm chính xác là số đếm thuần Việt và số đếm Hán Việt.**

+ Hệ thống số đếm thuần Việt

- Được sử dụng trong tất cả các trường hợp để chỉ số lượng chính xác

VD: Hai trăm linh tám, ba mươi, sáu trăm năm mươi nghìn tỉ...

+ Có sự biến đổi âm của các số lớn hơn mười có hàng đơn vị là năm, mười thành lăm, mươi và các số có tận cùng là một biến thành mốt.

VD: 15 (mười lăm), 20 (hai mươi), 21 (hai mươi mốt), 31 (ba mươi mốt)....

+ Riêng số bốn, còn có thêm dạng số đếm khác là tư

VD: 24 (hai mươi tư), 54 (năm mươi tư), thứ tư, hàng tư,...

- Hệ thống số đếm Hán Việt (nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, thập) chỉ được sử dụng trong một số trường hợp để tăng sự trang trọng cho từ ngữ.

VD: thể thơ song thất lục bát, thất ngôn bát cú; thiên binh vạn mã; mâm ngũ quả, đàn tam thập lục, thiên niên kỉ,...

**\* Số từ chỉ lượng không chính xác (tương đối/áng chừng)**

- Trong tiếng Việt sử dụng một số số từ áng chừng cơ bản: vài, dăm, mươi

VD: dăm ba ngày, vài ba người, mươi mười lăm ngày nữa....

- Ngoài ra còn một vài số đếm gộp là chục, tá

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Bài tập 1:** **Xác định và phân loại số từ trong các câu sau:**

*Chúng bay chỉ một đường ra :*

*Một là tử địa hai là tù binh [...]*

*Nghe trưa nay, tháng năm mồng bảy*

*Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!*

*Trông : bốn mặt, luỹ hầm sập đổ*

*Tướng quân bay lố nhố cờ hàng...*

(Tố Hữu)

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Số từ chỉ số lượng** | **Số từ chỉ thứ tự** |
| *một (****một*** *đường ra),*  *bốn (****bốn*** *mặt)* | - *Một , hai (****Một*** *là tử địa* ***hai*** *là tù binh ).*  Chú ý: ở câu thơ thứ hai , từ “đường” bị lược bỏ so với câu thứ nhất. HS có thể thêm cụm từ “con đường thứ” vào câu mà không làm thay đổi ý nghĩa của câu thơ: *Con đường thứ nhất (một) là tử địa, con đường thứ hai là tù binh.*  *- năm, bảy (tháng* ***năm*** *mồng* ***bảy*** *)* |

**Bài tập 2:** Xác định số từ trong các câu sau và phân loại:

a. *Một canh... hai canh... lại ba canh,  
 Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;  
 Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,  
 Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

(Hồ Chí Minh)

b) Tôi làm việc tám giờ một ngày.

c) Bây giờ là tám giờ sáng.

**Gợi ý trả lời**

*a) Một (****một*** *canh), hai (****hai*** *canh), ba (****ba*** *canh*) là những số từ chỉ số lượng.

*Bốn (canh* ***bốn****), năm (canh* ***năm****)* là những số từ chỉ thứ tự.

b) *tám (****tám*** *giờ*) là số từ chỉ số lượng.

c) *tám (t****ám*** *giờ sáng*) là số từ chỉ thứ tự.

**GV giải thích rõ hơn cho HS**: Ngày xưa người ta chia thời gian của một đêm làm năm canh. Cho nên canh bốn, canh năm là số thứ tự. Ngày nay người ta chia một ngày làm 24 giờ. Vậy đồng hồ chỉ 1 giờ hay 8 giờ thì 1 và 8 đều là số thứ tự. Đáng lẽ chúng ta phải nói là “giờ một” và “giờ tám” nhưng đây là cách nói theo thói quen đã được mọi người chấp nhận. Trong ngôn ngữ, cái sai lâu ngày khi được cộng đồng chấp nhận lại trở thành cái đúng.

**Bài tập 3:**

Trong câu sau đây : *Nhất nước. nhì phân, tam cần, tứ giống*(Tục ngữ)

Các từ *nhất, nhì, tam, tứ* là số từ chỉ số lượng hay số từ chỉ thứ tự ? Vì sao ?

**Gợi ý trả lời**

Đây là tục ngữ, phải súc tích, cô đọng nên các từ ngữ đều bị rút gọn lại. Ta phải phục hồi lại để hiểu cho đúng. Câu trên có thể hiểu như sau : Thứ nhất là nước, thứ nhì là phân, thứ ba là chuyên cần, thứ tư là giống tốt.

Do đó, các từ *nhất, nhì, tam, tứ* là các số từ chỉ thứ tự của sự vật.

**Bài tập 4:** Xác định và nêu ý nghĩa bổ sung của các phó từ trong những câu sau đây :

1. Đêm khuya, cháu vẫn cứ thổn thức không sao ngủ được.
2. Em ăn ngay đi cho kịp giờ lên lớp.
3. Bạn Lan đi ra cổng từ lúc nãy.
4. *Ô vẫn còn đây, của các em*

*Chồng thư mới mở, Bác đang xem*.

(Tố Hữu)

e) Em tôi cũng vừa mới đi học.

f) Những ngày nghỉ, tôi thường ngồi nhà đọc sách và nghe nhạc.

g) Nó chẳng bao giờ ăn cơm tối cùng mọi người.

h) Câu chuyện tôi kể làm bà xúc động lắm.

**Gợi ý trả lời**

a. Phó từ “vẫn”, “cứ” chỉ sự tiếp diễn tương tự của hành động “thổn thức”.

b. Phó từ “ngay” chỉ cách thức; phó từ “đi” chỉ sự cầu khiến của hành động “ăn”.

c. Phó từ “ra” chỉ hướng của hành động “đi”

d.Phó từ “vẫn” chỉ sự tiếp diễn tương tự của hành động “còn”;

Phó từ “mới” chỉ thời gian của hành động “mở”;

Phó từ “đang” chỉ thời gian của hành động “xem”

e. Phó từ “vừa”, “mới” chỉ thời gian của hành động “đi học”

f. Phó từ “những” bố sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “ngày nghỉ”

g. Phó từ “chẳng” chỉ sự phủ định của hành động “ăn”

h. Phó từ “lắm” chỉ mức độ của tính từ “xúc động”

**Bài tập 5**:

a. Đặt hai câu có phó từ đứng trước danh từ.

b. Đặt hai câu có phó từ đứng trước và hai câu có phó từ đứng sau động từ hoặc tính từ.

c. Đặt hai câu có hai phó từ đi liền nhau trước động từ.

**Gợi ý trả lời**

a. - **Từng** đàn chim rủ nhau bay về phương nam tránh rét.

- Trên **những** cánh đồng, **từng** đàn cò trắng bay rập rờn.

b. - Chúng ta **hãy** hành động vì Trái Đất xanh.

- Cửa hàng **sẽ** khai trường vào thứ 2 tuần sau.

- Trời hôm nay **hơi** nóng hơn mọi ngày.

- Bạn ấy**rất** chăm học.

- Bông hoa này thơm **lắm.**

**-** Chiếc loa tôi mua cho bố không sử dụng **được** nữa.

**-** Nó **vừa** đi **ra** ngoài.

c. - Tôi **vẫn cứ** nhớ mãi tuổi thơ ấu.

- Tôi **cũng vừa** mới tới trước bạn 5 phút.

**Bài tập 6**:Viết đoạn văn ngắn (khoảng 10 câu) trình bày cảm nhận của em về một người thân trong gia đình, trong đó có sử dụng ít nhất 3 phó từ. Gạch chân dưới các phó từ đó.

**Đoạn văn tham khảo:**

Mẹ là người quan tâm **đến** tôi nhất và **cũng** là người mà tôi yêu thương và mang ơn nhất trên đời này. Tôi **vẫn** thường nghĩ rằng mẹ tôi không đẹp. Không đẹp vì mẹ chẳng có cái nước da trắng, khuôn mặt tròn phúc hậu hay đôi mắt long lanh như mẹ người ta... mà mẹ **chỉ** có khuôn mặt gầy gò, rám nắng, vầng trán cao, những nếp nhăn của tuổi 40, của bao âu lo trong đời in hằn trên khóe mắt. Nhưng bố tôi bảo mẹ đẹp hơn những phụ nữ khác ở vẻ đẹp trí tuệ. Đúng vậy, mẹ tôi thông minh, nhanh nhẹn, tháo vát **lắm**. Trên cương vị của một người lãnh đạo, ai **cũng** nghĩ mẹ là người lạnh lùng, nghiêm khắc. Có những lúc tôi **cũng** nghĩ **vậy** nhưng khi ngồi bên mẹ, bàn tay mẹ âu yếm vuốt tóc tôi, **mọi** ý nghĩ đó tan biến hết. Dường như một dòng yêu thương mãnh liệt qua bàn tay mẹ truyền vào sâu trái tim tôi, qua ánh mắt yêu thương, nụ cười trìu mến, qua tất cả nhữnggì của mẹ. Tôi **chỉ** muốn nói với mẹ rằng: "*Con yêu mẹ. Cảm ơn mẹ vì* ***đã*** *cho con* ***được*** *làm con của mẹ!*'.

**Bài tập 7:** Đọc lại các đoạn văn, các bài làm văn của anh (chị) đã viết trong các tiết ôn tập trước, hãy chỉ ra và xác định ý nghĩa của các số từ và phó từ có trong những đoạn văn/ bài văn đó.  
**Bài tập 8:**  Xác định phó từ và chức năng của phó từ trong đoạn trích sau:

*"Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua".  
                                                                                                      (Tô Hoài)*

**Gợi ý trả lời**

Các phó từ và chức năng của phó từ:

* Lắm: bổ sung ý nghĩa mức độ cho tính từ “lớn”.
* Đã: bổ sung ý nghĩa quan hệ thời gian cho động từ “trở thành”.
* Những:bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ “cái vuốt”.
* Cứ: Bổ sung ý nghĩatiếp diễn tương tự cho tính từ “cứng”.

**Bài tập 9:** Xác định các phó từ trong những câu sau đây :  
*a. Đêm khuya cháu vẫn cứ thổn thức không sao ngủ được.*  
*b. Em ăn ngay đi cho kịp giờ lên lớp.*  
*c. Bạn Lan đi ra cổng từ lúc nãy.*  
*d. Ô vẫn còn đây, của các em*  
*Chồng thư mới mở, Bác đang xem.*  
                                                      (Tố Hữu)

**Gợi ý trả lời**

Các phó từ và chức năng của phó từ:

a, “vẫn cứ” biểu thị ý nghĩa tiếp diễn tương tự cho động từ “thổn thức”

b, “ngay” biểu thị ý nghĩa chỉ cách thức cho động từ “ngay”.

c, “ra” biểu thị ý nghĩa chỉ kết quả và phương hướng cho động từ “đi”

d, “mới” biểu thị ý nghĩa thời gian cho động từ “mở”

“đang” biểu thị ý nghĩa thời gian cho động từ “xem.

**Bài tập 10: Xác định phó từ và chức năng của phó từ trong những đoạn văn sau:**

a. Thế là mùa xuân mong ước đã đến. Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sực nức. Trong không khí không còn ngửi thấy hơi nước lạnh lẽo mà

bây giờ đầy hương thơm và ánh sáng mặt trời. Cậy hồng bì đã cởi bỏ hết những cái áo lá già đen thủi. Các cành cây đều lấm tấm màu xanh. Những cành xoạn khẳng khiu đương trổ lá lạỉ sắp buông toả ra những tàn hoa sang sáng, tim tím. Ngoài kia, rặng râm bụt cũng sắp có nụ.

Mùa xuân xỉnh đẹp đã về! Thế là các bạn chim đi tránh rét cũng sắp về

b. Quả nhiên con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thán phục của sứ giả nước láng giềng.

(Em bé thông minh)

**Gợi ý trả lời**

a. Các phó từ và chức năng

- đã đến, đã cởi bỏ, đã về, đương trổ (bổ sung quan hệ thời gian)

- cũng sắp về, cũng sấp có, lại sắp buông toả

(cũng, lại: bổ sung quan hệ tiếp diễn tương tự; sắp : bổ sung quạn hệ thời gian)

- đều lấm tấm

(bổ sung quan hệ tiếp diễn tương tự)

- buông toả ra

(bổ sung quan hệ kết quả và hướng)

- không còn ngửi

(không : bổ sung quan hệ phủ định - còn : bổ sung quan hệ tiếp diễn tương tự).

b. Các phó từ và chức năng:

- đã xâu

(bổ sung quan hệ thời gian)

- xâu được

(bổ sung quan hệ kết quả).

**Bài tập 11:** Viết đoạn văn chủ đề tự chọn có sử dụng phó từ.

**Gợi ý trả lời**

Mùa xuân đang về trên khắp nẻo quê em. Từ ngoài phố cho đến ngõ nhỏ, không khí mùa xuân đã đến rất gần. Cây cối đã trút bỏ lớp áo xù xì cũ, thay vào đó là chiếc áo mơi tinh màu xanh biếc của lộc non. Trăm hoa đua nhau khoe sắc thắm, hoa nào cũng đều có vẻ đẹp riêng. Từng đàn chim từ phương xa đang bay về, hót líu lo trên những ngọn cây như muốn góp giọng vào khúc ca chào mừng mùa xuân.  Thấy xuân về là thấy Tết cũng đang về theo. Cờ hoa, ánh điện láp lánh. Tất cả như đã sẵn sàng cho một mùa mới, một năm mới, một khởi đầu mới.

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG**

**MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I**. **LÍ THUYẾT**

**1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**

- Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.

- Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.

- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

**2. Dàn ý chung của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học**

**a Mở bài:**

**-**  Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

**b. Thân bài:**

**+** Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:

* Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.
* Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn
* Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

**c. Kết bài:**

- Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật..

**II. THỰC HÀNH VIẾT**

**Lập dàn ý rồi viết thành bài văn hoàn chỉnh cho các đề sau:**

**Đề 1:** Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật thầy Đuy-sen trong văn bản “Người thầy đầu tiên”(Ai-tơ-mai-tốp)

**Đề 2**: Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật người bố trong văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” (Nguyễn Ngọc Thuần)

**Dàn ý tham khảo**

**1. Mở bài:**

Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

- Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao áng thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình tượng thầy Đuy-sen – một người thầy giáo đáng kính, hết lòng vì học sinh thân yêu.

**2. Thân bài:**

**-** Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:

**\*Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật thầy Đuy-sen dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm:**

**N**hân vật thầy Đuy-sen hiện lên hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp miêu tả tính cách của nhân vật thầy Đuy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác, vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình.

**- Ngoại hình:** Hình ảnh thầy Đuy-sen trong kí ức của An-tư-nai: đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít…

**- Ngôn ngữ:**

* Thầy Đuy-sen trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học:

**+** *“Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? … Thế nào, các em thích học không, các em sẽ đi học chứ?”*

**+ *“****Các em cứ gọi thầy là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, đừng ngại gì cả.”*

* Động viên, khích lệ An-tư-nai:

*“Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm… Ôi, ước gì thầy được gửi em*

*ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào”.*

=> Lời nói của thầy Đuy-sen gần gũi, ân cần, đầy yêu thương**.**

**- Hành động:**

* Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học, tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,..
* Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá;
* Không để ý đến những lời lăng mạ, chế giễu của bọn nhà giàu; kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự.
* Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân.
* Lo lắng, chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối.
* Kiên trì day chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, sự đơn độc;
* Thầy mơ ước về tương lai tươi sáng cho học trò.

=> Những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình.

**- Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật:**

* Đám học trò đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai học trò.
* Học trò bất chấp khó khăn, khắc nghiệt (*phải đi xa, leo đồi lội suối , bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết*) để tự nguyện đến lớp học nghe thầy giảng bài.
* Nhân vật “tôi” mong ước: “*Ước gì thầy là anh ruột của tôi.*”

**- Mối quan hệ với các nhân vật khác:**

* Với bọn nhà giàu: thầy phớt lờ lời nói, hành động và thái độ coi thường, chế giễu của chúng.
* Với học trò: Thầy coi học trò như người thân trong gia đình.
* Với An-tư-nai: Thầy Đuy-sen hiểu và để tâm cả những hành động nhỏ bé của An-tư-nai (trút lại ki-giắc ở trường); An-tư-nai vô cùng yêu quý và kính trọng thầy Đuy-sen, mong muốn thầy là anh trai của mình.

**\*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:**

- Nhân vật thầy giáo Đuy-sen hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai).

- Kết cấu truyện truyện lồng truyện; ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ.

**\*Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật:**

- ThầyĐuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.

- Hình tượng thầy Đuy-sen là hình mẫu về người thầy mẫu mực, hết lòng yêu thương học trò, lấy tình yêu thương để cảm hoá học trò. Ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng thầy Đuy-sen cùng tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Đuy-sen và cô bé An-tư-nai, nhà văn đã làm nảy nở trong lòng người đọc niềm trân trọng những người thầy và bồi đắp trong mỗi chúng ta vươn tới lối sống nhân hậu, vị tha, yêu thương mọi người.

**3. Kết bài:**

- Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.

**Bài viết tham khảo:**

Tình cảm thầy trò luôn là một tình cảm cao đẹp, thiêng liêng, được bao áng thơ văn ngợi ca. Có những người thầy đã hết lòng vì học sinh thân yêu, đem lại ánh sáng, thay đổi cuộc đời cho bao học trò. Đến với những trang văn của nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan, Ai-tơ-ma-tốp qua truyện vừa “Người thầy đầu tiên”, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình ảnh thầy Đuy-sen – một người thầy giáo đáng kính, hết lòng vì học sinh thân yêu.

       Hình ảnh một người thầy tuyệt đẹp và đáng kính là cảm nhận sâu sắc nhất của mỗi chúng ta khi tìm hiểu về thầy Đuy-sen trong văn bản “Người thầy đầu tiên”. Thầy Đuy-sen hiện lên qua lời kể, qua cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai – nhân vật “tôi”, người kể chuyện. Ngôi kể thứ nhất giúp miêu tả tính cách của nhân vật thầy Đuy-sen qua cảm nhận của nhân vật khác một cách chân thực, khách quan, vừa thể hiện được tình cảm của cô bé An-tư-nai với người thầy đầu tiên của mình.

Nhà văn Ai-tơ-ma-tốp đã xây dựng nhân vật thầy Đuy-sen chủ yếu qua các chi tiết về ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ và mối quan hệ với các nhân vật khác. Khi đến vùng núi quê hương của cô bé An-tư-nai, thầy Đuy-sen còn trẻ lắm. Học vấn của thầy lúc đó tuy không cao, nhưng trái tim thầy dạt dào tình nhân ái và sôi sục nhiệt tình cách mạng. Một mình thầy lao động hàng tháng trời, phạt cỏ, trát lại vách, sửa cánh cửa, quét dọn cái sân..., biến cái chuồng ngựa của phú nông hoang phế đã lâu ngày thành một cái trường khiêm tốn nằm bên hẻm núi, cạnh con đường vào cái làng nhỏ nghèo nàn lạc hậu. Thầy tự tay thầy đắp lò sưởi, dự trữ củi đốt, đi cắt rạ khô lót nền nhà,.. Tất cả những việc làm đó nhằm tạo điều kiện cơ sở vật chất cho lớp học của các em trong hoàn cảnh nghèo khó của địa phương.

       Khi An-tư-nai và các bạn nhỏ đến thăm trường với bao tò mò “xem thử thầy giáo đang làm gì, ở đấy cũng hay” thì thấy thầy “từ trong cửa bước ra, người bê bết đất”. Thầy Đuy-sen “mỉm cười, niềm nở” quệt mồ hôi trên mặt, rồi ôn tồn hỏi: *“Đi đâu về thế, các em gái”.* Trước các “vị khách” nhỏ tuổi, thầy hiền hậu nói: “*Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi..*.?”. Đuy-sen đúng là một người thầy vĩ đại, cử chỉ của thầy rất hồn nhiên. Thầy hiền hậu nói lên những lời ấm áp lay động tâm hồn tuổi thơ. Mới gặp các em nhỏ xa lạ lần đầu mà thầy đã nhìn thấy, đã thấu rõ cái khao khát muốn được học hành của các em: “Các em chả sẽ học tập ở đây là gì?” Thầy “khoe” với các em về chuyện đắp lò sưởi trong mùa đông..., thầy báo tin vui trường học đã làm xong “có thể bắt đầu học được rồi”. Thầy mời chào hay khích lệ? Thầy nói với các em nhỏ người dân tộc miền núi chưa từng biết mái trường là gì bằng tất cả tình thương mênh mông: “*Thế nào, các em có thích học không? Các em sẽ đi học chứ*?”. Thầy Đuy-sen quả là có tài, giàu kinh nghiệm sư phạm. Chỉ sau một vài phút gặp gỡ, vài câu nói nhẹ nhàng, thầy đã chiếm lĩnh tâm hồn tuổi thơ. Thầy đã khơi dậy trong lòng các em nhỏ người miền núi niềm khao khát được đi học. Với An-tư-nai, thầy nhìn thấu tâm can em, cảm thông cảnh ngộ mồ côi của em, thầy an ủi và khen em một cách chân tình: “*An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không*?”. Câu nói ấy cùng với nụ cười hiền hậu của Đuy-sen đã khiến cho cô gái dân tộc thiểu số bé nhỏ, bất hạnh “thấy lòng ấm hẳn lại”. Những buổi đến trường, thầy Đuy-sen gắn bó với những đám trẻ bằng thứ tình cảm nhân hậu, yêu thương. Thầy bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá. Bị bọn nhà giàu chế giễu, coi thường, thầy không để ý, thầy còn kể những câu chuyện vui để học trò quên đi mọi sự. Cuối buổi học, thầy ở lại lấy đá và đất đắp những ụ nhỏ trên lòng suối để các em nhỏ bước qua không bị ướt chân. Thầy vô cùng lo lắng và chăm sóc ân cần cho An-tư-nai khi cô bé bị chuột rút ở giữa suối. Lũ trẻ hiểu hết những cử chỉ và hành động yêu thương của người thầy đáng kính nên vì yêu quý thầy, chúng đã tự nguyện đến trường mặc cho đường xa, phải leo đèo, lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết. Tấm lòng nhân hậu và những ý nghĩ tốt lành của thầy đã cảm hoá được lũ trẻ, thổi bùng lên khát khao học tập của chúng. Thật đẹp đẽ biết bao hình ảnh thầy trò cùng nhau chia sẻ chiếc lò sưởi giữa cảnh trời buốt giá. Những hành động của thầy Đuy-sen vô cùng ấm áp; thầy lo lắng, quan tâm đến học trò như người thân trong gia đình. Với riêng An-tư-nai, thầy động viên, khích lệ: “*Dòng suối trong trẻo của thầy, em thông minh lắm… Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em sẽ còn khá hơn biết chừng nào”.* Thầy Đuy-sen luôn sống mãi trong kí ức của An-tư-nai với hình ảnh đi chân không đứng giữa dòng suối đá, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít…

Thầy Đuy-sen còn hiện lên qua lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp nhân vật:“*Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩa tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.* Cô bé An-tư-nai mong muốn thầy Đuy-sen là anh trai của mình: *“Lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Đuy-sen, tôi thầm nghĩ: “Ước gì thầy là anh ruột của tôi. Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thỉ với thầy những lời đẹp đẽ nhất! Trời ơi, ước gì thầy Đuy-sen là anh ruột tôi!”.*

Như vậy, bằng nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc qua qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (An-tư-nai); kết cấu truyện truyện lồng truyện; ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ, văn bản truyện “Người thầy đầu tiên” đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật thầyĐuy-sen là người có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha,... trong đó, nổi bật nhất là tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò. Thầy hiền hậu, thầy yêu thương tuổi thơ. Thầy đã đốt cháy lên trong lòng các em nhỏ vùng quê nghèo ngọn lửa của khát khao tri thức. Hình tượng thầy Đuy-sen là hình mẫu về người thầy mẫu mực, hết lòng yêu thương học trò, lấy tình yêu thương để cảm hoá học trò. Ngợi ca vẻ đẹp của hình tượng thầy Đuy-sen cùng tình cảm thầy trò cao đẹp giữa thầy Đuy-sen và cô bé An-tư-nai, nhà văn đã làm nảy nở trong lòng người đọc niềm trân trọng những người thầy và bồi đắp trong mỗi chúng ta vươn tới lối sống nhân hậu, vị tha, yêu thương mọi người.

Ai-tơ-ma-tốp đã viết nên một truyện ngắn dưới dạng hồi ức chân thực, cảm động. Hình ảnh Đuy-sen – người thầy đầu tiên được tác giả nói đến với tất cả sự ca ngợi, với niềm thương mến bao la. Người thầy trong truyện ngắn là người thầy của tình thương đến với tuổi thơ, đem ánh sáng cách mạng làm thay đổi mọi cuộc đời. Ngọn lửa tình thương như toả sáng trang văn Ai-ma-tốp, mãi mãi làm ấm áp lòng người. Những trang viết của nhà văn Ai-tơ-ma-tốp cùng hình ảnh thầy Đuy-sen sẽ có sức sống lâu bền, neo đậu lâu dài trong lòng mỗi chúng ta.

**Đề 2: Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của nhân vật người bố trong văn bản “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” (Nguyễn Ngọc Thuần)**

**Dàn ý**

**1. Mở bài:**

- Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

Văn học từ cổ chí kim luôn tồn tại một mạch nguồn xuyên suốt, đó là tình cảm thiêng liêng giữa cha mẹ và con cái. Đã có biết bao áng thơ văn ca ngợi tình cảm thiêng liêng đó. “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” của Nguyễn Ngọc Thuần cũng là một bài ca đẹp về tình phụ tử thiêng liêng, để lại bao niềm sâu lắng trong lòng bạn đọc. Đến với những trang văn của nhà văn trẻ Nguyễn Ngọc Thuần, người đọc đặc biệt ấn tượng với hình tượng người bố - một người rất mực yêu thương con với tâm hồn phong phú và trái tim nhân hậu.

**2. Thân bài:**

- Phân tích đặc điểm của nhân vật:

Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:

(1) Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật người bố dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm:

**-** Nhân vật người bố hiện lên chủ yếu qua lời kể củangười con – nhân vật “tôi”, người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

Tác dụng:

+ Miêu tả tính cách của nhân vật người bố qua cảm nhận của nhân vật khác (người con).

+ Vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật “tôi” với bố.

**\*Hành động, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ:**

- Hàng ngày người bố thường dẫn con ra vườn hoa, làm đồ dùng cho con tưới cây cùng.

- Bố sáng ra các trò chơi thú vị để chơi cùng con:

*+ Trò chơi nhắm mắt đoán tên các loài hoa trong vườn:*

Người bố hướng dẫn con nhắm mắt lại và chạm từng bông hoa 🡪 Cảm nhận bằng xúc giác

*+ Trò chơi nhắm mắt để tìm kiếm một vật giấu trong nhà; đố nhắm mắt đoán khoảng cách:*

+Người con nhắm mắt vẫn có thể đi mà không chạm vật gì, vẫn biết được bố đứng cách mình bao xa.

+ Nhờ trò chơi đoán khoảng cách mà người con có thể giúp bố cứu được bạn Tí suýt đuối nước.

+ *Trải nghiệm đọc tên để nghe âm thanh tuyệt diệu tên gọi:*

Bố bảo con mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu; người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó nghe càng tuyệt diệu bấy nhiêu.

+ *Trò chơi ngửi rồi gọi tên các loài hoa:*

Hướng dẫn người con cảm nhận được mùi của các loài hoa 🡪 cảm nhận bằng khứu giác.

=>Các trò chơi ngày càng khó hơn, tạo ra được sự hấp dẫn với đứa con.

- Thái độ của người bố khi cùng con chơi trò chơi:Cùng con chơi một cách vui vẻ

- Ngôn ngữ: Người bố luôn theo dõi, động viên, khích lệ để con tiến bộ hơn: “*Bố cười khàkhà khen tiến bộ lắm”; “Phen này con sẽ đoán được hết các loại hoa của bố mất thôi”; “bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới*” => Lời nói âu yếm, trìu mến, đầy yêu thương.

* Ý nghĩa những trò chơi của bố:

+ Hướng con đến những niềm vui, giá trị của cuộc sống.

+ Người bố muốn con được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống để hình thành thói quen, sự gắn bó và biết trân trọng, nâng niu những giá trị của cuộc sống, cho dù là điều nhỏ nhất.

**=>**Người bố đã thể hiện tình yêu thương lớn lao với người con thông qua việc dành thời gian cùng con làm những công việc, chơi những trò chơi lí thú để từ đó giúp con nhận ra những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình.

**\*Lời người kể chuyện (người con) nhận xét trực tiếp nhân vật:**

*+ “Bố tôi bơi giỏi lắm”*

*+ “Bố nháy mắt và chúng tôi cười ồ… Một bí mật giữa bố và tôi*”.

+ Với “tôi”, bố là món quà “bự” nhất.

=> Người con rất tự hào về bố và thích thú với những bí mật của hai bố con.

**\*Mối quan hệ với các nhân vật khác:** Thái độ của người bố trước món quà của bạn Tí:

- Người bố vốn không thích ăn ổi nhưng vẫn đón nhận những trái ổi mà Tí tặng một cách trân trọng.=> Cho thấy thái độ trân trọng, nâng niu, biết ơn của người bố khi nhận món quà của Tí.

- Ý nghĩa câu nói của người bố: “*Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó”*

+ Món quà thể hiện tình cảm, tấm lòng của người nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp và có ý nghĩa. Cách chúng ta nhận và trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình. Dù thích hay không thích món quà, chúng ta cũng không nên từ chối hay khước từ người tặng bởi đó là tình cảm, tâm huyết mà họ đã dành cho chúng ta.

+ Từ đó, mỗi người đều rút ra được bài học cho mình trong cách ứng xử: cần trân trọng, biết ơn tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình.

\*Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:

- Nhân vật người bố hiện lên qua hành động, cử chỉ, lời nói (đối thoại); được thể hiện qua cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật khác (người con)

- Ngôn ngữ truyện giàu hình ảnh, đậm chất thơ.

**\***Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật:

**-** Tính cách của người bố qua văn bản:

**+** Kiên nhẫn dạy con cách cảm nhận về vẻ đẹp và sự sống trong khu vườn;

+ Gần gũi, chia sẻ nhiều cảm xúc, suy nghĩ với con như một người bạn thân thiết; coi con là “món quà” quýgiá nhất của cuộc đời;...

+ Yêu thương Tí, trân trọng đón nhận món quà đơn sơ của Tí,...

+ Thích trồng hoa, luôn chăm sóc và biết lắng nghe “tiếng nói” của khu vườn, nhịp sống thiên nhiên,...

- Có thể thấy, nhân vật người bố là một người rất yêu thương con, luôn quan tâm, gần gũi với con và có tâm hồn phong phú, sâu sắc; có trái tim nhân hậu.

- Xây dựng hình ảnh người bố rất mực tâm lí, nhà văn gửi gắm đến người đọc thông điệp về tình cảm cha con thân thiết. Nhà văn cũng muốn nhắn nhủ tới những bậc làm cha làm mẹ: Hãy yêu quý trẻ em, hãy chia sẻ, gần gũi với con cái, hãy bước với thế giới của con bằng tình yêu thương và trái tim nhân hậu.

**3. Kết bài:**

**-**  Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.

======================================

**BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC**

**ÔN TẬP VĂN BẢN: MÙA XUÂN NHO NHỎ**

*( Thanh Hải)*

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ,hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

- Viết được bài vần biểu cảm về con người hoặc sự việc.

-Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Yêu mến, tự hào về quê hương đât nước.

**B. NỘI DUNG**

**I. Tác giả tác phẩm**

*-* Thanh Hải (1930 – 1980) tên thật là Phạm Bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế.

- Tham gia hoạt động văn nghệ từ cuối năm kháng chiến chống Pháp. Là cây bút có công xây dựng nền văn học giải phóng miền Nam từ những ngày đầu.Thanh Hải từng là một người lính trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với tư cách là một nhà văn.

- Thơ TH chân chất và bình dị, đôn hậu và chân thành.

- Các tác phẩm chính: Các tập thơ “những đồng chí trung kiên” (1962), Huế mùa xuân (hai tập 1970 và 1975), Dấu võng Trường Sơn (1977)

- Năm 1965, được tặng giải thưởng văn học Nguyễn Đình Chiểu.

- Sau ngày giải phóng, Thanh Hải vẫn gắn bó với quê hương xứ Huế, sống và sáng tác ở đó cho đến lúc qua đời.

**2. Tác phẩm**:

**a. Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt**: (tháng 11- 1980, chỉ ít ngày sau, nhà thơ qua đời. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta mới thống nhất lại đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách gay gắt.

(Năm 1980, Thanh Hải ốm nặng phải vào BV Huế điều trị khoa nội. Tuy căn bệnh được các bác sĩ chẩn đoán là không thể qua được nhưng Thanh Hải luôn là người lạc quan yêu đời. Nằm ở tầng 4 của bệnh viện, những lúc khoẻ, Thanh Hải thường ra ngắm cảnh và làm thơ…. Nhưng rồi vào một ngày cuối đông, trời Huế bỗng trở lạnh và mưa lâm thâm…. Những người bạn của Thanh Hải nhận được tin như sét đánh: Thanh Hải đã qua đời. Thương tiếc người bạn tài hoa ra đi khi tuổi đời vừa bước sang 50, mọi người đến viếng và đưa nhà thơ về nơi an nghỉ cuối cùng. Đang lúc làm lễ, thì vợ Thanh Hải tìm gặp nhạc sĩ Trần Hoàn và trao cho ông một bài thơ cuối cùng mà Thanh Hải đã sáng tác khi nằm viện vào tháng 11 năm 1980. Đó chính là bài thơ: Một mùa xuân nho nhỏ - bài thơ cuối cùng của Thanh Hải .Nỗi thương bạn và niềm cảm xúc trào dâng mãnh liệt, nhạc sĩ Trần Hoàn đã phổ nhạc ngay bài thơ chỉ trong vòng không đầy ba mươi phút và bài hát đó đã được vang lên ngay trong buổi lễ tiễn đưa ấy.)

**b. Thể thơ** : 5 chữ, không ngắt nhịp trong từng câu, chia nhiều khổ, mỗi khổ từ 4 đến 6 dòng. Nhịp điệu và giọng điệu của bài có biến đổi theo mạch cảm xúc.

**c. Mạch cảm xúc**

Bài thơ bắt đầu bằng những xúc cảm trực tiếp, hồn nhiên, trong trẻo trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên, đất trời. Từ đó, mở rộng ra thành hình ảnh mùa xuân của đất nước hôm nay và cả đất nước bốn ngàn năm. Từ đó mạch thơ chuyển sang biểu hiện suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ được góp “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. Mạch thơ phát triển tự nhiên để rồi khép lại cũng tự nhiên, đằm thắm trong một điệu dân ca xứ Huế.

**d. Bố cục:**

+ Khổ 1 (gồm 6 dòng thơ): cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời

+ Khổ 2,3: Cảm xúc về mùa xuân đất nước.

+ Khổ 4,5: suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ trước mùa xuân đất nước.

+ Khổ cuối: Lời ca ngợi quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

**e. Nội dung, nghệ thuật:**

**- Nội dung**: Bài thơ “mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.

**- Nghệ thuật:**

+ Bài thơ theo thể 5 chữ, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca. Sử dụng cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liền mạch của dòng cảm xúc. nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, những so sánh và ẩn dụ sáng tạo.

+ Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị đi từ thiên nhiên với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát. Điều đáng chú ý là những hình ảnh biểu trưng này thường được phát triển từ những hình ảnh thực, tạo nên sự lặp lại mà nâng cao, đổi mới của hệ thống hình ảnh (cành hoa, con chim, mùa xuân).

+ Cấu tứ của bài chặt chẽ, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân. Từ mùa xuân của đất trời sang mùa xuân của đất nước và mùa xuân của mỗi người góp vào mùa xuân lớn của cuộc đời chung.

+ Giọng điệu bài thơ thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả. Giọng điệu có sự biến đổi phù hợp với nội dung từng đoạn: vui, say sưa ở đoạn đầu; trầm lắng, hơi trang nghiêm mà thiết tha ở đoạn bộc bạch những tâm niệm; sôi nổi và tha thiết ở đoạn kết.

**3. Phân tích bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”**

**a. Mùa xuân của thiên nhiên đất nước (khổ 1)**

\* Cảm hứng xuân phơi phới của Thanh Hải đã dệt nên một bức tranh xuân rất đẹp, đầy sức sống và tràn ngập niềm vui rạo rực.

- Bức tranh ấy được chấm phá bằng rất ít chi tiết: một dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc, một tiếng chim chiền chiện. Những nét chấm phá ấy đã vẽ ra được một không gian cao rộng, màu sắc tươi thắm của mùa xuân và cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện.

+Ngay hai câu mở đầu đã gặp một cách viết khác lạ. Không viết như bình thường : một bông hoa tím biếc mọc giữa dòng sông xanh” mà đảo lại: “Mọc giữa dòng sông xanh. Một bông hoa tím biếc”. Động từ “mọc” đặt ở đầu khổ thơ của bài thơ là một dụng ý NT của tác giả => khắc sâu ấn tượng về sức sống trỗi dậy và vươn lên của mùa xuân.Tưởng như bông hoa tím biếc kia đang từ từ, lồ lộ mọc lên, vươn lên, xoè nở trên mặt nước xanh của dòng sông xuân.

+ Tại sao màu nước sông lại xanh mà không là “dòng nước trong mát” (bài “Vàm cỏ đông” của Hoài Vũ), hay không là “dòng sông đỏ nặng phù sa” trong thơ Nguyễn Đình Thi – bài Đất nước)? Có phải đấu là màu nước của Hương Giang, hay chính là tín hiệu báo mùa xuân đang về? Mùa xuân trang trải êm trôi một dòng xanh dịu mát. Màu xanh lam của dòng sông hương hoà cùng màu tím biếc của hoa, một màu tím giản dị, thuỷ chung, mộng mơ và quyến rũ. Đó là mầu sắc đặc trưng của xứ Huế.

**+** Tiếng chim chiền chiện tạo nên một nét đẹp nữa của mùa xuân: “Ơi con chim chiền chiện. Hót chi mà vang trời”=>. nhạc điệu của câu thơ như giai điệu của mùa xuân tươi vui và rạo rực. Các từ than gọi “ơi, chi, mang chất giọng ngọt ngào đáng yêu của người xứ Huế (thân thương, gần gũi) . Câu thơ cứ như câu nói tự nhiên không trau chuốt từ ngữ nhưng vẫn mang âm hưởng thi ca. Câu hỏi tu từ “hót chi” thể hiện tâm trạng đùa vui, ngỡ ngàng, thích thú của tác giả trước giai điệu của mùa xuân.

- Quả thật, thiên nhiên nhất là mùa xuân vốn hào phóng, sẵn sàng trao tặng con người mọi vẻ đẹp nếu con người biết mở rộng tấm lòng. Thanh Hải đã thực sự đón nhận mùa xuân với tất cả sự tài hoa của ngòi bút, sự thăng hoa của tâm hồn. Nhà thơ lặng ngắm, lặng nghe bằng cả trái tim xao động, bằng trí tưởng tượng, liên tưởng độc đáo: Face book Nhung Tây 0974862058

“*Từng giọt long lanh rơi.*

*Tôi đưa tay tôi hứng*”

Về hai câu thơ trên, có hai cách hiểu: từng giọt ở đây là giọt mưa xuân long lanh trong ánh sáng của trời xuân; nhưng cũng còn có thể hiểu hai câu này gắn với hai câu trước: Tiếng chim đang vang xa bỗng gần lại, rõ ràng, tròn trịa như kết thành những giọt sương óng ánh sắc màu, rơi rơi, rơi mãi tưởng chừng không dứt và nhà thơ đưa tay hứng từng giọt âm thanh ấy. Như vậy từ một hình tượng, một sự vật được cảm nhận bằng âm thanh ( thính giác), tác giả đã chuyển đổi biến nó thành một sự vật có thể nhìn được bằng mắt ( thị giác) bởi nó có hình khối, màu sắc rồi lại được như cảm nhận nó bằng da thịt, bằng sự tiếp xúc ( xúc giác).Nghệ thuật ví ngầm, chuyển đổi cảm giác quả đã đạt tới mức tinh tế đáng khâm phục. Hai câu thơ đã biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất, xốn xang, rạo rực của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc vào xuân. Chắc hẳn trong lòng thi sĩ đang dạt dào tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu cuộc đời.

**b. Từ mùa xuân của thiên nhiên đất trời, cảm hứng thơ chuyển sang cảm nhận về mùa xuân của đất nước một cách tự nhiên.**

-Đây là mùa xuân của con người đang lao động và chiến đấu, của đất nước vất vả và gian lao đang đi lên phía trước. Hình ảnh “người cầm súng, người ra đồng” biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động dựng xây lại quê hương sau những đau thương mất mát. Ai cũng có nhiệm vụ của mình: người lính tiếp tục bảo vệ quê hương, vòng là nguỵ trang của người chiến sĩ đang nảy những chồi non, lộc biếc như mang theo cả mùa xuân cùng các anh ra trận. Người nông dân ra đồng làm nên hạt lúa, trên nương mạ, ruộng lúa của bác nông dân, mầm non, sức sống thanh xuân đang đua nhau trỗi dậy, giục giã, thôi thúc lòng người. Sức gợi cảm của câu thơ được thể hiện qua hình ảnh “lộc” của mùa xuân gắn với người cầm súng, người ra đồng. “Lộc” là chồi non, nhưng “lộc” còn có nghĩa là mùa xuân, là sức sống, là thành quả hạnh phúc. Câu thơ vừa tả thực, vừa tượng trưng cho sức sống của mùa xuân đất nước, sức sống của mỗi con người. Tài liệu của Nhung tây

- Âm hưởng thơ hối hả, khẩn trương với nhiều điệp từ, điệp ngữ láy lại ở đầu câu.

- Sức sống của mùa xuân còn được cảm nhận trong nhịp điệu hối hả, trong âm thanh xôn xao. Và đất nước được hình dung bằng một hình ảnh so sánh đẹp: đất nước như vì sao. Cứ đi lên phía trước”. Hình ảnh so sánh gợi liên tưởng đến vẻ đẹp, ánh sáng và hi vọng. “Đất nước bốn nghìn năm”, hoá thành những vì sao đi lên, bay lên, ngời sáng lung linh => Cảm xúc của nhà thơ đối với đất nước: say mê, tự hào, tin tưởng con người và c/s của quê hương, đất nước khi vào xuân. Tài liệu của Nhung tây

**c. Từ cảm xúc về mùa xuân của thiên nhiên, đất nước, mạch thơ chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm của nhà thơ trước mùa xuân đất nước.**

( Đoạn này, tác giả dùng phương thức biểu cảm trực tiếp.Nhân vật “ta” trực tiếp bộc lộ tâm niệm của mình. )

- Điều tâm niệm của nhà thơ: là khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp - dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước.

- Điều tâm niệm ấy được thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh tự nhiên, giản dị và đẹp. Tài liệu của Nhung tây

Đẹp và tự nhiên vì nhà thơ đã dùng những hình ảnh đẹp của thiên nhiên để nói lên ước nguyện của mình. Một con chim hót để cất tiếng thơ ngợi ca đất nước, làm một nhành hoa để đem lại hương thơm cho cuộc đời. Bao trùm tất cả, ông ước nguyện hoá thành « một mùa xuân nho nhỏ », lặng lẽ, âm thầm dâng hiến toàn bộ tâm hồn, trí tuệ, sức lực và cả sự sống của mình góp cùng mọi người : « Dù là tuổi hai mươi. Dù là khi tóc bạc ».

- Những hình ảnh bông hoa, tiếng chim hót được tác giả phác hoạ ở phần đầu bài thơ giờ đây lại trở lại trong khổ thơ này trong giọng thơ êm ái, ngọt ngào. Cách cấu tứ lặp lại như vậy tạo ra sự đối ứng chặt chẽ và mang một ý nghĩa mới: Niềm mong muốn được sống có ích,cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa toả hương sắc cho đời. Trong bài “một khúc ca xuân” Tố Hữu cũng có những suy ngẫm tương tự:

*Nếu là con chim, chiếc lá*

*Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không có trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình?*

=> Điều tâm niệm ấy thật cao đẹp, chân thành, là sự phát triển tự nhiên trong mạch cảm xúc của bài thơ. Điệp từ “ta” như một lời khẳng định. Và cái “ta” vốn chỉ để nói về mình bỗng như trở thành cái “ta” chung của nhiều người, khát vọng của nhiều người. Điệp ngữ “dù là” như một lời tự khẳng định, tự nhủ với lương tâm - sự kiên trì, thử thách với thời gian, tuổi già, bệnh tật để mãi làm một mùa xuân nho nhỏ trong mùa xuân rộng lớn của quê hương, đất nước. Giọng thơ nhỏ nhẹ, chân tình nhưng mang sức khái quát lớn.

= > Ước nguyện của nhà thơ cho ta hiểu mỗi người phải biết sống, cống hiến cho cuộc đời.Thế nhưng dâng hiến, hoà nhập mà vẫn giữ được nét riêng mỗi người...

**d. Kết thúc:**

Một điệu dân ca xứ Húê quen thuộc, ngọt ngào, êm dịu., sử dụng ngôn ngữ giàu nhịp điệu, các vần bằng tha thiết, êm ái.

Face book Nhung Tây 0974862058

Kết cấu đầu cuối tương ứng tạo ra sự đối ứng chặt chẽ, hài hoà cân đối cho bài thơ đồng thời thể hiện rõ hơn mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên**.**

-Kết thúc bài thơ là câu hát “Câu Nam ai, nam bình…***”*** Nam Ai nam Bình là những điệu ca Huế nổi tiếng

- Đó là ý nguyện của người tha thiết với vẻ đẹp của tâm hồn quê hương đất nước mình.

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Bài thơ mùa xuân nho nhỏ được sáng tác trong giai đoạn nào?

###### **A. Viết tháng 11- 1980, trong những ngày nhà thơ vận lộn với bệnh tật trước khi qua đời.**

B. Viết tháng 11- 1981, trong những ngày nhà thơ vận lộn với bệnh tật trước khi qua đời

C. Viết tháng 11- 1982, trong những ngày nhà thơ vận lộn với bệnh tật trước khi qua đời.

D. Viết tháng 11- 1979, trong những ngày nhà thơ vận lộn với bệnh tật trước khi qua đời.

**Câu 2:** Mùa xuân của đất trời đã được tác giả phác họa bằng những hình ảnh, chi tiết nào ?

A. Màu sắc, hình ảnh, âm thanh.

###### **B. Bông hoa, dòng sông, tiếng chim hót.**

C. Bông hoa, dòng sông, tiếng chim hót giọt âm thanh.

D. Cảnh sắc của xứ Huế.

**Câu 3:** Viết Mùa xuân nho nhỏ, Thanh Hải đã thể hiện được :

A. Một tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên say đắm của mình.

###### **B. Niềm tha thiết yêu cuộc sống, khát vọng được dâng hiến cho đời của nhà thơ.**

C. Tình yêu đất nước- một đất nước đang hối hả chiến đấu và dựng xây.

D. Niềm say sưa ngây ngất của mình trước mùa xuân của đất trời.

**Câu 4:** Mùa xuân nho nhỏ bắt nguồn từ cảm xúc nào?

A. Cảm xúc về vẻ đẹp và truyền thống của đất nước

###### **B. Cảm xúc về vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế**

C. Cảm xúc về vẻ đẹp của mùa xuân Hà Nội

D. Cảm xúc về thời điểm lịch sử đáng nhớ của dân tộc

**Câu 5:** Ý nào nêu đúng nhất về giọng điệu của bài thơ?

 A. Hào hùng, mạnh mẽ  B. Bâng khuâng, tiếc nuối

###### **C. Trong sáng, thiết tha** D. Nghiêm trang, thành kính

**Câu 6:** Những hình ảnh nào đã thể hiện ước nguyện khiêm nhương mà cao đẹp của nhà thơ ?

A. Cành hoa, con chim hót.

B. Cành hoa, con chim hót, dòng sông xanh.

###### **C. Cành hoa, con chim hót, nốt trầm xao xuyến**

D. Cành hoa, con chim hót, giọt sương mai.

**Câu 7:**  Tác giả đã sử dụng phép tu từ nào là chính trong đoạn thơ sau?  
*Ơi con chim chiền chiện  
Hót chi mà vang trời  
Từng giọt long lanh rơi  
Tôi đưa tay tôi hứng*

 A. So sánh  **B. Ẩn dụ**  C. Hoán dụ  D. Nhân hóa

**Câu 8:** Những hình ảnh “ con chim” , “cành hoa” , “nốt trầm xao xuyến” cùng có chung một ý nghĩa biểu tượng gì ?

A. Là những gì tươi đẹp , có ích cho cuộc đời.

###### **B. Là những gì bình dị ,nhỏ bé, nhưng có ích cho cuộc đời.**

C. Là những cống hiến lớn lao cho cuộc đời.

D. Là những hình ảnh đẹp nhất của mùa xuân

**Câu 9:** Điều tâm niệm của nhà thơ thể hiện rõ nét qua khổ thơ trên là gì ?

A. Khát vọng được sống và được hưởng một cuộc sống tươi đẹp.

B. Niềm khát khao được làm những gì thật sự lớn lao có ích cho đất nước .

C. Khát khao được hòa mình vào thiên nhiên

###### **D. Khát vọng được hòa nhập vào cuộc sống , cống hiến phần tốt đẹp , dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung , cho đất nước.**

**Câu 10:** Phép tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Một mùa xuân nho nhỏ”?

###### **A. So sánh**    B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Ẩn dụ

**Câu 11:** Mùa xuân tươi đẹp của đất nước được tập trung thể hiện qua những hình ảnh nào ?

###### **A. Người cầm súng, người ra đồng, lộc non.**

B. Hình ảnh, so sánh, từ láy.

C. Lộc trải dài nương mạ.

D. Lộc giắt đầy trên lưng.

**2. Ngữ liệu đọc hiểu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  Hình ảnh mùa xuân được khắc hoạ thật đẹp trong đoạn thơ sau:  *“Mọc giữa dòng sông xanh*  *Một bông hoa tím biếc*  *Ơi con chim chiền chiện*  *Hót chi mà vang trời*  *Từng giọt long lanh rơi*  *Tôi đưa tay tôi hứng.”*  **Câu 1**: Đoạn thơ trên nằm trong tác phẩm nào, của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời tác phẩm ấy?  **Câu 2:** Dựa vào đoạn thơ trên, em hãy viết một đoạn văn khoảng 10 - 12 dòng với chủ đề: Vẻ đẹp của mùa xuân, thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp ấy.  **Câu 3:** Cũng trong bài thơ trên có câu:  *“Mùa xuân người cầm súng*  *Lộc giắt đầy trên lưng”*  Trong câu thơ trên từ “lộc” được hiểu như thế nào? Theo em, vì sao hình ảnh “người cầm súng” lại được tác giả miêu tả “Lộc giắt đầy trên lưng”? Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác:

- Đoạn thơ trên nằm trong tác phầm "Mùa xuân nho nhỏ" của nhà thơ Thanh Hải.

- Bài thơ được Thanh Hải viết tháng 11 - 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh - một tháng trước khi nhà thơ qua đời.

**Câu 2:** Viết đoạn văn nêu cảm nhận vẻ đẹp của mùa xuân, thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp ấy:

- Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên của mùa xuân xứ Huế và cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp ấy.

- Mùa xuân thiên nhiên xứ Huế được miêu tả qua vài nét khắc hoạ: Dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện hót vang trời. Tài liệu của Nhung tây

- Qua vài nét khắc hoạ nhưng tác giả vẽ ra được cả không gian mênh mông, cao rộng của dòng sông xanh, hoa tím biếc - màu tím đặc trưng cho xứ Huế; cả âm thanh rộn rã của chim chiền chiện hót vang trời vọng từ trên cao, bông hoa mọc lên từ nước, giữa dòng sông xanh. Bức tranh xuân còn tràn trề sức sống được thể hiện qua nghệ thuật đảo ngữ. Từ “Mọc” lên trước chủ ngữ và đứng đầu khổ thơ. Tài liệu của Nhung tây

- Cảm xúc của tác giả sâu sắc, say xưa, ngây ngất trước vẻ đẹp tươi sáng tràn trề sức sống của mùa xuân được bộc lộ qua lời gọi, lời gọi chim “Ơi”, “hót chi”; qua sự chuyển đổi cảm giác, cảm nhận âm thanh tiếng chim từ chỗ: cảm nhận âm thanh bằng thính giác chuyển thành “từng giọt”, có hình, khối, cảm nhận bằng thị giác. “Từng giọt long lanh” ấy có ánh sáng, màu sắc, có thể cảm nhận bằng xúc giác: “Tôi đưa tay tôi hứng”.

- Hình ảnh mùa xuân được khắc hoạ thật đẹp ở khổ 1 bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, được viết vào tháng 11, thời tiết lúc đó là mùa đông giá rét. Tác giả đang bị bệnh nặng, chỉ hơn một tháng ông qua đời. Vì vậy qua khổ thơ, bạn đọc cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống tha thiết của nhà thơ - người có công xây dựng nền văn học cách mạng miền Nam từ những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

**Câu 3**: Từ “lộc” trong câu thơ là từ có tính nhiều nghĩa:

- Nghĩa chính: là nhưng mầm non nhú lên ở cây khi mùa xuân đến.

- Nghĩa chuyển: sức sống, sức phát triển cùa đất nước, với nhiệm vụ bảo vệ đất nước trong những ngày đầu xuân. Tài liệu của Nhung tây

- Hình ảnh "Người cầm súng lại được tác giả miêu tả “Lộc giắt đầy trên lưng” là vì: Trên đường hành quân, trên lưng người lính lúc nào cũng có những cành lá để nguỵ trang, trên đó có những lộc non mới nhú lên khi mùa xuân đến. Tài liệu của Nhung tây Với nghĩa chuyển của từ “lộc”, ta cảm nhận anh bộ đội như mang trên mình mùa xuân của đất nước. Anh cầm súng để bảo vệ mùa xuân tươi đẹp đó. Cách diễn đạt sức sống của một đất nước vào mùa xuân với nhiệm vụ lớn lao. Bảo vệ đất nước thật cụ thể và sinh động.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  Trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”, Thanh Hải nguyện làm một con chim, một cành hoa và một nốt nhạc trầm để kết thành:  *“Một mùa xuân nho nhỏ*  *Lặng lẽ dâng cho đời*  *Dù là tuổi hai mươi*  *Dù là khi tóc bạc”*  **Câu 1**: Nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ” được cấu tạo bởi những từ loại nào? Việc kết hợp các từ loại ấy có tác dụng gì?  **Câu 2**: Nốt nhạc trầm trong bài thơ có nét riêng gì? Điều đó góp phần thể hiện ước nguyện nào của tác giả? Tài liệu của Nhung tây  **Câu 3:** Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 dòng làm rõ tâm niệm của nhà thơ. Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ”:

- Nhan để “Mùa xuân nho nhỏ” được cấu tạo bởi từ loại: danh từ “mùa xuân” và tính từ “nho nhỏ”.

- Việc kết hợp giữa các từ loại trên có tác dụng tạo nên nhan đề có cấu tạo là một cụm danh từ. Nhan đề này mới lạ, độc đáo, gây được sự hấp dẫn, chú ý của bạn đọc và thể hiện được tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, khát vọng hòa nhập, cống hiến những phần đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất của cuộc đời mình để góp phần làm nên mùa xuân chung cho đất nước.

**Câu 2:** Nốt nhạc trầm góp phần thể hiện ước nguyện của tác giả:

- Nốt nhạc trầm trong bài thơ có nét riêng là: Không véo von, cao vút mà trầm lắng, thiếu nó bản nhạc sẽ mất đi giai điệu sâu lắng. Tài liệu của Nhung tây

- Nốt nhạc trầm biểu tượng cho sự cống hiến khiêm nhường nhỏ bé, khát vọng sống hòa nhập làm nên mùa xuân chung đất nước của nhà thơ Thanh Hải nói riêng và những con người lao động nói chung. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 3:**

Viết đoạn yăn làm rõ tâm niệm của nhà thơ:

- Nếu như ở khổ trước, tâm niệm của nhà thơ được thể hiện một cách chân thành, khiêm nhường, nhỏ bé qua điệp ngữ “ta làm” và qua những hình ảnh thiên nhiên đẹp tự nhiên, giản dị: "con chim hót”, “một cành hoa...” thì khổ thơ tiếp theo, nhà thơ tự nhận mình là "Một mùa xuân nho nhỏ”.

+ Từ láy “nho nhỏ” làm định ngữ cho danh từ “mùa xuân” đã diễn tả mùa xuân là mùa đẹp nhất, mùa của sức sống, sức phát triển của vạn vật vả con người.

+ Đây còn là hình ảnh ần dụ thể hiện sự hòa nhập, dâng hiến những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất của con người, góp phần làm nên mùa xuân chung cho đất nước.

+ Qua cụm từ “Một mùa xuân nho nhỏ”, bạn đọc thấy được mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, thấy được cái hữu hạn của con người và cái vô hạn của đất trời: Một con người - Một mùa xuân nho nhỏ, chưa thể tạo thành mùa xuân chung cho đất nước nhưng có nhiều “Mùa xuân nho nhỏ” góp lại sẽ tạo nên được mùa xuân cho đất nước, dân tộc.

- Sự cống hiến này giống như “nốt nhạc trầm” nhỏ bé, khiêm nhường “Lặng lẽ dâng cho đời”, không khoa trương, ầm ĩ. Tài liệu của Nhung tây

- Điệp ngữ “Dù là” vơi sắc thái ỷ nghĩa khẳng định như một lời hứa của nhà thơ với đất nước, với chính lòng mình sẽ cống hiến bền bỉ suốt cả cuộc đời, bất chấp thời gian, tuổi tác:

*“Dù là tuổi đôi mươi*

*Dù là khi tóc bạc”*

- Nhà thơ đang nằm trên giường bệnh và chỉ hơn một tháng sau đã qua đời mà vẫn dâng hiến cho đời bài thơ “Một mùa xuân nho nhỏ”. Nhà thơ đã đi vào coi vĩnh hằng nhưng bài thơ bất tử với thời gian, được phổ nhạc thành bài hát vẫn được cất lên mỗi độ xuân về làm xao xuyến biết bao lòng người. Tài liệu của Nhung tây

- Bạn đọc thấy được lý tưởng sống cao đẹp, khao khát cống hiến hết sức mình cho đất nước, dân tộc của nhà thơ. Tài liệu của Nhung tây

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Cho hai câu thơ sau:**  *“Đất nước bốn ngàn năm*  *Vất vả và gian lao”*  **Câu 1:** Hai câu thơ trên trích trong bài thơ nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.  **Câu 2:** Chép sáu câu thơ nối tiếp hai câu trên và cho biết ý chính của những câu thơ đó.  **Câu 3:** Xác định hai phép tu từ nổi bật được tác giả sử dụng trong đoạn thơ vừa chép rồi phân tích hiệu quả nghệ thuật của các phép tu từ này trong việc thể hiện nội dung, ý nghĩa.  **Câu 4:** Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về 5 câu thơ cuối để thấy được lời ngợi ca quê hương đất nước qua điệu dân ca xứ Huế  *“Mùa xuân - ta xin hát*  *Câu Nam ai, Nam bình*  *Nước non ngàn dặm mình*  *Nước non ngàn dặm tình*  *Nhịp phách tiền đất Huế.”* |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:

- Tên bài thơ và tác giả: Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được Thanh Hải viết tháng 11 - 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh tại Thành phố Hồ Chí Minh - một tháng trước khi nhà thơ qua đời.

**Câu 2:** Chép nối tiếp 6 câu thơ:

- Chép tiếp:

*Đất nước bốn nghìn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước.*

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hoà ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.*

- Nêu được 2 ý chính:

+ Sức sống bền bỉ, vững vàng, khí thế đi lên của đất nước

+ Ước nguyện của nhà thơ - Niềm tin tưởng, tự hào...

**Câu 3:** Biện pháp nghệ thuật và tác dụng:

- Biện pháp nghệ thuật: 2 phép tu từ nổi bật lá so sánh, điệp ngữ

- Tác dụng của phép so sanh:

+ “Vì sao” là hình ảnh trường tồn, vĩnh cửu được so sánh với đất nước. Từ “cứ” chỉ sự tiếp diễn, lặp lại kéo dài mãi.

+ Sự trường tồn, vĩnh cửu, sức sống bền bỉ, mãnh liệt, khí thế đi lên của dân tộc.

- Tác dụng của phép điệp ngữ: Điệp ngữ “Ta làm” khẳng định ước nguyện được cống hiến chân thành, tha thiết, mãnh liệt. Đó lả ước nguyện và khát khao sống có ích, khiêm nhường => Lẽ sống đẹp...

**Câu 4:** Lời ngợi ca quê hương, dất nước qua điệu dân ca xứ Huế:

- Như một nhịp láy lại của khúc dân ca dịu dàng, đằm thắm đem lại thi vị Huế trìu mến tha thiết.

- Bài thơ khép lại trong âm điệu khúc Nam ai, Nam bình xứ Huế. Đoạn thơ kết thúc như một khúc hát ca ngợi mùa xuân, để lại dư vị sâu lắng. Nhà thơ muốn hát lên điệu Nam ai, Nam bình để đón mừng mùa xuân. Câu ca nghe như một lời từ biệt để hoà vào cõi vĩnh hằng. Nhưng đây không phải là lời ca buồn thuở trước “nhịp phách tiền đất Huế” mà nghe giòn giã, vang xa.

- “Nước non ngàn dặm mình/Nước non ngàn dặm tình” còn ngân nga mãi mãi. Phải yêu đời lắm, phải lạc quan lắm mới có thể hát lên trong hoàn cảnh nhà thơ lúc đó (đang ốm nặng và sắp qua đời). Điều đó làm ta càng yêu quý tiếng hát và tấm lòng nhà thơ.

- Xuyên suốt bài thơ không chỉ lả hình tượng mùa xuân. Từ tiếng chim chiền chiện tượng trưng cho khúc hát của đất trời đến một nốt nhạc trầm nhập vào bản hoà ca đất nước, và đến đây là khúc hát tạo ấn tượng một bài ca không dứt. Một bài ca yêu cuộc sống.

**3. Ngữ liệu Đọc hiểu ngoài SGK**

**PHIẾU HOC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**  *“Năm nay đào lại nở*  *Không thấy ông đồ xưa.*  *Những người muôn năm cũ*  *Hồn ở đâu bây giờ?”*  *(Ông đồ - Vũ Đình Liên)*  **Câu 1:** Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả của văn bản ấy là ai?  **Câu 2:** Đoạn thơ trên đã thể hiên cảm xúc gì của nhà thơ?  **Câu 3**: Khái quát giá trị nội dung - nghệ thuật văn bản. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong bài thơ ông Đồ của Vũ Đình Liên

**Câu 2:** Đoạn thơ trên đã thể hiên nỗi niềm xót xa, thương tiếc của nhà thơ trước việc vắng bóng hình ảnh ông đồ vào mỗi dịp xuân về. Từ hình ảnh ông đồ, thi sĩ đã liên tưởng tới hình ảnh “Những người muôn năm cũ” và tự hỏi. Câu hỏi tu từ đặt ra là một lời tự vấn, tiềm ẩn sự ngậm ngùi day dứt. Đó là nỗi niềm trắc ẩn, xót thương cho những người như ông đồ đã bị thời thế khước từ. Tài liệu của Nhung tây

**Câu 3:**

\* Giá trị nội dung

- Tác phẩm khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khới gợi được niềm xúc động tự vấn của nhiều độc giả

\* Giá trị nghệ thuật

- Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ

- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ

- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc kỹ bài thơ rồi trả lời các câu hỏi sau:**  **ĐÁNH THỨC TRẦU**  *Đã ngủ rồi hả trầu ?*  *Tao đã đi ngủ đâu*  *Mà trầu mày đã ngủ*  *Bà tao vừa đến đó*  *Muốn có mấy lá trầu*  *Tao không phải ai đâu*  *Đánh thức mày để hái*  *Trầu ơi hãy tỉnh lại*  *Mở mắt xanh ra nào*  *Lá nào muốn cho tao*  *Thì mày chìa ra nhé*  *Tay tao hái rất nhẹ*  *Không làm mày đau đâu*  *Đã dậy chưa hả trầu ?*  *Tao hái vài lá nhé*  *Cho bà và cho mẹ*  *Đừng lụi đi trầu ơi !*  1966  *(Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hóa dân tộc, 1999)*  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của bài thơ.  **Câu 2:** Chỉ ra phép tu từ mà nhà thơ sử dụng trong bài thơ.  **Câu 3:** Nêu tác dụng của phép tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ  **Câu 4:** Vẻ đẹp tâm hồn của con người nhà thơ hiện lên qua bài thơ như thế nào?  Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm

Thể thơ: 5 chữ

**Câu 2**: Phép tu từ được tác giả sử dụng trong bài thơ: nhân hóa

**Câu 3**: - Tác dụng:

+ Cây trầu trở nên gần gũi như một người bạn. Cây trầu cũng có suy nghĩ, buồn vui, đau đớn

+ Con người và thiên nhiên có mối giao hòa

**Câu 4**: Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ:

- Tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, nhạy cảm, yêu mến, nâng niu cỏ cây vạn vật xung quanh mình (yêu thiên nhiên)

- Yêu quý, quan tâm người thân (bà, mẹ)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi**  *“Bỗng nhận ra hương ổi*  *Phả vào trong gió se*  *Sương chùng chình qua ngõ*  *Hình như thu đã về.”*  *( Trích Sang thu - Hữu Thỉnh)*  **Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên  **Câu 2**: Câu thơ: “Sương chùng chình qua ngõ” sử dụng phép tu từ nào? Nêu tác dụng của phép tu từ đó?  **Câu 3**: Hình ảnh mùa thu được cảm nhận qua những hình ảnh nào? Qua giác quan nào của tác giả?  **Câu 4**: Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về sự cảm nhận tinh tế của tác giả trước biến chuyển của đất trời từ hạ sang thu. Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính khổ đầu: Biểu cảm

**Câu 2:** Bỉện pháp tu từ câu thơ: “Sương chùng chình qua ngõ”:

- Phép nhẩn hóa: “sương chùng chình”

- Tác dụng:

+ Gợi vẻ đẹp làn sương đẩu thu...

+ Cảnh vật sang thu thấp thoáng hồn người sang thu bịn rịn, lưu luyến...

+ Tăng giá trị gợi cảm cho câu thơ, gợi khung cảnh lâng quê êm đềm, thơ mộng.

**Câu 3:**

+ Hình ảnh mùa thu: Hương ổi ( Thính giác)

- Gió se ( Xúc giác)

- Sương ( Thị giác)

**Câu 4:**

Viết đoạn văn để làm rõ những cảm nhận tinh tế của tác giả trước biến chuyển của đất trời từ hạ sang thu: Tài liệu của Nhung tây

- Sự biến chuyển của tạo vật với những đặc trưng của thu về đã đánh thức cảm giác quan tinh tế của nhà thơ. Bắt đầu bằng hương ổi thơm náo nức “phả” vào trong “gió se”, cơn gió đặc trưng của mùa thu đất Bắc. Tài liệu của Nhung tây

-Từ “phả” gợi hương thơm như sánh lại, đậm đà, luồn vào trong gió làm thức dậy cả không gian vườn ngõ. Ở đây có sự chuyển đổi từ khứu giác sang xúc giác giúp người đọc cảm nhận hương thơm như sánh lại, luồn vào trong gió. Từ “bỗng” thể hiện sự bất ngờ, đột ngột có phần ngỡ ngàng, ngạc nhiên của tác giả trước sự thay đổi của thời tiết, thiên nhiên.

- Tín hiệu thu về không chỉ là gió, là hương ổi, mà còn là sương “Sương chùng chình qua ngõ”. “Chùng chình” là cố ý đi chậm lại, giăng mắc nhẹ nơi đường thôn ngõ xóm. Biện pháp nhân hóa khiến làn sương trở nên có tâm trạng, bâng khuâng, bịn rịn, ngập ngừng, lưu luyến, làm cho cảnh thêm hữu tình. Cái “ngõ” mà sương “chùng chình đi qua vừa có thể lả ngõ thực, vừa có thể là cái ngõ thời gian thông giữa hai mùa.

- Bước chân mùa thu thật mềm mại, thu đến thật nhẹ nhàng khiến cho tác giả bối rối “Hình như thu đã về”. Tình thái từ “hình như” là mơ hồ, chưa rõ ràng, chưa chắc chắn, đã miêu tả được tâm trạng ngỡ ngàng của thi sĩ trước sự thoáng đi bát chợt của mùa thu.

=> Tâm hồn thi sĩ đã chuyển biến nhịp nhàng củng phút giao mùa, nhà thơ đã mở rộng các giác quan để cảm nhận thu về. Tài liệu của Nhung tây

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Sông được lúc dềnh dàng*  *Chim bắt đầu vội vã*  *Có đám mây mùa hạ*  *Vắt nửa mình sang thu”*  *(Trích Ngữ văn 9, tập hai)*  **Câu 1**: “Sang thu” được sáng tác theo thể thơ nào? Kể tên một bài thơ khác đã học trong chương trình Ngữ văn 7 cũng được sáng tác theo thể thơ đó.  **Câu 2:** Em hiểu như thế nào về nghĩa cùa từ “dềnh dáng” và hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ trong dòng thơ "Sông được lúc dềnh dàng”?  **Câu 3:** Chỉ ra từ láy trong dòng thơ đầu tiên của đoạn thơ đã cho và tìm trong văn bản một từ đồng nghĩa với từ này.  **Câu 4**: Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu đề làm rõ sự cảm nhận của nhà thơ về những biến chuyển trong không gian lúc sang thu, trong đoạn có sử dụng biện pháp tu từ. Tài liệu của Nhung tây |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Thể thơ 5 chữ

- Bài thơ 5 chữ ở lớp 7 là: Ngàn sao làm việc

**Câu 2:** Giải nghĩa từ “dềnh dàng”, tác dụng:

- Giải nghĩa từ: dềnh dàng: chậm chạp, thong thả.

- Hiệu quả:

+ Gợi tả dòng sông khi sang thu không còn cuồn cuộn gấp gáp như mùa hè mưa lũ mà chậm chạp, thong thả trôi.

+ Gợi cảm giác dòng sông như mang tâm trạng của con người, đang lắng lại, suy nghi trầm tư về những trải nghiệm đã qua.

+ Cảnh vật được nhân hóa, trở nên sống động, có hồn.

**Câu 3:** Từ láy và từ đồng nghĩa trong văn bản:

- Từ láy: dềnh dàng

-Từ đồng nghĩa: chùng chình

**Câu 4:** Viết đoạn văn lảm rõ sự cảm nhận của nhà thơ về những biến chuyển trong không gian lúc sang thu:

- Cũng như sương thu, dòng sông thu dường như thong thả chậm chạp hơn, như hút vào lòng mình tất cả niềm sung sướng, thỏa thích của cuộc sống để dềnh lên những con nước mát lành. Mọi chuyển động có chầm chậm, rất êm nhẹ, đối lập với cánh chim "vội vã” của đất trời. Đó phải chăng là sự vội vàng trong tâm hồn Hữu Thỉnh, muốn được mở lòng mình đón nhận mọi sự rung động dù là nhỏ nhất.

- Các từ “vội vã” đối rất đẹp với “dềnh dàng” nhưng còn độc đáo hơn ở cái “bắt đầu”, bắt đâu vội vã thôi chứ chưa phải là đang vội vã. Phải tinh tế lắm mới có thể nhận ra sự “bắt đầu” này trong những cánh chim. Dù sự vội vã mới chớm nơi những cánh chim nhưng không khí thu vẫn là không khí thư thái, lắng đọng, chậm rãi và lâng lâng.

- Chính vì thế mà “đám mây mùa hạ” mới thảnh thơi duyên dáng “vắt nửa mình sang thu”, mang trên mình cả hai mùa thật đẹp. Nghệ thuật nhân hóa làm người đọc cảm nhận đám mây mỏng như dải lụa treo trên bầu trời đồng thời tạo ranh giới vô hình nửa nghiêng về mùa hạ, nửa nghiêng về mùa thu. Đây chính là một phát hiện rất mới lạ và độc đáo cua Hữu Thỉnh và bức tranh thu vì thế càng trở nên sinh động, giàu sức gợi cảm.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8**

*(Dành cho học sinh khá giỏi)*

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  *“Vẫn còn bao nhiêu nắng*  *Đã vơi dần cơn mưa*  *Sấm cũng bớt bất ngờ*  *Trên hàng cây đứng tuổi”*  *( Trích Sang thu - Hữu Thỉnh)*  **Câu 1:** Trong hai câu thơ cuối đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật này trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm?  **Câu 2**: Tác giả muốn gửi gắm suy ngẫm, triết lí nào qua hai câu thơ cuối? Hãy nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của những suy ngẫm, triết lí ấy.  **Câu 3:** Từ khổ thơ trên kết hợp những hiểu biết của em về xã hội, chúng ta nhận thấy trong cuộc sống không chỉ có những thuận lợi mà còn gặp rất nhiều những khó khăn thử thách trên con đường đời. Hãy nêu những suy nghĩ và cách ứng phó của em trước những khó khăn thử thách ấy? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Biện pháp nghệ thuật hai câu cuối:

- Trong hai câu thơ cuối đoạn thơ vừa chép, tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật: nhân hóa và ẩn dụ.

- Tác dụng: Câu thơ mang nhiều tầng lớp nghĩa:

+ Nghĩa thực: Tiếng sấm khi sang thu không còn đủ sức lay động hàng cây đã bao mùa thay lá.

+ Nghĩa ẩn dụ: Con người đã từng trải, từng vượt qua những khó khăn thăng trầm của cuộc sống => vững vàng hơn, chín chắn, điềm tĩnh hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời

- Câu thơ cũng có sử dụng hình ảnh nhân hóa và ẩn dụ: “Sương chùng chình qua ngõ”

**Câu 2:** - Những suy ngẫm, triết lí về cuộc đờí và con người qua hai câu thơ cuối: Con người cần phải trải qua những khó khăn thăng trầm của cuộc sống -> vững vàng hơn, chín chắn, điềm tĩnh hơn.

- Trong tình hình đất nước hiện nay có ý nghĩa quan trọng:

+ Đất nước đã từng trải qua những năm tháng chiến tranh gian khổ, ác liệt, đau thương —> vẫn vững vàng vượt qua mọi sóng gió, phát triển không ngừng.

+ Hiện tại vẫn phải đối mặt với thiếu thốn về vật chất, khó khăn về kinh tế, sự lăm le nhòm ngó chủ quyền dân tộc của các thế lực thù địch... Kiên cường, giữ vững ý chí, niềm tin, bảo vệ chủ quyền dân tộc và đưa đất nước phát triển mạnh mẽ hơn.

- Suy nghĩ, hành động: khâm phục, tự hào, tiếp nối phát huy truyền thống, học tập và rèn luyện đạo đức, sức khỏe... để trở thành công dân có ích ...

**Câu 3:**

Viết đoạn văn nghị luận nêu lên suy nghĩ và cách ứng phó của bản thân trước những khó khăn:

**a.Giải thích khái niệm:**

- Khó khăn là những trở ngại, sóng gió biến cố bất thường mà ta gặp phải

- Thử thách là những tình huống, việc làm khó khăn, gian khổ, đòi hỏi con người có nghị lực, ý chí, khả năng mới có thể vượt qua.

- Khó khăn thử thách luôn hiện diện quanh ta: Gặp một bài toán khó, nếu ta không kiên trì suy nghĩ thì làm sao giải được? Bạn bè lôi kéo rủ rê nếu mỗi chúng ta không có bản lĩnh thì sẽ dễ bị sa ngã, dễ rơi vào các tệ nạn xã hội.

- Trong bài thơ Sang thu, khó khăn đó là những biến động bất thường của ngoại cảnh cuộc đời.

**b. Tại sao cần vượt qua khó khăn thử thách?**

- Cuộc sống luôn chứa đựng nhiều khó khăn, thử thách. Cuộc sống chính là môi trường tốt nhất để thế hệ trẻ tự rèn luyện.

- Vượt qua khó khăn thử thách chúng ta sẽ đi đến thành công, sẽ có một tương lai tươi đẹp.

- Thử thách giúp chúng ta tự mình bứt phá ra khỏi những khuôn khổ, những lối mòn sẵn có, phát triển cá tính riêng, khai mở những con đường mới. Qua khó khăn, thử thách, cuộc sống mang lại cho chúng ta những cơ hội thật bất ngờ thật tuyệt vời. Nếu không có thử thách, sẽ chẳng bao giờ trưởng thành và trải nghiệm.

- Vượt khó khăn thử thách chúng ta sẽ rèn luyện được ý chí nghị lực bản lĩnh vững vàng trước mọi gian nan.

c. Tuổi trẻ cần vượt khó khăn như thế nào?

- Ông cha ta dạy: Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

- Vậy chúng ta làm gì khi đứng trước khó khăn thử thách? Bằng niềm tin và sức mạnh của bản thân nên can đảm đương đầu không trì hoãn né tránh trì hoãn, né tránh “Thử thách không là gì cả! Nhưng cơ hội ẩn chứa đằng sau thử thách đó mới là đáng nói.” không chịu chấp nhận thất bại.

- Không buông xuôi, không sợ vấp ngã phải can đảm đương đầu với khó khăn để trưởng thành.

d. Liên hệ bản thân: học sinh tự liên hệ

**ÔN TẬP VĂN BẢN: GÒ ME**

*(Trích - Hoàng Tố Nguyên)*

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**I. Đọc và tìm hiểu chung.**

**1. Tác giả.**

- Nhà thơ Hoàng Tố Nguyên tên thật Lê Hoằng Mưu, sinh năm 1929 tại gò Me, làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là ấp Gò Me, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).

- Ông từng làm Chủ tịch Hội Học sinh mỹ thuật kháng chiến Gia Định. Mặc dù còn rất trẻ, nhưng trong thời gian này ông đã có thơ đăng trên các báo.

Hoàng Tố Nguyên là tác giả của nhiều bài thơ đăng rải rác trên báo, mặc dù chưa in một tác phẩm nào… Những bài như: Vọng hướng sao rơi, Xuân về say ý nhạc… đăng trong tuyển tập thi ca Mùa giải phóng (tháng 5-1949)…

- Các truyện thơ và tập thơ của ông được ra đời liên tiếp và nổi bật, như Đổi đời (truyện thơ, năm 1955), Cô gái bần nông sông Hồng (truyện thơ, năm 1956), Đất nước (tập thơ, 1956), Gò Me (tập thơ, năm 1957), Từ nhớ đến thương (tập thơ, năm 1960), Quê chung (tập thơ, năm 1962), Gởi chiến trường chống Mỹ (năm 1966)...

- Tháng 6-1975, ông mất tại Hương Canh, Thái Bình sau một cơn bạo bệnh.

\* Các tác phẩm đã xuất bản:

- Gò Me 1957

- Quê chung 1962

- Truyện thơ Đổi đời (1955)

- Từ nhớ đến thương 1980

- Đất nước (1956)

- Từ nhớ đến thương 1950.

- Gửi chiến trường chống Mỹ 1966

- Tên quê hương 1976

**2. Tác phẩm.**

- Thể loại: thơ trữ tình

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp miêu tả.

- Trích trong tập thơ cùng tên.

- Tập thơ “Gò Me” của Hoàng Tố Nguyên gồm 13 bài, xuất bản năm 1957 đã gây được tiếng vang lớn, tạo nên tên tuổi Hoàng Tố Nguyên. Nội dung tập thơ chủ yếu thể hiện tấm lòng thương nhớ quê hương của tác giả.

Bố cục gồm 3 phần:

+ Phần 1: Từ đầu đến “người tôi yêu”: Cảnh sắc Gò Me hiện lên qua nỗi nhớ của nhà thơ

+ Phần 2: Tiếp theo đến “lụa mềm lửng lơ”: **Hình ảnh người dân Gò Me**

+ Phần 3: Còn lại**: Giai điệu quê hương trong lòng tác giả**

**Tóm tắt văn bản Gò Me:**

Gò Me là tiếng lòng và nỗi nhớ khôn nguôi của ông về quê hương miền Nam thân thương và anh dũng. Qua bài thơ, Gò Me - Gò công hiện lên vô cùng tươi đẹp, thanh bình, dung dị và chân chất.

**II. Tìm hiểu văn bản.**

**1. Vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên và con người.**

\* **Cảnh sắc thiên nhiên.**

-Con đê cát đỏ cỏ viền

Ruộng vây quanh, bốn mùa gió mát

Lúa nàng keo chói rực mặt trời

Ao làng trăng tắm, mây bơi

Nước trong như nước mắt người tôi yêu;

Me non cong vắt lưỡi liềm

Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ;...

- Hình ảnh sinh động, giàu sức gợi

**=>** Vẻ đẹp nên thơ, xanh mát.

**\* Vẻ đẹp con người.**

Những chị, những em má núng đồng tiền

Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên.

Véo von điệu hát cổ truyền;

Chị tôi má đỏ, thẹn thò

Giã me bên trã canh chua ngọt ngào

=> Hình ảnh những con người lao động chần chất, khoẻ khoắn, duyên dáng, yêu đời, gắn bó với quê hương xứ sở,...

**2. Cảm xúc của nhà thơ.**

- Tình yêu và nỗi nhớ da diết đối với quê hương, với những sinh hoạt văn hoá truyền thống của quê hương. Chính điệu hò đã góp phần quan trọng làm nên vẻ đẹp, bản sắc của vùng đất này, nên người đi xa khi nhớ về qué hương thường nhớ về những cầu hò thân thương

**3. Đánh giá**

**+ Nghệ thuật.**

- Thể thơ trữ tình, sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ giầu sức gợi.

**+ Nội dung.**

**-** Vẻ đẹp thiên nhiên và con người.

**-** Tình yêu, nỗi nhớ da diết, niềm tự hào đối với quê hương.

**THAM KHẢO**

**Nhà thơ Hoàng Tố Nguyên tên thật  Lê Hoằng Mưu, sinh năm 1929 tại gò Me, làng Bình Ân, tổng Hòa Lạc Hạ, tỉnh Gò Công (nay là ấp Gò Me, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang).**

Sau khi hoàn tất bậc tiểu học ở Gò Công và bậc trung học ở Trường Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, TP. Mỹ Tho), ông lên Sài Gòn học Trường Mỹ thuật Gia Định. Ngày 23-9-1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam bộ bùng nổ.

Theo tiếng gọi của non sông, ông gia nhập lực lượng vũ trang chiến đấu ở nội thành Sài Gòn, rồi hoạt động văn nghệ và tuyên truyền. Từ năm 1947 - 1949, ông ra vùng kháng chiến, làm Chủ tịch Hội Học sinh mỹ thuật kháng chiến Gia Định. Mặc dù còn rất trẻ, nhưng trong thời gian này ông đã có thơ đăng trên các báo.

**Một trong hai nhà thơ điển hình nhất của thi ca miền nam giai đoạn 1945 - 1950**

Nhận xét về thơ của ông, nhà phê bình văn học Thế Phong, trong quyển Lược sử văn nghệ Việt Nam - Nhà văn tiền chiến, viết như sau: “Về bình diện thi ca miền Nam giai đoạn 1945 - 1950, chỉ có hai nhà thơ điển hình nhất là Vũ Anh Khanh và Hoàng Tố Nguyên. Họ bao trùm các nhà thơ khác, như Ái Lan, Tố Phong, Trúc Khanh, Khổng Dương…

Hoàng Tố Nguyên là tác giả của nhiều bài thơ đăng rải rác trên báo, mặc dù chưa in một tác phẩm nào… Những bài như: Vọng hướng sao rơi, Xuân về say ý nhạc… đăng trong tuyển tập thi ca Mùa giải phóng (tháng 5-1949)…

Từ năm 1950 - 1952, ông là Trưởng ban Tuyên truyền Tỉnh đoàn Thanh niên Cứu quốc Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương), Ủy viên Ban Chấp hành Phân hội Văn nghệ liên tỉnh Thủ Biên (Thủ Dầu Một - Biên Hòa). Từ năm 1952 - 1954, ông là cán bộ Sở Thông tin Nam bộ, Biên tập viên Báo Cứu quốc Nam bộ rồi Báo Vì Chúa, Vì Tổ quốc của lực lượng Công giáo kháng chiến Nam bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, làm Biên tập viên Báo Văn Nghệ. Năm 1956, ông là Ủy viên Thường trực Ban Đại diện Văn nghệ Nam bộ ở miền Bắc.

Năm 1957, ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam và công tác tại Trung ương Hội Nhà văn. Năm 1959, ông trở lại với nghề báo, làm Biên tập viên Báo Độc Lập.

Năm 1969, theo sự phân công của Ủy ban Trung ương các Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật, ông nhận nhiệm vụ xây dựng phong trào văn nghệ ở tỉnh Hà Tây, sau đó ở tỉnh Thái Bình (vào năm 1974).

Thời gian này, sống trong cảnh “ngày Bắc đêm Nam”, ngoài việc tích cực gầy dựng hoạt động văn hóa - văn nghệ ở địa phương, ông đã miệt mài và bền bỉ sáng tác.

Các truyện thơ và tập thơ của ông liên tiếp được ra đời, như Đổi đời (truyện thơ, năm 1955), Cô gái bần nông sông Hồng (truyện thơ, năm 1956), Đất nước (tập thơ, 1956), Gò Me (tập thơ, năm 1957), Từ nhớ đến thương (tập thơ, năm 1960), Quê chung (tập thơ, năm 1962), Gởi chiến trường chống Mỹ (năm 1966)...

Tháng 6-1975, ông mất tại Hương Canh, Thái Bình sau một cơn bạo bệnh. Một năm sau, tập thơ Tên quê hương của ông được xuất bản. Năm 1980, trong lời đề tựa tập thơ được tái bản Từ nhớ đến thương, nhà thơ Chế Lan Viên viết: “… Tôi nhận được tin anh mất ở Sài Gòn, ngẩn ngơ vì thương tiếc một cây bút, những dòng thơ…

Tôi tiếc cho Hoàng Tố Nguyên (Lê Hoằng Mưu) đã có một quê hương Gò Me - Nam bộ lúc ra đi, đã có một quê hương Hương Canh -  miền Bắc lúc trở về, có cả một Tổ quốc thống nhất xã hội chủ nghĩa, giữa ngày sắp được đoàn tụ, thế mà không sống đến phút đoàn tụ ấy. Tôi cũng tiếc cho Gò Me, Gò Công quê anh đã không có anh trở về…

Trong mấy nhà thơ Nam bộ tập kết ra Bắc hồi ấy, phải nói rằng anh là một trong mấy người có tài hơn cả… Lần đầu tiên khi thơ anh xuất hiện ở thủ đô, nó đã được nhiều người yêu mến và giới sành thơ trân trọng...”.  
**Tuyệt phẩm bài thơ gò me**

Trong các tập thơ của ông, tập thơ Gò Me của ông gồm 13 bài thơ được xuất bản năm 1957 đã gây được tiếng vang lớn. Nội dung tập thơ chủ yếu thể hiện tấm lòng thương nhớ quê hương của tác giả. Trong tập thơ này, bài thơ Gò Me viết về quê hương của ông là đặc sắc nhất:

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Văn bản Gò me là sáng tác của ai**

A. Huy Cận B. Xuân Diệu

C. Tố Hữu **D. Hoàng Tố Nguyên**

**Câu 2: Tác giả Hoàng Tố Nguyên tên thật là**

**A. Lê Hoằng Mưu**  B. Trần Hữu Tri

C.Nguyễn Văn Tài D. Cù Huy Cận

**Câu 3: Đâu là năm sinh, năm mất của Hoàng Tố Nguyên?**

**A. Năm 1929 – 1975** B. Năm 1929 – 1976

C. Năm 1928 – 1977 D. Năm 1929-1978

**Câu 4: Bài thơ Gò me được sáng tác trong hoàn cảnh nào?**

A. Thời kì miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội

B. Thời kì đất nước thống nhất

C. Thời kì kháng chiến chống Mĩ

**D. Thời kì đất nước bị chia cắt**

**Câu 5: Quê hương của nhà thơ Hoàng Tố Nguyên là?**

A. Tiền Giang **B. Kiên Giang**

C. Cần Thơ D. Đà Nẵng

**Câu 6: Phong cách sáng tác của nhà thơ là?**

A. Nồng nàn, trẻ trung B. Hàm súc triết lí

C. Trữ tình chính trị **D. Đằm thắm ân tình**

**Câu 7: Bài thơ Gò me được sáng tác theo thể thơ gì?**

**A. Tự do**  B. Bốn chữ

C. Năm chữ D. Lục bát

**Câu 8: Bài thơ Gò me được viết theo phương thức biểu đạt nào?**

A. Tự sự B. Miêu tả

**C. Biểu cảm** D. Nghị luận

**Câu 9: Bài thơ Gò me được sáng tác năm bao nhiêu ?**

A. Năm 1954 **B. Năm 1955** C. Năm 1956 D. Năm 1957

**2. Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi  Quê tôi đó! Mặt trông ra bể,Đóm hải đăng tắt lóe đêm đêm.Con đê cát đỏ cỏ viền,Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò.Ruộng vây quanh, bốn mùa gió mát,Lúa Nàng - keo chói rực mặt trời.Ao làng trăng tắm, mây bơi,Nước trong như nước mắt người tôi yêu.Quê tôi sớm sớm, chiều chiều,Lao xao vườn mía.Mái lá khoan thai thở làn khói nhẹ,Những chị, những em má núng đồng tiền.Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên,Véo von điệu hát cổ truyền.Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe:“Hò ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me,Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò”.Ôi, thuở ấu thơ,Cắt cỏ, chăn bò.Gối đầu lên áo, ( Trích Gò me - *Hoàng Tố Nguyên)*  **Câu 1:** Đoạn thơ trích trong văn bản nào, Tác giả là ai? Xác đinh phương thức biểu đạt chính?  **Câu 2:** Xác định nội dung của đoạn trích trên?  **Câu 3:** Cảnh sắc thiên nhiên và con người được miêu tả qua những chi tiết nào?  **Câu 4:** Vẻ đẹp thiên nhiên và hình ảnh con người lao động được hiện lên như thế nào qua đoạn thơ trên? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Đoan thơ trên trích trong văn bản Gò me của Hoàng Tố Nguyên

- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp miêu tả.

**Câu 2**: Nội dung của đoạn trích trên:

Vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên và con người Nam Bộ

**Câu 3:** \* **Cảnh sắc thiên nhiên.**

-Con đê cát đỏ cỏ viền

Ruộng vây quanh, bốn mùa gió mát

Lúa nàng keo chói rực mặt trời

Ao làng trăng tắm, mây bơi

Nước trong như nước mắt người tôi yêu;

Me non cong vắt lưỡi liềm

Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ;...

- Hình ảnh sinh động, giàu sức gợi

**\* Vẻ đẹp con người.**

Những chị, những em má núng đồng tiền

Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên.

Véo von điệu hát cổ truyền;

Chị tôi má đỏ, thẹn thò

Giã me bên trã canh chua ngọt ngào

**Câu 4:**

+ Vẻ đẹp thiên nhiên: Vẻ đẹp nên thơ, xanh mát.

+ Vẻ đẹp con người: Hình ảnh những con người lao động chần chất, khoẻ khoắn, duyên dáng, yêu đời, gắn bó với quê hương xứ sở,...

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  Nằm dưới làn me, nghe tre thổi sáo.Lòng nghe theo bướm, theo chim,Mạ non cong vắt lưỡi liềm,Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.Ôi, vui sao những lễ hội đình chùa,Rước sắc cuối năm, giựt giàn tháng bảy.Thân áo vá quàng, lại thay vạt mới,Hẹn hò, đổi guốc trao khăn.Trống giục thâu đêm, gối bỏ không nằm,Tóc bạc nghe kinh, tuổi xanh tình tự.Tôi, sáu tuổi trong lòng bà, hớn hở,Xem tuồng “Đoạt Võ Trạng Nguyên”.Để ra về mơ mãi chuyện thần tiên,Moi đất sét nặn quả chùy Nguyên Bá.Ôi! Những tháng mưa dầm lạnh giá,Đường làng thụt móng chân trâu.Tre, cau phờ phạc,Cánh cò mặt nước đồng sâu.Hai bên hàng xóm têm trầu,Áo tơi, nón lá, gọi nhau đổ lờ.Những trưa nắng thơm mùa gặt hái,Mái đình cong, cu gáy xa xa.Con đê nắng đổ chói lòa,Me xanh tỏa bóng, gió hòa trong cây.Già  phanh áo, gối tay, ríu mắt,Gái dụm đầu bói Lục Vân Tiên.Trai làng kính cẩn ngồi yên,Giọng ông tôi lại cất lên, kể rằng:“Cửa Cần Giờ vào năm khởi nghĩa,Sóng Cần Giờ đỏ khé máu tươi!Gò Công oanh liệt một thời!Ông Trương “Đám-lá-tối-trời” đánh Tây”.Ruộng Gò Công cò bay thẳng cánh,Ao Gò Me nước gánh không vơi.Đất lành màu mỡ sinh sôi,Nếp than, nấm rạ làng tôi vẫn nghèo.Trước khi nhắm mắt thân yêu,Bà tôi dám ước mơ nhiều hơn đâu.Một vuông khăn đỏ bịt đầu,Nợ nần truyền kiếp trông vào con thơ.  ( Trích Gò me - *Hoàng Tố Nguyên)*  **Câu 1:** Qua nỗi nhớ của nhà thơ - một người con phải sống xa quê - cảnh sắc Gò Me hiện lên như thế nào?  **Câu 2.** Hình ảnh người dân Gò Me được tác giả khắc hoạ qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó gợi cho em cảm nhận gì về con người nơi đây?  **Câu 3.**Nhớ đến Gò Me, tác giả nhớ da diết điệu hò quê hương. Việc nhà thơ hai lần dẫn lại câu hò gợi cho em suy nghĩ gì?  **Câu 4.**Bài thơ Gò Me có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Em thích những hình ảnh nào? Vì sao?  **Câu 5.**Nêu cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với quê hương đất nước được thể hiện trong bài thơ.  **Câu 6.**Nhà thơ lấy tên một vùng đất làm nhan đề bài thơ. Hãy kể tên một số tác phẩm mà em đã học, đã đọc cũng có cách đặt nhan đề tương tự. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** - Qua nỗi nhớ của nhà thơ cảnh sắc Gò Me hiện lên rất sinh động và chi tiết. Gò Me được hiện lên từ vị trí địa lý là gần biển rồi tiếp tục được hiện lên với các hình ảnh đã rất thân thuộc với tác giả như: ngọn hải đăng, con đê, nhạc ngựa, ruộng đồng, ao làng, vườn mía, câu hát… Tất cả đã tạo lên một bức tranh quê sinh động, đầy màu sắc với sức sống tràn trề, tươi vui.

**Câu 2.**Hình ảnh người dân Gò Me được tác giả khắc hoạ qua những chi tiết như:

+ Những chị, những em má núng đồng tiền

Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên

+ Véo von điệu hát cổ truyền

+ Ôi, thuở ấu thơ

Cắt cỏ, chăn bò

Gối đầu lên áo

Năm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo

Lòng nghe theo bướm, theo chim

+ Tôi nằm trên võng mẹ đưa

Có chim cu gáy giữa trưa hanh nồng

+ Chị tôi, má đỏ thẹn thò

Giã me bên trã canh cua ngọt ngào.

- Những chi tiết khắc họa hình ảnh con người Gò Me làm cho em cảm thấy họ là những người rất giản dị, cởi mở, đáng yêu. Cuộc sống của họ cũng luôn có sự tự do, những niềm vui, tiếng cười.

**Câu 3.**- Việc nhà thơ hai lần dẫn lại câu hò gợi cho em cảm giác các điệu hò đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của mỗi người dân Gò Me. Có thể nói, câu hò, điệu hò đã cùng họ lớn lên và in sâu vào tâm trí của mỗi người dân nơi đây.

**Câu 4.**- Trong bài thơ Gò Me em rất thích hình ảnh:

“Con đê cát đỏ cỏ viền

Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò.

Ruộng vây quanh,bốn mùa gió mát

Lúa làng keo chói rực mặt trời”

Và

“Những chị, những em má núng đồng tiền

Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên

Véo von điệu hát cổ truyền

“- Hò… ơ… Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me

Không vì sắc lịch,mà chỉ vì mê giọng hò”.

- Em thích hình ảnh thứ nhất vì nó mở ra một không gian rộng mênh mông, thoải mái với con đê, cỏ xanh, lúa vàng, gió mát… tất cả tạo nên một bức tranh quê rất yên ả, thanh bình khiến cho con người cảm thấy yêu thích và luôn muốn sống ở một nơi như vậy.

- Ở hình ảnh thứ 2, tác giả đã miêu tả về những người con gái Gò Me không chỉ xinh đẹp, duyên dáng, thanh lịch, chăm chỉ, khéo léo mà còn có giọng hò rất ngọt ngào. Những người con gái này cũng chính là những người làm tô thêm vẻ đẹp cho mảnh đất và con người vùng đất Gò Me - quê hương của tác giả.

**Câu 5.**- Theo em, tác giả là một người luôn yêu quý và trân trọng quê hương đất nước của mình. Điều này được thể hiện bằng việc nhà thơ nhớ rất rõ vị trí địa địa lý quê mình, nhớ từng chi tiết như nhạc ngựa leng keng, nhớ vườn mía, bờ tre, cây me… những hình ảnh tuy rất quen thuộc, có thể bắt gặp ở rất nhiều nơi nhưng chính nó lại làm hiện lên quê hương trong tâm trí của tác giả. Đặc biệt, tác giả yêu và trân trọng quê hương của mình bởi ở đó là tuổi thơ gắn liền với những người thân thiết nhất của tác giả là mẹ, là chị.

**Câu 6.**- Một số tác phẩm mà em đã học, đã đọc có cách đặt tên giống bài thơ là: Cô Tô (Nguyễn Tuân), Cù Lao Chàm (Nguyễn Mạnh Tuấn)…

**3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời những câu hỏi bên dưới:**  **ĐÀ LẠT VÀ TÔI**  **Chu Văn Sơn**  *Tôi đồ rằng, do bất bình trước cái việc tạo hoá đã ném mình vào nắng nung khiến thân nhiệt lúc nào cũng nồng nã vã sáng, xứ nhiệt đới này đã gồng mình cướp lại băng được một phần ôn đới rồi đem về cất giấu tận trên cao nguyên Di Linh làm của để dành. Vì thế mà có Đà Lạt. Đà Lạt được giấu kín như thế hàng kỉ nguyên sau mây mù và rừng núi rậm rạp. Kín đến nỗi chính xứ nhiệt đới cũng từng quên mất nó. Chỉ đến khi một người Pháp tốt bụng là Yersin kiên nhẫn dò tìm và phát hiện ra, thì Đà Lạt mới được khua dậy, được dắt tay ra khỏi lãng quên. Lập tức người Pháp ở Đông Dương chọn đây làm nơi nghỉ dưỡng khi không thể về bản quốc.*  *Lên đây, họ cảm thấy được hồi hương ngay tại xứ người. Người Việt xem Đà Lạt như một ôn đới gần, một ôn đới nằm gọn trong vòng tay nhiệt đới. Từ Hà Nội bay vào hay Sài Gòn bay ra, họ đều cất cánh từ mùa hạ, sau vài tiếng đồng hồ, đáp cánh xuống mùa thu. Người bị ngập đầu trong guồng quay công việc tìm về đây cho ngày cuối tuần thư giãn, y như thỏi sắt nung được nhúng vào nước lạnh.*  *Người cầm tù trong nhịp sống tĩnh tại, thời gian biểu quần quanh, tìm về đây như một dịp thau chua rửa mặn, được sống những nhu cầu khuất lấp trong mình. Có phải ngàn thông là một bộ lọc tận tuy vô tư cho Đà Lạt không Bao bọc Đà Lạt trong lòng mình, ru vỗ Đà Lạt trong cái nội xanh đời đời của mình, thông cao nguyên cứ lặng thầm lọc nóng thành mát, đục thành trong tục thành thanh, ổn ã thành êm ả, nhiệt đới thành ôn đới...*  *[...]Mối nguy cơ đến từ vùng thấp đang lan tràn và lăm le đánh chiếm nổi miền cao này. Cái xô bồ, hỗn tạp, nhiều loạn, quay cuồng chả đời nào chịu buông tha cho những chốn êm đềm yên ả. Sự cách li có là phòng tuyến lâu dài? Sự ẩn dật có thể là trường thành chống đỡ và cách sống chậm nữa, liệu có thể là lá mộc che giữ cho sự bình yên này mãi không? Tôi đọc ra niềm lo âu trong mỗi tiếng thở dài của rừng thông về đêm và những thoáng rùng mình kín đảo từ những đoá hoa hồng, lay ơn, cẩm tú cầu khi những tia nắng đầu tiên gọi về một ngày mới.*  *Nỗi lo âu dường như cũng tỏ mờ ngay cả trong những làn hương từ mỗi li cà phê trong quán nhỏ. Chẳng thế mà, đang nghi ngút toả lên yên ả vậy, sao chốc chốc làn hương lại chợt ngừng, chợt ngơ ngẩn bởi những thoáng gió lạ lúc nắng mai? Chỉ Đà Lạt mới biết hằng đêm, mỗi khi tiếng chuông điểm canh trên thiền viện ngân trong thanh vắng, thì cũng là lúc ngàn thông vào thiền định trong một lễ cầu an mênh mông thầm nguyện cầu cho xứ sở yên hàn.*  *(Trích Đà Lạt và tôi, in trong cuốn Tự tình cùng cái đẹp của Chu Văn Sơn, NXB Hội Nhà văn, 2019, tr.38 - 49)*  **Câu 1.** Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?  **Câu 2.** Vẻ đẹp của thiên nhiên của Đà Lạt theo quan điểm của người viết gắn liền với khí hậu gì?  **Câu 3.** Phó từ “những” trong câu văn “Nỗi lo âu dường như cũng tỏ mờ ngay cả trong những làn hương từ mỗi li cà phê trong quán nhỏ.” bổ sung ý nghĩa gì?  **Câu 4.** Đoạn trích trên thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của người viết:  **Câu 5.** Em có đồng tình với tác giả khi cho rằng: *Cái xô bồ, hỗn tạp, nhiều loạn, quay cuồng chả đời nào chịu buông tha cho những chốn êm đềm yên ả. Sự cách li có là phòng tuyến lâu dài? Sự ẩn dật có thể là trường thành chống đỡ và cách sống chậm nữa, liệu có thể là lá mộc che giữ cho sự bình yên này mãi không*? Vì sao?  **Câu 6.** Theo em, để bảo vệ bình yên cho các danh lam thắng cảnh ở nước ta khỏi sự xô bồ, hỗn tạp cần có giải pháp gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Văn bản trên được kể theo ngôi kể thứ nhất

**Câu 2.** Vẻ đẹp của thiên nhiên của Đà Lạt theo quan điểm của người viết gắn liền với khí hậu ôn đới.

**Câu 3.** Phó từ “những” trong câu văn “Nỗi lo âu dường như cũng tỏ mờ ngay cả trong những làn hương từ mỗi li cà phê trong quán nhỏ.” Bổ sung ý nghĩa về số lượng

**Câu 4**. Đoạn trích trên thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của người viết: Yêu thích vẻ đẹp bình yên của Đà Lạt và hi vọng sự bình yên đó không bị sự hỗn tạp và xô bồ xâm lấn.

**Câu 5.**

Học sinh đưa ra được ý kiến của mình và lí giải hợp lí.

**Câu 6.**

- Có hệ thống những quy định rõ ràng đối với du khách khi tham quan cần giữ gìn quang cảnh, môi trường tĩnh lặng.

- Khuyến khích, tuyên dương những hành động bảo vệ môi trường, danh lam thắng cảnh.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**  **TIẾNG CHIM TRONG THÀNH PHỐ**  *(1)Hà Nội những năm vừa tiếp quản thập niên 50, 60 là một sân chim vô cùng phong phú. Kể cả những tháng ngày chiến tranh bom đạn cũng không bao giờ vắng tiếng chim. Trên những vòm lá cổ thụ là nơi trú ngụ của hàng đàn chim khuyên lớn. Hửng sáng, những chú chim trống đua nhau hót sổng gọi bạn. Tiếng hót râm ran hàng tiếng đồng hồ. Con chim vào loại bé nhất trong các loài chim ấy không ngờ có giọng hót lảnh lót vang xa đến thế. Lũ chim sẻ bị đánh thức hòa giọng chành chọe dấm dứt rời chỗ ngủ. Những con chích chòe than đậu chót vót trên ngọn cây cất tiếng hót từng hồi dài. Phía vườn Bách Thảo lạch xạch tiếng con chim dẻ quạt luồn lách trong những tàng cây thấp cất tiếng hót trong veo mảnh mai tơ tóc. Hòa giọng lanh chanh sắc nhọn của bầy chim bạc má thoăn thoắt chuyền cành. Những cây cổ thụ trong các đình chùa là nơi trú ngụ của những con chim cú mèo. Ban đêm, chúng lặng lẽ liệng cánh rất thấp dọc theo các con phố tối đèn tìm bắt chuột.*  *Tháng ba, hoa gạo nở đỏ rực bên hồ Hoàn Kiếm, Bảo tàng lịch sử, Miếu Hai Cô góc Văn Miếu. Từng đàn chim sáo đen, sáo mỏ nghệ, sáo nâu kéo về từ mạn Hòa Bình xôn xao trò chuyện. Chúng còn nán lại sang hết tháng tư khi những quả đa chín vàng rượi quanh hồ. Tháng mười một, mùa quả nhội chín, chim héc có cái mỏ đỏ chót ầm ĩ kéo về phố hàng đàn. Những quả nhội chín chớm chua màu cát là thức ăn loài chim này rất thích. Những con phố Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Phan Chu Trinh lúc ấy trồng chủ yếu loại cây này.*  *Quanh năm trên những cây cổ thụ trong thành phố không lúc nào ngớt tiếng chim cu gáy gọi bạn. Chúng chọn những hàng cây lớn ven sông Hồng phía đường Yên Phụ và khu bệnh viện Hữu Nghị làm nơi tá túc. Là nơi có khoảng cách gần nhất để vượt sông sang những bãi bồi ngô lúa bờ bên kia. Ngoài bãi sông trong những tầng cây thấp là tiếng con chim gọi vịt chập chờn theo tiếng sóng. Loài chim này rất hiếm khi có thể nhìn thấy chúng. Nhưng tiếng hót đặc biệt đúng giờ và đúng nơi cứ như thể chúng vĩnh viễn có mặt ở đấy. Đầu hè là tiếng chim sơn ca tha thiết tìm bạn trên những dải cát hồng bãi giữa. Giọng sơn ca thỉnh thoảng vút cao giữa tầng không trong vắt như nhạc xuống từ trời. Con chim xấu mã này có một giọng ca tuyệt vời nhất trong toàn bộ thế giới chim cảnh.*  *Chim chào mào dạn người sống khắp nơi trong thành phố. Công viên vườn hoa nào cũng rất sẵn. Lũ chào mào hoắng huýt coi tất cả cây cối như nhà riêng của chúng.*  *Mùa di trú, chim sâm cầm, le le kéo về đậu trên mặt nước Hồ Tây thành những mảng lớn lênh đênh trên sóng. Đàn chim rét mướt giữa sương khói mặt hồ ẩn hiện thần tiên trong những lau lách lan man bên bờ. Cuối bãi sông Hồng kéo dài về phía Hà Nam là những con giang, con sếu co ro một chân im lìm soi bóng nước như bức tượng xám...*  *(2)Những cánh chim trong thành phố được thảnh thơi bay lượn vui vầy cho đến khoảng giữa những năm 60 của thế kỉ trước. […]*  *Chim khách và chim quạ biến mất hoàn toàn cho đến tận bây giờ không chỉ ở Hà Nội. Lác đác còn lại vài con chim cu gáy sợ sệt hiếm khi nghe thấy giọng. Những chim nhỏ cũng lần lượt vào nồi bởi số lượng đông đảo. Chào mào và chim sẻ trải qua giai đoạn khốc liệt này chỉ còn rất thưa thớt.*  *Hồ Tây với việc xây dựng ồ ạt trong những năm gần đây không chỉ mất đi cảnh quan ven hồ. Đàn chim di trú cũng chỉ còn lác đác lai vãng năm về năm không. Ngoài đê sông Hồng đã trở thành phố phường, không bao giờ còn nghe thấy tiếng con chim gọi vịt nữa. Mấy cây gạo ven hồ Hoàn Kiếm và Văn Miếu đã không còn. Lũ sáo đá, sáo nâu nhiều năm rồi biệt tích.*  *Người Hà Nội không thể thiếu tiếng chim. Nạn săn bắn đã được kiểm soát chặt chẽ từ hơn chục năm rồi. Nhưng thật lạ, những loài chim tưởng như rất dạn người không quay về nữa. Người Hà Nội chơi chim cảnh nuôi nhốt trong lồng. Tiếng hót sung mãn của con sơn ca, con vành khuyên, con chào mào nuôi nhốt nghe ra vẫn có âm hưởng ai oán thế nào?*  ***(Đỗ Phấn)***  **Câu 1.** Nội dung chính của phần (1), (2) trong văn bản là gì?  **Câu 2:** Tác giả sử dụng cách thức nào để miêu tả các loài chim trong thành phố ?  **Câu 3:** Qua văn bản trên, có thể thấy tác giả là người như thế nào?  **Câu 4.**Thông điệp chính mà tác giả muốn chuyển đến bạn đọc qua văn bản *Tiếng chim trong thành phố* là gì?  **Câu 5.** Theo em, cần có những biện pháp nào để bảo vệ các loài chim. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Nội dung chính của phần (1), (2) trong văn bản là:

(1) Tái hiện một thời thành phố Hà Nội có đầy tiếng chim

(2)Phản ánh hiện trạng Hà Nội bây giờ đã vắng đi rất nhiều tiếng chim

**Câu 2:** Tác giả sử dụng cách thức nào để miêu tả Liệt kê tên các loài chim

**Câu 3:** Qua văn bản trên, có thể thấy tác giả là người Có hiểu biết phong phú và rất yêu quý tiếng chim

**Câu 4.** Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm: Thành phố Hà Nội cần có chính sách và quy định để bảo vệ các loài chim trong thành phố. Mỗi người dân cũng cần có ý thức để bảo vệ các loài chim.

**Câu 5.** Những biện pháp để bảo vệ các loài chim:

- Không săn bắt các loài chim quý hiếm.

- Xây dựng khu bảo tồn các loài chim quý hiếm.

- Bảo vệ môi trường sống của các loài chim.

- Tăng cường bảo vệ và chăm sóc các loài chim.

- Hạn chế săn bắt và nuôi chim làm cảnh.

- Tuân theo các biện pháp và tuyên truyền các biện pháp này cho người thân và hàng xóm để bảo vệ các loài chim.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  “*Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi có quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì sau mỗi lần dông bão bao giờ bầu trời Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đặm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa. Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi*”  *(Trích Cô Tô - Nguyễn Tuân)*  **Câu 1**: Cho biết phương thức biểu đạt chính của đoạn văn ?  **Câu 2**: Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của ngôi kể ấy.  **Câu 3**: Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của nó có trong đoạn văn trên.  *“ Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đặm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa.”* |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:**

- Phương thức biểu đạt chính: Miêu tả

**Câu 2:**

* Ngôi kể: Ngôi thứ nhất
* Tác dụng: Những quan sát, miêu tả của tác giả đến với người đọc một cách chân thực hơn, phù hợp với đặc trưng thể loại kí

**Câu 3:**

- Biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đặm đà...., và cát lại vàng giòn hơn nữa”

=> Cảnh vật Cô Tô sau trận bão hiện lên thật trong trẻo, sáng sủa, tinh khôi, như được hồi sinh sau trận bão

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kỳ hết. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc, đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong buổi bình minh để mừng cho sự trường thọ của biển Đông…”.*  **Câu 1**: Xác định thể loại văn bản?  **Câu 2:** Đoạn văn thể hiện nội dung gì?  **Câu 3:** Tìm và phân tích tác dụng các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên.  **Câu 4:** Xác định thành phần chính của câu: Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc, đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Thể loại: Kí

**Câu 2:**

* Đoạn văn miêu tả cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô

**Câu 3:**

* **Hình ảnh so sánh**: Mặt trời nhú lên dẩn dẩn, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.
* **Hình ảnh ẩn dụ**: quả trứng – chỉ mặt trời
* Đó là một cái nhìn mới mẻ vể mặt trời. Mặt trời lên và trên cái nền trong trẻo, tinh khôi của bầu trời, qua màn hơi nước biển mờ ảo buổi sáng thì mặt trời quả đúng như lòng đỏ một quả trứng.

**- Tác dụng**: gợi tả vẻ đẹp của mặt trời lúc mới mọc ở biển.

=>Gợi cảm giác nó dịu dàng, hiền hoà, phúc hậu và ta thấy óc quan sát, nhận xét tinh tế kết hợp với trí tưởng tượng phong phú của tác giả.

**Câu 4:**

*Quả trứng hồng hào, thăm thẳm và đường bệ* (**CN**) *//đặt lên một mâm bạc, đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng*(**VN**)

**P**

**4. Dạng viết ngắn**

# Đề: Nêu cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với quê hương đất nước được thể hiện trong bài thơ

**Bài tham khảo**

Bài thơ đã thể hiện tình cảm yêu mến, gắn bó, tự hào của tác giả dành cho quê hương Gò Me yêu quý của mình. Tình cảm yêu mến, gắn bó, tự hào được thể hiện qua việc khắc họa những hình ảnh đẹp đẽ của thiên nhiên và con người Gò Me. Cách mở đầu bài thơ với cụm từ “Quê tôi đó” như một sự khẳng định, niềm tự hào của người con về quê mẹ. Tác giả tự hào giới thiệu về quê hương “mặt trông ra bể” của mình với ngọn hải đăng “tắt, lóe đêm đêm”. Tiếp theo đó là hàng loạt những khung cảnh hiền hòa, đẹp đẽ hiện lên dưới đôi mắt trìu mến của tác giả. Con đê cát đỏ nhạc ngựa leng keng, dòng người nô nức đổ lên chợ Gò. Ruộng đồng bát ngát, lúa vàng rực cả góc trời. Tác giả ví nước ao làng trong vắt như nước mắt người yêu, khẳng định một tình cảm yêu thương, gắn bó sâu nặng dành cho mảnh đất này. Nổi bật trong khung cảnh ấy là hình ảnh con người với điệu hò ngọt ngào, sự cần cù trong lao động, giản dị trong lối sống. Tất cả đã tạo nên một bức tranh quê tuyệt đẹp được vẽ bởi người con luôn yêu thương, tự hào về xứ sở mình.

# Đề: Viết đoạn văn (khoảng 5 -7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ từ Ôi, thuở ấu thơ đến Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ

Từ cảm xúc của thiên nhiên, con người, mạch thơ trong Gò Me đã chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ suy ngẫm và tình yêu của nhà thơ trước quê hương

Từ cảm xúc của thiên nhiên, con người, mạch thơ trong Gò Me đã chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ suy ngẫm và tình yêu của nhà thơ trước quê hương. Quê hương, đất nước thường gợi lên ở mỗi con người niềm khát khao, nỗi nhớ và hi vọng. Với Hoàng Tố Nguyên cũng thế, ông say sưa mơ màng về một thuở ấu thơ bình dị, trong mát nơi làng quê:

“Ôi, thuở ấu thơ

Cắt cỏ, chăn bò

Gối đầu lên áo

Nằm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo

Lòng nghe theo bướm, theo chim

Me non cong vắt lưỡi liềm

Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ”

Lời thơ như ngân lên thành lời ca. Tuổi thơ của tác giả là những ngày tháng êm đềm, bình dị mà chan chứa yêu thương. Đó là tuổi thơ trong mát, thấm đẫm kỉ niệm của trẻ em nông thôn, cùng cắt cỏ, chăn bò, hòa vào thiên nhiên, lắng nghe những giai điệu dịu mát từ thiên nhiên vọng về. Đoạn thơ giản dị về ý tứ nhưng lại mênh mông những nỗi niềm yêu mến, tự hào về miền quê thân yêu.

**ÔN TẬP BÀI THƠ ĐƯỜNG NÚI CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI**

*(Vũ Quần Phương)*

**I. Tác giả tác phẩm**

- Vũ Quần Phương(1940)

- Quê quán: Nam Định

- Ông là nhà thơ, nhà phê bình văn học

- Tác phẩm chính: Hoa trong cây( 1977), Vầng trăng trong xe bò(1988),Vết thời gian (1996)…

**II. Tác phẩm Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi**

- Thể loại: Nghị luận văn học

**- Phương pháp biểu đạt:** Nghị luận

**- Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác**

-Trích tác phẩm Thơ hay có lời có 1000 bài, Vân Long tuyển chọn

**- Bố cục tác phẩm Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi**

- Phần 1 từ đầu…trong mắt anh: Bức tranh chiều rừng

- Phân 2 tiếp theo… ngân nga của tâm trí: Phân tích hình ảnh bếp chiều

- Phần 3 Còn lại: nêu lên nội dung thơ

**- Tóm tắt tác phẩm Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi**

Bài bình thơ của Vũ Quần Phương là góc nhìn của tác giả sâu sắc và đủ đầy về những khía cạnh dù nhỏ nhất của bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi.  Tác giả của bài bình thơ đã hóa thân, làm một nhân vật trong bức tranh thơ để cảm nhận một cách tinh tế nhất những thanh âm trong trẻo và cảm xúc dạt dào mà bài thơ đã gợi ra. Đó là bức tranh về một buổi chiều trên đường núi, với vài nét chấm phá của gió, của suối, của ruộng nương, mái nhà sàn đủ thể hiện tình yêu giản dị của tác giả dành cho thiên nhiên, đất nước.

**- Giá trị nội dung tác phẩm Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi**

- Tác phẩm  là lời bình của “Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi”

**Giá trị nghệ thuật tác phẩm Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi**

- Sử dụng phương pháp biểu đạt nghị luận văn học

- Dẫn chứng thuyết phục

- Luận điểm rõ ràng, lý lẽ chặt chẽ

**III. Tìm hiểu chi tiết Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi**

**1. Sự đồng cảm của người bình thơ với bài thơ**

- Tác giả cảm nhận được điểm hay, cái đẹp của bài thơ

+ Bài thơ như bức tranh chấm phá vài nét chiều rừng

+Không nói nhưng ta nghe nhịp điệu của bài thơ trong cách nhìn ngất ngây với sương mây, rì rào với tiếng suối

- Thấu hiểu được tâm tình mà nhà thơ muốn nhắn gửi

+ Tình cảm  yêu quê hương , núi rừng say đắm

+ Nếu   Tóm tắt tác phẩm tác phẩmbài thơ chỉ thấy một buổi chiều rừng núi, có lối mòn , có bản nhỏ, có khói bếp,gió nổi trăng lên , áo chàm, tiếng hát, cánh đồng,.. cái chúng ta xúc động là từ trường cảm xúc thu hút sắp xếp các hình ảnh đó với nhau

- Người thơ đặt mình vào tác giả để hiểu được những gì nhà thơ muốn nói

+ Đường vắng một mình mà lòng vui

+ Đi một mình mà lòng như ca hát

**2. Nét ấn tượng của bài bình thơ**

- Tác giả như muốn nói hết nỗi lòng của Nguyễn Đình Thi

- Ông cố gắng dùng những ngôn từ hay nhất để phân tích bài thơ

+ Cái từ trường cảm xúc thu hút, sắp xếp các hình ảnh

+ Tình cảm say đắm đồng đất, núi rừng làng mạc nước non mình

+ Ánh nhìn rơi vào đâu cũng thấy rung rinh, xao xuyến, bay múa, ca hát

**II. Luyện tập**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Đâu không phải là sáng tác của Vũ Quần Phương?**

A. Cỏ mùa xuân **B. Tràng giang**

C. Hoa trong cây D. Giấy mênh mông trắng

**Câu 2: Xác định phương thức biểu đạt của bài thơ?**

A. Miêu tả B. Tự sự

**C. Nghị luận** D. Thuyết minh

**Câu 3: Tác giả của văn bản bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi là**

**A. Vũ Quần Phương** B. Nguyễn Tuân

C. Thép mới D. Đoàn Giỏi

**Câu 4:** Với tác giả Vũ Quần Phương bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi được so sánh với điều gì?

A. Bức tranh chấm phá vài nét chiều rừng tiết kiệm cả nét lẫn màu

B. Những con sóng lòng đầy ưu tư phiền não

C. Bức thư tình nồng nàn yêu thương

D. Bức thư thấm đẫm ý vị triết lí về con người và cuộc đời

**Câu 5: Nét ấn tượng của bài bình thơ trên là gì?**

A. Tác giả như muốn nói hết nỗi lòng của Nguyễn Đình Thi

B. Ông cố gắng dùng những ngôn từ hay nhất để phân tích bài thơ

C. Cái từ trường cảm xúc thu hút, sắp xếp các hình ảnh

**D. Cả 3 đáp án trên**

**Câu 6:** **Giá trị nghệ thuật tác phẩm Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi**

A. Sử dụng phương pháp biểu đạt nghị luận văn học

B. Dẫn chứng thuyết phục

C. Luận điểm rõ ràng, lý lẽ chặt chẽ

**D. Tất cả nội dung trên đều đúng**

**2. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**  Chiều nhạt nhạt về nơi nào xa lắm  Ngây ngất sương mây  Lối mòn không dấu chân  Gió nổi  Đâu đây tiếng suối rì rào  Ôi những vạt ruộng vàng  Chiều nay rung rinh lúa ngả  Dải áo chàm bay múa  Tiếng ai hát trên nương  Bờ tre đang réo ánh lửa  Mái nhà sàn tỏa khói xanh  Hươu gào xa văng vẳng  Một mảnh trăng dốc ngả chập chùng   Bước chân bóng động nghiêng bờ núi.  (Trích Bài thơ đường núi của Nguyễn Đình Thi)  **Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt của bài thơ trên?  **Câu 2:** Bài thơ giúp em hiểu được điều gì?  **Câu 3**: Nội dung của bài thơ trên? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt: Biểu cảm

**Câu 2:** Bài thơ là bức tranh chấm phá nét chiều tà với cách nhìn ngây ngất với sương mây, rì rào tiếng suối.

- Thấu hiểu được những tâm tình của nhà thơ với cảnh đẹp đất nước, quê hương, núi rừng say đắm.

**Câu 3:** Đường núi là một bài thơ ngắn, cô đọng nhưng lại mang cả một tình yêu mênh mông của Nguyễn Đình Thi vào trong bức tranh ấy. Đó là bức tranh về một buổi chiều trên đường núi, với vài nét chấm phá của gió, của suối, của ruộng nương, mái nhà sàn đủ thể hiện tình yêu giản dị của tác giả dành cho thiên nhiên, đất nước. Phải yêu quý và có sự tưởng tượng, quan sát tinh tế mới vẽ nên được cái hồn của bức tranh thiên nhiên từ trong những điều giản dị kia.

**3. Dạng bài tập Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  **THẠCH SANH - TRUYỆN CỔ TÍCH THẦN KỲ TIÊU BIỂU**  **TRONG KHO TÀNG TRUYỆN CỔ DÂN GIAN VIỆT NAM**  ***Thạch Sanh là một*** *truyện cổ tích hội tụ đầy đủ các yếu tố đặc trưng tiêu biểu của thể loại cổ tích thần kỳ trong truyện cổ dân gian của nước ta. Điều dễ nhận thấy nhất ở truyện Thạch Sanh là công thức cố định của kế chuyện cổ tích, đó là: Công thức mở đầu: Ngày xưa ... ở... có một... Công thức kể phần diễn biến là toàn bộ câu chuyện Thạch Sanh lần lượt vượt qua nhiều hơn ba lần thử thách, các thử thách sau bao giờ cũng cam go, khó khăn hơn thử thách trước. Công thức kể phần kết thúc: Về sau, vua không có con trai, để nhường ngôi cho Thạch Sanh.*  *Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyền cổ tích thần kỳ. Thạch sanh là nhân vật chính diện đẹp nhất, tiểu biểu và hoàn hảo nhất với nhiều mặt hoạt động rộng lớn, nhiều chiến công nhiều loại kẻ thù và nhiều tài năng nhóm chất cao đẹp. Sự ra đời bình thường và khác thưởng của Thạch sanh là yếu tố kỳ lạ khởi đầu cho mô típ nhân vật chàng dũng sĩ Thạch Sanh vẫn là Thái tử con Ngọc Hoàng được đầu thai vào nhà họ Thạch (ở Cao Bằng) để đến ơn đáp nghĩa cho ông bà Thạch Nghĩa ăn ở có đức, có nhân. Như vậy là chàng có nguồn gốc thần tiên, là "người Trời”. Nhưng sau khi đầu thai vào nhà họ Thạch, Thạch Sanh đã sinh ra và lớn lên thành một con người ở cõi trần, trong xã hội phong kiến Việt Nam, có cha mẹ, họ tên, quê hương, nghề nghiệp và vị trí trong gia đình, xã hội rất rõ ràng, cụ thể. Điều này không phải nhân vật có tích nào cũng có, nó làm cho hình tượng nhân vật Thạch Sanh vừa có tính khái quát hóa, vừa giàu tính cụ thể, sống động. Chi tiết đó mở đầu, báo hiệu cho cuộc đời tràn đầy những yếu tố kì lạ, hoang đường của Thạch Sanh. Nguồn gốc thần linh đã tô điểm cho xuất thân cao quỹ, vẻ đẹp lí tưởng của nhân vật. Việc thiên thần xuống dạy phép thuật và các môn võ nghệ cho Thạch Sanh là sự chuẩn bị cho chàng đối diện với những thử thách và đã lí giải cho chiến thắng của chàng ở những chặng tiếp theo của câu chuyện.*  *Kết cấu của truyện "Thạch Sanh" là một kết cấu tiêu biểu cho truyện cổ tích thần kỳ. Kết cấu gồm ba phần. Phần đầu nhân vật chính xuất hiện với sự ra đời có yếu tố thần kỳ. Chàng là con Thái tử, được truyền dạy võ nghệ. Phần giữa là cuộc phiêu lưu của nhân vật chính trong thế giới cổ tích. Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách. Phần thưởng là các phương tiện thần kỳ là trợ thủ đắc lực cho nhân vật vượt qua các thử thách nối tiếp sau đó. Phần kết thúc: Đối đời hay là sự thay đổi số phản trong "thế giới cổ tích". Cả hai mô típ thưởng (cho nhân vật chính) và phạt (đối với kẻ ác, lực lượng thù địch) đều xuất hiện hợp lý trong truyện. Kết thúc truyện, Thạch Sanh được lấy công chúa và lên ngôi vua. Mẹ con Lí Thông tuy được Thạch Sanh tha cho về nhưng đi đến giữa đường bị Thiên Lôi đánh chết. Đây là dạng kết thúc quen thuộc của truyện cổ tích, theo dạng "kết thúc có hậu”; nghĩa là người nghèo, người bị áp bức, người tốt được bênh vực và hạnh phúc kẻ gian ác thì bị trừng phạt. Đó là quan niệm, cũng là triết là của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.*  *(Trích Thạch Sanh và kiểu truyện dũng sĩ trong truyện cổ Việt Nam và Đông Nam Á, Nguyễn Thị Bích Hà)*  **Câu 1.** Văn bản trên thuộc loại văn bản nào?  **Câu 2.** Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?  **Câu 3.** Bằng chứng được đưa ra để làm rõ ý kiến “truyện Thạch Sanh là công thức cố định của kể chuyện cổ tích” là những câu nào?  **Câu 4.** Xác định từ Hán Việt trong câu “Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyền cổ tích thần kỳ.”  **Câu 5.** Xác định phó từ trong câu “Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách.”  **Câu 6.** Tác giả đã nhận xét về kết thúc của truyện như thế nào. Em có đồng tình với nhận xét này không.  **Câu 7.** Theo em, làm thế nào để bài nghị luận không chỉ có lý lẽ khô khan mà thêm phần sinh động, có sức thuyết phục. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc loại văn bản nghị luận

**Câu 2.** Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là Khẳng định Thạch Sanh là truyện cổ tích thần kì tiêu biểu trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam.

**Câu 3.** Bằng chứng được đưa ra để làm rõ ý kiến “truyện Thạch Sanh là công thức cố định của kể chuyện cổ tích” là:

* Câu mở đầu: *Ngày xưa ... ở... có một...*
* Câu kể phần diễn biến là toàn bộ câu chuyện Thạch Sanh lần lượt vượt qua nhiều hơn ba lần thử thách, các thử thách sau bao giờ cũng cam go, khó khăn hơn thử thách trước.
* Câu kết thúc kể phần kết thúc: *Về sau, vua không có con trai, để nhường ngôi cho Thạch Sanh*.
* **Câu 4.** Từ Hán Việt trong câu “Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi và nhân vật dũng sĩ, đó là hai kiểu nhân vật quen thuộc xuất hiện trong truyền cổ tích thần kỳ.” là: Dũng sĩ
* **Câu 5.** Phó từ trong câu “Nhân vật ra đi, gặp thử thách và vượt qua các thử thách, nhận phần thưởng sau mỗi thử thách.” là: mỗi
* **Câu 6.** Tác giả nhận xét về kết thúc truyện:
* Đây là dạng kết thúc quen thuộc của truyện cổ tích, theo dạng "kết thúc có hậu”; nghĩa là người nghèo, người bị áp bức, người tốt được bênh vực và hạnh phúc kẻ gian ác thì bị trừng phạt. Đó là quan niệm, cũng là triết là của nhân dân về việc ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác; có công được thưởng, có tội trừng phạt.
* Ý kiến của em: HS tự nêu ý kiến của mình.
* **Câu 7.** Để bài nghị luận không chỉ có lý lẽ khô khan mà thêm phần sinh động, có sức thuyết phục, người viết cần sử dụng những bằng chứng xác thực, thuyết phục, tiêu biểu và phù hợp với lý lẽ.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**  **CHỢ TẾT CỦA ĐOÀN VĂN CỪ**  *(Vũ Quần Phương)*  Năm tháng càng lùi xa bài *Chợ Tết* này càng được yêu mến, nó như tấm ảnh quý ghi lại chân thật những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của quê ta. Mỗi lần đọc, lại như được sống cùng dĩ vãng. Ít có bài thơ nào mà cách miêu tả lại sinh động như bài thơ này. Sinh động, vì chộp được những chi tiết điển hình, vì cái nhìn hóm hỉnh và thấp thoáng cũng có những câu thơ có sức khái quát, có kí thác tâm trạng.  [...] Kết cấu bài thơ rất giản dị, diễn biến theo từng thời gian. Mở đầu là sáng sớm, người ta đi chợ.  *Dải máy trắng đỏ dân trên đỉnh núi*  *Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà gianh*  *Trên con đường viên trắng mép đồi xanh*  *Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết.*  Mấy câu thơ bình thường giới thiệu thời gian, địa điểm. Chúng ta biết thêm đây là phiên chợ Tết vùng đồi, tụ họp dân các ấp. Cảnh những con đường tấp nập người tới chợ có cái nao nức thanh bình. Thơ Đoàn Văn Cừ nhiều màu sắc lắm, chỉ với ba câu thơ đầu đã thấy lần lượt trắng, đỏ, hồng, lam, xanh. Cả bài đếm được hai mươi ba màu.  […] Trong đoạn đi chợ này có câu thơ tả nắng rất tài, tả được cái động của nặng, trong nắng lại có gió, màu vàng nắng trộn vào màu xanh lúa thành ra màu nắng tía:  *Tia nắng tía nhảy hoài trong ruộng lúa*.  Nắng không nháy, nhưng gió thổi, đồng lúa xao động làm cho nắng đang rải trên đó thành nhấp nháy. Cách quan sát tinh vi này gợi nhớ câu thơ Nguyễn Du: “Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông”. Gió thổi đu đưa cành xanh làm màu hoa đỏ khi ẩn khi hiện như đốm lửa khi tắt khi bùng.  […] Thú vị nhất và cũng tài hoa nhất là bức ảnh:  *Bà cụ lão bán hàng bên miếu cố*  *Nước thời gian gợi tóc trắng phau phau.*  Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai. Vì tóc cho nên có động từ *gội*, và do đó thời gian được ví như nước. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên chấp thuận. Lí thú trong cách thể hiện và thâm thúy trong sự khái quát đời người. Đây là câu thơ hay nhất trong bài này. Tuy nhiên cũng nên lưu ý: hình ảnh cái miếu cổ làm nền cho mái tóc bạc, bà cụ đã góp phần không nhỏ vào tính chất kì ảo như cổ tích của ý thơ.  […] Cảnh mua bán được đặc tả, quen thuộc mà cũng lạ lùng:  *Con gà trống mào thâm như cục tiết*  *Một người mua cầm cẳng dốc lên xem*.  Quen thuộc vì ai chẳng từng trông thấy cảnh ấy, nhưng lạ lùng do cách tả: *cầm cẳng dốc lên xem*.  Chợ vãn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh. Những quán chợ vắng vẻ dần và trở nên hiu quạnh. Một nỗi buồn lan toả trên cảnh vật. Bài thơ kết thúc trong sự bâng khuâng đó: *Lá đa rụng tơi bời quanh quán chợ*.  *(Trích chợ tết Đoàn Văn Cừ - Vũ Quần Phương)*  **Câu 1.** Văn bản trên thuộc loại văn bản nào?  **Câu 2.** Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì?  **Câu 3.** Xác định phó từ trong câu “Chợ vãn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh.” ?  **Câu 4.** Người viết thích câu thơ nào nhất trong bài “Chợ Tết” . Tác giả đã đưa ra lí lẽ và bằng chứng nào để khẳng định điều đó.  **Câu 5.** Chia sẻ với bạn bè về nét độc đáo của phiên chợ Tết ở quê hương em. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc loại văn bản nghị luận văn học

**Câu 2.** Theo em, mục đích chính của người viết đoạn trích trên là: Khẳng định bài thơ *Chợ tết* đã miêu tả một cách sinh động những nét tiêu biểu trong sinh hoạt của một phiên chợ quê.

**Câu 3.** Phó từ trong câu “Chợ vãn khi trời đã nhá nhem, người toả về các làng xa hẻo lánh.” là: đã.

**Câu 4.**

**Câu thơ tác giả thích nhất là:**

*Bà cụ lão bán hàng bên miếu cố*

*Nước thời gian gợi tóc trắng phau phau*

**Những lí lẽ, bằng chứng tác giả đưa ra để khẳng định là:**

Bạn đọc sẽ dễ dàng nhận thấy cái nhìn kì ảo ở câu thơ thứ hai. Vì tóc cho nên có động từ *gội*, và do đó thời gian được ví như nước. Hình ảnh sáng tạo, bất ngờ, nhưng rất hợp lí nên chấp thuận. Lí thú trong cách thể hiện và thâm thúy trong sự khái quát đời người. Đây là câu thơ hay nhất trong bài này. Tuy nhiên cũng nên lưu ý: hình ảnh cái miếu cổ làm nền cho mái tóc bạc, bà cụ đã góp phần không nhỏ vào tính chất kì ảo như cổ tích của ý thơ.

**Câu 5.** HS chia sẻ từ thực tế và cảm nhận của cá nhân. Gợi ý: Nêu tên chợ, đặc điểm của phiên chợ trong những ngày giáp tết (thời gian, địa điểm, khung cảnh đặc sắc…)

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**  **BÀN VỀ NHÂN VẬT THÁNH GIÓNG**  *(Hoàng Tiến Tựu)*  *Truyện Thánh Gióng là tác phẩm lớn đầu tiên về đề tài giữ nước chống xâm lược. Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi.*  *Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước. Sự phi thường của nhân vật Gióng thể hiện qua những chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà ướm thử bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...). Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí. Không có thể lực và ý chí chiến đấu phi thường, làm sao Thánh Gióng có thể nhổ từng bụi tre đằng ngà để tiếp tục truy kích và đánh tan giặc Ân xâm lược? Tất cả những chi tiết ấy đều nhằm mục đích đề cao người anh hùng, làm cho người anh hùng có nguồn gốc siêu nhiên, thần thánh khác thường.*  *Nhìn chung, những yếu tố kì diệu khác thường trong nhân vật Gióng tuy khá nổi bật nhưng cũng không thể lấn át và thay thế được cái bình thường của con người trần thế. Nguồn gốc, lai lịch của Gióng thật rõ ràng, cụ thể và xác định. Căn bản và trước hết, Gióng là một Con Người, một người con của làng Phù Đổng, nước Văn Lang, đời Hùng Vương thứ sáu. Quá trình ra đời, trưởng thành và chiến thắng giặc ngoại xâm của Gióng đều gắn với những người dân bình dị. Dù có siêu nhiên kì ảo đến đâu, Gióng vẫn phải “nằm trong bụng mẹ” (dù là mấy tháng), vẫn phải “uống nước, ăn cơm với cà” (dù là mấy nong), vẫn phải mặc quần áo bằng vải của dân làng Phù Đổng (dù là cỡ rộng đến đâu). Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.*  *Nhân vật Thánh Gióng thể hiện sức mạnh của nhân dân trong công cuộc giữ nước. Lực lượng chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc bình thường tiềm ẩn trong nhân dân, tương tự như chú bé làng Gióng nằm im không nói, không cười. Nhưng khi có giặc thi tiếng gọi ấy đã tập hợp, thức tỉnh tất cả các lực lượng tiềm ẩn ấy của dân tộc và làm nên Thánh Gióng.*  *Khi chưa có giặc, Gióng là đứa trẻ nằm im không biết nói. Khi nghe tiếng gọi của non sông, Gióng vụt lớn lên và cất lời nhận nhiệm vụ đánh tan giặc, Thánh Gióng bay về trời. Quá trình phát triển của nhân vật Thánh Gióng dồi dào ý nghĩa nhân sinh và nên thơ, nên họa biết bao!*  *(Theo Hoàng Tiền Tựu, Bình giảng truyện dân gian, NXB Giáo dục, 2003)*  **Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản?  **Câu 2. Văn bản trên gợi em nhớ đến truyền thuyết nào?**  **Câu 3. Tác giả nhận xét của người viết về nhân vật Thánh Gióng bằng câu văn nào?**  **Câu 4. Xác định p**hó từ trong câu “Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.”  **Câu 5.** Xác định từ Hán Việt trong câu “*Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước.”*  **Câu 6.** Khi nói về sự phi thường của nhân vật Gióng, người viết đã đưa ra những bằng chứng nào?  **Câu 7.** Để viết bài nghị luận này, người viết cần trang bị những kiến thức và kĩ năng gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là: Nghị luận

**Câu 2. Văn bản trên làm em nhớ đến truyền thuyết Thánh Gióng**

**Câu 3. Nhận xét của người viết về nhân vật Thánh Gióng là:** Nhân vật Thánh Gióng được xây dựng rất đặc sắc, vừa là một anh hùng phi thường với vẻ đẹp lí tưởng, vừa là một con người trần thế với những vẻ đẹp giản dị, gần gũi*.*

**Câu 4.** Phó từ trong câu “Và ngay cả ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt của Gióng cũng là do vua Hùng tập hợp những người thợ rèn tài giỏi ở trong nước đúc nên.” là: những

**Câu 5.** Từ Hán Việt trong câu “*Trước hết, Thánh Gióng hội tụ những đặc điểm phi thường, thể hiện lí tưởng của nhân dân về người anh hùng đánh giặc cứu nước.”*  là từ phi thường.

**Câu 6.** Khi nói về sự phi thường của nhân vật Gióng, người viết đã đưa ra những bằng chứng:

Chi tiết về sự thụ thai thần kì của bà mẹ Gióng (như bà bắt đầu mang thai Gióng sau khi bà ướm thử bàn chân mình vào vết chân khổng lồ, bà mang thai Gióng mười hai tháng mới sinh,...). Ở Gióng có cả sức mạnh của thể lực và sức mạnh của tinh thần, ý chí. Không có thể lực và ý chí chiến đấu phi thường, làm sao Thánh Gióng có thể nhổ từng bụi tre đằng ngà để tiếp tục truy kích và đánh tan giặc Ân xâm lược.

**Câu 7.** Để viết bài nghị luận này, người viết cần trang bị những kiến thức và kĩ năng:

+ Kiến thức về văn bản Thánh Gióng, hiểu nội dung, nghệ thuật của truyện *Thánh Gióng*

+ Kĩ năng làm bài văn nghị luận văn học. Biết đưa ra ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng để làm rõ ý kiến của mình.

**4. Dạng viết ngắn**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGỮ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA**

**TỪ NGỮ TRONG NGỮ CẢNH**

**I. Lý thuyết**

**1. Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh**

- Ngữ cảnh của một yếu tố ngôn ngữ trong câu hoặc văn bản thường được hiểu là:

+ Những từ ngữ, câu đứng trước hoặc đứng sau yếu tố ngôn ngữ đó. Theo nghĩa này, ngữ cảnh đồng nghĩa với văn cảnh.

+ Hoàn cảnh, tình huống giao tiếp (bao gồm các yếu tố: chủ thế, đối tượng, mục đích giao tiếp; thời gian, nơi chốn diễn ra hoạt động giao tiếp). Theo nghĩa này, từ ngữ cảnh đồng nghĩa với các từ tình huống, bối cảnh.

- Vai trò quan trọng của ngữ cảnh đối với việc xác định nghĩa của từ ngữ thể hiện ở chỗ:

+ Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe xác định nghĩa của thể của các từ đa nghĩa.

+ Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe xác định được nghĩa hàm ẩn của những từ ngữ được sử dụng trong các biện pháp tu từ. Tài liệu của Nhung tây

+ Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe hiểu được hàm ý (thái độ, tình cảm) mà người nói thể hiện qua việc lựa chọn các từ xưng hô.

**2. Dấu chấm lửng**

Dấu chấm lửng (dấu lửng) là dấu câu gồm ba chấm liền nhau (...) được dùng để:

- Phối hợp với dấu phẩy, tỏ ý còn nhiều nội dung tương tự chưa được liệt kê hết.

- Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng vì lí do gì đó.

- Làm giãn nhịp điệu câu thơ, câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.

Dấu chấm lửng có tác dụng sau:

**a. Phản ánh trạng thái của hiện thực như khoảng cách về không gian, thời gian, âm thanh kéo dài, đứt quãng…**

*Ù…ù…ù…Tầm một lượt.*

(Võ Huy Tâm)

**b. Biểu thị lời nói đứt quãng vì xúc động**

*Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:*

*- Cô Nga….*

(Thạc Lam)

**c. Biểu thị lời nói không tiện nói ra.**

*Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại…*

(Đào Vũ)

**d. Để chỉ ra rằng người nói chưa nói hết, đặc biệt khi nêu ví dụ, liệt kê:**

*Ngoài ra, biển còn nhiều thứ cá nổi tiếng như cá đé, cá nhụ, cá nục, cá song và nhiều tôm, sò…*

(Trúc Mai)

**e. Biểu thị chỗ ngắt dài giọng với ý châm biếm, hài hước (**biểu thị chỗ dãn nhịp điệu câu văn chuẩn bị cho sự xuất hiện từ ngữ có nội dung bất ngờ, hài hước, châm biếm). Ví dụ:

*Té ra công sự chỉ là công…toi.*

(Tú Mỡ)

**g. Để chỉ rằng lời nói trực tiếp bị lược bớt một số câu.** Trường hợp này, dấu chấm lửng thường đặt trong dấu ngoặc đơn () hoặc dấu ngoặc vuông.

*[…] Tiếng Việt, trong cấu tạo của nó, thật sự có những đặc sắc của một thứ tiếng khá đẹp.*

**II. Luyện tập**

**Bài tập 2 (SGK/95)**

**-** Các từ láy trong bài thơ: *leng keng, lao xao*, *xao xuyến*, *thẹn thò*, ...

**- *Xao xuyến*** (*Gió dìu vương xao xuyến bờ tre*):trạng thái xúc động kéo dài, khó dứt

=> Tác dụng: Giúp cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ đã gợi nên được trạng thái bâng khuâng của sự vật, giúp cho sự vật thêm gần gũi với con người, cũng có những nỗi niềm cảm xúc như con người, ...

**Bài tập 3 (SGK/95)**

*Véo von điệu hát cổ truyền*

*(Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe)*

- Dấu ngoặc đơn: có công dụng đánh dấu phần bổ sung thêm thông tin cho phần trước đó.

*“- Hò... ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me*

*Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...”.*

- Dấu ngoặc kép: có tác dụng đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp

**Bài 1. Hãy cho biết tác dụng của dấu chấm lửng trong các đoạn trích sau:**

1. Thầy Dần lè lưỡi ra:

- Eo! Mẹ ơi!...

- Thật…không có thể, cứ cổ con mà chặt!

2. Rú…rú…rú…máy bắt đầu mở, bắt đầu xúc than

(Võ Huy Tâm)

3. Thốt nhiên một người nhà quê, mình mẩy lấm láp, quần áo ướt đầm, tất tả chạy xông vào thở không ra lời:

- Bẩm…quan lớn…đê vỡ mất rồi!

(Phạm Duy Tốn)

4. Đứng trước tổ dế, ong xanh khẽ vỗ cánh, uốn mình, giương cặp rang rộng và nhọn như đôi gọng kìm, rồi thoắt cái lao nhanh xuống hang sâu. Ba giây…Bốn giây…Năm giây…Lâu quá!

(Vũ Tú Nam)

5. Thể điệu ca Huế có sôi nổi, tươi vui, có buồn cảm, bâng khuâng, có tiếc thương ai oán.

(Hà Ánh Minh)  
6. – Anh này lại say khướt rồi.

- Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù, mà nếu không được thì…thì…thưa cụ.

(Nam Cao)

7. Chim bay vút lên khoe trăm màu áo đan chéo nhau trong không trung: nâu, trắng, mun, vàng, xám, tím biếc…

(Võ Văn Trực)

8. Núp định ra chặn hỏi. Nhưng…có được không?...Nó có bắt mình nộp cho Pháp…chắc không đâu, Pháp làm nó khổ thể này, bụng nó chắc không thương Pháp đâu.

(Nguyên Ngọc)

9. Do đó, tiếng Việt có thể kể vào những thứ tiếng giàu hình tượng ngữ âm như những âm giai trong bản nhạc trầm bổng. […] Giá trị của một tiếng nói cố nhiên không phải chỉ là câu chuyện chất nhạc. Tài liệu của Nhung tây

(Đặng Thai Mai)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 1.**

1. Eo! Mẹ ơi!...(biểu thị phần ý không được diễn đạt bằng lời, sự ngắt quãng trong lời nói)

- Thật…

(Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói)

2. Biểu thị sự kéo dài của âm thanh

3. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói

4. Biểu thị tâm lí chờ đợi

5. Biểu thị sự liệt kê chưa hết.

6. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, tạo tâm lí đe dọa.

7. Biểu thị sự liên kết chưa hết.

8. Biểu thị sự ngắt quãng trong lời nói, khoảng cách của những suy nghĩ.

9. Biểu thị sự lược bỏ trong trích dẫn.

**Bài 2:**Nêu tác dụng của dấu chấm lửng trong các ví dụ dưới đây

a, Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi liệng lại trên mâm bể sáng dần lên cái chất bạc nén…

b, Thầy Ha men đứng trên bục, người tái nhợt. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thầy lớn lao đến thế…

c,

Đến nay tháng sáu

Chợt nghe tin nhà

Ra thế

Lượm ơi!...

d, Chúng tôi chạy ùa ra, con cắt còn ngắc ngoải. Bây giờ tôi mới tận mắt nhìn thấy con cắt…

**Gợi ý**

Tác dụng của dấu chấm lửng:

a, Dấu chấm lửng thể hiện còn nhiều sự vật khác, sự việc khác chưa liệt kê hết.

b, Dấu chấm lửng thể hiện sự xúc động của học trò trước hình ảnh của thầy Ha men trong buổi học cuối cùng

c, Dấu chấm lửng diễn tả nỗi đau kéo dài khi nghe tin Lượm hi sinh.

d, Sự ngạc nhiên khi lần đầu tiên thấy chim cắt của nhân vật “tôi”

**RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC.**

**1. Yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc**

- Khái niệm: Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc là nêu lên những tình cảm, cảm xúc, những suy nghĩ và thái độ của người viết về con người, sự việc nào đó trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học.

**Yêu cầu:**

+ Xác định đối tượng biểu cảm: Con người, sự việc em định viết bài văn biểu cảm là ai hay là gì? Đó là một con người, một sự việc trong đời sống hay trong tác phẩm văn học?

+ Suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Con người hoặc sự việc ấy gợi cho em những cảm xúc, tình cảm và những suy nghĩ, bài học gì?

+ Lập dàn ý cho bài viết.

+ Viết bài văn theo một dàn ý hợp lí; nêu lên những tình cảm, cảm xúc và những suy nghĩ, thái độ của em một cách trung thực.

**Dàn ý bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc**

**1. Mở bài**

- Giới thiếu người và sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ.

- Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người, sự việc đó.

**2. Thân bài**

- Giới thiệu chung:

- Người đó là ai? Sự việc đó là gì?

- Người hoặc sự việc đó có đặc điểm nào nổi bật?

- Trình bày cảm xúc, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc:

- Nêu ấn tượng và người hoặc sự việc.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người, sự việc được nói tới.

**Đề 1: Cảm nghĩ về thầy cô để lại cho em nhiều ấn tượng nhất**

Từ xưa đến nay, dân tộc Việt Nam vẫn có truyền thống “tôn sư trọng đạo”. Thầy có là những người có công ơn dạy dỗ, dìu dắt chúng ta trong hành trình tìm đến với tri thức. Trong cuộc đời, mỗi người hẳn đều có một người thầy, cô giáo mà bản thân rất kính trọng. Và tôi cũng như vậy. Tài liệu của Nhung tây

Người giáo viên mà tôi yêu quý và kính trọng nhất là cô Nguyễn Thu Hà. Cô là giáo viên chủ nhiệm của lớp tôi, cũng là giáo viên dạy môn Ngữ văn. Năm nay, cô ba mươi sáu tuổi. Khuôn mặt của cô trông rất hiền dịu. Nước da trắng hồng, cùng mái tóc dài ngang vai. Đôi mắt với ánh nhìn dịu dàng. Nụ cười của cô luôn rạng rỡ trên môi. Mỗi khi đến lớp, cô thường mặc những trang phục đơn giản, nhưng toát lên vẻ thanh lịch. Tôi cảm thấy cô rất xinh đẹp, trẻ trung.

Trong giờ học, cô là một giáo viên rất nghiêm khắc. Dù vậy, cô cũng rất tâm lí. Cô luôn dành thời gian để truyền đạt cho học sinh kiến thức của môn học một cách tốt nhất. Giọng nói của cô vừa truyền cảm, vừa ấm áp. Tôi rất yêu thích giọng nói của cô. Mỗi khi có bạn không chú ý nghe giảng, cô đều nhắc nhở nhẹ nhàng. Cô rất hay ở lại lớp trong những giờ ra chơi để trò chuyện cùng chúng tôi. Cô tâm sự với cả lớp rất nhiều điều: từ việc học tập, đến vấn đề trong cuộc sống. Nhờ có cô, tôi cảm thấy học được rất nhiều điều bổ ích.

Tôi còn nhớ mãi một kỉ niệm về cô. Hôm đó, cô gọi tôi lên bảng để kiểm tra bài cũ. Nhưng tối hôm trước, tôi đã không học bài do mải xem phim. Khi nghe cô hỏi, tôi không trả lời được câu hỏi. Lúc đó, tôi nhìn thấy ánh mắt của cô rất buồn. Từ trước tới nay, tôi luôn là một học sinh chăm chỉ. Việc xảy ra ngày hôm nay có lẽ đã khiến cô cảm thấy thất vọng. Cô không trách mắng, mà yêu cầu tôi về chỗ. Cả buổi học hôm đó, tâm trạng của tôi rất nặng nề. Tôi tự trách bản thân. Cuối buổi học, tôi đã chủ động lên xin lỗi cô. Lời nhắc nhở của cô khiến tôi còn nhớ mãi. Nhờ có cô, tôi mới ý thức học tập chăm chỉ hơn.

“Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy” - Đó là câu tục ngữ đề cao vai trò của người giáo viên. Bởi vậy, tôi luôn tự nhắc nhở bản thân phải yêu quý và kính trọng cô giáo của mình.

### Đề 2: Cảm nghĩ về tình bạn

**Dàn ý tham khảo:**

a. Mở bài:

- Nêu lên cảm xúc chung về tình bạn: Tình bạn là thứ tình cảm cao quý, thiêng liêng của mỗi con người.

b. Thân bài:

- Cảm nhận về một người bạn tốt.

- Hồi ức lại kĩ niệm về tình bạn thuở nhỏ và liên hệ tới tương lai.

- Tinh bạn gắn với những kí niệm vui buồn trong học tập và trong cuộc sống.

- Niềm hạnh phúc khi có một người bạn tốt.

c. Kết bài:

- Suy ngầm của em về tình bạn.

#### Bài mẫu tham khảo:

Con người, đặt bản thân là trung tâm, luôn có rất nhiều mối quan hệ xoay quanh. Có những người, những mỗi quan hệ chỉ thoáng qua nhưng cũng có những người hay những mối quan hệ bằng một cách nào đó luôn gắn bó với ta, đi theo ta trong suốt cuộc đời. Tình bạn là một mối quan hệ như vậy.

Trong cuộc đời mình, ai cũng có ít nhất là một vài người bạn. Tình bạn không đến từ một người, nó là sự sẻ chia, thông cảm, là sự thấu hiểu về nhau giữa hai người. Một tình bạn đẹp phải xuất phát từ sự chân thành, trong sáng, vô tư  và tin tưởng. Những điều này tưởng như đơn giản nhưng đó lại là điều kiện tiên quyết để khởi đầu một tình bạn đẹp. Con người luôn sợ cô đơn, luôn muốn có người đáng tin tưởng để có thể sẻ chia, tâm sự nhưng cũng luôn dè chừng, cảnh giác với những người muốn chạm vào cảm xúc của họ. Cũng phải thôi, thật tồi tệ nếu một người bạn coi là bạn, lắng nghe những điều họ sẻ chia biết đâu sau đó lại đem những câu chuyện của bạn ra làm trò đùa. Tình bạn cũng không thể bền vững nếu không trong sáng, có mục đích hay để lợi dụng lẫn nhau. Chúng ta không thể gọi một người là bạn mà luôn phải đề phòng họ.

Để hai người khác nhau trở thành bạn của nhau cần rất lớn sự thấu hiểu. Bởi mỗi người sẽ có một tính cách khác nhau. Dẫu có thể có nét tương đồng nhưng điểm khác nhau sẽ vẫn rất lớn. Sự thấu hiểu đối với nhau không dễ dàng có được, nó cần phải có thời gian để vun đắp, có khó khăn hoạn nạn để thử thách và trưởng thành. Phải có sự sẻ chia, thông cảm và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai người bạn mới có thể khiến họ hiểu nhau hơn. Mặt khác, con người không hoàn hảo, luôn có những thói quen xấu bên cạnh những cái tốt. Muốn tình bạn được bền lâu, ta không được bao che dung túng trước những thói quen xấu này.

Rất khó để có được một tình bạn nhưng một tình bạn đẹp sẽ khiến cuộc sống của ta thi vị hơn rất nhiều. Thật  bình yên khi gặp khó khăn mà luôn có người sẵn sàng đưa tay giúp đỡ hay khi có tâm sự có người yên lặng ngồi bên lắng nghe. Cũng thật hạnh phúc khi có tin tưởng chia sẻ với ta những điều giản dị. Và thật ấm áp khi có người luôn nhớ những thói quen nhỏ nhặt của ta để khi ta đi đâu, làm gì họ sẽ lại quan tâm, nhắc nhở. Nếu tìm được một người bạn như thế bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc và đầy đủ vì bạn sẽ không phải lo âu hay đối mặt với những nỗi cô đơn hay sợ hãi trước cuộc sống tẻ nhạt.

Tình bạn là một món quà thiêng liêng và cao quý mà chúng ta cần trân trọng. Phải có tình bạn thì cuộc sống của chúng ta mới thật sự có ý nghĩa. Coi trọng tình bạn, nó sẽ đơm hoa kết trái và nảy nở mãi mãi không tàn lụi, là một vi thuốc tinh thần giúp ta luôn vững vàng trong cuộc sống hay khi đối mặt với khó khăn thử thách.

### Đề 3: Cảm nghĩ về một món quà mà em được nhận thời thơ ấu

**Dàn ý tham khảo:**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về món quà nhận được thời thơ ấu (Đó là món quà gì? Do ai tặng? Được tặng nhân dịp nào?...)

**2. Thân bài**

- Miêu tả đôi nét về món quà: Hình dáng bên ngoài, tác dụng trong cuộc sống…

- Ý nghĩa của món quà: Người tặng quà với tình cảm như thế nào? Mong muốn điều gì qua món quà tặng?

- Cảm nhận về món quà: Khi nhận quà cảm xúc của em như thế nào? Em có những thay đổi gì sau khi nhận quà?

**3. Kết bài**

Cảm nghĩ của em về món quà, cũng như người tặng.

**Bài mẫu tham khảo**

Tuổi thơ là những ngày tháng rong chơi không lo nghĩ, là những nụ cười trong trẻo ngày nắng, những âm thanh vui vẻ lắng đọng ngày mưa. Tuổi thơ của tôi gói gọn trong một kỉ vật đến giờ vẫn được cất giữ trên vị trí đẹp nhất của tủ kính nơi phòng khách: con gấu bông.

Con gấu bông này tôi được mẹ tặng vào dịp sinh nhật sáu tuổi, khi mà ngày khai trường vào lớp một đã cận kề. Tôi vẫn còn nhớ cảm giác hạnh phúc đến vỡ òa khi bóc từng lớp giấy bọc quà, nhìn thấy chiếc tai gấu lấp ló phía trong hộp bìa carton. Cảm giác nghẹn ngào, xúc động đến mức tôi nhảy cẫng lên hò reo khiến cả nhà nhìn tôi thích thú trêu chọc. Tôi đã thích gấu bông từ rất lâu rồi, khi sang nhà chị họ chơi và thấy chị có một chú gấu Teddy để trên bàn học, tuy nhiên tôi biết gia đình mình không quá khá giả, mẹ và bố phải làm việc vất vả để kiếm tiền trang trải học phí và những lần ốm đau của tôi. Do đó, tôi không hề năn nỉ hay xin bố mẹ mua bất cứ món quà nào cả. Tuy nhiên, có lẽ vì nhìn thấy sự thích thú của tôi với chú gấu bông kia và muốn động viên tôi học tốt nên mẹ đã mua tặng tôi vào ngày sinh nhật món quà tuyệt vời đến vậy.

Tôi rất thích chú gấu mẹ tặng và đặt tên nó là Nhỏ, vì em cũng nhỏ xinh thôi, không quá to, vừa đủ để tôi ôm đi ngủ. Từ khi có chú gấu Nhỏ, tôi luôn mang theo em khi sang nhà hàng xóm chơi trò gia đình, em sẽ là em bé, tôi chăm em, cho em ăn, dỗ dành em khi ngủ... Tôi may áo cho em mặc, làm mọi thứ từ những tờ giấy lịch hay bất kể thứ gì tôi nghĩ ra để em có "một cuộc sống sung túc nhất".

Nhỏ toàn thân có màu nâu xám, đôi mắt đen láy như hai hạt nhãn và chiếc mũi xinh xinh hình tam giác. Tôi luôn cố gắng giữ gìn em, tuy nhiên có một ngày tôi ôm em sang nhà hàng xóm chơi như thường lệ, thì tôi làm em rách bục chỉ ở tay vì bị mắc vào đinh ở trên tường. Tôi lúc đó rất sợ, sợ vì mẹ sẽ trách mắng, lại buồn, buồn vì đây là món quà mẹ tặng, tôi không muốn em bị hỏng chút nào.

Tôi và một chị hàng xóm đã lấy kim chỉ và khâu lại nhưng vẫn bị lòi bông ra ngoài. Tôi càng trở nên lo lắng. Khi mẹ biết chuyện, mẹ đã khâu lại giúp tôi, cười và nói: mẹ rất tự hào khi tôi biết tự khâu lại vì lúc đó tôi còn nhỏ, nhưng cũng lưu ý tôi không nên quá lo lắng về những chuyện vô tình xảy ra, cứ thoải mái đón nhận và chuyện gì cũng có cách giải quyết. Khi ấy, tôi vẫn chưa hiểu rõ lời mẹ nói, nhưng giờ đây nhớ lại, tôi đã có thể hiểu phần nào. Tôi đã không còn luống cuống khi gặp phải tình huống bất ngờ nữa. Thay vào đó, tôi bình tĩnh hơn và suy nghĩ tìm cách giải quyết, nếu việc nào khó quá, tôi sẽ đi tìm người nào đó có thể giúp mình. Tài liệu của Nhung tây

Đó là bài học đầu tiên mẹ dạy tôi - một đứa trẻ nhỏ luôn lo lắng, luôn sợ hãi. Giờ đây, khi tôi đã lớn hơn, em gấu Nhỏ được mẹ cất trong ngăn tủ ở phòng khách, thỉnh thoảng được mẹ mang đi giặt cho đỡ bụi bặm. Mỗi khi nhìn thấy em gấu, tôi luôn tự nhủ với bản thân phải cố gắng, không được làm mẹ phiền lòng, phải mạnh mẽ và luôn bình tĩnh, lạc quan.

**NÓI VÀ NGHE**

**(Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng)**

## 1. Yêu cầu của bài học nói và nghe

- Với tư cách người nói, HS cần trình bày được ý kiến của mình về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng sao cho hấp dẫn, lan tỏa được tới người nghe, đổng thời biết tiếp thu các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe với tinh thần cầu thị.

- Với tư cách người nghe, HS biết cách lắng nghe, ghi chép để nắm được đầy đủ, chính xác các nội dung của bài nói, tham gia trao đổi tích cực về vấn để được trình bày.

## 2. Chuẩn bị bài nói

**a. Xác định mục đích nói và người nghe**

- Mục đích của bài nói này là chia sẻ ý kiến của em về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng nhằm tác động đến suy nghĩ, cảm xúc và hành động của người nghe. Người nghe lúc này là thầy cô, bạn bè, người thân và những người mong muốn được cùng em chia sẻ những tình cảm, suy nghĩ đó.

**b. Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện**

HS chuẩn bị nội dung nói như hướng dẫn trong SHS.

HS tham khảo cấu trúc bài luyện nói:

- Mở đầu: Giới thiệu về hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

- Nội dung:

+ Trình bày những hiểu biết về hoạt động thiện nguyện (Thế nào là hoạt động thiện nguyện? Những việc làm nào được xem là hoạt động thiện nguyện? Hoạt động thiện nguyện mang đến ý nghĩa gì?…).

+ Đưa ra những quan điểm (tích cực và trái chiều) về hoạt động thiện nguyện.

+ Bày tỏ quan điểm cá nhân của em về hoạt động thiện nguyện.

– Kết thúc: Khẳng định lại vấn đề cần chia sẻ.

## 3. Một số bài luyện nói tham khảo

**Bài 1:**

**1. Mở đầu bài nói**

Kính thưa thầy/ cô giáo và các bạn! Như chúng ta đã biết Trong xã hội hiện nay vẫn còn rất nhiều những hoàn cảnh, những mảnh đời khó khăn cần được giúp đỡ. Mỗi ngày, vẫn có những nhà hảo tâm, những người tốt mang những yêu thương đi sẻ chia cho những số phận đó. Đó là hoạt động từ thiện – một trong những hoạt động tích cực đang được lan rộng hiện nay.

**2. Nội dung bài nói**

Từ thiện là hoạt động chia sẻ, giúp đỡ người người yếu thế xuất phát từ tấm lòng, tình yêu thương của con người. Ngày nay, hoạt động từ thiện được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau của cả các tổ chức, cá nhân hay tập thể. Đó có thể là quyên góp tiền của cho những hoàn cảnh khó khăn, quyên góp quần áo, sách vở cho những bạn học sinh tại những vùng núi thiếu thốn, là những đợt cứu trợ nhân đạo do thiên tai bão lũ, là những đợt xóa đói giảm nghèo… Những hoạt động từ thiện đầy tính nhân văn này đang ngày càng được xã hội quan tâm và phát triển.

Trong cuộc sống xã hội, dù ở bất cứ quốc gia nào cũng vẫn còn những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh. Đó có thể những thiệt hại nặng nề do thiên tai gây ra. Đó có thể là nạn nhân của một vụ tai nạn thương tâm. Đó có thể là những con người thiệt thòi ở những vùng xa xôi hẻo lánh. Đó cũng có thể là những người già neo đơn, những đứa trẻ bị bỏ rơi không ai chăm sóc… Họ không còn đủ khả năng để tự chăm sóc cho bản thân mà cần có sự chung tay giúp đỡ của toàn xã hội. Dù đất nước có phát triển đến mấy, xã hội có hưng thịnh đến mấy thì cũng không thể bao quát hết được tất cả những số phận ấy. Đâu đó trong cuộc sống vẫn có những con người bị lãng quên, bị chìm đắm trong đói khổ, đau thương. Bên cạnh đó, người dân Việt Nam ta từ xưa đã răn dạy con cháu đạo lý:

*“Bầu ơi thương lấy bí cùng*

*Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*

Truyền thống yêu thương, đùm bọc lẫn nhau được truyền từ đời này qua đời khác, nó như một nét đẹp tiềm ẩn bên trong mỗi con người. Mỗi năm, mỗi tháng hay thậm chí mỗi ngày luôn có những chiến dịch ủng hộ giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn. Ở các trường học đều có những đợt quyên góp ủng hộ các bạn học sinh vùng sâu vùng xa hay những hòm từ thiện 1000 đồng đầy ý nghĩa. Những hành động từ thiện nhỏ bé như thế thôi nhưng lại ẩn chứa tình cảm, sự sẻ chia vô cùng lớn lao.

Nhiều người vẫn đặt ra câu hỏi: Làm từ thiện được gì? Những câu hỏi đó đâu có thực sự quan trọng với những người từ thiện. Họ làm từ thiện vì tâm họ bảo phải làm. Họ làm từ thiện để cho tấm lòng được thanh thản, làm để tạo phúc đức cho con cháu về sau. Họ làm để xoa dịu đi những thiếu thốn, những khó khăn bất hạnh trong cuộc đời. Chính những hành động từ thiện thật tâm ấy sẽ lan tỏa những điều tích cực đến toàn thể xã hội. Có như vậy, xã hội mới ngày một trở nên tốt đẹp hơn, lành mạnh và văn minh hơn.

Tuy nhiên, hoạt động từ thiện hiện nay vẫn có những vấn đề vô cùng bất cập. Có những người chỉ làm từ thiện để lấy danh nghĩa, lấy sự nổi tiếng về cho bản thân chứ không xuất phát từ thực tâm thiện nguyện. Từ thiện là tốt nhưng từ thiện sai cách, sai đối tượng lại đem đến những điều phản tác dụng. Chắc hẳn chúng ta đã từng đọc được những thông tin dở khóc dở cười với những món đồ từ thiện là những bộ trang phục lòe loẹt, hở hang dành cho những cụ già neo đơn hay những gia đình khó khăn miền núi. Họ làm từ thiện nhưng lại không tìm hiểu xem nơi họ muốn chia sẻ cần gì, muốn gì. Vì vậy, hoạt động từ thiện cần được tổ chức cũng như tìm hiểu một cách bài bản để đem lại hiệu quả cao nhất. Bên cạnh đó, vẫn có những con người sống vô cảm, thờ ơ với chính những hoàn cảnh khó khăn bên cạnh mình. Những con người ấy cần được giáo dục để thay đổi nhận thức một cách đúng đắn hơn.

Mỗi người trong chúng ta mở rộng tấm lòng mình hơn để thấy cuộc đời này vẫn còn rất nhiều những số phận cần giúp đỡ. Sự giúp đỡ ấy không cần phải là những khối tài trợ lớn, những vật phẩm giá trị mà đôi khi chỉ cần những hành động nhỏ, những lời hỏi thăm động viên từ tấm lòng là đủ.

**3. Kết thúc bài nói**

Trên đây là bài trình bày của em về hoạt động từ thiện - một trong những hoạt động tích cực đang được lan rộng hiện nay. Cảm ơn thầy/cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy/cô và các bạn về vấn đề này!

**Bài 2:**

**1. Mở đầu bài nói**

Kính thưa thầy/ cô giáo và các bạn! Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng viết:

“Sống trong đời sống cần có một tấm lòng. Để làm gì? Em biết không?. Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi…”. Trong cuộc sống này, không phải ai cũng may mắn có được cho mình sự đủ đầy, trọn vẹn. Có bao nhiêu người ngoài xã hội kia gặp những khó khăn, trắc trở, bất hạnh trong cuộc đời, dù đã nỗ lực, cố gắng vẫn khó có thể một mình vượt qua. Bởi vậy, vòng tay giúp đỡ, nhân ái của những tấm lòng từ bi, bác ái là điều rất được trân trọng, là những “tấm lòng vàng” với những hành động đầy nhân văn của họ. Hiện nay, khi mạng xã hội đang phát triển, việc từ thiện qua mạng được lan rộng và là một vấn đề đáng được quan tâm.

**2. Nội dung bài nói**

Từ thiện là hoạt động chia sẻ, giúp đỡ người người yếu thế xuất phát từ tấm lòng, tình yêu thương của con người. Ngày nay, hoạt động từ thiện được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau của cả các tổ chức, cá nhân hay tập thể.

Trước hết, những người sẵn sàng giúp đỡ, yêu thương, san sẻ những khó khăn với đồng loại, họ đáng được ca ngợi bởi tấm lòng “tương thân tương ái” của mình. Lướt facebook một vòng, ta không khỏi gặp những hoàn cảnh thương tâm, trớ trêu của số phận được các nhà hảo tâm kêu gọi giúp đỡ. Đó là hình ảnh người phụ nữ tần tảo ngày đêm cũng không đủ sức nuôi hai đứa con thơ bị chất độc da cam, là hình ảnh em bé ung thư đang ngày ngày chống chọi với căn bệnh, bố mẹ nghèo bán hết của cải cũng chẳng đủ để lộ chữa trị cho em. Đó là hình ảnh em bé vừa sinh ra sáu tháng đã phải đương đầu với căn bệnh Glôcôm quái ác, gia đình bán nhà cửa cũng không đủ hai tỉ để sang Philippines phẫu thuật. Là bao lời thiết tha cùng những câu thơ thấm đẫm lòng người của bao nhiêu tấm lòng tuyệt vời khi xót xa trước cảnh đau thương, khốn cùng của người dân miền Trung khi thiên tai hoành hành tàn ác. Dù cách này hay cách khác, bằng vật chất, tiền bạc, áo quần hay đơn giản chỉ bằng những nút chia sẻ đầy yêu thương, họ đã lan tỏa tình thương, là sứ mệnh tình nguyện của bản thân mình tới những tấm lòng vàng, để họ được chia sẻ, được yêu thương nhiều hơn, lấy động lòng trắc ẩn của mỗi người. Mạng xã hội giờ đây trở thành một công cụ hữu hiệu vô cùng, kết nối con người lại gần nhau hơn. Ta không khỏi xúc động trước sự quyên góp ủng hộ của cộng động, dù chỉ là dành một phần ăn sáng bé nhỏ hay một lý cà phê tối thôi dù dành ra vài chục nghìn hay vài trăm đồng để chung tay giúp đỡ những hoàn cảnh éo le ấy, đó là những nghĩa cử đầy nhân văn.

Tuy nhiên, không ít người lại lợi dụng mạng xã hội để thực hiện hoạt động từ thiện nhằm mục đích khác. Họ xem việc kêu gọi từ thiện như một cách đánh bóng, tạo tên tuổi cho bản thân, từ thiện nhằm mục đích tạo lợi ích cho bản thân mình. Mặt khác, một số kẻ còn nhẫn tâm khi lợi dụng những hoàn cảnh thương tâm để thu lợi, chúng copy những dòng kêu gọi của các nhà từ thiện chân chính, đổi số tài khoản của mình rồi sẵn sàng nhận bất kỳ khoản tiền chuyển khoản từ người khác, chúng trục lợi trên lòng thương của con người đầy tàn ác. Một số kẻ khác, trích một phần nhỏ nhận được sau khi kêu gọi từ cộng đồng cho những nạn nhân, phần còn lại giữ cho riêng mình, làm giàu trên sự lừa dối, ích kỷ, cơ hội, vô cảm trước khó khăn của người khác. Nhiều người thậm chí còn xem đó như là một “phong trào”cười cợt trên nỗi đau của người khác, điều này thật đáng lên án.

Chúng ta đã từng không khỏi khâm phục trước những lời kêu gọi đầy tình người và hành động đầy thiết thực của MC Phan Anh hay hoa hậu Phạm Hương kêu gọi đồng nghiệp và người hâm mộ chung tay giúp đỡ người dân miền Trung. Là lời động viên và kêu gọi quyên góp giúp đỡ từ các đồng nghiệp cho một nữ diễn viên trẻ đang phải chống chọi từng ngày với căn bệnh hiểm nghèo lại phải đơn thân nuôi con nhỏ. Là những tiếng thơ, những lời văn, lời động viên đầy xúc động của công đồng mạng dành cho những số phận ngang trái đau thương. Nguồn giúp đỡ về vật chất và tinh thần lớn lao ấy mãi mãi sáng ngời trong lòng mỗi người. Thiết nghĩ từ thiện là một việc làm đầy nhân văn và cao cả, vì vậy hãy để nó thật tuyệt vời như chính ý nghĩa mà nó mang lại. Vì vậy, cần có cơ chế quản lý đối với vấn đề này một cách nghiêm túc, tránh tình trạng những kẻ cơ hội ngang nhiên trục lợi. Mỗi chúng ta cần tỉnh táo trước những lời kêu gọi, hãy tìm hiểu thật kỹ, giúp đỡ đúng người, đúng việc, tránh để người khác lợi dụng chính mình, đặc biệt là khi mạng xã hội thông tin tràn lan, gây rối loạn, nhũng nhiễu thông tin.

Hãy trân quý những tấm lòng cao cả, hãy hành động ngay từ bây giờ để giúp những hoàn cảnh éo le vượt lên nghịch cảnh, số phận để vươn tới những niềm hy vọng, xây dựng một xã hội nơi nơi ngập tràn lòng yêu thương, thấm đượm tình người.

**3. Kết thúc bài nói**

Trên đây là bài trình bày của em về hoạt động từ thiện - một trong những hoạt động tích cực đang được lan rộng hiện nay. Cảm ơn thầy/cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy/cô và các bạn về vấn đề này!

**Bài 3:**

**1. Mở đầu bài nói**

Kính thưa thầy/ cô giáo và các bạn!

Trong cuộc sống của chúng ta có rất nhiều hoàn cảnh khó khăn, những mảnh đời cần được giúp đỡ. Ngày nay có các nhà hảo tâm mang tấm lòng yêu thương giúp đỡ những người có hoàn cảnh đó. Hoạt động từ thiện ngày nay một trong những hành động tích cực và yêu thương người đang được lan rộng.

**2. Nội dung bài nói**

Từ thiện là hoạt động quyên góp và chia sẻ giúp đỡ những mảnh đời bất hạnh kém may mắn, từ thiện xuất phát từ tấm lòng tình yêu thương con người.

Ngày nay hoạt động từ thiện được biểu hiện dưới nhiều hình thức của các cá nhân mỗi ngày hay tổ chức hoặc tập thể,như là quyên góp tiền cho người nghèo, quyên góp quần áo, thức ăn cho người dân miền núi bị sạt lở lũ lụt. Quyên góp cho những bạn nhỏ tấm gương ham học khó khăn trên vùng núi cao. Có những câu lạc bộ từ thiện được thành lập ví dụ như câu lạc bộ Nét bút xanh ở miền Trung tìm đến các con hẻm nhỏ con đường của Thành Phố Đồng Hới, mang những xuất cơm đến người vô gia cư và lao động nghèo. Những hoạt động từ thiện xuất phát từ tấm lòng của mỗi người. Người xưa có câu: “Lá lành đùm lá rách”.

Truyền thống yêu thương nhau đã có từ rất lâu đời. Nó được truyền qua từng thế hệ như lời căn dặn của ông cha ta một nét đẹp trong mỗi con người. Việc như làm thùng quyên góp ủng hộ những người khó khăn ở trường hoặc nơi công cộng chỉ cần 1000 hay 2000 đến 5000 có người quyên góp số tiền lớn hơn. Việc tuy nhỏ nhưng rất có ý nghĩa sự sẻ chia to lớn đùm bọc nhau nhiều người quyên góp sẽ thành số tiền lớn giúp đỡ hơn.

Làm từ thiện có thể giúp đỡ người khác và giúp bản thân người làm từ thiện cảm thấy thanh thản vui vẻ tâm hồn, tích đức cho con cháu sau này tích đức. Người thì dư giả người thì thiếu thốn các nhà hảo tâm muốn ai cũng muốn quyên góp 1 phần giúp đỡ người nghèo khó tuy khác nhau nhưng chung 1 đất nước là đồng bào anh em của nhau.Những hành động đẹp ấy sẽ lan tỏa tích cực đến toàn xã hội, xã hội sẽ trở nên văn minh tốt đẹp hơn đất nước giàu lòng thương người.

Tuy vậy không phải ai cũng làm từ cái tâm của mình có nhiều bất cập. Có những người làm từ thiện chỉ vì danh tiếng được lên báo vì sự nổi tiếng của bản thân mình chứ không phải thật sự muốn giúp đỡ.Tuy được gọi là làm việc tốt nhưng việc tốt lại sai cách,làm vì lợi ích riêng của bản thân.Có những bài báo nói về việc dở khóc dở cười của việc quyên góp chẳng hạn quyên góp quần áo như đi dạ tiệc hở hang cho người phụ trên vùng núi. Họ không nghĩ nơi họ muốn giúp đỡ cần gì chỉ biết quyên góp lấy lợi cho họ.Vì vậy việc từ thiện cần được tìm hiểu và tổ chức bài bản để đem lại lợi ích tốt nhất. Bên cạnh đó nhiều người còn vô cảm thờ ơ với những mảnh đời khó khăn xung quanh mình.

Những con người đẹp nhất là những người từng bị đánh bại, từng đau khổ, từng tranh đấu, từng mất mát, và đã tìm được đường ra khỏi vực sâu. Những người này có lòng cảm kích, sự nhạy cảm và thấu hiểu đối với cuộc đời, cuộc đời đã làm họ tràn đầy sự cảm thông, sự dịu dàng và quan tâm yêu thương sâu sắc.

Đối với học sinh tuy chỉ cần quyên góp vài ngàn cũng đủ chỉ cần có lòng, nếu không có tiền cũng có thể giúp đỡ những người tổ chức từ thiện giúp đỡ phân phát cơm hoặc báo giấy giúp đỡ tấm lòng giúp đỡ của mỗi bạn trẻ. Chỉ cần có tấm lòng có thể tham gia đoàn đội có những hoạt động về giúp đỡ người nghèo khó tham gia hoạt động xã hội.

Cho đi có nghĩa là sẽ được nhận lại nhiều hơn. Mỗi người trong chúng ta cần có tấm lòng thương người giúp đỡ người chung dân tộc. Bạn có thể quyên góp những vật phẩm tuy nhỏ không cần phải là số tiền lớn chỉ cần xuất phát từ tấm lòng là đủ. Có cho đi chắc chắn sẽ nhận lại hãy cho đi giúp đỡ để đời có thêm nhiều ý nghĩa

**3. Kết thúc bài nói**

Trên đây là bài trình bày của em về hoạt động từ thiện - một trong những hoạt động tích cực đang được lan rộng hiện nay. Cảm ơn thầy/cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự góp ý từ phía thầy/cô và các bạn về vấn đề này!

**===============================================**

# BÀI 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

# 1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi của tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.

- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

# 2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ (Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi).

- Năng lực giao tiếp (Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp).

# 3. Phẩm chất

- Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm. (Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền)

**B. NỘI DUNG**

# THÁNG GIÊNG MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT

*(Trích - Vũ Bằng)*

## I. TÌM HIỂU CHUNG

### 1. Khái niệm về tùy bút:

- Tùy bút được hiểu là thể loại thuộc loại hình kí, trong đó tác giả ghi chép lại các sự việc được quan sát và suy ngẫm về cảnh vật, con người xung quanh một cách trung thực.

- Về thể loại tùy bút, được coi là lối chơi độc tấu của cái tôi trữ tình, là tùy theo hứng mà viết (sự thực, việc thực chảy qua ngòi bút dạt dào cảm xúc của nhà văn nên thấm đẫm chất thơ).

### ****+ Nghệ thuật trong tùy bút****

Tùy bút là một thể loại tùy hứng, vì vậy xét về nghệ thuật, nó mang phong cách nghệ thuật hết sức tự do, phóng khoáng và giàu chất trữ tình.

+ Tùy bút mang đậm chất [văn học](https://dafulbrightteachers.org/van-hoc/) và chất báo chí:

- Chất văn thể hiện ở những cảm xúc và suy tư của nhân vật trữ tình đôi khi lãng mạn, bay bổng, có lúc lại rất sâu sắc và đa chiều. Ngoài ra chất văn còn là ở cách tác giả chọn lọc, dùng từ ngữ một cách trau chuốt, kĩ lưỡng, thể hiện tài nghệ của ngòi bút tinh tế.

+ Chất báo thể hiện ở tính cập nhật, cái thể hiện nhanh tin tức xảy ra trong cuộc sống hàng ngày bởi tùy bút là viết về cái thực, việc thực diễn ra trong đời sống hàng ngày.

=> Một bài tùy bút hay thể hiện trên phương diện nghệ thuật về từ ngữ, câu văn, chất thơ, chất báo thì còn phải mang đậm cảm xúc của nhân vật trữ tình, mạch văn bao giờ cũng chân thực thể hiện suy ngẫm và tư tưởng một cách xuyên suốt.

**2. Đề tài**

- Tùy bút có đề tài hết sức phong phú, đa dạng. Đề tài trong tùy bút có thể là tất cả các phương diện trong đời sống xã hội, từ văn hóa, lịch sử đến cái vấn đề nóng, vấn đề manh tính thế sự, đời tư…Các đề tài luôn được tác giả hướng tới đưa chất liệu vào trong tùy bút thể hiện cái tôi suy ngẫm, suy tư của nhân vật trữ tình.

- Tùy bút là phóng theo bút mà viết, vì vậy thường tái hiện cảm xúc, nột tâm của con người đan xen nhiều cung bậc cảm xúc. Đó có thể là thứ cảm xúc đơn giản về tình yêu thiên nhiên, con người, cũng có thể là cảm xúc phức tạp, nỗi ám ảnh, day dứt…Ngoài ra tùy bút còn thể hiện cái nhạy cảm hết sức tinh tế của tác giả trước vẻ đẹp thiên nhiên và những giá trị văn hóa truyền thống.

**Lời văn, giọng điệu**

- Đặc điểm trong lời văn, giọng điệu của thể loại tùy bút, bao giờ cũng mang lối văn uyển chuyển, linh hoạt, đầy sáng tạo, bất ngờ của nhân vật trữ tình. Lời văn có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất thơ và chất trần thuật, tạo cảm giác mềm mại trong cách kể chuyện.

- Người nghệ sỹ trong tùy bút phải thật sự là nhân vật xuất chúng, được coi là “bậc thầy ngôn từ” bởi lối hành văn độc tấu đảm bảo trau chuốt từng từ ngữ, câu văn. Giọng điệu luôn chậm rãi, như thủ thỉ tâm tình. Người kể chuyện xưng tôi – nhân vật trữ tình dẫn dắt mạch cảm xúc cho toàn bài tùy bút.

**3. Kết cấu:**

- Tùy bút không giống như các thể loại truyện ngắn hay tiểu thuyết khác khi chú trọng vào diễn biến, trình tự, cốt truyện mà chỉ chú tâm thể hiện dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình.

- Nếu truyện ngắn, tiểu thuyết kể về một nhân vật với chuỗi hành trình trong cuộc sống của họ, thì tùy bút lại chú trọng làm nổi bật hình ảnh con người trong một khoảnh khắc, đôi khi chỉ là một lát cắt trong chuỗi hành trình cuộc sống của con người. Trong đó đan xen những suy tư, bình phẩm hay ca ngợi con người, làm nổi bật con người (chủ nghĩa anh hùng lớn lao).

### ****Phân biệt tùy bút và bút kí****

- Tùy bút và bút kí đều thuộc thể loại kí. Kí là một thể văn tự sự viết về người thực, việc thực, những điều mắt thấy tai nghe của nhà văn từ các chuyến đi cùng với cảm nghĩ của mình. Vì vậy nét chung trong một bài tùy bút hay bài bút kí là tạo được sự hấp dẫn qua tài năng, trình độ quan sát, nghiên cứu, diễn đạt của tác giả đối với vấn đề được đề cập tới.

- Tuy nhiên, tùy bút và bút kí cũng có điểm khác biệt. Nếu tùy bút thiên về tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thì bút kí lại thiên về ghi chép để phản ánh hiện thực đời sống.

+ Nếu tùy bút là dòng cảm xúc của người nghệ sỹ trong một lát cắt của đời sống, thì bút kí thể hiện hai khía cạnh: hiện thực khách quan được thể hiện trong bài hồi kí và ẩn sau đó cũng là cảm nhận của nhà văn.

**4. Giới thiệu về tập tùy bút thương nhớ 12 của Vũ Bằng**

*- Thương nhớ mười hai* là một tác phẩm tiêu biểu đặc trưng cho phong cách hành văn của nhà văn [Vũ Bằng](https://revelogue.com/tac-gia-vu-bang). Được viết vào năm 1960, quyển sách tính cho đến nay đã trải qua hơn nửa thế kỉ nhưng vẫn giữ được vẹn nguyên nét đẹp cùng sức hút thuở ban sơ.

*- Thương nhớ mười hai* được viết dưới dạng một quyển hồi ký. Quyển sách không kể về bất kỳ một sự việc cụ thể nào nên không có cốt truyện, nội dung chỉ giản đơn là những tản văn bộc lộ niềm thương nhớ của tác giả, những tình cảm chẳng thể nói thành lời của người con xa xứ dành cho quê hương.

## II. Tác giả tác phẩm

**1. Tác giả**

Nhà văn, nhà báo Vũ Bằng, tên thật là Vũ Đăng Bằng. Các bút danh khác: Tiêu Liêu, Thiên Thư, Lê Tâm, Vạn Lý Trình, Vũ Trường Khang, Đỗ Nam, Hoàng Thị Trâm, Cô Ngã Ngửa, Vật Con… Ông sinh tại Hà Nội. Quê gốc : làng Lương Ngọc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông sinh trưởng trong một gia đình làm nghề xuất bản (nhà sách Quảng Thịnh ở Hà Nội). Ông đã từng học trường trung học Pháp Anbe Xarô. Ông viết báo, viết văn từ trước Cách mạng cho nhiều báo như Đông Tây, Trung Bắc tân văn, Công dân, Ích hữu và An Nam tạp chí của Tản Đà. Ông từng là Thư ký tòa soạn báo Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Vịt đực…

Khuynh hướng sáng tác mà Vũ Bằng lựa chọn là tìm về bản sắc văn hóa dân tộc với những đặc trưng phong tục, ẩm thực từng vùng miền cùng nỗi nhớ gia đình, quê hương da diết. Ông đi sâu vào những đặc sắc văn hóa của mỗi vùng và gởi gắm vào đó biết bao yêu thương, tình cảm.

Ông mất ngày 7/4/1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 70 tuổi. Ngày 13/2/2007, Vũ Bằng đã được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

### 2. Hoàn cảnh sáng tác

- Trích Thương nhớ mười hai (bút kí, 1972), là bài đầu tiên của tập tùy bút.

- Thương nhớ mười hai Tác phẩm được viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, tác giả phải sống trong vùng kiểm soát của Mĩ – ngụy, xa cách quê hương đất Bắc. Niềm thương nhớ quê hương, gia đình da diết được thể hiện qua sự hồi tưởng về cảnh sắc thiên nhiên, phố xá, cuộc sống hằng ngày mang vẻ đẹp và bản sắc văn hóa của Hà Nội. Thương nhớ mười hai có 13 bài tùy bút, gồm 12 bài viết về các tháng trong năm và 1 bài về Tết.

### a. Thể loại

Tùy bút được hiểu là thể loại thuộc loại hình kí, trong đó tác giả ghi chép lại các sự việc được quan sát và suy ngẫm về cảnh vật, con người xung quanh một cách trung thực.

* Đề tài: cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân
* Phương thức biểu đạt: biểu cảm
* Tính chất trữ tình: mạch cảm xúc được khơi dậy từ những ấn tượng vể không gian Hà Nội - miền Bắc trong nỗi hoài nhớ của tác giả.
* Ngôn ngữ: giàu hình ảnh, chất thơ, biểu hiện ở những hình ảnh giàu sức gợi.

### b. Bố cục

Văn bản Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt được chia thành 3 phần

**- Phần 1** (từ đầu đến “mê luyến tâm hồn”): Cảm nhận về quy luật tình cảm của con người với màu xuân

**- Phần 2**(tiếp đó đến “mở hội liên hoan”): Cảnh sắc, không khí mùa xuân Hà Nội

**- Phần 3** (còn lại): Cảnh sắc và không khí màu xuân sau ngày rằm tháng Giêng

### c. Giá trị nội dung

Qua ngòi bút của Vũ Bằng, mùa xuân ở miền Bắc nói chung và Hà Nội nói riêng vừa đẹp, vừa mang đặc trưng riêng của một vùng đất có khi hậu, thời tiết khá đặc trưng cho tiết xuân, khí xuân. Đưa lại cho người đọc những rung cảm đặc biệt trước thiên nhiên, đất trời và gợi lên trong mỗi chúng ta một niềm mong nhớ về mùa xuân, mong nhớ về những nét đẹp của thiên nhiên cũng là cách làm cho tâm hồn của chúng ta thêm đẹp hơn.

**II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân:**

- Thời tiết: mưa riêu riêu, gió lành lạnh

- Âm thanh:

+ Tiếng nhạn kêu trong đêm

+ Tiếng trống vọng chèo từ xa

+ Câu hát ân tình của cô gái đẹp

- Khung cảnh gia đình: bàn thờ, đèn nên, nhang trầm và tình cảm gia đình yêu thương, gắn bó

- Nghệ thuật: sử dụng hình ảnh so sánh mới mẻ, sinh động, hấp dẫn diến tá ức sống của mùa xuân

+ Mùa xuân khơi dậy sức sống trong thiên nhiên và con người

+ Mùa xuân thần thánh

⇒ Mùa xuân đã khơi dậy sức sống cho muôn vật, muôn loài và cho cả con người. Mùa xuân đất Bắc có những nét đặc trưng riêng mà không nơi nào có được. Tất cả được thể hiện trong tình yêu và nỗi niềm thương nhớ mùa xuân đất Bắc của tác giả

* Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc trưng của miền Bắc.

- Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau tết

## 2. Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân:

* Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên và gợi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp, truyền thống.
* Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,...

**3. Đánh giá**

**+ Nghệ thuật**

Lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc

Sử dụng biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá…

**+ Nội dung**

* Tình yêu quê hương da diết của tác giả
* Tâm hồn tinh tế nhạy cảm của một cây bút tài hoa

Truyền cho người đọc tình yêu đối vói thiên nhiên, mùa xuân, gia đình, quê hương, đất nước.

**BÀI MẪU THAM KHẢO 1**

Vũ Bằng là một cây bút sở trường về truyện ngắn, tùy bút và bút kí. Văn của ông vừa có nét tinh tế, đặc sắc của một cây bút am hiểu tường tận về cuộc sống, vừa có cái đằm thắm, mặn mà của một tâm hồn yêu thương quê hương đất nước tha thiết, nồng nàn. Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt là một sáng tác tiêu biểu cho văn phong Vũ Băng.

Thiên tuỳ bút Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt mở đầu bằng những cảm xúc rạo rực, ngất ngây của nhà văn trước mùa xuân Bắc Việt.

Trong dòng cảm xúc của Vũ Bằng, không khí và cảnh sắc mùa xuân đất Bắc trong những ngày đầu tháng giêng hiện lên thật đẹp- một vẻ đẹp riêng biệt, độc đáo khó quên. Đó là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có cầu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...

Chao ôi, cái mùa xuân Bắc Việt, có lẽ là cái không khí và cảnh sắc mùa xuân trước năm 1945 được gợi nhớ lại trong lòng một người con xa quê như Vũ Bằng. Nó gợi ta nhớ đến những câu thơ nổi tiếng của Nguyễn Bính:

Bữa ấy mưa xuân lất phất bay

Hoa xoan lớp lớp rụng

Vơi đầy hội chèo làng Đặng đi qua ngõ

Mẹ bảo thôn Đoài hát tối nay

*(Mưa xuân)*

Mùa xuân về đem đến bao sự đổi thay kỳ diệu, làm bừng lên bao sắc xuân, và nhất là trỗi dậy bao sức sống trong lòng người. Nó làm cho người ta muốn phát điên lên, muốn mở cửa đi ra ngoài, muốn có cái thú giang hồ đó đây mà thưởng ngoạn mùa xuân, cảm thấy không cần uống rượu mạnh cũng như lòng mình say sưa. Mùa xuân làm cho nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải chồi ra thành những cái lá nhỏ li ti. Đặc biệt, mùa xuân về làm cho người ta "sống" lại và "thèm khát yêu thương.

Mùa xuân về khiến cho không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, lòng người ấm lạ, ấm lùng, và trong lòng thì cảm thấy như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.

Đó là cảm xúc say mê, rạo rực đến ngất ngây của một con người luôn khát khao mong chờ mùa xuân, đón nhận mùa xuân với tất cả tình yêu nồng nhiệt của mình. Giọng văn sôi nổi, tha thiết của Vũ Bằng đã truyền sang người đọc khiến ta hình như cũng thấy rạo rực và ngất ngây.

Một mùa xuân thật đẹp (mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến) được cảm nhận bằng một tâm hồn rất tinh tế và nhạy cảm của Vũ Bằng. Dường như tác giả đã hoà nhập lòng mình vào cảnh, để thấy được cái mưa riêu riêu, gió lành lạnh, cả tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, tiếng chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa và cả âm điệu trữ tình sâu lắng, ngọt ngào của câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng.

Không chỉ cảm nhận mùa xuân bằng những giác quan quen thuộc, nhà văn còn cảm nhận mùa xuân bằng tất cả những giác quan, những cảm xúc đặc biệt nhất của tâm hồn. Sự cảm nhận ấy được diễn tả bằng những câu văn rất giàu hình ảnh và gợi cảm với một loạt các hình ảnh so sánh liên tưởng đầy ấn tượng: "Thú giang hồ" được cảm nhận êm ái nhớ nhung; nhựa sống trong lòng người căng lên được ví như máu căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trồi ra thành những cái lá nhỏ li ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh; tình cảm gia đình đầm ấm khiến lòng người vui sướng được nhà văn liên tưởng với cảnh không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan.

Ngòi bút của nhà văn đặc biệt tinh tế khi miêu tả cảnh sắc và không khí mùa xuân từ sau ngày rằm tháng giêng. Con mắt tinh tường của ông đã phát hiện ra những chuyển biến (dù rất là nhỏ) của màu sắc và không khí bầu trời, mặt đất, cây cỏ trong một thời gian ngắn ngủi từ đầu tháng qua rằm: Đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh nhưng lại nức một mùi hương man mát; bầu trời không còn đừng đục như màu pha lê mờ, sáng dậy thấy những vệt xanh tươi hiện ra ở chân trời chuyển sang trong trong có những làn sóng hồng rung động như cánh con ve mới lột; trên giàn hoa lý, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa.

Cảnh sắc mùa xuân vốn đã đẹp vì mưa riêu riêu, gió lành lạnh, tiếng trống chèo, câu hát huê tình, đến đây càng đẹp hơn. Đến mức chính tác giả cũng phải thốt lên: Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - Mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.

Mùa xuân ấy lắng đọng mãi, ngân nga mãi trong lòng người, để hôm nay, xa quê hương, một nỗi niềm như thương quê hương đến cồn cào, da diết cứ dâng lên hoá thành dòng cảm xúc ngọt ngào tươi mát, đằm thắm, dệt nên thiên tuỳ bút kiệt tác này.

**BÀI MẪU THAM KHẢO 2**

Thương nhớ mười hai được Vũ Bằng khởi viết từ năm 1960 cho đến 1971 mới hoàn thành, đấy là tình yêu, nỗi nhớ của Vũ Bằng với người vợ yêu quý đầu tiên – bà Nguyễn Thị Quỳ – người đã góp công làm nên một Vũ Bằng nhà văn, nhà báo, nhà cách mạng. Xa vợ vì nhiệm vụ Cách mạng, xa Hà Nội vì tình yêu đất nước, tình yêu ấy, nỗi nhớ ấy hòa quyện trong Thương nhớ mười hai. Bởi vậy, mà nhà văn Triệu Xuân viết rằng, nếu phải mang cuốn sách nào sang thế kỷ XXI, thì đó là Thương nhớ mười hai.

Chiến tranh chia cắt, hoạt động bí mật, rồi chịu tiếng là dinh tê, về thành… nên văn chương Vũ Bằng không được đưa vào sách giáo khoa văn học trong nhà trường suốt mấy chục năm, cho nên khi đọc Mùa xuân của tôi trong sách Ngữ văn lớp 7, mới thấy rằng nếu chỉ có Nguyễn Tuân với Vang bóng một thời, Hoàng Phủ Ngọc Tường với Dòng sông ai đã đặt tên?; Nhàn đàm… vẫn cứ thấy thiếu thiếu thế nào đó, có thêm Vũ Bằng thì mảng văn chương theo thể loại ký mới dày dặn và đa phong cách, đa giọng điệu.

Vào Sài Gòn từ năm 1954, sống một mình lạc lõng nơi khí hậu chỉ có hai mùa mưa nắng, nhà văn càng thêm da diết nhớ Hà Nội với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Dẫu bây giờ Hà Nội – Sài Gòn chỉ cách nhau bằng 2 giờ bay, mà thời đó với Vũ Bằng, Hà Nội đã là cố hương, là vời vợi thương nhớ nghìn trùng. Cho nên, đoạn thứ nhất của văn bản đã khẳng định tình cảm của nhà văn với mùa xuân là tình cảm mang tính quy luật – quy luật của thiên nhiên và quy luật của lòng người.

Mở đầu văn bản, nhà văn khẳng định cảm xúc trước thiên nhiên bốn mùa bằng câu văn chắc nịch: Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Viết một câu văn có 9 chữ mà ngắt thành hai vế như thế với cây bút tài hoa Vũ Bằng là cả một sự trăn trở, cái trăn trở của con người sinh ra từ Hà Nội, gắn bó với Hà Nội từ thuở ấu thơ cho đến khi trưởng thành, nhớ nhung Hà Nội trong khắc khoải.

Bằng kết cấu sóng đôi, bằng điệp ngữ trong những câu văn tiếp theo: đừng, đừng thương, ai bảo được, ai cấm được cùng các hình ảnh quấn quýt, gần gũi : non – nước, bướm – hoa, trăng – gió, trai – gái… nhà văn đã khẳng định tình cảm mê luyến (mê li và lưu luyến) mùa xuân của mình.

Sang đoạn 2 của văn bản, sắc xuân, cảnh xuân, tình xuân đan xen trong nhau, hoà quyện cùng nhau, gắn bó, tha thiết. Biết bao nhiêu tính từ, bao nhiêu từ so sánh, từ miêu tả, từ biểu cảm được tác giả sử dụng khéo léo trong đoạn 2 này, thể hiện một tình yêu nồng nhiệt với mùa xuân.

Điệp ngữ mùa xuân nhắc lại 3 lần với 3 phạm vi khác nhau: Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân Hà Nội. Để khẳng định mùa xuân của tôi, nhà văn đi từ  không gian rộng, mơ hồ – mùa xuân Bắc Việt đến hẹp, cụ thể – mùa xuân Hà Nội. Cả không gian thương nhớ đó đã thu gọn trong trái tim của nhà văn, những câu văn tùy bút như có thơ, có nhạc, có cả tâm tình thương nhớ.

Chỉ có người Hà Nội mới cảm nhận được khí hậu, thời tiết mang đặc trưng riêng của Hà Nội: mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh… Riêu riêu, lạnh lạnh là những từ láy tính từ miêu tả cảm giác, cảm nhận của tác giả. Miêu tả rõ nét và tinh tế như thế mới thấy tác giả gắn bó, yêu quý Hà Nội đến nhường nào. Có yêu quý, thương nhớ thì dù xa cách vẫn cảm nhận chi li từng thời khắc của trời xuân như thế.

Xuân của đất trời và xuân của lòng người hoà quyện vào nhau. Không gian có đủ các âm thanh rộn ràng, tươi tắn thể hiện cái cảm của người biết thưởng xuân (có tiếng nhạn kêu, tiếng trống chèo, câu hát huê tình…). Những câu chữ liên tiếp nhau bày tỏ một tình yêu nồng nhiệt của tác giả với mùa xuân của đất trời và mùa xuân của cuộc đời. (Nhựa sống ở trong người căng lên như máu căng lên trong lộc của loài nai … Trong lòng cảm như … hoa mới nở, bướm ra ràng).

Đoạn 3 của văn bản miêu tả nét đẹp của mùa xuân Hà Nội sau rằm tháng giêng. Sự thay đổi, chuyển biến của đất trời, cây cỏ được tác giả quan sát kĩ càng, cảm nhận tinh tế, miêu tả tỉ mỉ, sau miêu tả là cảm nhận, biểu cảm. (Đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong… những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột…).

Cái rạo rực trước sắc xuân, tình xuân nhường chỗ cho tình cảm đằm thắm, sâu lắng trong nhịp chuyển của thời gian. Đất trời thay đổi, lòng người cũng yên bình trở lại, cái hàng ngày lấn át cái lễ hội. (Người ta trở về bữa cơm giản dị, các trò vui kết thúc…).

Trong nguyên tác của Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt, có những câu văn đọc lên mà se sắt cả nỗi lòng: Nhưng rồi có một lúc người xế bóng sẽ thấy rằng cái đẹp của quê hương ta là cái đẹp của cỏ biếc, xoan đào, hương thơm của ta là hương thơm của cau xanh, lúa vàng… So sánh với Sài Gòn đô hội, nhà văn viết: Ở đây, từ tháng một, trời nắng chói chang, làm cho đôi mắt mờ, đầu nhức, lúc nào người đàn ông cũng được “rửa mắt” bằng những cái vai đẹp hớ hênh, những cái lườn hây hây, hồng hồng… thành thử ra… không còn có gì mà cảm nữa, ví có gió xuân thì cũng khó mà làm cho hồ ao chuyển mình được. Rồi lại quay quắt tiếc nuối nhớ về mùa xuân Hà Nội: Nào đâu những buổi hoàng hôn lành lạnh, quất quít tơ hồng; nào đâu những tiếng tiêu, tiếng nhạc của trời tình bát ngát hoa hương, mến thương nhịp thở ái ân thường vẫn thấy viết ở trên những báo Xuân, sách Tết.

Câu chữ chồng lên câu chữ, cảm xúc tuôn trào, cảm nhận tinh tế, cảm hứng dạt dào trong một thể loại khá là tự do, cho phép người viết soi chiếu trên nhiều góc độ, từ nỗi nhớ về mùa xuân Hà Nội, đến sự so sánh với Sài Gòn hai mùa mưa nắng, từ cái đẹp của người đàn bà miền Bắc tinh tế, ý tứ trong nếp ăn nếp nghĩ, so sánh với những người đàn bà ở nơi Mỹ ngụy chiếm đóng, họ sống gấp, sống vội, sống lai căng… Nhà văn tỏ ra thiên vị miền Bắc, yêu quý Hà Nội đến mức muốn gạt hết những gì trong hiện tại: Tháng giêng ở miền Nam ngà ngọc có một vẻ đẹp “ly kỳ” làm cho người ta háo hức, khiến cho cổ họng khô teo, muốn uống nước cả ngày, uống rồi lại khát, khát rồi lại uống, mồ hôi cứ vả ra như thể là mình “thoát dương”…

Nhà văn Triệu Xuân viết rằng: Văn hồi ký của Vũ Bằng là loại văn trữ tình, giàu chất thơ, hướng vào biểu hiện nội tâm, hướng về phong cảnh thiên nhiên bốn mùa xứ sở… Nhà văn Tạ Tỵ ca ngợi tài văn của Vũ Bằng: Vũ Bằng là một hiện tượng. Trong suốt dòng sông của cuộc đời có mặt, Vũ Bằng đã đánh đổi tất cả chỉ để xin lấy về phần mình hơi thở của nghệ thuật… Trong đời, tôi được biết có hai nhà văn viết bản thảo một mạch ít khi sửa chữa. Đó là Vũ Bằng và Đào Trinh Nhất.

Qua ngòi bút của Vũ Bằng mùa xuân ở miền Bắc nói chung và Hà Nội nói riêng vừa đẹp, vừa mang đặc trưng riêng của một vùng đất có khí hậu, thời tiết khá đặc trưng cho tiết xuân, khí xuân. Đất trời mùa xuân biến chuyển theo hướng mát mẻ, tươi tắn, lung linh, rạng ngời, có sắc màu, có âm thanh, có con người, có cảnh vật… Bức tranh mùa xuân được miêu tả vừa tinh tế, vừa nhẹ nhàng, vừa đằm thắm, vừa lắng sâu. Người viết không chỉ cảm xuân, hiểu xuân mà còn nhớ xuân. Vũ Bằng đã đưa lại cho người đọc những rung cảm đặc biệt trước thiên nhiên, đất trời và gợi lên trong mỗi chúng ta một niềm mong nhớ về mùa xuân, mong nhớ về những nét đẹp của thiên nhiên cũng là cách làm cho tâm hồn của chúng ta thêm đẹp hơn.

***(Bài viết của TS. Hoàng Thị Thanh Thủy)***

**III. LUYỆN TẬP**

**1. Bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1:** Tác giả của văn bản tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt là ai?

A. Minh Hương **B. Vũ Bằng**

C. Nguyễn Duy D. Nguyễn Tuân

**Câu 2:** Văn bản tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt được viết trong hoàn cảnh nào?

A. Tác giả trực tiếp chứng kiến và miêu tả vẻ đẹp mùa xuân

B. Tác giả miêu tả và bộc lộ cảm xúc về mùa xuân từ những điều được nghe kể

###### **C. Đất nước chia cắt, tác giả ở miền Nam nhớ và hoài vọng về mùa xuân ở miền Bắc**

D. Tác giả đang sống trong mùa xuân thống nhất

**Câu 3:** Dòng nào sau đây nêu đúng vẻ đẹp của mùa xuân miền Bắc?

A. Tươi tắn sôi động

B. Lãnh lẽo và u buồn

C. Không gian trong sáng và ấm áp

###### **D. Thiên nhiên se lạnh nhưng lòng người ấm áp tình thương**

**Câu 4:** Tác giả đã tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí mùa xuân của vùng nào?

###### **A. Miền Bắc** B. Miền Trung

C. Miền Nam D. Tây Nguyên

**Câu 5:** Câu văn nào sau đây không nhằm bộc lộ trực tiếp tình cảm của tác giả với mùa xuân?

###### **A. Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi lông mày ai như trăng in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ**

B. Người yêu cảnh, vào những lúc đất trời mang mang như vậy, khoắc một cái áo lông, ngậm một ống điếu mở cửa đi ra ngoài…

C. Mùa xuân của tôi- mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội- là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh

D. Đẹp quá đi, mùa xuân ơi- mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến

**Câu 6:** Ý nào không đúng khi nói về nét nghệ thuật sặc của văn bản?

A. Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, liên tưởng phong phú, độc đáo, giàu chất thơ

###### **B. Sáng tạo trong lời văn, xen kể và tả chậm rãi, thủ thỉ, tâm tình**

C. Kết hợp tài hoa giũa biểu cảm với miêu tả, trình bày nội dung theo mạch cảm xúc lôi cuốn, say mê

D. Lựa chọn từ ngữ, câu văn linh hoạt, giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm

**Câu 7:**  Vẻ đẹp của mùa xuân miền Bắc trong tâm trí tác giả là

A. Tươi tắn sôi động

B. Lãnh lẽo và u buồn

###### **C. Thiên nhiên se lạnh nhưng lòng người ấm áp tình thương**

D. Không gian trong sáng và ấm áp

**2. Ngữ liệu Đọc hiểu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**  *“ Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*  *(...) Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu giêng, nhưng trái lại, lại nức một mùi hương man mác.”*  *(Ngữ văn 7- tập 1)*  **Câu 1**: Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Tác giả là ai? Văn bản đó thuộc thể loại gì? Nêu xuất xứ của văn bản?  **Câu 2**: Phần trích được viết theo phương thức biểu đạt chính nào? Câu nào thể hiện rõ nhất tình cảm yêu mến của tác giả đối với mùa xuân Hà Nội?  **Câu 3:** Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng nổi bật ở trong phần trích (chỉ rõ các từ, ngữ)? Cách sử dụng biện pháp tu từ đó có tác dụng gì?  **Câu 4**: Tác giả gọi **“** mùa xuân Bắc Việt ’’, “ mùa xuân Hà Nội’’ là “ mùa xuân của tôi ’’.Theo em, cách gọi như vậy có ý nghĩa gì ?  **Câu 5:** Em cảm nhận được những tình cảm gì trỗi dậy mạnh mẽ trong lòng tác giả khi mùa xuân đến ?  **Câu 6:** Khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản chứa đoạn văn trên.  **Câu 7:** Viết đoạn văn diễn tả cảm xúc của em về mùa xuân trong năm. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Trích trong văn bản: Mùa xuân củatôi

* Tác giả: Vũ Bằng
* Thể loại: Tùy bút

Xuất xứ: Trích *“Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt”* trong tập tuỳ bút *“Thương nhớ mười hai”.*

**Câu 2:**- Phần trích được viết theo phương thức biểu cảm

- Câu thể hiện rõ nhất tình cảm của tác giả: Đẹp quá đi, mùa xuân ơi - mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.

**Câu 3:** - Biện pháp tu từ được sử dụng nổi bật: điệp ngữ; các từ, ngữ: mùa xuân, có, mùa xuân của Hà Nội, Bắc Việt

- Tác dụng: điệp ngữ vừa để nhấn mạnh ý, vừa tạo cho câu văn, đoạn văn giàu âm điệu, giọng văn trở nên tha thiết, gợi cảm, thể hiện rõ tình cảm yêu mến mùa xuân Hà Nội của tác giả.

**Câu 4:** Tác giả muốn khẳng định ***“ mùa xuân Bắc Việt ’’, “ mùa xuân Hà Nội ’’*** là mùa xuân của riêng mình. Bởi trong hoàn cảnh xa quê đang ở miền Nam, nên nhà văn càng nhớ về mùa xuân quê hương da diết hơn.

**Câu 5:** Mùa xuân như có sức sống thần kì, khơi gợi tình cảm của tác giả. Đoạn văn đã thể hiện lòng yêu cuộc sống, sự nhạy cảm giao hòa trước thiên nhiên và tình yêu quê hương của nhà văn Vũ Bằng.

**Câu 6:** *- Nghệ thuật:*

+ Mạch cảm xúc lôi cuốn, say mê.

+ Từ ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh.

+ Hình ảnh so sánh, liên tưởng phong phú, giàu chất thơ.

*- Nội dung:*

+ Vẻ đẹp của mùa xuân miền Bắc và Hà Nội.

+ Nỗi nhớ thương da diết của tác giả với cảnh sắc quê hương.

+ Sự gắn bó máu thịt với quê hương, xứ sở - tình yêu đất nước.

**Câu 7:** Mùa xuân được xem là nữ hoàng trong năm. Xuân đến đất trời như bừng sang vì những cành lộc biếc, những đóa hoa rực rỡ và những nụ cười rạng rỡ đón xuân. Khắp nơi nơi đều được phủ một lớp màu đặc sắc của tất cả những loài hoa. Mùa xuân đem đến cho con người sự gần gũi với thiên nhiên, được cảm nhận và hòa mình vào sự thay đổi của sự giao mùa. Xuân đến còn là khoảnh khắc mỗi người mỗi nhà được đoàn viên, quây quần bên nhau trong ngày Tết. Những khúc hát về mùa xuân vang khắp đất trời chính là tình yêu, sự trân quý của con người dành cho mùa xuân.

**3. Dạng ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.**  *Tuổi thơ tôi đã hằn sâu trong ký ức những ngọn núi trông xa lấp lánh như kim cương, lúc xanh mờ, khi xanh thẫm, lúc tím lơ, khi rực rỡ như núi ngập màu xanh. Những năm tháng xa quê, giông tố cuộc đời tưởng chừng cuốn bay tất cả, nhưng trong tâm tư tôi những dòng sông quê mênh mông vẫn cuồn cuộn chảy, những dòng kênh biêng biếc vẫn lặng lờ trôi. Tôi yêu những cánh đồng bao la vàng rực ngày mùa, mù mịt khói rạ, thơm vị mía lùi và trắng xoá sương mù sau tết. Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thăm thẳm canh khuya. Tôi yêu ánh nắng chiều tà trải màu vàng tái trên rẫy khoai mì, nghiêng nghiêng bên triền núi. Biết bao đêm trăn trở tôi viết bao trang về con rạch nhỏ cạn lờ chảy qua bến Miễu, cát vàng xâm xấp nước. Tôi yêu màu đá xám đen, tấm phên xác xơ che nắng cho người đập đá. Tôi nhớ ngọn cỏ phất phơ giữa đồng nước lớn, cây cà na trái nặng chùm chùm, cây gáo mồ côi, cây gáo đôi im lìm xa ngoài đồng bãi.*  *(Mai Văn Tạo, “Đất quê hương- tuyển tập truyện kí”, trang 12, NXB Văn nghệ An Giang)*  **Câu 1**. Tác giả đã yêu những gì của quê hương?  **Câu 2**. Tìm câu rút gọn trong đoạn văn và cho biết thành phần nào của câu được rút gọn.  **Câu 3**. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong các câu văn sau và nêu tác dụng:  *“Tôi yêu những cánh đồng bao la vàng rực ngày mùa, mù mịt khói rạ, thơm vị mía lùi và trắng xoá sương mù sau tết. Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thăm thẳm canh khuya. Tôi yêu ánh nắng chiều tà trải màu vàng tái trên rẫy khoai mì, nghiêng nghiêng bên triền núi.”*  **Câu 4.** Đặt câu có thành phần trạng ngữ nêu nhận xét về tình cảm của tác giả với quê hương trong đoạn trích trên. Chỉ rõ thành phần trạng ngữ ấy. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Xác định được 5 hình ảnh:*những cánh đồng, tiếng chuông chùa, ánh nắng chiều, màu đá xám đen, tấm phên xác xơ*

**Câu 2: -** Chỉ được câu rút gọn: *“Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thăm thẳm canh khuya.”*

**Câu 3:** Xác định được biện pháp tu từ điệp ngữ *“tôi yêu”* hoặc *“yêu*

**Câu 4:** Đặt câu có trạng ngữ đảm bảo nội dung theo yêu cầu

- Câu có trạng ngữ đảm bảo nội dung theo yêu cầu.

**4. Dạng viết ngắn**

**Đề bài: Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở quê hương em.**

**Bài tham khảo**

Mùa xuân ở quê tôi là mùa xuân đẹp nhất. Những ngày đầu tiên của mùa xuân sẽ xuất hiện những trận mưa phùn. Những trận mưa ấy như mang theo vitamin sức sống để tưới cho cây cỏ, hoa lá. Cây nào cũng như bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài và thi nhau đâm chồi, nảy lộc đón mùa xuân về. Nhất là các loài hoa như hoa đào, hoa hồng, hoa dơn… thi nhau nở hoa khoe sắc làm cho mùa xuân trở nên thêm rực rỡ, tươi vui.

**ÔN TẬP VĂN BẢN: CHUYỆN CƠM HẾN**

*(Hoàng Phủ Ngọc Tường)*

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả - Tác phẩm**

- Hoàng Phủ Ngọc Tường Ông sinh ngày 9 tháng 9 năm 1937, tại thành phố Huế, nhưng quê gốc ở làng Bích Khê, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Sau khi học hết bậc trung học ở Huế, ông lần lượt trải qua:

+ Năm 1960: tốt nghiệp khóa I ban Việt Hán, Đại học Sư phạm Sài Gòn.

+ Năm 1964: nhận bằng Cử nhân triết Đại học Văn khoa Huế.

+ Năm 1960 - 1966: dạy tại trường Quốc Học Huế.

+ Năm 1966 - 1975: thoát ly gia đình để lên chiến khu, tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ bằng hoạt động văn nghệ.

+ Năm 1978: được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam.

- Ông từng là Tổng thư ký Hội Văn học nghệ thuật Bình Trị Thiên - Huế, Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật Bình Trị Thiên, Tổng biên tập tạp chí Cửa Việt

**2. Tác phẩm chính**

- Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu (1971),  Rất nhiều ánh lửa (1979), Ai đã đặt tên cho dòng sông (1986), Bản di chúc của cỏ lau (1984), Ngọn núi ảo ảnh (1999),...

**a. Phong cách nghệ thuật**

**- Tác phẩm Chuyện cơm hến** là một trong những nhà văn chuyên về bút kí.

- Nét đặc sắc trong sáng tác của ông là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và chất trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với suy tư đa chiều được tổng hợp từ vốn kiến thức phong phú về triết học, văn hóa, lịch sử, địa lý... Tất cả được thể hiện qua lối hành văn hướng nội, súc tích, mê đắm và tài hoa.

**Xuất xứ:** Trích Huế - Di tích và con người

**b. Bố cục**

**c. Thể loại**

- **Tác phẩm Chuyện cơm hến** thuộc thể loại Tản văn

**d. Phương thức biểu đạt**

- **Tác phẩm Chuyện cơm hến** thuộc phương thức biểu đạt tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm

Chuyện cơm hến có bố cục gồm 2 phần

- Phần 1 (từ đầu đến “những “đồ giả””): Món cơm hến, đặc sản xứ Huế

- Phần 2 (còn lại): Món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa của Huế

**II. Phân tích văn bản**

**1. Món cơm hến, đặc sản xứ Huế**

- Một món ăn bình dân:

+ Nguyên liệu cơm hến bình dân: hến, bún tàu, rau sống

 + Gia vị: ớt, ruốc, bánh tráng, muối rang, đậu phụng, …

- Món cơm hến cho thấy đặc điểm trong phong cách ăn uống của người Huế:

+ Ăn cơm hến phải nguội vì: trên đời chẳng có một vật gì đáng phải bỏ đi

 + Tính bảo thủ để bảo toàn di sản: món ăn đặc sản

- Chuyện cơm hến không phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn

- Tác giả còn bàn tới những điều xung quanh món cơm hến:

+ Trong vấn đề khẩu vị, tính bảo thủ là một yếu tố văn hóa quan trọng để bảo toàn di sản

+ Món ăn đặc sản cũng giống như di tích văn hóa, mọi ý đồ cải tiến đều mang tính phá phách, chỉ tạo nên những “đồ giả”

**2. Món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa của Huế**

- Mọi ý đồ cải tiến như cải tiến di tích văn hóa đều mang tính phá phách, chỉ tạo nên những “đồ giả”

→ Cơm hến cũng giống như một di tích văn hóa.

- Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ về ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa của cư dân bản địa:

+ Tác giả thắc mắc khi thấy chị làm cơm hến rất tỉ mẩn, công phu mà chỉ bán có “năm trăm đồng bạc”, tác giả kêu chị làm kĩ như vậy làm gì cho mất công

+ Chị bán hàng giận dỗi: “Nói như cậu thì … còn chi là Huế”

→ Đây chính là ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của cư dân bản địa, dù bán suất cơm hến lời lãi không nhiều nhưng họ không bỏ qua bước nào, vẫn cẩn thận, tỉ mẩn làm đủ các bước cho món ăn đặc sản này.

- Lời tác giả như đang trò chuyện với bạn đọc, thể hiện qua những từ ngữ:

+ Tôi xin giới thiệu

+ Vậy thì cơm hến là gì?

+ Tôi nghĩ rằng

+ Xin tiếp tục chuyện cơm hến

- Cái tôi của tác giả được thể hiện trong Chuyện cơm hến: Một con người yêu quê hương, hiểu rõ và muốn bày tỏ lòng mình, kể cho người đọc nghe về món cơm hến đậm đà bản sắc dân tộc

**3. Giá trị nội dung, nghệ thuật**

**a. Giá trị nội dung**

Chuyện cơm hến không phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn. Tác giả còn giới thiệu đến người đọc những câu chuyện xung quanh món cơm hến và đặc biệt là khẳng định giá trị văn hóa tinh thần của món ăn

**b. Giá trị nghệ thuật**

- Ngôn ngữ bình dị, đậm chất địa phương

- Lối viết lôi cuốn, hấp dẫn

- Cái tôi yêu quê hương, yêu văn hóa ẩm thực

**BÀI MẪU THAM KHẢO**

## Đề bài: Giới thiệu về món ăn đặc sản: Cơm hến Huế.

Cách cầu Tràng Tiền vài trăm mét về phía hạ lưu sông Hương, có hai doi đất cây cối xanh tươi do phù sa bồi đắp qua mấy ngàn năm mà thành. Truyền thuyết kể rằng hai doi đất này tượng trưng cho hai con vật oai linh chầu vào kinh thành nơi vua ngự nên người xưa mới đặt tên chữ là Thanh Long và Bạch Hổ. Còn dân gian thì gọi nôm na là cồn Hến, bởi lớp phù sa màu mỡ lắng đọng ở đây là nơi sinh sôi, phát triển rất thuận lợi của loài hến.

Với tài nội trợ khéo léo của người phụ nữ Huế, hến được chế biến thành những món ăn rất ngon mà rẻ: hến xào cuốn bánh tráng, hến trộn, hến nấu canh, cháo hến… Đặc biệt là cơm hến, món ăn độc đáo đã trở thành một đặc sản đậm đà phong vị Huế.

Nguyên liệu chính của cơm hến là cơm trắng và hến, nhưng quyết định thành công của món cơm hến lại là các thứ gia vị đi kèm như ớt tươi, tương ớt, ớt khô xào dầu, hành, tỏi, lạc rang giã nhỏ, bánh tráng mè nướng giòn và các loại rau thơm, hoa chuối, rau muống bào… Đặc biệt có một thứ không thể thiếu là mắm ruốc Huế.

Hến rất rẻ nhưng chế biến lại công phu. Hến mua ở chợ vổ, chà xát kĩ, rửa nhiều lần cho thật sạch rồi luộc chín. Vớt hến ra, đãi lấy thịt, để ráo. Nước hến lọc bỏ cặn, nêm nếm cho vừa, bắc lên bếp đun sôi liu riu. Cơm nấu chín dỡ ra rá để nguội.

Khách gọi một tô cơm hến. Cô bán hàng khéo léo nhúm một nhúm hoa chuối và rau muống bào xắt nhỏ lót xuống đáy tô. Múc một muỗng Cơm trắng, dàn đều ra, xúc vài thìa hến xào bỏ vào và rắc rau thơm, hành lá xắt nhỏ cùng tóp mỡ, lạc rang giã dập lên trên rồi chan nước canh hến xám xấp. Như thế là xong. Khách bóp vụn miếng bánh tráng nướng giòn tan, thơm phức vào tô cơm và bắt đầu thưởng thức. Tùy khẩu vị từng người mà gia giảm thêm mắm ruốc, ớt khô xào dầu hoặc ớt tươi. Người xứ Huế thích ăn thật cay, thật nóng, vừa ăn vừa xuýt xoa chảy cả nước mắt mới là ngon.

Cơm hến là món ăn dân dã được nhiều người ưa chuộng. Khắp nơi, từ nội ô đến ngoại thành, chỗ nào cũng có cơm hến. Người bán gánh quang gánh, một bên là chiếc bếp than hồng trên để nồi canh, bên kia là chiếc thố đựng hến xào, rá cơm cùng các thứ khác xếp ngăn nắp trong một chiếc khay nhôm sạch sẽ. Bên cạnh quang dắt dăm ba chiếc ghế con con… Người ăn cơm hến chẳng cần đến sự sang trọng của chỗ ăn. Ngược lại rất cần khung cảnh quây quần và không khí vui vẻ như một bữa cơm gia đình vậy. Đông khách nhất có lẽ là gánh cơm hến gia truyền đối diện chợ Đông Ba, người bán tíu tít luôn tay vẫn không kịp và người ăn nhẫn nại chờ đợi đến lượt mình.

Một tô cơm hến giá chỉ khoảng hai mươi ngàn đồng nhưng đủ mùi, đủ vị và chứa dựng bao nhiêu sản vật thiên nhiên ban tặng cho con người. Sau một ngày lao động mệt nhọc, khách vừa ăn vừa trò chuyện bao đồng, tai nghe tiếng nói trầm ấm của [quê hương](https://thuvientho.com/que-huong-te-hanh-343.html), miệng thưởng thức món ăn quen thuộc của xứ sở, vừa rẻ vừa ngon, thú vị vô cùng! Người Huế mê cơm hến đã đành, du khách đến Huế, dẫu chỉ ăn cơm hến Huế một lần cũng đủ thèm và nhớ suốt đời.

*(Nguồn In- ter –net)*

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1**: Chuyện cơm hến là sáng tác của ai?

A. Vũ Bằng B. Vũ Đình Liên

C. Tô Hoài **D. Hoàng Phủ Ngọc Tường**

**Câu 2:** Chuyện cơm hến thuộc thể loại gì

A. Tùy bút **B. Tản văn**

C. Truyện ngắn D. Tiểu thuyết

**Câu 3**: Chuyện cơm hến được viết theo phương thức biểu đạt nào?

**A. Tự sự** B. Miêu tả

C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 4:** Chuyện cơm hến có phải đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn?

A. Đúng **B. Sai**

**Câu 5:** Chuyện cơm hến được trích từ tác phẩm nào?

A. Thương nhớ 12 B. Món lạ quê hương

**C. Huế - Di tích và con người**  D. Món ngon miền Bắc

**Câu 6:** Tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh ra ở đâu?

A. Đà Nẵng B. Huế

C. Quảng Nam **D. Quảng Trị**

**Câu 7: Ngoài sáng tác, tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường còn làm nghề gì?**

**A. Giáo Viên** B. Hoa Sĩ

D. Nhạc sĩ D.Họa sĩ

**Câu 8: Phong cách sáng tác của nhà thơ là?**

A. Nồng nàn, trẻ trung B. Hàm súc triết lí

C. Trữ tình chính trị **D. Đằm thắm ân tình**

**2. Ngữ liệu Đọc Hiểu SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Làng Vân1 bị vây bọc quanh bởi nhiều con sông; và tôi nghĩ rằng đấy là một*  *thế đất cần thiết cho sự giữ bí quyết, bởi vì cho đến nay, chưa ai bắt chước được rượu làng Vân cả. Một đoàn những cụ già y phục dáng lễ hội đứng chờ chúng tôi, vẽ thành một hàng dài vui mắt ngay trên nền chiếu hoa trải thành hai hàng trên thềm nhà; trên đó bày đủ các thức ăn để nguội chừng đã lâu do chúng tôi đến trễ. Chúng tôi rủ nhau ngồi xuống chiếu trước những chai rượu Vân trong suốt. Một người nhà bưng ra những chiếc mâm đồng vàng ánh như còn mới, trên đó có chạm hoa văn nhỏ bằng đầu kim găm, lấm chấm phủ kín cả mặt đồng. Mỗi mâm có một cụ già bê từng món thức ăn đặt lên mâm đồng và hạ thấp ngọn măng sông2 xuống (bây giờ, tôi mới để ý căn nhà được thắp sáng bằng đèn măng sông). Bóng tối trở nên đậm đặc hơn, và tôi không biết chủ nhà đang bày ra trò vui nào đây. Cụ già quay lại lấy một chai rượu Vân chừng một lít đổ đầy mặt đồng và châm lửa, hoá ra đó là một cách hâm thức ăn. Phực một tiếng, ánh*  *lửa bốc thành ngọn đồng loạt trên những chiếc mâm đồng; ngọn lửa len lỏi qua những bát thức ăn vẽ thành những lượn sóng màu xanh biếc trên mặt thực khách.*  *Đã lâu rồi nhưng tôi không thể nào quên bữa tiệc hôm ấy ở làng Vân, với những vết sáng xanh biếc đầy bí ẩn nhảy múa trên gương mặt của những thực khách ngồi chìm trong bóng tối, trông nó giống như một cuộc tiệc của một bộ lạc bán khai3 nào đó trong ánh lửa rừng đêm thẳm của lịch sử nhân loại. [...] Và trong không gian đó, tôi nghe lan toả một giai điệu quan họ4, và “người ở đừng về”5 đã nói với tôi một điều gì đó, giống như một điều nguồn cội thuộc văn hoá dân tộc.*  *(Hoàng Phủ Ngọc Tường, Rượu làng Vân, in trong Miễn gái đẹp, NXB Thuận Hoá, Thừa Thiên - Huế, 2001, tr. 28 - 30)*  **Câu 1:** Những chi tiết nào cho thấy cơm hến là món ăn bình dân?  **Câu 2:** Món cơm hến cho thấy đặc điểm gì trong phong cách ăn uống của người Huế?  **Câu 3:** Chuyện cơm hến có phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn không? Tác giả bàn tới những điều gì xung quanh món cơm hến?  **Câu 4:** Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng “một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa”?  **Câu 5**: Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ gì về ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của cư dân bản địa?  **Câu 6:** Nêu những chi tiết trong văn bản nói về thói quen ăn đồ ăn có vị cay hoặc đắng của người Huế.  **Câu 7:** Tìm những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn Chuyện cơm hến giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc.  **Câu 8:** Nội dung của đoạn văn là gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Các chi tiết đó cho thấy không gian mùa xuân rất đặc trưng của miền Bắc. Nếu em sống ở miền Bắc, em sẽ nhận thấy chỉ cần vài nét chấm phá, tác giả đã miêu tả những đặc điểm khí hậu, văn hoá ở vùng này vào mùa xuân. Mùa xuân trời vẫn lạnh, có mưa phùn, có những loài hoa xuân. Đặc biệt, mùa xuân miền Bắc còn là mùa của các lễ hội. Sân khấu chèo truyền thống thường được tổ chức trong các lễ hội đó. Nếu em sống ở các vùng miền khác, không gian mùa xuân quê em có thể không hoàn toàn giống như những gì tác giả miêu tả. Em hãy miêu tả ngắn gọn một vài nét về không gian mùa xuân ở quê mình (thời tiết, hoa trái, bầu trời, cảnh sinh hoạt,...).

**Câu 2:** Món cơm hến cho thấy phong cách ăn uống của người Huế mặc dù rất dân dã nhưng cũng rất cầu kì, kỹ tính. Cả người làm ra món cơm hến và người ăn món cơm hến đều rất coi trọng, chú trọng đến vị đặc trưng của món ăn.

**Câu 3**: - Chuyện cơm hến không phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn.

- Ngoài việc giới thiệu, miêu tả một món ăn, tác giả còn bàn tới văn hóa và việc giữ gìn văn hóa xung quanh món cơm hến.

**Câu 4:** Tác giả cho rằng “một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa” vì tác giả coi mỗi món ăn cũng là một nét văn hóa của từng vùng miền và việc “cải tiến tạp nham” món ăn cũng là ăn cắp bản quyền sáng chế nơi khác. Do đó, món ăn cũng phải giống như một di tích văn hóa, giống y như ngày xưa.

**Câu 5:** Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa làm cho em cảm thấy ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của cư dân bản địa ở Huế rất tốt. Ý thức này được truyền đến khắp mọi người dân ở Huế. Nếu con người ở nơi đâu cũng có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa của vùng miền, quê hương mình thì những truyền thống văn hóa tốt đẹp, những món ngon của quê hương sẽ được gìn giữ và lưu truyền mãi mãi

**Câu 6**:  Những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn Chuyện cơm hến giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc:

+ Đến nỗi chính tôi cũng không hiểu tại sao mình ăn cay tài đến như vậy.

+ Tôi xin giới thiệu một ngày “Hạnh phúc trời hành” của dân Huế tui.

+ Xin tiếp tục chuyện cơm hến.

+ Tôi nhớ lần ấy.

**Câu 7:**

Cho biết công dụng của dấu ngoặc kép ở từng trường hợp trong đoạn văn sau:

Nhưng lạ nhất là thói ăn cay, đến nỗi chính tôi cũng không hiểu sao mình lại ăn cay “tài” đến như vậy. Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng “sướng miệng”: cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,... [...] Có thể nói rằng người Huế bắt đầu thực đơn hằng ngày bằng một tô bún bò “cay dễ sợ; tiếp theo là một ngày cay “túi mắt túi mũi” để kết thúc với tiếng rao “Ai ăn chè?; một chén ngọt lịm trước khi ngủ.

**Câu 8:** Các chi tiết đó cho thấy không gian mùa xuân rất đặc trưng của miền Bắc. Nếu em sống ở miền Bắc, em sẽ nhận thấy chỉ cần vài nét chấm phá, tác giả đã miêu tả những đặc điểm khí hậu, văn hoá ở vùng này vào mùa xuân. Mùa xuân trời vẫn lạnh, có mưa phùn, có những loài hoa xuân. Đặc biệt, mùa xuân miền Bắc còn là mùa của các lễ hội. Sân khấu chèo truyền thống thường được tổ chức trong các lễ hội đó. Nếu em sống ở các vùng miền khác, không gian mùa xuân quê em có thể không hoàn toàn giống như những gì tác giả miêu tả. Em hãy miêu tả ngắn gọn một vài nét về không gian mùa xuân ở quê mình (thời tiết, hoa trái, bầu trời, cảnh sinh hoạt,...).

**2. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi**  *Bún bò là một trong những đặc sản của xứ*[*Huế*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF)*, mặc dù món*[*bún*](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%BAn)*này phổ biến trên cả ba miền ở Việt Nam và cả người Việt tại hải ngoại. Tại Huế, món này được gọi đơn giản là "bún bò" hoặc gọi cụ thể hơn là "bún thịt bò". Các địa phương khác gọi là "bún bò Huế", "bún bò gốc Huế" để chỉ xuất xứ của món ăn này. Món ăn có nguyên liệu chính là bún, thịt bắp bò, giò heo, cùng nước dùng có màu đỏ đặc trưng và vị sả và*[*ruốc*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ru%E1%BB%91c)*. Đôi khi tô bún còn được thêm vào*[*thịt bò*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%8Bt_b%C3%B2)*tái,*[*chả cua*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BA%A3_cua)*, tiết, và các loại nguyên liệu khác tùy theo sở thích của người nấu.*  *Trong nước dùng của bún, người Huế thường nêm vào một ít*[*mắm ruốc*](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%AFm_ru%E1%BB%91c)*, góp phần làm nên hương vị rất riêng của nồi bún bò Huế. Sau khi xương bò được hầm chín tới, người ta thường thêm vào một ít chả heo hay chả cua được quết nhuyễn.*[*Thịt bò*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%8Bt_b%C3%B2)*có thể được cắt mỏng, nhúng vào nước dùng đang sôi trước khi cho vào tô bún (gọi là thịt bò tái). Người ta cũng thường cho thêm một ít*[*ớt*](https://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BB%9At)*bột và gia vị vào tô bún rồi ăn với*[*rau sống*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Rau_s%E1%BB%91ng)*gồm*[*giá*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1_%C4%91%E1%BB%97)*,*[*rau thơm*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Rau_th%C6%A1m)*,*[*xà lách*](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A0_l%C3%A1ch)*,*[*rau cải*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Rau_c%E1%BA%A3i)*con, bắp*[*chuối*](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chu%E1%BB%91i)*cắt nhỏ.*  **Câu 1:** Văn bản trên cung cấp thông tin gì cho người đọc?  **Câu 2:** Đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào?  **Câu 3**: Cách chế biến bún bò Huế được giới thiệu như thế nào?  **Câu 4**: Theo em vì sao bún bò Huế trở thành món ăn nổi tiếng ở Huế? Kể tên một số món ăn nổi tiếng khác ở Huế? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Văn bản trên giới thiệu với người đọc món ăn nỏi tiếng cuả Huế

**Câu 2:** Kiểu văn bản thông tin

**Câu 3:** Cách chế biến HS Xem ngữ liệu để trả lời

**Câu 4:** HS trả lời theo ý hiểu

+ Các món ăn khác: Chè Huế, cơm Hến, mè xửng, nem lụi Huế, bánh canh nam phố, tôm chua, bánh bèo…

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**  **MÙA PHƠI SÂN TRƯỚC**  *Hồi con nít thích đi xe đạp về nhà ngoại bằng con đường xóm cặp mé sông Rạch Rập. Đường đất dầm dãi suốt một em cần: mùa mưa, chúng' gió chưởng thổi về mới ráo tạnh bùn lầy. Đến Chạp thì những chân trâu cũng bị bôi xoá hết, có thể đạp xe thong dong mà đã đời nghiêng ngó.*  *Mùa Chạp đi bảy cây số không nghe mỏi. Gió chướng khoác lên làng mạc một vẻ mơ màng, đường uốn lượn theo sống, và dòng chảy đó thẳm suốt thoắt ẩn thoắt hiện sau những lùm cây hoang dại. Dọc đường thấy Tết lấp ló khắp nơi, trên sân nhà người, trên những giản phơi.*  *Người nhà quê hồi mình con nit toàn người nghèo, sân nhà quê hồi ấy cũng rặt sân đất, nên nhà nào cũng cặm cái giàn trước nhà, suốt sáu tháng mưa, sân chim trong nước cũng có chỗ mà đem phơi củ, hay gối, chiếu. Những ngày hửng nắng trên giàn luôn có thứ gì đó ngóng nắng, khi cảm mốc, khi thì mở bột gạo thừa trong lúc làm bánh, khi thì mở cơm nguội hay mở lả dừa khô dùng để nhen lửa, mẩy trái đậu bắp giả làm giống cho mùa sau,... Phơi trên giàn mọi thứ khô mau, vì nắng ngun ngút trên mặt, gió lộng phía lung. Những nhà có sân rộng người ta còn phơi lúa trên giản, lúa khô đem vô bổ được mấy hôm đã thấy trên mặt sân xâm xấp nước lúa rảy" đã lấm tấm xanh. Qua nhà nào có trẻ nhỏ gặp những tấm chiếu manh con con nằm uống nắng.*  *Càng gần về cuối năm gian phơi càng bận rộn. Dầu dãi oằn mình suốt năm, giờ trên giản bày ra những món ngon chuẩn bị cho cuộc hội hè. Bánh phồng vừa quết xong, củ kiệu mới trộn đường xong, mứt gừng mới ngào nửa lửa,... thứ nào cũng ưa nắng. Nhưng cá khô mới là ưa nắng nhút hạng, mới cần thứ nắng rỏng rong như thắp lửa, thứ nắng như chảy trên đầu. Mùa Chạp cả làm địa người ta lớp rọng lớp làm mắm để ăn dần dần cho tới mùa lúa sau, mở xẻ làm khô ăn Tết. Mùa địa kéo dài cả tháng nghĩa là lúc nào giản phơi cũng đầy những con cả năm nhuộm nắng cho đỏ au da thịt.*  *Mùa Chạp thể nào cũng gặp người ta ép chuối khô. Chuối xiêm chín cây sẵn ngoài vườn, lột vỏ phơi một nắng, rồi đem ép mỏng. Không như cả khô rủ rê bọn ruổi nhặng đến mức phải đốt nắm nhang cắm nơi đầu gió để xua đuổi chúng, mật chuối tươm ướt rượt chỉ mê dụ quyển rũ lũ ong. Kéo tới dập dìu, lão đảo bay đầu như say, những con ong sa đà ở giản phơi cho đến khi những miếng chuối ép mỏng bắt đầu khô quắt, vàng óng như vua nướng trên than hồng. Chuối phơi đủ nắng có thể ăn tới ra Giêng, mật lặn vào trong vừa ăn vừa tợp miếng trà, hoặc ngào qua với khóm, me.... đem dầm nước đá uống cũng ngon thấu trời. Vậy là nước miếng mình tứa ra, trên từng mét đường về nhà ngoại. Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mời gọi trong sân thiên hạ. Đang thèm tô cơm nguội chan nước dừa ăn với khô lóc nướng thì bỗng nghĩ giờ phải có thịt kho Tàu để ăn với dưa kiệu nhà kia, rồi cái hủ mắm tép dầm nắng sát hàng rào làm mình nhớ nhung chuối chát, khế chua cùng với gừng xắt mịn thì mâm mút tắc" đỏ au đằng kia làm mình làm chết một cách lim dim như tụi kiến Chân rõ ràng không mỏi, nhưng tâm rã rời, cứ chạy theo đeo đuổi mốt trên những giàn phơi. Hụt hơi, chới với. Có lần về nhà kêu má Tết này làm những món này nảy, những món mà mình nhìn thấy mang theo trên suốt chặng đường từ nhà ngoại về. Má cười, người ta có đâu có nghĩa là mình phải có.*  *( Nguồn Internet)*  **Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại gì?  **Câu 2.** Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?  **Câu 3.** Từ “má” là từ địa phương của miền nào?  **Câu 4:** Nội dung của văn bản trên là gì?  **Câu 5.** Tìm phó từ trong câu “Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mới gọi trong sân thiên hạ.”  **Câu 6.** Nhận xét về chất trữ tình trong văn bản.  **Câu 7.** Văn bản giúp em hiểu gì về tình cảm của người viết với quê hương. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể tản văn

**Câu 2.** Văn bản trên được kể theo ngôi thứ nhất

**Câu 3.** Từ “má” là từ địa phương của miền tây

**Câu 4:** Nội dung của văn bản Văn bản đã ghi lại cảm xúc của tác giả khi nhớ về tuổi thơ đạp xe về nhà ngoại: đâu đâu cũng thấy người ta phơi đồ trên sân.

**Câu 5.** Phó từ trong câu “Tâm hồn mệt nhoài với những món ăn cực kì mới gọi trong sân thiên hạ.” Là từ những

**Câu 6. Nhận xét về chất trữ tình trong văn bản:**

- Chất trữ tình nhẹ nhàng

- Chất trữ tình góp phần thể hiện cảm xúc của tác giả, tạo cho bài văn mạch chất trữ tình nên thơ.

**Câu 7. Văn bản giúp em hiểu về tình cảm của người viết với quê hương:**

- Văn bản cho thấy sự gắn bó sâu nặng của tác giả - người con xa quê - với quê nhà. Đó là cảm xúc hoài niệm nhớ nhung về tuổi thơ, tình cảm yêu quê hương tha thiết. Với nhà văn, những hình ảnh, đặc trưng của quê hương luôn khắc ghi trong tâm trí.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**  *Nem lụi Huế mang hương vị đặc trưng riêng không nơi nào sánh bằng, nhưng bất kỳ ở vùng miền nào bạn cũng có thể thưởng thức món nem lụi này. Để làm món nem lụi Huế, nguyên liệu chính là thịt heo xay nhuyễn mỡ heo thái lựu, tất cả nguyên liệu được tẩm ướp gia vị đầy đủ như muối, đường, bột ngọt và trộn đều với nhau. Sau đó sẽ dùng một que tre hoặc cây sả và nắm thịt lại thành một xiên và nướng trên than hồng.*  *Nem lụi thường được ăn kèm với xoài xanh, khế chua, đa nem, rau sống…hoặc ăn cùng với bánh tráng, sau khi cho nem, rau củ quả ăn kèm với bánh tráng rồi cuộn lại chấm thêm ít nước mắm chua ngọt. Mùi thơm của nem nướng kèm chút cay cay của ớt, vị béo béo cùng nước chấm sền sệt và rau tươi, tất cả hòa quyện vào nhau tạo nên món ăn vô cùng hấp dẫn.*  *Nước chấm nem lụi Huế càng làm cho món ăn thêm hấp dẫn và đặc biệt hơn. Nước chấm được làm từ đậu phộng xay nhuyễn và cho thêm nước mắm, thịt băm nhuyễn, gan heo sau đó đem lên bếp đun tạo nên một hỗn hợp đậm đà sền sệt, cách làm tuy khá cầu kì nhưng lại được ăn ngon thì vô cùng xứng đáng. Khi ăn, khách****du lịch Huế****cũng có thể thêm ít chanh, ớt vào theo khẩu vị của mỗi người.*  *( Nguồn Internet)*  **Câu 1:** Đoạn trích trên thuộc loại văn bản nào?  **Câu 2:** Văn bản trên cung cấp thông tin gì cho người đọc?  **Câu 3**: Tác giả giới thiệu cách thưởng thức món nem lụi Huế như thế nào?  **Câu 4:** Tại sao món *Nem lụi Huế mang hương vị đặc trưng riêng không nơi nào sánh bằng?* |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Loại văn bản thông tin

**Câu 2:** Văn bản trên cung cấp thông tin về món nem lụi món ăn nổi tiếng ở Huế

**Câu 3:** Cách thưởng thức:*Nem lụi thường được ăn kèm với xoài xanh, khế chua, đa nem, rau sống…hoặc ăn cùng với bánh tráng, sau khi cho nem, rau củ quả ăn kèm với bánh tráng rồi cuộn lại chấm thêm ít nước mắm chua ngọt. Mùi thơm của nem nướng kèm chút cay cay của ớt, vị béo béo cùng nước chấm sền sệt và rau tươi, tất cả hòa quyện vào nhau tạo nên món ăn vô cùng hấp dẫn.*

**Câu 4:** Món nem lụi Huế mang hương vị riêng đặc trưng vì nó được chế biến bằng những hương vị đặc biệt, đặc trưng của xứ Huế.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**

|  |
| --- |
| **Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**  **MỘT THỨ QUÀ CỦA LÚA NON: CỐM**  *Cơn gió mùa thu hạ lướt qua vùng sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Các bạn ngửi thấy, khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, ngửi thấy cái mùi thơm mát của bông lúa non không? trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phản phất hương vị mùi hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa dần dần đông lại, bông lúc càng ngày càng cong xuống, nặng vì cái chất quý trong sạch của Trời.*  *Đợi đến lúc vừa nhất, mà chỉ riêng những người chuyên môn mới định được,người ta gặt mang về. Rồi đến một loạt cách chế biến, những cách thức làm, truyền tự đời này sang đời khác, một sự bí mật trân trọng và khe khắt giữ gìn, các cô gái Vòng làm ra thứ cốm dẻo và thơm ấy. Tất nhiên là nhiều nơi cũng biết cách thức làm cốm, nhưng không có đâu làm được cốm dẻo, thơm và ngon được ở làng Vòng, gần Hà Nội. Tiếng cốm Vòng đã lan khắp tất cả ba kỳ, và đến mùa cốm, các người ở Hà Nội 36 phố phường vẫn thường ngóng trông cô hàng cốm xinh xinh, áo quần gọn ghẽ, với cái dấu hiệu đặc biệt là cái đòn gánh hai đầu cong vút lên như chiếc thuyền rồng ...*  *Cốm là thức quà đặc biệt riêng của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam. Ai nghĩ đầu tiên dùng cốm để làm quà siêu tết? Không có gì hợp hơn với sự vương vít của tơ hồng, thức quà trong sạch, trung thành như các việc lễ nghi. Hồng cốm tốt đôi ... Và không bao giờ có hai màu lại hòa hợp hơn nữa: màu xanh tươi của cốm như ngọc thạch quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già. Một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau để hạnh phúc được lâu bền. (Thật đáng tiếc khi chúng ta thấy những tục lệ tốt đẹp ấy mất dần, và những thức quý của đất mình thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước nước ngoài: những kẻ mới giàu vô học có biết đâu thưởng thức được những vẻ cao quý kín đáo và nhũn nhặn?).*  *{….}*  *Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị. Tất cả những cách thức đem nấu khác chỉ làm cho thức quà ấy bớt mùi thơm và chất dẻo đi thôi. Tuy vậy, nhiều người ưa cái thứ cốm xào, thắng đường rất quánh. Thành ra một thứ quà ngọt sắc và dính răng. Như vậy tưởng mua bánh cốm mà ăn lại còn thú vị hơn. Ở Hà Nội, người ta còn làm một thứ chả cốm, nhưng cái thanh đạm của vị lúa không dễ ăn với cái béo tục của thịt, mỡ. Tôi thích hơn thứ chè cốm, nấu vừa đường và không đặc. Ít ra ở đây cốm cũng còn giữ được chút ít vị thơm và chất dẻo, và chè cốm ăn cũng mát và lạnh. Nhưng cũng chắng gì hơn là một lá cốm Vòng tươi sạch trong một chiếc lá sen mới hái về.*  *( Trích Một thứ quà tặng của lúa non: Cốm - Thạch Lam)*  **Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại gì?  **Câu 2.** Theo người viết, ăn cốm phải ăn như thế nào?  **Câu 3.** Xác định phó từ trong câu “Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị” bổ sung ý nghĩa gì?  **Câu 4.** Câu văn nói rõ nhất giá trị đặc sắc chứa đựng trong hạt cốm?  **Câu 5.** Nội dung của văn bản trên là gì?  **Câu 6.** Theo em, cái tôi của tác giả thể hiện trong văn bản này như thế nào?  **Câu 7.** Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua văn bản là gì? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại tuỳ bút

**Câu 2.** Theo người viết, ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ.

**Câu 3.** Phó từ “cũng” trong câu “Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị” bổ sung ý nghĩa Sự tiếp diễn tương tự.

**Câu 4.** Câu văn nói rõ nhất giá trị đặc sắc chứa đựng trong hạt cốm: “Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, là thức dâng của những cánh đồng lúa bát ngát xanh, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam.”

**Câu 5.** Nội dung của văn bản trên là:

- Ca ngợi lúa non, cốm, thức quà ngon và độc đáo

- Cốm là thức quà riêng biệt của đất nước, những cánh đồng, mang trong mình hương vị mộc mạc, giản dị thanh khiết của đồng quê nội cỏ.

- Những khám phá, phát hiện ra giá trị độc đáo, đặc trưng của thức quà cốm, giản dị

**Câu 6.** Cái tôi của tác giả được thể hiện trong “Chuyện cơm hến” là cái tôi yêu quê hương, yêu những nét văn hóa ẩm thực độc đáo của quê hương mình.

**Câu 7.** Thông điệp: Hãy trân trọng, giữ gìn những đặc sản của địa phương, và nuôi dưỡng những nét đẹp văn hoá của quê hương.

**ÔN TẬP VĂN BẢN: HỘI LỒNG TỒNG**

*(Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ*

**I. TÌM HIỂU CHUNG**

**1. Tác giả tác phẩm**

Thể loại: VB thuyết minh

**- Nội dung chính:**Những nét đặc sắc trong hôi lồng tồng vùng Việt Bắc.

- PTBĐ: thuyết minh

- Xuất xứ: rút trong tập “*Mùa xuân và phong tục Việt Nam*”.

- Bố cục: 2 phần:

- Phần 1 (từ đầu đến “một cách tài tình”): Giới thiệu về hội lồng tồng.

- Phần 2 (còn lại): Các hoạt độngvà ý nghĩa của hội lồng tồng.

(Hoặc có thể chia nhỏ thành 4 phần như sau)

Bố cục: 4 phần:

+ Phần 1: Từ đầu đến múa sư tử và lượn lồng tồng: giới thiệu khái quát về hội lồng tồng.

+ Phần 2: Từ Trò chơi ném còn đến cuộc vu itiếp tục: giới thiệu về trò chơi ném còn.

+ Phần 3: Từ Múa sư tử đến đọ tài với đối phương: giới thiệu vế trò múa sư tử.

+ Phần 4: Từ Nhân dịp hội lồng tồng đến hết: giới thiệu về hoạt động hát lượn).

**\* Tóm tắt:** **Văn bản cung cấp những thông tin cơ bản đến chi tiết về hội lồng tồng. Từ những chi tiết về thời gian, địa điểm tổ chức, cho đến phần lễ hội, cúng tế, vui chơi văn nghệ đều được thông tin đầy đủ đến người đọc. Những hoạt động đó thể hiện những phẩm chất và khả năng của con người: chăm chỉ, cần cù lao động, nhanh nhẹn, khỏe khoắn. Đặc biệt nó còn thể hiện được tình yêu thiên nhiên, yêu lao động, yêu mùa xuân và sự duyên dáng trong những câu hát. Khi tổ chức hội lồng tồng, người dân gửi gắm mong ước về mùa màng tươi tốt, sự may mắn tốt lành, ca ngợi cái đẹp của thiên nhiên, của mùa xuân, của tình yêu, của cuộc sống lao động.**

**II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN**

**1. Bức tranh của ngày hội Lồng Tồng**

- Thời gian : từ sau tết Nguyên đáng đến tết Thanh Minh

-“Lồng Tồng’ tiếng Tày ,Nùng là xuống đồng hay còn gọi là Thần Nông

- Là lễ hội cầu mùa , vui xuân, cúng thần nông

- Trưng bày các sản phẩm nông nghiệp

+ Gà thiến béo, lợn quay , các thứ bánh trái….

- Lễ hội nhộn nhip,với rất nhiều phần hội

+ Kéo co,đấu vật, thi bắn , đua thuyền..

+ Đặc biệt tung còn, múa sư tử, lượn lồng tồng

- Là dịp nam thanh nữ tú họp thành đám lượn hát đối đáp

**2. Ý nghĩa của ngày hôi Lồng Tồng**

- Lượn “lồng tồng” mang nhiều ý nghĩa

+ Gồm 2 phần lượn tuồng, lượn sương

+ Cầu mùa màng

+ Trai gái giao duyên, gặp gỡ

+ Hi vọng mùa xuân ấm no , hạnh phúc

- Chúc mừng dân làng ,mọi sự may mắn, tốt lành, mùa màng bội thu

→ Một lễ hội đặc sắc về bản sắc văn hóa của mùa xuân Việt Bắc

**3. Đánh giá**

**+ Nghệ thuật**

- Sử dụng phương thức thuyết minh, bày tỏ thái độ đánh giá của người viết về vấn đề được nói tới thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, nhất là tính từ.

- Miêu tả chi tiết hội lồng tồng

- Kiến thức xã hội sâu sắc thể hiện qua ngôn ngữ thuyết minh của tác giả.

**+ Nội dung**

- Văn bản thuyết minh về hội lồng tồng ở vùng Việt Bắc, hội được mở từ sau tết Nguyên Đán đến tết Thanh minh.

- Qua đó,ngợi ca, đề cao vẻ đẹp văn hóa, sinh hoạt văn hoá dân gian phổ biến của đổng bào Tày, Nùng trong mùa xuân.

**4. Những điều rút ra từ tác phẩm**

- Khi tổ chức hội lồng tồng, người dân gửi gắm mong ước về mùa màng tươi tốt, sự may mắn tốt lành, ca ngợi cái đẹp của thiên nhiên, của mùa xuân, của tình yêu, của cuộc sống lao động.

**BÀI THAM KHẢO**

Vùng Việt Bắc mở hội lồng tồng từ sau tết Nguyên đán đến tết Thanh minh. Lồng tồng tiếng Tày – Nùng có nghĩa là “xuống đồng”. Thần thành hoàng của đồng bào Tày – Nùng cũng tức là thần nông. Đình thành hoàng thờ những nhân vật ngày xưa đã có công khai phá ruộng nương, xây dựng và bảo vệ bản mường. Có nhiều truyền thuyết khác nhau về hội lồng tồng ở từng địa phương.

[...] Trong những ngày hội lồng tồng cầu mùa, vui xuân, dân làng mang cỗ đến cúng thần nông. Hội lồng tồng cũng là dịp trưng bày những sản phẩm nông nghiệp của dân làng như gà thiến béo, lợn quay, các thứ bánh trái,... Sản phẩm được trình bày sao cho thật đẹp mắt. Sau khi cúng tế, người ta ăn cỗ với thịt gà, thịt lợn, bánh chưng hay bánh lá ngải, xôi nhuộm lá cẩm, uống rượu nếp, rượu mác mật,... Trong những trò chơi dân gian làm cho hội lồng tồng rộn rịp có đánh vật, kéo co, thi bắn, đua thuyền, biểu diễn võ dân tộc,... nhưng hấp dẫn nhất là tung còn, múa sư tử và “lượn lồng tồng”.

Trò chơi ném còn có dụng cụ chính là một chiếc còn. Đó là một túi vải màu hình vuông, mỗi cạnh khoảng 10 cm, trong đổ cát, đuôi dài hơn 1 m bằng vải ngũ sắc. Giữa đồng người ta dụng một cây mai cao vúi, đóng giá như kiểu cột cờ để có thể dựng lên hạ xuống được. Trên đỉnh chót người ta uốn ngọn cây mai thành một vòng tròn, dán giấy trắng, trong có điểm hồng tâm. Thanh niên gái trai chia làm hai bên thi nhau nhằm chiếc vòng giấy ấy mà tung còn. Người nào nhanh tay bắt được còn của đối phương tung đến mới được ném. Người ném trúng thủng vòng giấy thì được thưởng, nếu ném thủng hồng tâm thì được giải thưởng to hơn. Ném trúng rồi, người ta hạ cột vá lại vòng giấy và cuộc vui tiếp tục.

Múa sư tử được đồng bào Tày - Nùng, nhất là thanh niên ưa thích vì nó phù hợp với tỉnh thần thượng võ vốn có của họ. Múa sư tử là dịp rèn luyện thân thể, giúp cho thanh niên có được một vài môn võ nghệ để tự vệ, chống giặc cướp, giặc ngoại xâm khi cần.

Múa sư tử thực chất là một điệu múa võ. Các miếng võ được biểu diễn rõ nhất trong màn múa sư tử đùa nghịch vờn nhau với đười ươi và hai khỉ. Đười ươi và khỉ tìm đủ mọi cách để trêu chọc sư tử. Con thú dữ lúc phát khùng lên nhe răng ra định ngoạm đầu đười ươi và khỉ, nhưng lũ này dùng đủ miếng võ để né tránh một cách tài tình. Trong hội lồng tồng, theo tục lệ, con sư tử nào đến trước giữ vai trò đàn anh, có quyền chủ trì các buổi biểu diễn; con đến sau phải đeo vào cằm con đến trước một miếng vải đỏ gọi là “quả hồng” để thừa nhận quyền đàn anh. Trường hợp tranh chấp người ta tổ chức một cuộc đấu miếng giữa hai con sư tử. Con nào quật ngã đối phương sẽ được nhận vai trò đàn anh; trường hợp này mỗi bên đều chọn một tay quyền thuật giỏi, một thầy dạy võ, để múa sư tử đọ tài với đối phương.

Nhân dịp hội lồng tồng, thanh niên gái trai tụ họp thành những đám hát lượng hát đối đáp những bài “lượn lồng tồng” để cầu mùa màng, chúc mừng dân làng được mọi sự may mắn tốt lành, ca ngợi cái đẹp của thiên nhiên, của mùa xuân, của tình yêu, của cuộc sống lao động.

Mở đầu cho buổi hát lượn là những lời đón chào xuân:

Mở bài khai khẩu ước chào xuân

Nghe tiếng nhà người đầy ái ân

Nghe tiếng nhà người đầy xuân sắc

Sĩ tử xin chào kết cổ nhân!

Để cầu mùa và chúc mừng nhau, gái trai hát:

Năm mới tới mùa màng sung túc

Không một người khổ cực gian nan

Trai gái được an nhàn thanh thoả

Chăm lo việc cấy lúa chăn tằm ...

Buổi hát lượn trong hội lồng tồng thường có hai phần. Phần “lượn tuồng” gồm những bài hát cổ điển mà gái trai phải học thuộc lòng để hát kể cho nhau nghe về những cảnh đẹp của quê hương mường bản, những câu chuyện mượn trong cổ tích, truyền thuyết, những cảnh sinh hoạt sản xuất trong bốn mùa, mười hai tháng,.. Những bài hát đó giúp họ khơi gợi và gửi gắm tình yêu. [...]

Sau phần “lượn tuồng” là phần “lượn sương”. “Lượn sương” thường sáng tác tại chỗ rồi theo cảm hứng để gái trai đặt vấn đề yêu đương và trực tiếp thổ lộ tình cảm với nhau:

*Thương hoa sói nhớ hoa nhài*

*Hoa sói người duyên lắm sắc tài*

*Ước sao ngắt vài bông về cắm vườn cảnh nhà ta*

*Để đi sớm về trưa ngắm bóng ai...*

Hột Mùa xuân là mùa của tuổi trẻ, của tình yêu, của ca hát. Gái trai trẩy hội lồng tồng, hát lượn lồng tồng nhiệt tình ca ngợi mùa xuân, thiết tha yêu mến mùa xuân, luyến tiếc xuân, sợ mùa xuân và tuổi trẻ qua nhanh. [...]

Ở nhiều địa phương cuộc hát lượn lồng tồng giữa gái trai có thể kéo dài đến bốn năm đêm liền mà vốn thơ ca và tình cảm vẫn chưa cạn. Lượn, tiếng nói của tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời xuân Việt Bắc.

*(Theo Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ, Mùa xuân và phong tục Việt Nam,*

*NXB Văn hoá, Hà Nội, 1976, tr. 167 - 173)*

**II. LUYỆN TẬP**

**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

**Câu 1: Hội lồng tồng thường được tổ chức ở những vùng miền nào?**

A. Vùng tây bắc **B. Vùng Việt Bắc**

C. Vùng Bắc Bộ D. Đồng bằng sông Hồng

**Câu 2: Hội lồng tồng thường diễn ra vào thời điểm nào?**

A. Từ mùng một đến mùng ba tết nguyên đán

B. Từ mùng mười đến rằm tháng giêng

**C. Từ sau tết nguyên đán đến thanh minh**

D. Từ 23 đến 30 tết

Câu 3: Lồng tồng tiếng tày nùng có nghĩa là gì?

**A. Xuống đồng** B. Lên thác

C. Xuống núi D. Lên núi

**Câu 4:** Trong những ngày hội lồng tồng cầu mùa, vui xuân dân làng mang cỗ đến cúng ai?

A. Thần núi **B. Thần nước**

C. Thần sông D. Thần mặt trời

**Câu 5: Trong những trò chơi dân gian làm cho hội lồng tồng nhộn nhịp đâu là trò chơi hấp dẫn nhất?**

A. Múa sư tử B. Tung còn

C. Lượn lồng tồng **D**. **Tất cả các dáp án trên**

**2. Ngữ liệu Đọc hiểu SGK**

**3. Ngữ liệu ngoài SGK**

**PHIẾU HOC TẬP SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  ***Đấu Vật Việt Nam chính là một nét đẹp trong văn hóa truyền thống, tất cả những ai muốn tham gia sẽ đều có đặc quyền là được thi đấu hết mình và được xem là những đô vật thực thụ. Hình thức thi đấu của môn này còn thể hiện được thực hiện theo “tín ngưỡng”, cầu nguyện cho mọi người sẽ đều gặp được những điều tốt đẹp đến với địa phương mình.*** *1. Đấu vật là gì?* *Khái niệm về môn thể thao đấu vật là môn đối kháng giữa hai người chơi. Nhiệm vụ của họ là cố gắng kiểm soát bằng cách nắm chặt, xoay và ép. Tùy theo quy định của từng luật từng địa phương mà người thắng sẽ thu được nhiều lợi ích. Bằng cách chống lại đối thủ hoặc là đối thủ thua hoặc là bị đẩy ra khỏi đấu trường. Những vận động viên khi tham gia môn thể thao này sẽ được gọi là đo vật. Đây là môn thể thao có lịch sử lâu đời và được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng với phong cách sống khác nhau.* *2. Lễ hội đấu vật ở Việt Nam* *Tại Việt Nam môn đấu vật là trò chơi dân gian truyền thống phổ biến ở hầu hết các tỉnh phía Bắc. Những làng nghề đấu vật nổi tiếng là : Vị Thanh (Vĩnh Yên), Gia Lâm (Gia Lâm), Mai Động (Hà Nội), Phong Châu, Thục Vu (Nam Định), Đoan Hùng (Vĩnh Phú),… Đây là những địa phương vẫn thường xuyên tổ chức lễ hội đấu vật nhằm tạo ra được sân chơi lành mạnh cho các đô vật. Cũng như là một hình thức tế lễ, cầu nguyện. Tùy từng địa phương khác nhau mà sẽ có hình thức thi đấu cũng như mục đích tổ chức khác nhau.*  *( Nguồn Internet)*  **Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên?  **Câu 2:** Xác định kiểu văn bản?  **Câu 3**: Đoạn trích trên cung cấp cho người đọc thông tin gì?  **Câu 4:** Câu sau “*Tại Việt Nam môn đấu vật là trò chơi dân gian truyền thống phổ biến ở hầu hết các tỉnh phía Bắc. Những làng nghề đấu vật nổi tiếng là : Vị Thanh (Vĩnh Yên), Gia Lâm (Gia Lâm), Mai Động (Hà Nội), Phong Châu, Thục Vu (Nam Định), Đoan Hùng (Vĩnh Phú),… Đây là những địa phương vẫn thường xuyên tổ chức lễ hội đấu vật nhằm tạo ra được sân chơi lành mạnh cho các đô vật.*” Sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Phương thức biểu đạt là thuyết minh

**Câu 2:** Văn bản thông tin

**Câu 3:** Văn bản trên cung cấp cho người đọc thông tin về môn đấu vật và lễ hội đấu vật ở Việt Nam.

**Câu 4:** Phép liệt kê “*Tại Việt Nam môn đấu vật là trò chơi dân gian truyền thống phổ biến ở hầu hết các tỉnh phía Bắc. Những làng nghề đấu vật nổi tiếng là : Vị Thanh (Vĩnh Yên), Gia Lâm (Gia Lâm), Mai Động (Hà Nội), Phong Châu, Thục Vu (Nam Định), Đoan Hùng (Vĩnh Phú),… Đây là những địa phương vẫn thường xuyên tổ chức lễ hội đấu vật nhằm tạo ra được sân chơi lành mạnh cho các đô vật.*”

**PHIẾU HOC TẬP SỐ 2**

|  |
| --- |
| **LÒ CÒ Ô**  ***Diagram  Description automatically generated***  ***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***  *- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*  *- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*  ***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***  *- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*  *- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*  ***c. Hướng dẫn cách chơi:***  *- Chuẩn bị chơi:*  *+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*  *+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*  *+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*  *+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*  *- Bắt đầu chơi:*  *Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*  *Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*  *Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*  *+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*  *Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*  *+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*  *+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*  *Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*  *Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*  *+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*  *+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*  ***A picture containing text, clipart  Description automatically generated***  ***d. Luật chơi:***  *- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*  *- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*  *- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*  *(In trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng, 2014)*  **Câu 1.** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào?  **Câu 2.** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?  **Câu 3.** Từ **“các”** trong câu văn “Dùng phấn vẽ **các** hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.” Thuộc nhóm phó từ nào?  **Câu 4.** Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao? |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Văn bản thông tin

**Câu 2:** Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi

**Câu 3:** Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ.

**Câu 4:** HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp.

**4. Dạng viết ngắn**

Văn bản mang lại cho em những hiểu biết gì về hội vật? Hãy nêu một hoạt động hội thi truyền thống ở quê hương em hoặc các vùng miền khác.  
**Gợi ý trả lời**Văn bản mang lại cho em những hiểu biết về cách thức chuẩn bị, những quy định, luật lện trong một kéo vật thờ, giúp em hiểu thêm về trò chơi đấu vật.

Quê hương em cũng có lễ hội đấu vật được gọi là hội chùa Keo. Đây là một hoạt động văn hóa được tổ chức vào tháng 9 âm lịch hang năm. Tại xã Duy Nhất Vũ Thư Thái Bình. Lễ hội được mở hằng năm để nhân dân trong vùng dâng hương, ngưỡng vọng; thành kính tri ân Đức Phật, Đức Thánh; tưởng nhớ công đức của Quốc sư Dương Không Lộ; các bậc tiền nhân có công hộ quốc; an dân và những người có công dựng chùa. Là dịp để quê lúa Thái Bình được đón du khách gần xa về hành lễ; thưởng ngoạn các giá trị văn hóa nghệ thuật đặc sắc của di tích chùa Keo.

**PHIẾU HOC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  ***Ca trù được định hình với tư cách là một thể loại ca nhạc có đặc trưng, phong cách riêng vào khoảng thế kỷ 15. Tuỳ từng địa phương, từng không gian diễn xướng mà hát Ca trù còn được gọi là hát ả đào, hát cửa đình, hát cửa quyền, hát cô đầu, hát nhà tơ, hát nhà trò hay hát ca công.*** *1. Lịch sử* *Ca trù được bắt nguồn từ dân ca, dân nhạc cùng với một số trò diễn và múa dân gian. Chính vì vậy, Ca trù là một****bộ môn nghệ thuật tổng hợp****với nét độc đáo là sự phối hợp đa dạng, tinh tế, nhuần nhuyễn giữa thi ca và âm nhạc, đôi khi có cả múa.*  *Xuất hiện sơ khai vào đầu thế kỷ 11, bắt đầu thịnh hành trong nước từ thế kỷ 15 nhưng đến nửa cuối thế kỷ 20, Ca trù mới được thế giới biết đến lần đầu tiên qua tiếng hát của****nghệ nhân Quách Thị Hồ****(1909 – 2001). Dần dần sau đó, Ca trù còn được nhiều nhạc sĩ, nhạc học gia nước ngoài theo học, tìm hiểu, nghiên cứu và giới thiệu tại nhiều trường đại học nổi tiếng trên thế giới. Trải qua quá trình phát triển thăng trầm cùng với những biến cố của lịch sử, cho tới nay, Ca trù đã đạt đến trình độ thẩm mỹ cao, khẳng định được vị trí quan trọng không chỉ của Việt Nam mà còn của cả nhân loại.*  *Ca trù hiện có ở 14 tỉnh, thành trong cả nước: miền Bắc (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc); miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình); miền Nam (Thành phố Hồ Chí Minh).*  *Bên cạnh đó, nhiều nơi trước đây có giáo phường Ca trù ở châu thổ Bắc Bộ hiện vẫn có đền thờ tổ Ca trù như làng Lỗ Khê (xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội) có đình ca công; làng Cổ Đạm (huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) có đền Tổ Cô đầu hay đền Bạch Hoa công chúa; làng Phượng Cách (xã Phượng Cách, huyện Quốc Oai, Hà Nội) cũng có di tích đền thờ tổ Ca trù.*  *làng Cổ Đạm (huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) có đền Tổ Cô đầu hay đền Bạch Hoa công chúa; làng Phượng Cách (xã Phượng Cách, huyện Quốc Oai, Hà Nội) cũng có di tích đền thờ tổ Ca trù.*  *( Nguồn inter net)*  **Câu 1**: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích trên?  **Câu 2:** Xác định kiểu văn bản?  **Câu 3**: Đoạn trích trên cung cấp cho người đọc thông tin gì?  **Câu 4:** Xác định biên pháp nghệ thuật trong câu sau: |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** Xác địnhPhương thức biểu đạt thuyết minh

**Câu 2:** Văn bản thông tin

**Câu 3:** Văn bản trên cung cấp cho người đọc thông tin về ca trù lịch sử hình thành và phát triển.

**Câu 4:** Xác định kiểu câu trong câu sau:*Ca trù hiện có ở 14 tỉnh, thành trong cả nước: miền Bắc (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc); miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình); miền Nam (Thành phố Hồ Chí Minh).*

*Bên cạnh đó, nhiều nơi trước đây có giáo phường Ca trù ở châu thổ Bắc Bộ hiện vẫn có đền thờ tổ Ca trù như làng Lỗ Khê (xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội) có đình ca công;*

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

|  |
| --- |
| **LỄ HỘI ĐỀN HÙNG**  **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**  *Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch, việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3).*  *Đền Hùng nằm ở trên núi Nghĩa Linh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là nơi hằng năm thường xuyên diễn ra lễ hội mang tính chất quốc gia để suy tôn các vua Hùng là người đã có công dựng nước.*  *Lễ hội diễn ra từ ngày 01 đến hết ngày 10 tháng 3 âm lịch. Việc tế lễ được tổ chức rất trọng thể vào ngày chính hội (10/3), bắt đầu bằng lễ dâng hương có đại diện của nhà nước, tại đền Thượng là nơi xưa kia vua Hùng tế trời đất. Đồ tế lễ ngoài mâm ngũ quả còn có bánh chưng, bánh giày để nhắc lại sự tích Lang Liêu, cũng là nhắc nhở công đức các vua Hùng đã dạy dân trồng lúa.*  *Phần rước, có nhiều cuộc rước thần, rước voi, rước kiệu, … của các làng Tiên Cương, Hy Cương, Phượng Giao, Cổ Tích, ….*  *Sau tế lễ còn có múa hát xoan (ở đền Thượng), hát ca trù (ở đền Hạ) và nhiều trò chơi khác.*  *Hội đền Hùng không chỉ thu hút khách thập phương đến dự lễ bởi những nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc mà còn ở tính thiêng liêng của một cuộc hành hương trở về cội nguồn dân tộc của các thế hệ người Việt Nam. Ðến hội, mỗi người đều biểu hiện một tình thương yêu, lòng ngưỡng mộ về quê cha đất tổ. Ðây là một tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu.*  *(*[*Lễ hội đền Hùng Cổng Thông Tin Điện Tử Phú Thọ phutho.gov.vn)*](https://phutho.gov.vn/vi/le-hoi-den-hung)  **Câu 1**: Đền Hùng nằm ở tỉnh nào nước ta? Loại bánh mang biểu tượng của ngày giỗ tổ là ?  **Câu 2**: Câu văn: “Ðây là **một** tín ngưỡng đã ăn sâu vào tâm thức mỗi con người Việt Nam, cho dù họ ở bất cứ nơi đâu”. Từ in đậm trong câu trên sử dụng từ loại nào?  **Câu 3**: Theo em, lễ hội đền Hùng có ý nghĩa gì trong cuộc sống của người Việt Nam ta?  **Câu 4:** Hiện nay những lễ hội mang ý nghĩa tốt đẹp ấy đang dần bị mai một, theo em là một học sinh em cần làm gì để giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó. |

**Gợi ý trả lời**

**Câu 1:** - Đền Hùng nằm ở tỉnh Phú Thọ

**-** Loại bánh mang biểu tượng của ngày giỗ tổ là: Bánh chưng, bánh giầy

**Câu 2: Một:** Số từ biểu thị số lượng chính xác

**Câu 3:** Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng còn là dịp để giáo dục truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, lòng biết ơn sâu sắc các Vua Hùng đã có công dựng nước và các bậc tiền nhân kiên cường chống giặc ngoại xâm giữ nước, đồng thời còn là dịp quan trọng để chúng ta quảng bá ra thế giới về một Di sản vô cùng giá trị, độc đáo, đã tồn tại hàng nghìn năm, ăn sâu vào tâm hồn, tình cảm, trở thành đạo lý truyền thống của đồng bào cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài, là ngày để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cùng nguyện một lòng mãi mãi khắc ghi lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước - Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

**Câu 4:** HS nêu được những việc cần làm để giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

**4. Dạng viết ngắn**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Từ địa phương**

**a.** Từ địa phương là những từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.

Ví dụ: Từ **“mẹ”** là từ toàn dân, nhưng người ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh thì gọi là **“mệ”**, người ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị thì gọi là **“mạ”,** người ở các tỉnh Nam Bộ thì gọi là **“má”,** người ở các tỉnh Trung du Bắc Bộ thì gọi là **“bầm”,** người ở một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ thì gọi là **“u”.**

=> Như vậy các từ: **mệ, mạ, má, u, bầm** là những từ địa phương.

**b.** Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân có thể có những quan hệ như sau:

\* *Từ ngữ địa phương không có từ ngữ toàn dân tương đương*

Ví dụ: chôm chôm, măng cụt…

Đó là những từ ngữ biểu thị các sự vật, hiện tượng chỉ có ở địa phương đó. Các từ ngữ này dễ dàng trở thành các từ ngữ toàn dân có sự giao lưu rộng rãi giữa các vùng miền.

\* *Từ ngữ địa phương có từ ngữ toàn dân tương đương*. Ở đây xảy ra hai trường hợp:

- Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương đương nhau hoàn toàn: mè – vừng, trốc – đầu…

- Từ ngữ địa phương và từ ngữ toàn dân tương đương nhau không hoàn toàn:

+ hòm (từ ngữ địa phương Nghệ-Tĩnh) có các nghĩa khác nhau, ở nghĩa trong “hòm đạn, “hòm phiếu”, nó tương đương với từ “hòm” toàn dân; còn ở nghĩa hòm là “quan tài”, nó không tương đương với từ “hòm” toàn dân.

🡪 Cần lưu ý cả trường hợp có những từ ngữ địa phương đồng âm với từ ngữ toàn dân nhưng nghĩa khác nhau: “mận” (từ địa phương Nam Bộ) chỉ cây doi, quả doi…

**II. Thực hành tiếng Việt**

**Bài 1**

Trong câu văn sau, những từ ngữ nào có thể được xem là từ ngữ địa phương? Vì sao?

   Tất cả được đựng trong những thẫu, những vịm bày trên một cái trẹc, o bán cơm hến lấy ra bằng những chiếc gáo mù u nhỏ xíu, bàn tay thoăn thoắt mỗi thứ một ít...

**Gợi ý trả lời**

- Những từ ngữ được xem là từ ngữ địa phương trong câu văn gồm: thẫu, vịm, trẹc, o.

- Nó được coi là từ ngữ địa phương vì nó khác với từ ngữ toàn dân, chỉ được dùng ở một số vùng miền nhất định.

**Bài 2**

Liệt kê một số từ ngữ địa phương được dùng trong văn bản Chuyện cơm hến. Những từ ngữ đó có nghĩa tương đương với những từ ngữ nào được dùng ở địa phương em hoặc trong từ ngữ toàn dân?

**Gợi ý trả lời**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ địa phương trong Chuyện cơm hến** | **Từ toàn dân tương ứng** |
| - lạt  - duống  - xắt  - trụng  - thẫu  - vịn  - trẹc  - o | - nhạt  - xuống  - thái  - nhúng  - thẩu  - liễn  - mẹt  - cô |

**Bài 3**: Tìm các từ địa phương trong các câu sau và diễn đạt lại bằng từ ngữ toàn dân:

1. Nó giả vờ nghểnh cổ như phân bua: Ủa! Chớ con giun đâu mất rồi hè?

(Võ Quảng)

2. Một em bé gái bận bộ quần áo bằng xa-tanh màu đỏ, tóc tết quả đào, chân mang đôi hài vải đen bước ra, cúi chào khán giả.

(Đoàn Giỏi)

3. Sáng giăng chia nửa vườn chè

Một gian nhà nhỏ đi về có nhau

Vì tằm tôi phải chạy dâu

Vì chồng tôi phải qua cầu đắng cay.

(Nguyễn Bính, Thời trước)

4. Gió theo lối gió mây đường mây

Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay?

(Hàn Mặc Tử)

5. Mạ non bầm cấy mấy đon  
Ruột gan bầm lại thương con mấy lần.  
 Mưa phùn ướt áo tứ thân  
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu!  
 Bầm ơi, sớm sớm chiều chiều  
Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm nghe!

(Tố Hữu)

6. Chuối đầu vườn đã lổ

Cam đầu ngõ đã vàng

Em nhớ ruộng nhớ vườn

Không nhớ anh răng được

(Trần Hữu Chung)

7. Trên mấy nhà sàn buồn tênh, ba bốn bà ké nhìn ra, nhớ những ngày vui của các đồng chí đóng tại nhà mình.

(Nguyễn Huy Tưởng)

8. Ngọt thơm sau lớp vỏ gai  
Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng  
 Mời cô, mời bác ăn cùng  
Sầu riêng mà hoá vui chung trăm nhà

(Phạm Hổ)

9. Gan chi gan rứa, mẹ nờ?

  Mẹ rằng: Cứu nước, mình chờ chi ai?

       Chẳng bằng con gái, con trai

  Sáu mươi còn một chút tài đò đưa

        Tàu bay hắn bắn sớm trưa

   Thì tui cứ việc nắng mưa đưa đò...

(Tố Hữu)

10. Con bé thấy lạ quá, nó chợp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên; “Má! Má”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy.

(Nguyễn Quang Sáng)

11. Mẹ nó đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trổng:

- Vô ăn cơm!

(Nguyễn Quang Sáng)

12. Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra […]

(Nguyễn Quang Sáng)

13. Xuống bến, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông.

(Nguyễn Quang Sáng)

14. Còn anh, anh không kìm được xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết thẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ.

(Nguyễn Quang Sáng)

15. Nhà chúng tôi ở cạnh nhau, gần vàm kinh nhỏ đổ ra sông Cửu Long.

(Nguyễn Quang Sáng)

16. Từ Bắc vô Nam nối liền nắm tay. Ta đi từ đồng hoang vu vượt hết núi đồi

(Trịnh Công Sơn)

17. Yêu hoa sầu đâu không để vào đâu cho hết, nhớ hoa sầu đâu ở quê hương ta không biết mấy mươi.

(Đoàn Giỏi)

18. Gà bà Kiến là gà trống tơ, lông đen, chân chì, có bộ giò cao, cổ ngắn

(Võ Quảng)

19. Con lớn tính điềm đạm, mới mười hai tuổi mà nói năng như người lớn, nó ăn uống từ tốn, biết nhường phần ngon cho em. Thằng thứ ba, mười tuổi, thắng liếng khỉ nhất nhà, thích làm giàng thun bắt chim, nó chan húp lia lịa.

(Nguyễn Sáng)

20. Đứa con gái thứ tư, tám tuổi, người mảnh khảnh, mắt sáng, môi mỏng, miệng nói tía lia, nó gắp từng miếng cá nhỏ, ăn nhỏ nhẻ như mèo.

(Nguyễn Sáng)

**Gợi ý trả lời**

**Bài 3**:

1. ủ, hè 🡪 Ôi, vậy

2. - bận: mặc

- mang: đi

3. - Giăng: trăng

4. - bắp: ngô

5.- đon: bó

- bầm: mẹ

6. lổ: trổ (Đây là những từ thuộc phương ngữ Trung Bộ. Khi sử dụng, nó đã làm tăng tính địa phương của tác phẩm)

răng: sao

7. - bà ké: bà mẹ ("Bà ké" gợi cho ta hình ảnh bà mẹ người dân tộc thiểu số Việt Bắc. Trong kháng chiến, những người mẹ đó không quản ngại hy sinh, gian khổ giúp bộ đội trên đường hành quân đi chiến dịch)

8. - Sầu riêng: không có từ toàn dân thay thế

9. - chi: sao

- rứa: thế

- nờ: ơi

- hắn: nó

- tui: tôi

10.

- má: mẹ

11. - Nói trổng: nói trống không

- Vô: vào

12. - Ba: bố

13. - Lòi tói: dây thừng

14. - Vết thẹo: vết sẹo

15. - Vàm kinh: cửa kênh

16. - Vô: vào

17. - sầu đâu: hoa xoan

18- giò: chân

19. - liếng khỉ: nghịch ngợm

- giàng thun: sung cao su

20. - tía lia: liến láu

**Bài 4.** Tìm các từ địa phương mà em biết tương ứng với từ toàn dân: *tao, mày, nó*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 4.**

- tao: tui, tau, ta…

- mày: mi, o…

- nó: hắn…

**Bài 5**. Những từ ngữ sau đây là từ ngữ địa phương, em hãy tìm những từ ngữ tương đương trong vốn từ toàn dân:

a. Từ địa phương Bắc Bộ: *giăng, thấm chớp, thâu róm.*

b. Từ địa phương Trung Bộ: *nác, tru, nỏ, thẹn.*

c. Từ địa phương Nam Bộ: *anh hai, bàn ủi, cây viết, chả lụa, đậu phộng, hột gà.*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 5.** Từ toàn dân tương ứng với:

a. Từ địa phương Bắc Bộ: giăng - trăng; thấm chớp - sấm chớp, thâu róm - sâu róm.

b. Từ địa phương Trung Bộ: nác - nước, tru - trâu, nỏ - không, thẹn - xấu hổ…

c. Từ địa phương Nam Bộ: anh hai - anh cả; bàn ủi - bàn là; cây viết - cây bút; đậu phộng – lạc; hột gà - trứng gà….

**Bài 6.** Trong các từ đồng nghĩa: ***cọp, khái, hổ*** từ nào là từ địa phương từ nào là từ toàn dân? Vì sao?

**Gợi ý trả lời**

**Bài 6.**

+ Giới chọi gà: chầu (hiệp), chêm (đâm cựa), chiến (đá khoẻ), dốt (nhát) …

+ Của học sinh: ngỗng (điểm hai), quay (nhìn, sao chép tài liệu), học gạo (học nhiều, không còn chú ý đến việc khác)…

Đặt câu:

[Ví dụ:](http://thcs.daytot.vn/thuat-ngu/Lop-7/Nha-tho-Do-Phu-143.html) Con lông trì và con lông cảo bắt đầu vào chầu hai.

**Bài 7.** Đọc bài thơ sau đây của nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi tặng vợ và cho biết bài thơ này gợi cho em những cảm nghĩ gì xung quanh vấn đề từ ngữ địa phương và việc sử dụng từ ngữ địa phương.

*Cái gầu thì bảo cái****đài***

*Ra sân thì bảo ra ngoài cái****cươi***

***Chộ****tức là thấy em ơi*

***Trụng****là nhúng đấy đừng cười nghe em.*

*Thích****chi****thì bảo là sèm*

*Nghe ai bảo****đọi****thì đem bát vào*

*Cá quả lại gọi cá****tràu***

***Vo trốc****là bảo gội đầu đấy em…*

*Nghe em giọng Bắc êm êm*

*Bà con hàng xóm đến xem chật nhà*

***Răng****chưa sang****nhởi****nhà****choa***

*Bà****o****đã nhốt con****ga****trong****truồng***

*Em cười bối rối mà thương*

*Thương em một lại trăm đường thương quê*

*Gió lào thổi rạc bờ tre*

*Chỉ nghe giọng nói đã nghe nhọc nhằn*

*Chắt từ đá sỏi đất cằn*

*Nên yêu thương mới sâu đằm đó em.*

*(Báo Văn nghệ, số 28/ 2006)*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 7.** *Gợi ý:* “Khái" là từ địa phương miền Trung Trung Bộ, cọp là từ toàn dân, hổ là từ toàn dân.

**Bài 8.** Đọc đoạn trích sau *(trong bài thơ Mẹ Suốt của Tố Hữu)* và chỉ ra những từ ngữ địa phương có trong đoạn trích. Những từ ngữ đó thuộc phương ngữ nào? Việc sử dụng những từ ngữ địa phương trong đoạn thơ có tác dụng gì?

*Gan chi gan rứa, mẹ nờ?*

*Mẹ rằng: Cứu nước, mình chờ chi ai?*

*Chẳng bằng con gái, con trai*

*Sáu mươi còn một chút tài đò đưa*

*Tàu bay hắn bắn sớm trưa*

*Thì tui cứ việc nắng mưa đưa đò…*

*Ghé tai mẹ, hỏi tò mò:*

*Cớ răng ông cũng ưng cho mẹ chèo?*

*Mẹ cười: Nói cứng, phải xiêu*

*Ra khơi ông còn dám, tui chẳng liều bằng ông!*

*Nghe ra ông cũng vui lòng*

*Tui đi, còn chạy ra sông dặn dò:*

*“Coi chừng sóng lớn, gió to*

*Màn xanh đây mụ, đắp cho kín mình!”*

**Gợi ý trả lời**

**Bài 8.**

- Trong đoạn trích bài thơ Mẹ Suốt của Tố Hữu có các từ địa phương là: *chi, rứa, nờ, tui, cớ, răng, ưng, mụ.*

 - Đó là các từ thuộc phương ngữ Trung, phổ biến ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế (vùng Bắc Trung Bộ)

- Tác dụng của việc sử dụng các từ địa phương này trong đoạn thơ: góp phần thể hiện chân thực hơn hình ảnh một vùng quê và tình cảm, suy nghĩ, tính cách của người mẹ trên vùng quê ấy; làm tăng sự sống động, gợi cảm cho tác phẩm.

**Bài 9.** Tìm một số biệt ngữ xã hội mà em biết, giải thích nghĩa của những từ đó và đặt câu.

**NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI**

## ****1. Trước khi nói****

**a. Chuẩn bị nội dung nói**

- Một số vấn đề có thể chuẩn bị để trình bày ý kiến của mình:

+ Thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại

+ Việc sử dụng các sản phẩm thủ công truyền thống trong đời sống sinh hoạt hằng ngày

+ Giới trẻ và việc thưởng thức các loại hình nghệ thuật truyền thống

+ Sức hấp dẫn của các di tích lịch sử-văn hóa truyền thống đối với du khách

+ Giá trị của làng nghề truyền thống đối với phát triển kinh tế và văn hóa

+ Sức cuốn hút của đặc sản địa phương

+ Vai trò kết nối tình thân của những món ăn truyền thống địa phương.

- Hình dung trước những ý kiến phản bác có thể có để xây dựng bài nói có chiều sâu, bao quát được nhiều tình huống thực tế

- Chú ý tính cụ thể, thiết thực, khả thi của những kế hoạch, hoạt động mà mình đề xuất

- Lập đề cương cho bài nói:

+ Vấn đề em trình bày là gì?

+ Lí do em trình bày vấn đề này là gì?

+ Nêu những thông tin đáng quan tâm về vấn đề đó

+ Chia sẻ những hình ảnh minh họa

+ Nêu ý kiến của em về vấn đề được bàn tới

+ Nêu mong muốn của em và những giải pháp em đề xuất

+ Trao đổi của em về các ý kiến thể hiện cách tiếp cận khác về vấn đề

**b. Tập luyện**

- Khi tập luyện một mình, em có thể nhìn vào bản đề cương để nói. Chú ý kiểm soát thời gian trình bày

- Khi tập luyện theo nhóm, cần luân phiên vào vai người nói hoặc người nghe, góp ý cho nhau về nội dung bài nói

## ****2. Trình bày bài nói****

**a. Mở đầu**

- Nêu vấn đề mà em muốn trình bày; nói khái quát lí do vì sao em chọn vấn đề đó

- Có thể bắt đầu bằng một câu hỏi hoặc một hình ảnh, câu chuyện, tình huống… để tạo không khí sinh động, hào hứng

**b. Triển khai**

- Lần lượt trình bày các ý được chuẩn bị sẵn trong đề cương bài nói

- Tránh quá tập trung vào một ý nào đó làm bố cục của bài nói bị mất cân đối, gây khó khăn cho việc đảm bảo thời gian nói theo quy định

- Sử dụng ngôn ngữ tự nhiên

- Quan sát những phản ứng của người nghe

- Sử dụng cử chỉ, điệu bộ và biểu lộ cảm xúc phù hợp với nội dung trình bày

- Các thao tác sử dụng bản trình chiếu (nếu có) phải được thực hiện gọn gàng, dứt khoát

**c. Kết luận**

- Tóm lược nội dung đã trình bày

- Hướng người nghe vào các hoạt động cụ thể, thiết thực nhằm bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống

## 3. Sau khi nói

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nói** | **Người nghe** |
| - Huy động trải nghiệm của bản thân để hiểu thấu đáo vấn đề được người nói đề cập.  - Tập trung nhận xét, trao đổi về những ý chính của bài nói.  - Nêu những ưu điểm nổi bật về nội dung và cách trình bày bài nói.  - Nêu những điều em thấy chưa hợp lí trong nội dung và cách trình bày bài nói (chú ý nêu bằng chứng).  - Bổ sung những nội dung cần thiết mà em cho là bài nói còn thiếu. | - Lắng nghe, tiếp thu mọi trao đổi với thái độ bình tĩnh và tinh thần cầu thị.  - Giải thích ngắn gọn về một số vấn đề mà người nghe có thể hiểu nhầm.  - Trao đổi về những đánh giá mà em cho là chưa thỏa đáng, qua đó, củng cố thêm nội dung trình bày của mình (chú ý thể hiện thái độ nhã nhặn trong trao đổi).  - Tự rút ra những kinh nghiệm bổ ích trong việc chuẩn bị nội dung và trình bày bài nói. |

**Đề bài: Nhiều người cho rằng nên giữ gìn và phát huy các làng nghề truyền thống trong xã hội hiện đại. Ý kiến của em về vấn đề trên như thế nào?**

**1. Chuẩn bị nội dung nói**

- Mục đích: nói về một nét văn hóa truyền thống trong hiện tại, nói với người nghe.

- Người nghe: thầy (cô), bạn bè…

- Không gian: lớp học

- Thời gian: trình bày ý kiến trong khoảng 05 phút

- Lập dàn ý:

**a. Mở bài**:

+ Lời chào hỏi mở đầu.

+ Nêu vấn đề cần bàn luận.

**b.** **Thân bài**: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Kết hợp với đạo cụ, ngôn ngữ cơ thể khi trình bày bài nói.

Các lí lẽ, bằng chứng:

+ Mỗi vùng miền đều có những làng nghề truyền thống, khiến vùng miền đó không bị trộn lẫn với vùng miền khác (vùng đất Bắc Giang: làng Đa Mai làm bún bánh, làng Kế làm bánh đa, …)

+ Nêu các lí lẽ và bằng chứng về lợi ích của làng nghề truyền thống:

- Giữ gìn bản sắc

- Giải quyết việc làm cho lao động địa phương

- Giúp người dân làm giàu

- Tạo đòn bẩy phát triển địa phương …

+ Đề xuất:

- Nên kết hợp phát triển làng nghề truyền thống với du lịch

- Nâng cao trình độ tay nghề cho các thợ trẻ

- Xử lý môi trường làng nghề để đảm bảo phát triển bền vững

c. **Kết bài:**

- Khẳng định lại ý kiến của em

- Lời kết

**2. Luyện tập nói**

- HS nói một mình trước gương.

- HS nói tập nói trước nhóm/tổ.

- Yêu cầu nói:

+ Nói đúng mục đích (Trình bày một nét văn hóa truyền thống trong hiện tại).

+ Bày tỏ rõ ý kiến, thái độ của mình về vấn đề được nói, có lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu, có giải pháp đề xuất

+ Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.

+ Nói to, rõ ràng, truyền cảm.

+ Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.

## 4. Tham khảo dàn ý một số bài nó

**a. Thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại**

**1. Mở đầu:**

+ HS giới thiệu một số hình ảnh về thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại.

+ Đưa ra vấn đề mình cần trình bày: Thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại.

**2. Thân bài:**

**+ Lý do trình bày vấn đề**: Chơi tranh là một trong những thú chơi lịch lãm và tao nhã của rất nhiều người không kể giàu nghèo. Trong đời sống của người Việt trước khi du nhập nền văn minh phương Tây thì tranh dân gian chiếm vị thế chủ đạo. Trong đời sống hiện đại, truyền thống này có sự thay đổi. Những thú vui cũ, những trò chơi dân gian xưa đã dần được thay thế bằng các sản phẩm văn hóa tân thời.

**+ Những thông tin đáng quan tâm**:

**Thú chơi tranh dân gian xưa**: Dịp Tết, mỗi gia đình Việt trước kia đều dán vài tờ tranh Tết cho không khí Tết ùa vào trong nhà từ sau ngày ông công ông táo. Bên cạnh thú chơi tranh Tết, câu đối Tết cũng là một thú chơi tao nhã của người Việt, đặc biệt là các nhà nho và những người thích chữ nghĩa.

**Bước vào thời kỳ đổi mới**: đời sống vật chất thay đổi từng ngày, no ấm hơn, giàu có hơn. Mỗi người cũng được tiếp cận nhiều hơn với những thành tựu của khoa học và công nghệ, được giao lưu nhiều hơn với những luồng văn hóa bên ngoài lũy tre làng. Xã hội hiện đại cũng đã đưa đến những thay đổi lớn trong đời sống tinh thần, đặc biệt là các hình thức giải trí. Những thú vui cũ, những trò chơi dân gian xưa đã dần được thay thế bằng các sản phẩm văn hóa tân thời. Hát karaoke trở nên phổ biến, các game show trên truyền hình hay game online đã thay cho các trò chơi dân gian của con trẻ như thả diều, nhảy ngựa, ô ăn quan, bịt mắt bắt dê… Và tranh dân gian xưa dường như cũng đã đi vào quên lãng. Thay vào đó là tranh hiện đại hoặc tranh khảm, tranh sứ, tranh kính, tranh đá… với những chất liệu đắt tiền hơn, cầu kỳ hơn.

**+ Ý kiến của em**:

Theo GS. Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, “Treo tranh dân gian trong ngày Tết đã từng là thú vui tao nhã, phong tục đẹp của người Việt Nam, trước đây hầu như không có nhà nào không treo tranh dân gian trong dịp Tết. Tuy nhiên, hiện nay để có thể mua được tranh Đông Hồ bày bán trên các con phố Hà Nội trở nên rất khó khăn, hoặc nếu có thì kỹ thuật và thẩm mỹ cũng rất kém do bị thương mại hóa”.

Chứng kiến thực tế trong cuộc sống mang hơi thở hiện đại, truyền thống chơi tranh dân gian không hề mai một đi mà nó được chuyển thể sang cảm hứng mới. Sự kết hợp giữa tranh dân gian hay các họa tiết mỹ thuật, trong đó được làm mới qua những sản phẩm thiết thực trong đời sống hiện đại, là kết quả sáng tạo của lực lượng người trẻ năng động, sáng tạo với tinh thần tự hào dân tộc.

Tục chơi tranh có thể giảm nhưng nguồn cảm hứng từ tranh dân gian nói riêng, tư liệu dân gian nói chung thì không bao giờ biến mất. Nó chỉ chuyển hóa từ dạng tranh treo tường sang những sản phẩm với tính ứng dụng cao như áo phông, túi xách, tranh lụa, bức bình phong…

**+ Những mong muốn và giải pháp**:

Bằng sự sáng tạo, lòng tự hào với truyền thống, thế hệ trẻ chúng ta hãy không ngừng nhìn ra sự dồi dào của vốn văn hóa dân tộc, đặc biệt là ở các sản phẩm tranh vẽ dân gian. Hãy phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc bằng một hình thức mới mẻ, phù hợp với cuộc sống hiện đại nhưng cũng không làm mất đi giá trị văn hóa của dân tộc.

**3. Kết bài**:

Khẳng định lại vấn đề và nêu cảm xúc của em. Đưa ra định hướng hoạt động nhằm bảo tồn giá trị văn hóa (tranh dân gian).

**b. Giới trẻ và việc thưởng thức các loại hình nghệ thuật truyền thống**

HS tham khảo các ý chính:

- Như mạch ngầm cuồn cuộn chảy, các loại hình nghệ thuật truyền thống đã len lỏi vào tâm hồn của những người trẻ đam mê và lan tỏa những giá trị tuyệt đẹp. Những người trẻ cùng đam mê giá trị văn hóa của ông cha, bằng những cách tiếp cận riêng họ đã kế thừa và phát triển một cách xuất sắc những tinh hoa nghệ thuật truyền thống.

- HS đưa ra những minh chứng, hình ảnh minh họa về các ca sĩ trẻ với niềm đam mê nhạc cụ dân tộc, các loại hình nghệ thuật truyền thống (múa rối, cải lương,…)

- Giới trẻ và việc thưởng thức các loại hình nghệ thuật truyền thống: Trong đời sống hiện đại, nghệ thuật truyền thống vất vả, chật vật tìm chỗ đứng. Ít đất dụng võ nên có nhiều người yêu nghề cũng khó có thể bám trụ, đặc biệt là những người trẻ. Thế nhưng, đâu đó vẫn có những bạn trẻ đang từng ngày miệt mài giới thiệu nghệ thuật truyền thống đến công chúng. Bằng cách này hay cách khác, họ đã cho thấy nghệ thuật truyền thống vẫn tồn tại trong đời sống văn hóa. Các bộ môn nghệ thuật truyền thống như tuồng, chèo, cải lương, ca trù…dường như được giới trẻ quan tâm nhiều hơn. Họ kết hợp các ca khúc mang âm hưởng hiện đại với những giai điệu của các loại hình nghệ thuật truyền thống vào sáng tác. Những năm qua, trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã tổ chức nhiều chương trình, nhằm quảng bá các chương trình âm nhạc, tác phẩm âm nhạc truyền thống đến với đối tượng thanh niên, sinh viên. Mới đây nhất là chương trình “Tôi yêu nghệ thuật truyền thống”, khơi dậy trong mỗi sinh viên niềm say mê, yêu thích đối với nghệ thuật truyền thống. Nhiều tiết mục được các sinh viên luyện tập, dàn dựng công phu. Không ít bạn trẻ được hỏi, trả lời vẫn quan tâm đến âm nhạc truyền thống, nhưng không có môi trường, thiếu cơ hội tiếp cận.

– Giới trẻ với những sáng tạo, “làm mới” các loại hình nghệ thuật truyền thống để phù hợp với hơi thở cuộc sống hiện đại: thời gian qua, một website trên nền tảng Urbanist được thành lập không lâu nhưng đã thu hút hơn 80.000 lượt xem. Trong đó, fanpage dự án “Trường ca kịch viện” dù chỉ mới hơn 4.000 người theo dõi nhưng có hàng trăm lượt tương tác. Dù những con số này chưa là gì so với dự tính của dự án về giải trí khai thác nền tảng số nhưng với “Trường ca kịch viện”, những người thế hệ 9X đã từng bước tạo được hiệu ứng tích cực, góp phần gìn giữ và lan tỏa mô hình cùng lưu truyền nét đẹp của nghệ thuật truyền thống. Với mục đích thành lập một chuyên trang đời sống online, khai thác các đề tài ẩm thực, xã hội, thời trang, lịch sử, văn hóa – nghệ thuật Việt Nam, “Trường ca kịch viện” đã chào đón nhiều bạn trẻ cùng tham gia. Tài liệu của Nhung tây

- Để người trẻ đến với nghệ thuật truyền thống: Văn học nghệ thuật là một bộ phận của văn hóa. Phát triển văn hóa nghệ thuật đồng nghĩa với phát triển văn hóa. Bởi vậy cùng với nhiều giải pháp, thì phải gieo được tình yêu nghề cho người trẻ, để họ hiểu và yêu nghệ thuật truyền thống.

- Khi người trẻ được truyền dạy, được thắp lửa đam mê, họ sẽ có tình yêu và giữ nghề. Chúng ta phải đặt câu hỏi, tại sao khán giả trẻ hiện nay tôn sùng âm nhạc đường phố, nhạc Hàn, nhạc điện tử có tính chất thương mại. Còn các loại hình âm nhạc đặc sắc như cồng chiêng Tây Nguyên, quan họ, nhã nhạc cung đình Huế, ca trù, hát xoan… đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, nhưng hiện vẫn sống lay lắt vì ít người xem, hoặc muốn có người xem thì phải “sân khấu hóa”? Khi các cơ quan chức năng cùng chúng tôi hiểu được tại sao, thì sẽ có phương án lâu dài, bền bỉ để thực hiện các chiến lược khuyến khích người trẻ đến với nghệ thuật truyền thống. Tài liệu của Nhung tây

- Việc gìn giữ, bảo tồn nghệ thuật truyền thống là trách nhiệm của cả hệ thống, bao gồm cả khán giả. Bởi chính khán giả trẻ là những người phải tiếp sức cho các nghệ sĩ trẻ, để cùng hiểu và yêu những giá trị của cha ông, dành thời gian giữ giá trị ấy như một kho tàng vô giá của dân tộc.

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**(LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP)**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **3** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **50** |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 50 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***40*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **30%** | | **40%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **50%** | | | | **50%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản thông tin | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **\* Thông hiểu**:  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được nghĩa của từ trong ngữ cảnh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. | 3 TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***30*** | ***40*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **50** | | **50** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**LÒ CÒ Ô**

***Diagram

Description automatically generated***

***a. Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu:***

*- Góp phần rèn luyện khả năng ước lượng, di chuyển nhanh nhẹn, khéo léo, tính cẩn thận, tỉ mỉ... cho người chơi.*

*- Tạo không khí vui chơi sôi nổi, thư giãn, vui vẻ.*

***b. Số lượng, đội hình, địa điểm chơi:***

*- Số lượng người chơi từ 3-5 em, nếu đông chia thành nhiều nhóm.*

*- Địa điểm chơi là sân trường, sân nhà… sạch sẽ, bằng phẳng, thoáng mát.*

***c. Hướng dẫn cách chơi:***

*- Chuẩn bị chơi:*

*+ Dùng phấn vẽ các hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.*

*+ Làm “cái” trò chơi (miếng chàm) bằng một miếng nhựa đặc… nhỏ, dẹt hoặc các sợi dây điện nhỏ thắt lại với nhau vừa vặn tay cầm ném vào các ô chơi.*

*+ Vẽ đậm vạch đứng để đi “cái”, là vạch ngang ở một đầu ô chơi.*

*+ Các người chơi “oẳn tù tì” để xếp thứ tự chơi.*

*- Bắt đầu chơi:*

*Người chơi đứng vào vạch đi “cái” (ném “miếng cái” vào ô có hình vẽ hoa thị), “cái” của ai gần hoa thị nhất là được đi trước, có thể dùng gang tay hoặc đoạn que làm thước đo cho chính xác. Nếu có 2-3 “cái” cùng chạm “vòng tiêu điểm” thì phải tính cụ thể từ điểm tâm O để phân hơn thua, hoặc nếu không xác định được rõ ràng thì những người có “cái” như thế phải đi lại.*

*Sau khi phân định thứ tự xong, người chơi thực hiện các động tác chơi chủ yếu như sau:*

*Đối với kiểu ô chơi hình chữ nhật:*

*+ Đầu tiên, người chơi thảy “miếng cái” vào ô 1 sao cho “cái” không được chạm vào các vạch bốn bên là được, rồi nhảy lò cò lần lượt từ ô số 10 đến hết ô số 6 thì nghỉ bằng cả hai chân, rồi lại lò cò tiếp đến ô số 1 tìm cách lấy bàn chân đang lò cò nhảy lên đánh bạt “miếng cái” thẳng ra ngoài vạch đứng ném “cái”, xong rồi nhảy lò cò ra. Nếu không đẩy được miếng cái ra khỏi ô hoặc nhảy sang ô khác hoặc nằm trên vạch hoặc người chơi mất thăng bằng mà ngã (có tay hoặc chân đang chạm đất hoặc dẫm vạch) làm mất lượt chơi.*

*Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng ngón chân cái và ngón chân trỏ kẹp “miếng cái” nhảy hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì nhảy lò cò đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.*

*+ Thực hiện các động tác tương tự như trên với các ô số 2, 3, 4…đến 10 kể cả ô vòng bán nguyệt trên đầu ô số 5 và 6.*

*+ Đi hết ô số 10 thì được tậu ruộng: Muốn tậu ruộng, phải đứng ở chỗ có hoa thị mà không được giẫm vạch, quay lưng lại các ô, tay cầm “miếng cái” ném qua đầu để “miếng cái” rơi xuống ô nào mà không chạm các vạch trong ô thì được lấy ô đó làm ruộng, được đánh dấu X hoặc gạch vẽ gì tùy ý. Nếu ném cái cái ra ngoài các ô chơi thì mất lượt chơi lần ấy, nếu miếng cái chạm vạch thì vẫn được đi lại lần sau trong ván chơi.*

*Ruộng của ai thì người chơi ấy được nghỉ chân, khi lò cò qua đó. Nếu lần thứ hai được tậu ruộng, người chơi sẽ cố tình ném “miếng cái” sao cho vào được ô gần với ô ruộng cũ để mỗi khi lò cò qua đó chủ ruộng được nghỉ liên tiếp và lâu hơn. Còn ruộng của người khác, khi đi qua phải lò cò cắt qua mà không được ngã hoặc giẫm vạch, hoặc nếu muốn nghỉ ngơi thì phải xin phép chủ ruộng hoặc phải nộp cống chủ ruộng bằng một cái búng tai (sau nhiều lần xin nghỉ chủ ruộng sẽ tính rồi búng luôn một lần).*

*Đối với kiểu ô chơi có hình tròn xen kẽ:*

*+ Cách này với phù hợp với người chơi nhỏ tuổi, vì chỉ phải lò cò ở các ô tròn và được để hai chân ở ô hình chữ nhật. Đến ô số 8 và ô số 9 thì nhảy quay người lại, đổi chân đứng so với chân trước đó.*

*+ Khi tậu ruộng có thể đứng trên các ô số 8 và ô số 9 hoặc ở chỗ có hoa thị tùy theo thỏa thuận trước khi chơi.*

***A picture containing text, clipart

Description automatically generated***

***d. Luật chơi:***

*- Nếu người chơi thảy “miếng cái” mà trúng vào vạch trong các ô hoặc đang đẩy “miếng cái” trúng vạch hoặc nhảy sang ô khác là mất lượt chơi.*

*- Khi đang nhặt “miếng cái” hoặc tìm cách đẩy “miếng cái” ra ngoài ở bất cứ ô nào người chơi đều phải trong tư thế lò cò, chân đứng chân co. Nếu thả chân đang co xuống đất, chống tay xuống đất, bò ra đất, mất thằng bằng ngã xuống đất hoặc chạm vạch… là mất lượt chơi.*

*- Nếu đang chơi mà “miếng cái” cán mức (nằm trên vạch vẽ các ô) thì mất lượt phải đợi đến lượt sau mới được đi tiếp. Khi đến lượt chơi tiếp được tiếp tục thảy “miếng cái” vào ô của lượt chơi trước bị hỏng (ví dụ đang thảy cái đến ô thứ hai mà cái cán mức thì khi đến lượt chơi mới lại được tiếp tục thảy cái vào ô số 2 để chơi tiếp).*

*(In trong 100 trò chơi dân gian cho thiếu nhi, NXB Kim Đồng, 2014)*

**Thực hiện các yêu cầu**:

**Câu 1.** Em hãy cho biết văn bản “Lò cò ô” thuộc loại văn bản nào?

A. Văn bản biểu cảm B. Văn bản nghị luận

**C. Văn bản thông tin** D. Văn bản tự sự

**Câu 2.** Văn bản “Lò cò ô” cung cấp được những thông tin cơ bản nào?

**A. Mục đích, ý nghĩa; chuẩn bị; hướng dẫn cách chơi; luật chơi**

B. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, luật chơi

C. Nguồn gốc, chuẩn bị, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

D. Mục đích, hướng dẫn cách chơi, hình thức xử phạt

**Câu 3.** Từ **“các”** trong câu văn “Dùng phấn vẽ **các** hình ô chơi theo ý thích (kiểu ô hình chữ nhật hoặc hình tròn và chữ nhật xen kẽ), 9-11 ô tùy theo độ tuổi và khả năng người chơi.” Thuộc nhóm phó từ nào?

**A. Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ.**

B. Nhóm phó từ chuyên đi kèm sau danh từ.

C. Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau danh từ.

D. Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước hoặc sau động từ, tính từ.

**Câu 4.** Thông tin trong mục **“Hướng dẫn cách chơi”** được triển khai theo cách nào?

**A. Theo trật tự thời gian**

B. Theo quan hệ nhân quả

C. Theo mức độ quan trọng của thông tin

D. Theo trình tự không gian

**Câu 5.** Cụm từ “tậu ruộng”trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

A. Dùng tiền để mua mảnh ruộng

**B. Giành được phần thưởng trong lượt chơi**

C. Giành chiến thắng cuối cùng trong trò chơi

D. Thu hoạch nhiều sản phẩm từ mảnh ruộng

**Câu 6.** Các từ ngữ được in đậm trong đoạn trích dưới đây có tác dụng như thế nào trong việc tạo nên sự mạch lạc cho đoạn văn?

*“Đối với người chơi giỏi và có sức khỏe, đến ô số 1 vẫn lò cò nhưng dùng* ***ngón chân cái*** *và* ***ngón chân trỏ*** *kẹp “miếng cái”* ***nhảy*** *hất nó lên cao và dùng bàn tay đón bắt lấy nó. Đối với các người chơi bé nhỏ hơn thì* ***nhảy lò cò*** *đến ô số 2 rồi tìm cách cúi xuống nhặt lấy “miếng cái”.”*

A. Các từ ngữ giúp miêu tả rõ nét hoạt động của người chơi lò cò ô.

B. Các từ ngữ về chân và hoạt động của chân có tác dụng làm rõ cách chơi lò cò ô.

**C. Các từ ngữ cùng trường liên tưởng tạo nên sự liên kết (phép liên tưởng) giữa các câu văn.**

D. Các từ ngữ có sự lặp lại dùng để nhấn mạnh ý giữa các câu.

**Câu 7.** Nêu một vài ưu điểm của trò chơi *Lò cò ô* so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ.

**Câu 8.**Theo em, trò chơi dân gian ngày nay có còn quan trọng đối với trẻ em hay không? Vì sao?

**II. LÀM VĂN (5,0 điểm)**

Viết bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự vệc để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

**I. Đọc - Hiểu**

**1. Trắc nghiệm: Mỗi ý trả lời đúng 0.5 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **Câu 1** | C | 0,5 |
| **Câu 2** | A | 0,5 |
| **Câu 3** | A | 0,5 |
| **Câu 4** | A | 0,5 |
| **Câu 5** | B | 0,5 |
| **Câu 6** | C | 0,5 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **7** | HS nêu được ít nhất 02 ưu điểm của trò chơi *Lò cò ô* so với trò chơi có thể sử dụng các thiết bị công nghệ. | 1,0 |
|  | **8** | HS trả lời có hoặc không có tầm quan trọng của trò chơi dân gian, có lý giải phù hợp. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **5,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Biểu cảm về một sự việc | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề*  HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: | 3,5 |
|  | - Giới thiệu đối tượng, cảm xúc chung của người viết về đối tượng.  - Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng:  + Biểu lộ được ít nhất hai sắc thái tình cảm, cảm xúc của người viết.  + Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả để hỗ trợ việc biểu đạt tình cảm, cảm xúc.  + Kết hợp sử dụng yếu tố tự sự để hỗ trợ việc biểu đạt tình cảm, cảm xúc.  - Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng. Rút ra được điều đáng nhớ đối với bản thân. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

**Đề số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIAÓ DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  *Thời gian làm bài: 90 phút* |

**A. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngắn  và tiểu thuyết | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| 2. Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) |
| 3. Truyện khoa học viễn tưởng |
| **2** | **Viết** | 1. Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| 2. Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện ngắn  và tiểu thuyết | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được bối cảnh, nhân vật ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được: các từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, ý nghĩa, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | **3 TN** | **5TN** | **2TL** |  |
|  |  | 2. Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được số lượng dòng, chữ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
|  |  | 3. Truyện khoa học viễn tưởng | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện viễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.  - Xác định được: các từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng: các từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền, từ đối lập (trái ngược) nhau về nghĩa, biện pháp tu từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | 1. Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | **Nhận biết:** Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  **Thông hiểu:** Trình bày theo trình tự nhất định, cóbố cục, sử dụng ngôi kể phù hợp.  **Vận dụng:** bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo và cảm xúc sâu sắc | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** |
| 2. Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc | **Nhận biết:** Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc):  **Thông hiểu:** Trình bày theo trình tự nhất định, cóbố cục, biết sử dụng ngôn ngữ thể hiện cảm xúc một cách sinh động  **Vận dụng:** thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người/sự việc; nêu được vai trò của con người/ sự việc đối với bản thân.  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo và cảm xúc sâu sắc |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  | | **3 TN**  **1TL\*** | **5 TN**  **1TL\*** | **2 TL**  **1TL\*** | **1TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**C. ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **Môn: Ngữ Văn 7**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi**:

**ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN**

*Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi một bộ quần áo vừa bẩn vừa cũ, lại rộng nữa.*

*Cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: “Tại sao mình lại không được hát ? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao ?”. Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.*

*“Cháu hát hay quá !”. Một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền đứng dậy và chậm rãi bước đi.*

*Hôm sau, khi cô bé đến công viên đã thấy cụ già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước, khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô bé lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Cụ vỗ tay nói lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá !”. Nói xong cụ già lại chậm rãi một mình bước đi.*

*Cứ như vậy nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không.*

*“Cụ già ấy đã qua đời rồi. Cụ ấy điếc đã hơn 20 năm nay.” - Một người trong công viên nói với cô. Cô gái sững người. Một cụ già ngày ngày vẫn chăm chú lắng nghe và khen cô hát lại là một người không có khả năng nghe?*

*(https://truyencotich.vn/qua-tang-cuoc-song)*

**Câu 1:** Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cô bé | B. Ông cụ |
| **C. Người kể chuyện giấu mặt** | D. Người thầy giáo |

**Câu 2:** Chủ đề của văn bản trên là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Lối sống sẻ chia, giàu tình thương yêu** | B. Đức tính trung thực |
| C. Lòng biết ơn | D. Lòng hiếu thảo |

**Câu 3**: Cuối cùng trong công viên cô bé đã làm gì ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Suy nghĩ xem tại sao mình không được hát trong dàn đồng ca | **B. Cất giọng hát khe khẽ hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả** |
| C. Đi chơi với bạn | D. Ngồi trò chuyện với cụ già |

**Câu 4:** Vì sao cô bé buồn tủi khóc một mình trong công viên ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì cô không có quần áo đẹp | B. Vì cô không có ai chơi cùng |
| C. Vì cô bé bị mẹ mắng | D. Vì cô bé bị thầy giáo loại ra khỏi dàn đồng ca |

**Câu 5:** Đâu là tình tiết bất ngờ gây xúc động nhất trong câu chuyện ?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Cụ già vẫn lắng nghe và động viên cô hát lại là một người bị điếc** | B. Cô bé không được gặp lại ông cụ nữa |
| C. Cụ già đã qua đời | D. Cô bé đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng |

**Câu 6:** Nhận xét nào đúng nhất để nói về cụ già trong câu chuyện ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Là một người kiên nhẫn | B. Là một con người hiền hậu |
| **C. Là một con người nhân hậu, luôn biết quan tâm, chia sẻ, động viên người khác** | D. Là một người trung thực, nhân hậu |

**Câu 7: Nguyên nhân nào trong các nguyên nhân sau khiến cô bé trở thành một ca sĩ?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì cô bé bị loại ra khỏi dàn đồng ca | **B. Vì có lời khen, động viên của ông cụ tóc bạc trắng** |
| C. Vì cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi | D. Vì cô bé biết được ông cụ bị điếc |

**Câu 8:** Chỉ ra biện pháp tu từ đặc sắc trong câu văn: *Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.*

|  |  |
| --- | --- |
| A. So sánh | B. Hoán dụ |
| C. Nhân hóa | **D. Ẩn dụ** |

# Câu 9. Theo em, vì sao câu chuyện có tên là “Đôi tai của tâm hồn” ?

**Câu 10**. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì ?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

**----------------HẾT----------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7 (Sách Cánh Diều)**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |  |
| **1** | **C** | **0,5** |
| **2** | **A** | **0,5** |
| **3** | **B** | **0,5** |
| **4** | **D** | **0,5** |
| **5** | **A** | **0,5** |
| **6** | **C** | **0,5** |
| **7** | **B** | **0,5** |
| **8** | **D** | **0,5** |
| **9** | **- Xuất phát từ điều bất ngờ trong câu chuyện: Cụ già trong công viên đã khen ngợi, cổ vũ cho cô gái hát lại là người điếc. Cụ không thể nghe được bằng tai nhưng lại nghe bằng chính tâm hồn.**  **- Nhờ trái tim yêu thương, tấm lòng nhân hậu mà ông cụ đã giúp cô bé có suy nghĩ tích cực, đạt được thành công.** | **1,0** |
| **10** | - Thông điệp truyền tải qua đoạn trích:  + Đừng nhìn vẻ bề ngoài mà đánh giá năng lực thật sự của họ  + Hãy trao đi yêu thương, động viên, khích lệ, ta sẽ giúp ai đó tự tin hơn, thậm chí khiến cuộc đời họ thay đổi  + Phải luôn nỗ lực, rèn luyện chăm chỉ, tin vào bản thân thì mới có thể đạt được thành công .......  - Chọn thông điệp tâm đắc nhất và giải thích lí do: có thể chọn một trong ba thông điệp trên hoặc lựa chọn một thông điệp khác mà bạn thấy được qua đoạn trích trên. | **1,0** |

**II. PHẦN VIẾT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ** | | | | |
| **Mức 5 (Xuất sắc)** | **Mức 4 (Giỏi)** | **Mức 3 (Khá)** | **Mức 2 (Trung bình)** | **Mức 1 (Yếu)** |
| **Chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử** **để kể** | Lựa chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử sâu sắc | Lựa chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử có ý nghĩa | Lựa chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử để kể | Lựa chọn được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử để kể nhưng chưa rõ ràng | Chưa có sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử để kể |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Nội dung của sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử** | Nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử phong phú, hấp dẫn, sự kiện, chi tiết rõ ràng, thuyết phục. | Nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử phong phú; các sự kiện chi tiết, rõ ràng. | Nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử tương đối đầy đủ; sự kiện, chi tiết khá rõ ràng. | Nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử còn sơ sài; các sự kiện, chi tiết chưa rõ ràng, hay vụn vặt. | Chưa rõ nội dung sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử viết tản mạn, vụn vặt; chưa có sự kiện hay chi tiết rõ ràng, cụ thể. |
| **1,25 điểm** | 1,25đ | 1đ | 0,75đ | 0,5đ | 0,25đ |
| **Bố cục, tính liên kết của văn bản** | Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục. | Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic. | Trình bày được bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn: Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt. | Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử để kể** | Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể một cách thuyết phục bằng các từ ngữ phong phú, sinh động. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể bằng các từ ngữ phong phú, phù hợp. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể bằng một số từ ngữ rõ ràng. | Thể hiện cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể bằng một số từ ngữ chưa rõ ràng. | Chưa thể hiệnđược cảm xúc trước sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể. |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Thống nhất về ngôi kể** | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. Từ ngữ dùng hợp lí, logic | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán ngôi thứ ba trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất ngôi thứ ba nhưng đôi chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất ngôi thứ ba nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện. | Chưa biết dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất ngôi thứ ba |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0đ |
| **Diễn đạt** | Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp | Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ | Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng. | Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt. | Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt |
| **0,5 điểm** | 0,5đ | 0,4đ | 0,3đ | 0,2đ | 0,1đ |
| **Trình bày** | Trình bày đúng quy cách VB; sạch đẹp, không gạch xoá | Trình bày đúng quy cách VB; rõ ràng, không gạch xoá. | Trình bày đúng quy cách VB; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xoá. | Trình bày quy cách VB còn đôi chỗ sai sót; chữ viết khoa học, có một vài chỗ gạch xoá. | Chưa trình bày đúng quy cách của VB; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xoá |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,15đ | 0,1đ | 0đ |
| **Sáng tạo** | Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách cách diễn đạt sáng tạo. | Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo. |
| **0,25 điểm** | 0,25đ | 0,2đ | 0,1đ | 0đ | 0đ |

**Đề số 3:**

**MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được từ láy, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. | 3 TN | 5TN | 1TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận | Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. Nêu được vấn đề và suy nghĩ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **1 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**GIÁ TRỊ CỦA HÒN ĐÁ**

*Có một học trò hỏi thầy mình rằng:*

*- Thưa thầy, giá trị của cuộc sống là gì ạ?*

*Người thầy lấy một hòn đá trao cho người học trò và dặn:*

*- Con đem hòn đá này ra chợ nhưng không được bán nó đi, chỉ cần để ý xem người ta trả giá bao nhiêu.*

*Vâng lời thầy, người học trò mang hòn đá ra chợ bán. Mọi người không hiểu tại sao anh lại bán một hòn đá xấu xí như vậy.* *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng. Người học trò mang hòn đá về và than thở:*

*- Hòn đá xấu xí này chẳng ai thèm mua. Cũng may có ngườihỏi mua với giá một đồng thầyạ.  
Người thầy mỉm cười và nói:*

*- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào tiệm vàng và bán cho chủ tiệm, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán.  
Người học trò rất bất ngờ khi chủ tiệm vàng trả giá hòn đá là 500 đồng. Anh háo hức hỏi thầy tại sao lại như vậy. Người thầy cười và nói:*

*- Ngày mai con hãy đem nó đến chỗ bán đồ cổ. Nhưng tuyệt đối đừng bán nó, chỉ hỏi giá mà thôi.*

*Làm theo lời thầy dặn, sau một hồi xem xét thì anh vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Anh vẫn nhất quyết không bán và vội về kể lại với thầy. Lúc này người thầy mới chậm rãi nói:*

*- Hòn đá thực chất chính là một khối ngọc cổ quý giá, đáng cả một gia tài, và giá trị cuộc sống cũng giống như hòn đá kia, có người hiểu và có người không hiểu. Với người không hiểu và không thể cảm nhận thì giá trị cuộc sống chẳng đáng một xu, còn với người hiểu thì nó đáng giá cả một gia tài. Hòn đá vẫn vậy, cuộc sống vẫn thế, điều duy nhất tạo nên sự khác biệt là sự hiểu biết của con và cách con nhìn nhận cuộc sống.*

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

A. Biểu cảm B. Miêu tả

C. Tự sự D. Nghị luận

**Câu 2**. Chủ đề của văn bản trên là:

A. Giá trị cuộc sống B. Lòng biết ơn

C. Đức tính trung thực D. Lòng hiếu thảo

**Câu 3.**Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

A. Người học trò B. Người kể chuyện

C. Hòn đá D. Người thầy

**Câu 4**. Vì sao người thầy trong câu chuyện lại yêu cầu học trò của mình mang hòn đá xấu xí đi hỏi giá mà lại không bán?

A. Để người học trò hiểu được giá trị to lớn của hòn đá.

B. Để người học trò biết được hòn đá là một viên ngọc quý, tuyệt đối không được bán.

C. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá. Tuy bề ngoài xấu xí nhưng thực chất nó là một khối ngọc quý đáng giá cả một gia tài.

D. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá thông qua cách định giá của những người hiểu và không hiểu về nó, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận về cuộc sống.

**Câu 5**. Những từ nào sau đây là từ láy bộ phận?

A. Xem xét, nhìn nhận, xấu xí

B. Than thở, xem xét, háo hức

C. Háo hức, xem xét, nhìn nhận

D. Xấu xí, than thở, háo hức

**Câu 6**. Chi tiết tiêu biểu trong văn bản trên là:

A. Hòn đá B. Người học trò

C. Người thầy D. Chủ tiệm đồ cổ

**Câu 7**. Cụm từ *ngồi cả ngày* trong câu văn: *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng*là thành phần mở rộng câu bởi?

A.Trạng ngữ B. Cụm danh từ

C. Cụm động từ D.Cụm tính từ

**Câu 8**. Tác dụng của điệp từ *bán*, *mua* trong văn bản trên có tác dụng gì?

A. Thể hiện công việc mà người học trò phải làm theo lời dặn của thầy, qua đó phê phán sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong cách sống, cách làm việc của cậu học trò.

B. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận cuộc sống.

C. Thể hiện sự thiếu chủ động, tích cực của người học trò trong học tập và cuộc sống.

D. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy, qua đó nhấn mạnh giá trị của hòn đá.

**Câu 9**. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy trình bày ý kiến về việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19?

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA**

**HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | HS viết đoạn văn 8-10 dòng nêu được cụ thể thông điệp, lí do chọn thông điệp.  HS có thể lựa chọn những thông điệp sau:  - Mỗi người có một cách “định giá” khác nhau về thành công hay hạnh phúc. Hãy tôn trọng sự lựa chọn của mỗi người và làm cho đời mình trở nên giá trị theo cách của mình. Chỉ có bạn mới quyết đinh được cuộc sống của bạn.  - Hãy trân trọng những gì mình đang có bởi cuộc sống tốt đẹp hay không là do cách bạn suy nghĩ và cảm nhận. | 2,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4,0** |
| **a. Hình thức:**Viết đúng hình thức bài văn nghị luận, đủ bố cục 3 phần, trình bày sạch đẹp, khoa học, diễn đạt lưu loát. | 0,5 |
| **b. Nội dung:**  **\* Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  **\* Thân bài:** Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự hợp lí.  HS có thể trình bày những ý kiến sau:  - Ý kiến 1: Tình hình dịch bệnh Covid 19 hiện nay và việc thực hiện 5K của người dân.  + Lí lẽ 1.1: Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp  Dẫn chứng: (….)  + Lí lẽ 1.2: Thực trạng về việc thực hiện 5K của người dân: Giải thích 5K là gì.  Dẫn chứng (…)  - Ý kiến 2: Tác dụng của việc thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Thực hiện tốt 5K sẽ giúp phòng tránh dịch bệnh cho bản thân và những người xung quanh.  + Dẫn chứng:  Phòng tránh dịch bệnh cho bản thân:  Phòng tránh dịch bệnh cho những người xung quanh:  - Ý kiến 3: Tác hại của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: gây ra tình trạng dịch bệnh lây lan cho bản thân và những người xung quanh => tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường,…  + Dẫn chứng:  - Ý kiến 4: Nguyên nhân của việc không thực hiện tốt 5K  + Lí lẽ: Ý thức của mỗi người chưa tốt khi thực hiện theo khuyến cáo của Bộ y tế.  + Dẫn chứng:  => Bày tỏ suy nghĩ của bản thân.  **\* Kết bài:**  - Khẳng định lại tầm quan trọng của việc thực hiện tốt 5K trong thời đại dịch Covid 19.  - Liên hệ bản thân. | 0,5  2,5  0,5 |

**Đề số 4:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ 5 chữ/4 chữ, truyện ngắn. | **5** | **0** | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***2.5*** | ***0.5*** | ***1.5*** | ***1.5*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ 5 chữ | **\* Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm cơ bản của một bài thơ qua : thể thơ, gieovần,hình ảnh,điểm nhìn miêu tả được sử dụng trong thơ.  -Nhận biếtđược công dụng của dấu chấm lửng…  **\* Thông hiểu**:  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện trong bài thơ.  - Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các thành phần của câu (thành phần câu được mở rộng)  **\* Vận dụng:**  **-** Thể hiện được ý kiến, cảm thụ riêng của mình về một hình ảnh thơ trong bài thơ.  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc, liên hệ với thực tế và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. | 5 TN | 3TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:**Nhận biết được yêu cầu của kiểu bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học  **Thông hiểu:** Viết đúng về kiểu bài, về nội dung,bố cục rõ ràng, mạch lạc.  **Vận dụng:** phân tích được các đặc điểm của nhân vật trong một tác phẩm văn học**,** ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ những đặc điểm cơ bản của nhân vật cần phân tích.  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **5 TN** | **3TN** | **2TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***35*** | ***25*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**TRĂNG ƠI… TỪ ĐÂU ĐẾN?**

**Trần Đăng Khoa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ cánh rừng xa*  *Trăng hồng như quả chín*  *Lửng lơ lên trước nhà*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay biển xanh diệu kì*  *Trăng tròn như mắt cá*  *Chẳng bao giờ chớp mi* | *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ một sân chơi*  *Trăng bay như quả bóng*  *Bạn nào đá lên trời*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ lời mẹ ru*  *Thương Cuội không được học*  *Hú gọi trâu đến giờ* | *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Hay từ đường hành quân*  *Trăng soi chú bộ đội*  *Và soi vàng góc sân*  *Trăng ơi… từ đâu đến?*  *Trăng đi khắp mọi miền*  *Trăng ơi có nơi nào*  *Sáng hơn đất nước em…* |

*(1968 Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hóa dân tộc)*

**Trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Bài thơ “Trăng ơi… từ đâu đến?” được viết theo thể thơ nào?

A. Tự do. B. Lục bát. C. Bốn chữ. **D. Năm chữ.**

**Câu 2**. Bài thơ có cách gieo vần như thế nào?

A.Gieo vần lưng. **B.Gieo vần chân.**

C. Gieo vần lưng kết hợp vần chân. C. Gieo vần linh hoạt.

**Câu 3.** Ở khổ thơ thứ nhất, trăng được so sánh với hình ảnh nào?

**A. Quả chín.**

B. Mắt cá.

C. Quả bóng.

D. Cánh rừng xa.

**Câu 4.** Từ “Lửng lơ” thuộc loại từ nào?

A**.** Từ ghép.

**B. Từ láy.**

C. Từ đồng nghĩa.

D. Từ trái nghĩa.

**Câu 5.** Hình ảnh vầng trăng gắn liền với các sự vật (quả chín, mắt cá, quả bóng…) cho em biết vầng trăng được nhìn dưới con mắt của ai?

A. Bà nội.

B. Người mẹ.

C. Cô giáo.

**D. Trẻ thơ.**

**Câu 6.** Tác dụng *chủ yếu* của phép tu từ so sánh được sử dụng trong câu thơ: “Trăng bay như quả bóng” là gì ?

A. Làm cho sự vật trở nên gần gũi với con người.

**B. Nhấn mạnh, làm nổi bật đối tượng được nói đến trong câu thơ.**

C. Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

D. Làm cho câu thơ giàu nhịp điệu, có hồn.

**Câu 7.** Theo em, dấu chấm lửng trong câu thơ“Trăng ơi… từ đâu đến?” có công dụng gì ?

A. Tỏ ý còn nhiều sự vật hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, hay ngập ngừng, ngắt quãng.

C. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước, châm biếm.

**D. Làm giãn nhịp câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.**

**Câu 8.** Bài thơ“Trăng ơi… từ đâu đến?” thể hiện tình cảm gì của nhân vật trữ tình ?

A. Nhân vật trữ tình yêu trăng theo cách độc đáo.

B. Trăng ở quê hương của nhân vật trữ tình là đẹp nhất.

**C. Yêu mến trăng, từ đó bộc lộ niềm tự hào về đất nước của nhân vật trữ tình.**

D. Ánh trăng ở quê hương nhân vật trữ tình đặc biệt, không giống ở nơi khác.

**Câu 9.** Em hiểu như thế nào về câu thơ(trình bày bằng đoạn văn từ 3 đến 5 câu) :

*“Trăng ơi có nơi nào.*

*Sáng hơn đất nước em…”?*

**Câu 10.** Từ tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ, hãy bộc lộ tình cảm của em với quê hương, đất nước (trình bày bằng đoạn văn từ 5 đến 7 câu).

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | D | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | HS có thể nêu cách hiểu khác nhau theo quan điểm của cá nhân, nhưng cần đảm bảo ý: Qua hình ảnh trăng, nhân vật tin rằng trăng trên đất nước mình là đẹp nhất. Nhân vật trữ tình tự hào về hình ảnh ánh trăng sáng lung linh cùng những cảnh vật tuyệt đẹp, những con người bình dị, gần gũi của đất nước mình. | 1,0 |
| **10** | HS nêu được những tình cảm mà mình cảm nhận được từ bài thơ. Yêu cầu  - Đảm bảo thể thức yêu cầu.  - Đảm bảo nội dung theo yêu cầu | 1,0  *0,25*  *0,75* |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo bố cục bài văn nghị luận gồm 3 phần MB, TB, KB.* | 0.25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*  Nghị luận về nhân vật văn học yêu thích. | 0.25 |
|  | *c. Phân tích đặc điểm nhân vật văn học yêu thích*  Học sinh có thể chọn một nhân vật văn học mình yêu thích nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Mở bài:**  - Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật phân tích.  - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  **\* Thân bài:**  - Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ các đặc điểm của nhân vật dựa trên các chi tiết trong tác phẩm.  + Lai lịch: nhân vật đó xuất hiện như thế nào?  + Ngoại hình  + Hành động và việc làm của nhân vật.  + Ngôn ngữ của nhân vật.  + Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.  + Mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác.  => Nhận xét, đánh giá về nhân vật (suy nghĩ, cảm xúc,…về các đặc điểm của nhân vật đã phân tích)  - Nhận xét đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.  **\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật  - Nêu đánh giá khái quát về nhân vật  - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa của nhân vật với đời sống. Rút ra bài học, liên hệ. | 3.0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.25 |
|  | *d e. Sáng tạo*  Có những liên hệ hợp lí; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |
|  |  |  |

**Đề số 5**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ (4 chữ, 5 chữ) |
| **2** | **Viết** | Viết bài vănphân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | **1\*** | **1\*** | **1\*** | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**CỦ KHOAI NƯỚNG**

*Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.*

*Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.*

*Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.*

*Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.*

*- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.*

*Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:*

*- Tôi chỉ xin lửa thôi...*

*Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.*

*- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!*

*Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.*

*Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?*

(Theo truyện ngắn Tạ Duy Anh)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông B. Chớm hè

C. Cuối xuân D. Đầu thu

**Câu 2.**Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh B. Ông lão ăn mày

C. Một người khác không xuất hiện trong truyện D. Cậu bé ăn mày

**Câu 3**. Đâu là thành phần trạng ngữ trong câu *“Sau trận mưa rào vòm trời được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn.”?*

A. Sau trận mưa rào B. Vòm trời

C. Rửa sạch D. Xanh và cao hơn

**Câu 4**. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết D. Lòng yêu thương con người

**Câu 5**. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *“cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

**Câu 6**. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *“Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này.”?*

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nói qúa D. Nói giảm nói tránh

**Câu 7**. Từ “*lật đật*” trong câu *“Ông lão lật đật đứng dậy.”* miêu tả hành động như thế nào?

A. Chậm dãi, thong thả B. Mạnh mẽ, dứt khoát

C. Nhẹ nhàng, khoan khoái D. Vội vã, tất tưởi

**Câu 8.** Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng B. Coi thường

C. Biết ơn D. Khinh bỉ

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

**Câu 10**. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi sau khi làm được một việc tốt.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị.Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
| **9** | - Nêu được cách cư xử của Mạnh: Cảm thông, chia sẻ và tôn trọng  - Đưa ra cách cư xử của mình và lí do của cách cư xử ấy | 1,0 |
| **10** | - Nêu việc tốt mà em đã làm  - Ghi ngắn gọn tâm trạng sau việc làm ấy | 1,0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục. | 0,5 |

**Đề số 6:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn. | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ (Thơ 4 chữ, 5 chữ) |
| Tùy bút, tản văn |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (Yêu cầu tác phẩm ngoài sách giáo khoa) | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |
| Tùy bút, tản văn | **Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn. |  |  |  |  |
| **2.** | **Viết** | Viết văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn biểu cảm (về con người hoặc sự việc): thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết với con người / sự việc; nêu được vai trò của con người / sự việc đối với bản thân. |
| **Tổng** | |  | | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Chót trên cành cao vót Mấy quả sấu con con Như mấy chiếc khuy lục Trên áo trời xanh non.*  *Trời rộng lớn muôn trùng Đóng khung vào cửa sổ Làm mấy quả sấu tơ Càng nhỏ xinh hơn nữa.*  *Trái con chưa đủ nặng Để đeo oằn nhánh cong. Nhánh hãy giơ lên thẳng Trông ngây thơ lạ lùng.*  *Cứ như thế trên trời Giữa vô biên sáng*[*nắng*](https://ocuaso.com/tag/nang) *Mấy chú quả sấu non Giỡn cả cùng mây trắng*  *Mấy hôm trước còn hoa Mới thơm đây ngào ngạt, Thoáng như một nghi ngờ, Trái đã liền có thật.*  *Ôi! từ không đến có Xảy ra như thế nào? Nay má hây hây gió Trên lá xanh rào rào.*  *Một ngày một lớn hơn Nấn từng vòng nhựa một Một sắc nhựa chua giòn Ôm đọng tròn quanh hột…*  *Trái non như thách thức Trăm thứ giặc, thứ sâu, Thách kẻ thù sự sống Phá đời không dễ đâu!*  *Chao! cái quả sâu non Chưa ăn mà đã giòn, Nó lớn như trời vậy, Và sẽ thành ngọt ngon.* |  |
|  | *(Trích trong t*ập“[*Tôi giàu đôi mắt” (1970)*](https://ocuaso.com/tag/tap-toi-giau-doi-mat-1970-xuan-dieu), trong “Những tác phẩm thơ tiêu biểu và nổi tiếng”, *Xuân Diệu)* | |

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Bảy chữ D. Tám chữ

**Câu 2:** Trong bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh B. Nhân hóa và So sánh

C. Nhân hóa và Ẩn dụ D. So sánh, Nhân hóa, Ẩn dụ.

**Câu 3:** Trong bốn khổ thơ đầu, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

A. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đũa giỡn cùng mây trắng.

B. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ.

C. Những quả sâu non nhí nhảnh.

D. Những quả sâu non như chiếc khuy lục.

**Câu 4:** Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ *“Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

A. Vì chúng ở trên cao.

B. Vì chúng là những quả sấu non.

C. Vì chúng chưa lớn.

D. Vì chúng là “*khuy lục”* của áo trời mà trời thì rộng lớn.

**Câu 5:** Em hiểu từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

A. Vui B. Đùa C. Chơi D. Nghịch

**Câu 6:** Cảm xúc của tác giả về sự sinh thành từ hoa đến trái của quả sấu là cảm xúc gì?

A. Vui sướng B. Bất ngờ

C. Ngạc nhiên và thích thú D. Phấn khởi

**Câu 7:** Khi gọi tên quả sấu bằng những tên khác nhau “*quả sấu con con*”, “*quả sấu tơ”*, “*trái con”, “mấy chú quả sấu con*” tác giả muốn thể hiện dụng ý gì?

A. Thể hiện những quả sấu còn non, nhỏ bé, xinh xắn, ngây thơ, vui nhộn.

B. Thể hiện sự gần gũi.

C. Thể hiện sự vui đùa.

D. Thể hiện thân thiết.

**Câu 8:** Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

A.Miêu tả quả sấu non trên cao.

B. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.

C. Miêu tả sức sống kì diệu của quả sấu.

D. Miêu tả quả sấu non và sức sống kì diệu, mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho người đọc hiểu được sức sống mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trước kẻ thù xâm lược.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau và cho biêt tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

*Trái non như thách thức  
Trăm thứ giặc, thứ sâu,  
Thách kẻ thù sự sống  
Phá đời không dễ đâu!*

**Câu 10:** Qua bài thơ, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Phát biểu cảm nghĩ về một người thân của em.

**Đề số 8:**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - Xác định được biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ:  **+** So sánh:Trái non như thách thức  + Nhân hóa: Thách thức  + Ẩn dụ: Trăm thứ giặc thứ sâu - chỉ kẻ thù xâm lược  - Tác dụng: Quả sâu non không sợ loài giặc loài sâu nào cứ lên, cứ trở thành ngon ngọt. Đó là sức sống kì diệu mạnh mẽ của nó. Qua đó, tác giả cho ta hiểu một chân lí lớn lao: không một loài sâu bọ, không một thứ giặc nào có thể hủy diệt hay chiến thắng sự sống. Mọi cuộc bắn phá ném bom rồi cũng sẽ thất bại, không thể phá được cuộc sống vĩ đại của dân tộc Việt Nam. | 1,0 |
| 10 | -HS nêu được lời nhắn nhủ mà tác giả muốn gửi tới người đọc:  *Qua hình ảnh quả sấu non, nhà thơ muốn giáo dục lòng yêu thiên nhiên say mê, khám phá những bí ẩn của tự nhiên xung quanh và lòng tự hào về cuộc sống dân tộc.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:*  Mở bài nêu được đối tượng biểu cảm là người thân trong gia đình và ấn tượng ban đầu về người đó. Thân bài nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người thân ấy để lại ấn tượng sâu đậm trong em. Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người thân đó. Kết bài khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người thân đó. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Cảm nghĩ về một người thân. | 0,25 |
|  | *c. Cảm nghĩ về người thân*.  \* Giới thiệu được người thân và tình cảm với người đó.  \* Biểu cảm về người thân:  - Nét nổi bật về ngoại hình.  - Vai trò của người thân và mối quan hệ đối với người xung quanh.  \* Kỉ niệm đáng nhớ nhất giữa em và người thân, biểu cảm về người đó.  \* Tình cảm của em với người thân. | 2.5 |
|  | - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình . |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về đối tượng biểu cảm. | 0,5 |

**Đề số 7:**

**A. MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện và tiểu thuyết | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| 2. Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ, tám chữ, …) |
| **2** | **Viết** | 1. Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| 2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ |
| 3. Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện  và tiểu thuyết | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được nhân vật, tính cách nhân vật trong truyện; ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn và tiểu thuyết.  - Xác định được: mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; từ láy; biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh, điệp ngữ; so sánh, nhân hóa,… nghĩa của từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, ý nghĩa, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; từ láy; biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh, điệp ngữ; so sánh, nhân hóa,… nghĩa của từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. |  |  |  |  |
|  |  | 2. Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ, tám chữ,…) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được số lượng dòng, chữ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; từ láy; biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh, điệp ngữ; so sánh, nhân hóa,… nghĩa của từ, phó từ, số từ  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ; từ láy; biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh, điệp ngữ; so sánh, nhân hóa,… nghĩa của từ, phó từ, số từ  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | **3 TN** | **5TN** | **2TL** |  |
| **2** | **Viết** | 1. Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài | **Nhận biết:** Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài  **Thông hiểu:** Bài viết phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc; trình bày được ý chính những điểm quan trọng của văn bản gốc  **Vận dụng:** Biết sử dụng từ ngữ quan trọng của văn bản gốc, biết sắp xếp các ý chính theo một thứ tự hợp lí, vận dụng sáng tạo ngôn ngữ  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo có cảm xúc sâu sắc | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** | **1TL\*** |
| 2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ | **Nhận biết:** Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ  **Thông hiểu:** Trình bày theo trình tự nhất định, cóbố cục, biết sử dụng ngôn ngữ:  **Vận dụng:** Thể hiện được thái độ, tình cảm của người viết về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ trong việc tạo nên nét đặc săc của bài thơ  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo có cảm xúc sâu sắc |  |  |  |  |
| 3. Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:** Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học  **Thông hiểu:** Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.  **Vận dụng:** Biết sử dụng phương pháp lập luận, lí lẽ, dẫn chứng để phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật  **Vận dụng cao:** Có sáng tạo có cảm xúc sâu sắc |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  | | **3 TN**  **1TL\*** | **5 TN**  **1TL\*** | **2 TL**  **1TL\*** | **1TL\*** |
| ***Tỉ lệ %*** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

|  |
| --- |
| *Tôi vốn là chiếc hạt*  *Mẹ Thiên Nhiên nuôi tôi*  *Giờ thành cây rợp lá*  *Hai mươi ba tuổi rồi.*  *Nhìn đây tán tôi rộng*  *Che cho trẻ vui chơi*  *Thú có thể đến nghỉ*  *Che bóng cho cả người.*  *Vậy tôi cũng lao động*  *Xin hãy để tôi sống.*  *(Hãy để tôi sống - Ann Taylo)* |

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Bảy chữ D. Tám chữ

**Câu 2:** Câu thơ “Mẹ Thiên Nhiên nuôi tôi” có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nhân hóa và so sánh D. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ

**Câu 3:** Bài thơ được chia làm mấy phần?

A. Ba phần. B.Hai phần.

C. Bốn phần. D. Không ý nào đúng.

**Câu 4:** Trong khổ thơ đầu, nhà thơ nói về điều gì?

A. Quá trình sinh trưởng của cây.

B. Sự gắn bó của cây với con người.

C. Lời nhắn nhủ thiết tha của cây.

D. Cả ba ý trên.

**Câu 5:** Em hiểu từ “tuổi” trong câu thơ “Hai mươi ba tuổi rồi”,có nghĩa là gì?

A. Tháng B. Ngày C. Tuần D. Năm

**Câu 6:** Xác định số từ trong câu thơ sau?

A. Hai mươi ba B. Tuổi C. Rồi D.Không có số từ

**Câu 7:** Khi tác giả gọi thiên nhiên là **Mẹ Thiên Nhiên**,tác giả muốn thể hiện điều gì?

A. Thể hiện tình cảm yêu quí thiên nhiên B. Coi thiên nhiên như bạn

C. Thể hiện tình cảm nâng niu trân trọng D. Không được tàn phá thiên nhiên

**Câu 8:** Nhận xét nào nói đúng nhất về nội dung bài thơ ?

A. Miêu tả thiên nhiên B. Kể về thiên nhiên

C. Miêu tả sự kì diệu của thiên nhiên

D.Nói về quá trình sinh trưởng của cây và kể về sự gắn bó, tầm quan trọng của cây xanh trong cuộc sống con người.Đồng thời gửi lời nhắn nhủ thiết tha coi thiên nhiên như con người và biết giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Em hiểu gì về lời nhắn nhủ của cây qua khổ thơ :

Vậy tôi cũng lao động

Xin hãy để tôi sống

**Câu 10 :** Qua bài thơ, tác giả muốn gửi tới người đọc thông điệp gì ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong các bài học, em đã được làm quen với nhiều nhân vật văn học thú vị.Hãy viết một bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | 1 | B | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | A | 0,5 |
| 7 | C | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | **\* Lời nhắn nhủ**: Thiên nhiên cũng giống như con người .Sự tồn tại của thiên nhiên,cỏ cây hoa lácó vai trò và lợi ích to lớn.Thiên nhiên sinh trưởng và phát triển cũng chính là thiên nhiên lao động để làm đẹp cho môi trường và bảo vệ con người.  **\*Lưu ý**: Hs có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đảm bảo được cơ bản ý trên vẫn cho điểm tối đa. | 1,0 |
| 10 | ***Thông điệp****:* Thiên nhiên vô tri vô giác nhưng vẫn cần sự sống.Hãy chung tay bảo vệ thiên nhiên, đừng tàn phá thiên nhiên.Bởi tàn phá thiên nhiên là tàn phá cuộc sống của chính mình.  **\*Lưu ý**: Hs có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đảm bảo được cơ bản ý trên vẫn cho điểm tối đa. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  *Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.* | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề.  Phân tích đặc điểm của một nhân vật văn học mà em yêu thích. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  *HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:* | 2.5 |
|  | - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học và nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.  - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  - Nhận xét được về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | e. Sáng tạo: Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc của bản thân về đặc điểm nhân vật; bố cục mạch lạc, lời văn thuyết phục. | 0,5 |

**Đề số 8:**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**